Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHƠN TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI THEO TÊN KINH P

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP 9

1 PANCALACANDA - Tăng IV, 213 14

2 PANKADHÀ - Tăng I, 429 19

3 PHAGGUNA - Tăng III, 163 24

4 PHI DIỆU PHÁP - Tăng III, 482 30

5 PHI PHÁP - Tăng I, 39 31

6 PHI PHÁP - Tăng I, 41 33

7 PHI PHÁP - Tăng I, 695 35

8 PHI PHÁP - Tăng IV, 542 39

9 PHI PHÁP - Tăng IV, 546 41

10 PHI PHÁP 1 - Tăng I, 36 49

11 PHI THÁNH NGÔN - Tăng III, 695 52

12 PHÁ HÒA HỢP TĂNG - Tăng IV, 339 53

13 PHÁP - Tăng I, 194 55

14 PHÁP CHƯA KHỞI - Tăng IV, 564 58

15 PHÁP CÓ QUẢ LỚN - Tăng IV, 565.....59

16 PHÁP CÚ - Tăng I, 604.....60

17 PHÁP HÀNH - 45 Trung I, 669.....61

18 PHÁP HÀNH - 46 Trung I, 679.....70

19 PHÁP LƯỢC THUYẾT - Tăng III, 683 85

20 PHÁP MÔN CĂN BỔN - 1 Trung I, 9 90

21 PHÁP MÔN QUANH CO - Tăng IV, 613...101

22 PHÁP TRANG NGHIÊM - 89 Trung II, 613 107

23 PHÁP TRÍ - Tăng III, 436 120

24 PHÁP TÓM TẮT - Tăng III, 660.....128

25 PHÁP TỐI THƯỢNG - Tăng III, 246 130

26 PHÁP VÀ PHI PHÁP 1 - Tăng IV, 580.....131

27 PHÂN BIỆT CÚNG DƯỜNG - 142 Trung III, 569.....135

28 PHÂN BIỆT SÁU XỨ - 137 Trung III, 499 148

29 PHÂN BIỆT VỀ SỰ THẬT - 141 Trung III, 559 162

30 PHÂN TÍCH - Tăng II, 121 171
31 PHÓNG DẬT - Tăng I, 33 173
32 PHÙ-DI - 126 Trung III, 353 176
33 PHÚNG TỤNG - 33 Trường II, 567 188
34 PHƯƠNG QUẢNG - 43 Trung I, 639 309
35 PHƯƠNG QUẢNG - 44 Trung I, 655 325
36 PHƯỚC SỰ NGHIỆP - Tăng III, 614.....339
37 PHƯỚC ĐIỀN - Tăng II, 387.....346
38 PHẠM HẠNH - Tăng I, 597 349
39 PHẠM HẠNH - Tăng II, 748.....351
40 PHẠM THIÊN CẦU THỈNH - 49 Trung I, 713 352
41 PHẠM THIÊN TRÚ - Tăng IV, 627.....366
42 PHẠM TỘI 1 - Tăng II, 273.....370
43 PHẠM TỘI 2 - Tăng II, 275.....373
44 PHẠM VÕNG - 1 Trường I, 11 378
45 PHẢN ĐỐI - Tăng IV, 56 456

46 PHẨM CÁC PHÁP - Tăng I, 154 458
47 PHẨM HỘI CHÚNG - Tăng I, 133 459
48 PHẨM LẠC - Tăng I, 150.....473
49 PHẨM NGƯỜI - Tăng I, 144.....475
50 PHẨM NGƯỜI NGU - Tăng I, 114.....481
51 PHẨM PHI PHÁP 1 - Tăng I, 36 486
52 PHẨM PHÓNG DẬT - Tăng I, 33.....489
53 PHẨM PHẪN NỘ - Tăng I, 172 492
54 PHẨM THIỀN ĐỊNH - Tăng I, 88.....497
55 PHẨM THỨ MƯỜI BẢY - Tăng I, 177.....503
56 PHẨM TƯỚNG - Tăng I, 152 506
57 PHẪN NỘ - Tăng I, 172.....508
58 PHẪN NỘ 1 - Tăng I, 638.....513
59 POTALIYA - Tăng I, 742 515
60 POTALIYA - 54 Trung II, 51 520
61 POTTHAPADA - 9 Trường I, 311.....540
62 PUNNIYA - Tăng IV, 445 579

63 Paccanìka - Tương I, 393.....582

64 Pancasikha - KINH ĐẠI ĐIỂN TÔN - 19 Trường II, 81.....584

65 Pancàlacanda - Tương I, 111 633

66 Parinibhàna BÁT NIẾT BÀN - Tương I, 346 634

67 Phi Như Lý - Tương V, 134 638

68 Phi Thời - Tương V, 180 640

69 Phi Thời - Tương V, 679 644

70 Phi Tưởng - Tương IV, 427.....646

71 Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ - Tương III, 386 648

72 Phi Đạo - Tương I, 86.....650

73 Phiến Đá - Tương I, 245 651

74 Phiền luỵ - Kinh HỆ LỤY - Tăng III, 352 ...654

75 Pháp - Tương II, 418.....658

76 Pháp Bất Thiện - Tương V, 34 659

77 Pháp Môn - Tương V, 173.....660

78 Phân Biệt - Tương II, 11 668
79 Phân Biệt - Tương V, 285.....673
80 Phân Biệt - Tương V, 307.....675
81 Phân Bò - Tương III, 257 677
82 Phân Tích - Tương V, 19 683
83 Phân Tích - Tương V, 308 687
84 Phân Tích - Tương V, 425 690
85 Phân Tích 1 - Tương V, 328 696
86 Phân Tích 2 - Tương V, 330 701
87 Phân Tích 3 - Tương V, 330 702
88 Phóng Dật - Tương I, 322 705
89 Phương Đông 1 - Tương V, 61 709
90 Phạm Hạnh 1 - Tương V, 46 710
91 Phạm Thiên - Tương I, 309 712
92 Phạm Thiên - Tương V, 261 717
93 Phạm Thiên - Tương V, 361 720
94 Phạm Thiên Baka - Tương I, 313 723

95 Phải Gọi Là Gì - Tương IV, 312 728

96 Phải Thời - Tương V, 181 734

97 Phần - Tương V, 587 738

98 Phẩm Sông Hằng Rộng Thuyết - Tương V, 377 739

99 Phẩm Tầm Cầu - Tương V, 380 742

100 Phẩm Việc Làm Cần Sức Mạnh - Tương V, 379 743

101 Phẫn Nộ - Tương IV, 387 745

102 Phật hay AlaHán - Tương V, 397 748

103 Phỉ Báng - Tương I, 352 749

104 Phụ Nữ - Tương II, 407 754

105 Pindolo - Tương V, 349 756

106 Piyankara - Tương I, 462 758

107 Pubbakotthaka - Tương V, 344 759

108 Punabbasu - Tương I, 463 762

109 Punna - Tương IV, 106 765

110 Puta - Tương IV, 481 772
111 Pàrileyya - Tương III, 174 777
112 Pàtali - Tương IV, 536 786
113 Pàtimokkha - Tương V, 291 811
114 Ở ĐỜI NÀY - Tăng III, 644 813

DẪN NHẬP

1. *Lời giới thiệu*

- *Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.*
- *Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.*
- *Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh***

dấu, ***tô màu*** *những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.*

2. *Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?*

- *Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.*
- *Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.*
- *Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết*

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- *Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- *Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- *Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học vàPháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- *Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

– *Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.*

– *Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.*

– *Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu*

không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với ***năm thủ uẩn.***

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 PANCALACANDA - Tăng IV, 213

PANCALACANDA – *Tăng* IV, 213

1. Như vầy tôi nghe:

Một thời Tôn giả Ànanda trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Udàyi đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ànanda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Udàyi nói với Tôn giả Ànanda:

- Thưa Hiền giả, lời này được Thiên tử Pancàlacanda nói như sau:

"Bậc thiện trí tìm được,
Giải thoát trong triền phược,
Vị giác tỉnh với Thiền,
Bậc giác giả Mâu-ni,
Bậc từ bỏ, không chấp
Bậc anh hùng ẩn sĩ."

Thưa Hiền giả, thế nào là triền phược? Thế nào là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến?

2. - Này Hiền giả, **năm dục trưởng dưỡng này được Thế Tôn gọi là triền phược.**

Thế nào là năm?

Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Này Hiền giả, năm dục trưởng dưỡng này là triền phược, được Thế Tôn nói đến.

3. *Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo ly các dục... chứng và trú* ***sơ Thiền****. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì?*

Cái ở đây là tầm và tứ chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

4. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là hỷ chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

5. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả... chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là xả lạc chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

6. Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đoạn lạc... chứng và trú **Thiền thứ tư**. Cho đến như vậy, này Hiền giả là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là sắc tưởng chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

7. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến sai biệt tưởng, biết rằng: "Hư không là vô biên, chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Cho đến như vậy, này Hiền giả là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn.

Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là Không vô biên xứ chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

8. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo biết rằng: "Thức là vô biên", vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là Thức vô biên xứ chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

9. Lại nữa, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo vượt Thức là vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là Vô sở hữu xứ chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

10. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là Phi tưởng phi phi tưởng xứ chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

11. Lại nữa, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định. *Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn diệt.*

Cho đến như vậy, này Hiền giả là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với *phi pháp môn*.

2 PANKADHÀ - Tăng I, 429

PANKADHÀ – *Tăng* I, 429

1. Một thời Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến một thị trấn của dân chúng Kosala, tên là Pankadhà. Tại đấy, Thế Tôn trú ở Pankadhà. Pankadhà là một thị trấn của dân chúng Kosala.

Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo *tên là Kassapogotta trú ở Pankadhà*. Tại đấy, Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỉ. Rồi Tỷ-kheo Kassapogotta, trong khi Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, *lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Sa-môn này quá tăn măn tỉ mỉ!".*

2. Thế Tôn, sau khi trú ở Pankadhà cho đến khi thỏa mãn, rồi ra đi, du hành hướng đến Ràjagaha, tiếp tục du hành và đến tại Ràjagaha. Tại đấy, Thế Tôn trú ở Ràjagaha, núi Gitjjhakùta.

Rồi Tỷ-kheo Kassapogotta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, cảm thấy hối hận, ăn năn, nghĩ rằng: "Thật không lợi ích cho ta, thật lợi ích không được tốt cho ta, thật không khéo lợi ích cho ta, khi Thế

Tôn với pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, ta lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Sa-môn này quá tăn măn, tỉ mỉ! "(quá khắt khe?). Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, trước mặt Thế Tôn, hãy tỏ lộ có phạm tội là có phạm tội".

3. Rồi Tôn giả Kassapogotta, sau khi dọn dẹp lại chỗ nằm, cầm y bát, rồi ra đi đến hướng Ràjagaha, tiếp tục đi đến Ràjagaha, núi Gijjhakùta, đến Thế Tôn, sau khi đến. Đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kassapogotta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, một thời Thế Tôn trú ở Pankadhà, Pankadhà là một thị trấn các dân tộc Kosala. Tại đấy, Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, trong khi Thế Tôn, với một pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, con lấy làm bất nhẫn, con cảm thấy bất mãn, nghĩ rằng: "Vị Sa-môn này quá tăn măn tỉ mỉ". Rồi Thế Tôn sau khi trú ở Pankadhà cho đến khi thỏa mãn, liền ra đi, du hành đến Ràjagaha. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, con cảm thấy hối hận, ăn năn: "Thật không lợi ích cho ta, thật lợi ích không được tốt cho ta, thật không khéo lợi ích

cho ta, khi Thế Tôn với pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, ta lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Sa-môn này quá tăn măn, tỉ mỉ!". Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, trước mặt Thế Tôn, hãy tỏ lộ có phạm tội là có phạm tội!". *Phạm tội đã chinh phục con, bạch Thế Tôn, ngu si như con, đần độn như con, bất thiện như con. Vì rằng trong khi Thế Tôn, với một pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, con lấy làm bất nhẫn, con cảm thấy bất mãn, nghĩ rằng: "Vị Sa-môn này quá tăn măn tỉ mỉ". Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận con có phạm tội là có phạm tội, để con ngăn chặn trong tương lai.*

4. - *Thật vậy, này Kassapogotta, phạm tội đã chinh phục Thầy, ngu si đần độn như Thầy, bất thiện như Thầy! Vì rằng trong khi Ta với một pháp thoại liên hệ đến pháp học, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, Thầy lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Vị Sa-môn này quá tăn măn tỉ mỉ". Và này Kassapogotta, khi Thầy thấy có phạm tội là có phạm tội, và như pháp phát lộ, thời Ta chấp nhận cho Thầy. Đây là sự tăng trưởng giới luật của bậc Thánh này, khi ai thấy có phạm tội là có phạm tội, và như pháp phát lộ, để ngăn chặn trong tương lai.*

5. *Nếu một trưởng lão Tỷ-kheo, này Kassapa, không ưa thích học tập, không tán thán chấp hành học tập, và đối với các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này không khích lệ họ học tập. Còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này không tán thán họ chơn thực và đúng thời. Tỷ-kheo trưởng lão như vậy, này Kassapa, Ta không có tán thán. Vì cớ sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với trưởng lão ấy, nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy". Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy, sẽ đem lại bất hạnh, đau khổ lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta không tán thán Tỷ-kheo trưởng lão ấy.*

6. Nếu một trung niên Tỷ-kheo, này Kassapa, … nếu một tân học Tỷ-kheo, này Kassapa, không ưa thích học tập, không tán thán chấp hành học tập, và có các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này không khích lệ họ học tập. Còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này không tán thán họ chơn thực và đúng thời. Tỷ-kheo tân học như vậy, này Kassapa, Ta không có tán thán. Vì cớ sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với Tỷ-kheo tân học ấy, nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy". Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tà kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tà kiến của vị ấy, như vậy, sẽ đem lại bất hạnh, đau khổ lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta không tán thán Tỷ-kheo tân học ấy.

7. *Nếu một trưởng lão Tỷ-kheo, này Kassapa, ưa thích học tập, tán thán chấp hành học tập, và các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này khích lệ họ học tập. Còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này tán thán họ chơn thực và đúng thời. Tỷ-kheo trưởng lão như vậy, này Kassapa, Ta tán thán. Vì cớ sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với trưởng lão ấy, nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy". Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy, như vậy, sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta tán thán Tỷ-kheo trưởng lão ấy.*

8. Nếu một Tỷ-kheo trung niên, này Kassapa, … nếu một Tỷ-kheo tân học, này Kassapa, ưa thích học tập, tán thán chấp hành học tập, và có các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này khích lệ họ học tập. Còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này tán thán họ chơn thực và đúng thời. Tỷ-kheo tân học như vậy, này Kassapa, Ta tán thán. Vì cớ sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với Tỷ-kheo tân học ấy, nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy". Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy, sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta tán thán Tỷ-kheo tân học ấy.

3 PHAGGUNA - Tăng III, 163

PHAGGUNA – *Tăng* III, 163

1. Lúc bấy giờ, Tôn giả Phagguna bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phagguna bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Lành thay, bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn đi đến Tôn giả Phagguna, vì lòng từ mẫn.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Phagguna. Tôn giả Phagguna thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy, muốn rời khỏi giường. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Phagguna:

- Thôi được rồi, Phagguna! Thầy chớ có rời khỏi giường. Đã có những chỗ ngồi đã soạn từ trước, Ta sẽ ngồi tại các chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Phagguna:

- Này Phagguna, mong rằng Thầy có thể kham nhẫn! Mong rằng Thầy có thể chịu đựng! Mong rằng các khổ thọ được giảm thiểu, không tăng trưởng! Mong

rằng triệu chứng giảm thiểu được thấy rõ, không tăng trưởng!

- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn. Con không có thể chịu đựng. Khổ thọ của con tăng trưởng, không có giảm thiểu. Triệu chứng tăng trưởng được thấy rõ, không có giảm thiểu!
- Bạch Thế Tôn, ví như một người lực sĩ chém đầu (một người khác) với một thanh kiếm sắc bén; cũng vậy, bạch Thế Tôn, những ngọn gió kinh khủng thổi lên, đau nhói trong đầu con. Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu, triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.
- Bạch Thế Tôn, như một người lực sĩ lấy một dây nit bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi siết chặt; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con cảm thấy đau đầu một cách kinh khủng. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng, khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu. Triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.
- Bạch Thế Tôn, như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bung với một con dao cắt thịt bò sắc bén; cũng vậy, bạch Thế Tôn, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bung của con.

Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu, triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.

- Bạch Thế Tôn, ví như hai người lực sĩ, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hừng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân của con. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu, triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.

Rồi Thế Tôn, với pháp thoại, nói lên cho Tôn giả Phagguna biết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỉ, từ chỗ ngồi, đứng dậy và ra đi.

2. Rồi Tôn giả Phagguna, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, liền mệnh chung. *Trong khi Tôn giả lâm chung, các căn được sáng chói.* Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phagguna, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, đã mệnh chung. Trong khi Tôn giả mệnh chung, các căn được sáng chói.

- Này Ànanda, tại sao các căn của Tôn giả Phagguna lại không sáng chói chứ? Này Ànanda, với Tỷ-kheo Phagguna, tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Sau khi nghe pháp, tâm vi ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử.

❖ Có sáu lợi ích này, này Ànanda, nếu nghe pháp đúng thời, và thẩm sát ý nghĩa đúng thời.

Thế nào là sáu?

3. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mạng chung, *được thấy Thế Tôn. Thế Tôn thuyết pháp cho vị ấy,* sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. *Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử*. Đây là lợi ích thứ nhất, này Ànanda, khi được nghe pháp đúng thời.

4. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Thế Tôn, nhưng chỉ *được thấy đệ tử Như Lai. Đệ tử Như Lai thuyết pháp cho vị ấy,* sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Này Ànanda, đây là lợi ích thứ hai khi được nghe pháp đúng thời.

5. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Như Lai, cũng không được thấy đệ tử của Như Lai. Nhưng với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt; do vị ấy, *với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt, nên tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Này Ànanda,* đây là lợi ích thứ ba khi *thẩm sát ý nghĩa đúng thời.*

6. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo *với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung được thấy Như Lai. Và Như Lai thuyết pháp cho vị ấy*, sơ thiện... đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Này Ànanda, đây là lợi ích thứ tư khi được nghe pháp đúng thời.

7. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo *với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mạng chung không được thấy Như Lai, chỉ được thấy đệ tử của Như Lai. Đệ tử Như Lai thuyết pháp cho vị ấy,* sơ thiện, trung thiện, hậu thiện... đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh

tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Này Ànanda, đây là lợi ích thứ năm khi được **nghe pháp đúng thời**.

8. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo *với tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung không được thấy Như Lai, cũng không được thấy đệ tử Như Lai. Nhưng với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được học thông suốt, do vị ấy với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thông suốt, nên tâm được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y này*. Này Ànanda, đây là lợi ích thứ sáu khi **thẩm sát ý nghĩa đúng thời**.

Có sáu lợi ích này, này Ànanda, khi được nghe pháp đúng thời, và khi được thẩm sát ý nghĩa đúng thời.

4 PHI DIỆU PHÁP - Tăng III, 482

PHI DIỆU PHÁP – *Tăng* III, 482

1. - Này các Tỷ-kheo, có bảy phi diệp pháp này.

2. Thế nào là bảy?

- Bất tín,
- Không xấu hổ,
- Không sợ hãi,
- Không nghe nhiều,
- Biếng nhác,
- Thất niệm,
- Ác tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bảy phi diệu pháp này.

5 PHI PHÁP - Tăng I, 39

PHI PHÁP – *Tăng* I, 39

33. Những Tỷ-kheo nào *nêu rõ phi pháp là pháp*, sở hành của những vị ấy, đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước, và khiến cho diệu pháp biến mất.

34. Những Tỷ-kheo nào *nêu rõ pháp là phi pháp*, sở hành của những vị ấy, đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước, và khiến cho diệu pháp biến mất.

35-42. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, *nêu rõ:*

- *Phi luật là luật...*
- *Luật là phi luật...*
- *Như Lai không nói lên, không tuyên bố là Như Lai có nói lên, có tuyên bố...*
- *Như Lai có nói lên, có tuyên bố là Như Lai không có nói lên, không tuyên bố...*

- *Như Lai không thực hành, là Như Lai có thực hành…*
- *Như Lai có thực hành, là Như Lai không thực hành,...*
- *Như Lai không có chế đặt, là Như Lai có chế đặt...*
- *Như Lai có chế đặt, là Như Lai không chế đặt...*

Sở hành của những vị ấy, đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh đau khổ cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước, và khiến cho diệu pháp biến mất.

6 PHI PHÁP - Tăng I, 41

PHI PHÁP – *Tăng* I, 41

1. Những Tỷ-kheo nào, *nêu rõ phi pháp là phi pháp*, các Tỷ-kheo ấy, sở hành như vậy, đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc an lạc cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy tạo phước đức và an trú diệu pháp này.

2. (Như số 1 trên, chỉ khác: *nêu rõ pháp là pháp*)...

3-10. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ:

- *Phi luật là phi luật...*
- *Luật là luật...*
- *Như Lai không nói lên, không tuyên bố là Như Lai không nói lên, không tuyên bố...*
- *Như Lai có nói lên, có tuyên bố là Như Lai có nói lên, có tuyên bố...*
- *Như Lai không thực hành là Như Lai không thực hành....*
- *Như Lai có thực hành là Như Lai có thực hành....*
- *Như Lai không chế đặt là Như Lai không chế đặt...*

- *Như Lai có chế đặt là Như Lai có chế đặt...*

Các vị Tỷ-kheo ấy, sở hành như vậy, đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy tạo phước đức và an trú diệu pháp này.

7 PHI PHÁP - Tăng I, 695

PHI PHÁP – *Tăng* I, 695

1. - Này các Tỷ-kheo,

- Khi nào các vua phi pháp có mặt, khi ấy, các đại thần phi pháp của vua có mặt.
- Khi nào các đại thần phi pháp của vua có mặt, khi ấy các Bà-la-môn gia chủ phi pháp có mặt.
- Khi nào các Bà-la-môn gia chủ phi pháp có mặt, khi ấy dân chúng thị thành và dân chúng các làng trở thành phi pháp.
- Khi nào dân chúng thị thành và ở các làng là phi pháp, khi ấy mặt trăng, mặt trời đi sai quỹ đạo.
- Khi nào mặt trăng, mặt trời đi sai quỹ đạo, khi ấy các dãy ngân hà, các loại sao đi sai quỹ đạo.
- Khi nào các dãy ngân hà, các loại sao đi sai quỹ đạo, khi ấy ngày đêm đi sai quỹ đạo.
- Khi nào ngày đêm đi sai quỹ đạo, khi ấy tháng và nửa tháng đi sai quỹ đạo.
- Khi nào tháng và nửa tháng đi sai quỹ đạo, khi ấy thời tiết và năm đi sai quỹ đạo.
- Khi nào thời tiết và năm đi sai quỹ đạo, khi ấy gió thổi sai lạc trái mùa.

- Khi nào gió thổi sai lạc trái mùa, khi ấy chư Thiên bực mình.
- Khi nào chư Thiên bực mình, khi ấy trời mưa không có điều hòa.
- Khi nào trời mưa không có điều hòa, khi ấy lúa chín trái mùa.
- Này các Tỷ-kheo, khi nào lúa chín trái mùa, khi ấy các loài Người nuôi sống với loại lúa ấy, thì thọ mạng sẽ ngắn, dung sắc xấu, yếu sức và nhiều bệnh.

2. Này các Tỷ-kheo,

- Khi nào các vua đúng pháp có mặt, thì khi ấy các vị đại thần đúng pháp có mặt.
- Khi nào các vị đại thần đúng pháp của vua có mặt, khi ấy các Bà-la-môn gia chủ đúng pháp có mặt.
- Khi nào các Bà-la-môn gia chủ đúng pháp có mặt, khi ấy dân chúng thị thành và dân chúng các làng trở thành đúng pháp.
- Khi nào dân chúng thị thành và ở các làng là đúng pháp, khi ấy mặt trăng, mặt trời đi đúng quỹ đạo.
- Khi nào mặt trăng, mặt trời đi đúng quỹ đạo, khi ấy các dãy ngân hà, các loại sao đi đúng quỹ đạo.

- Khi nào các dãy ngân hà, các loại sao đi đúng quỹ đạo, khi ấy ngày đêm đi đúng quỹ đạo.
- Khi nào ngày đêm đi đúng quỹ đạo, khi ấy tháng và nửa tháng đi đúng quỹ đạo.
- Khi nào tháng và nửa tháng đi đúng quỹ đạo, khi ấy thời tiết và năm đi đúng quỹ đạo.
- Khi nào thời tiết và năm đi đúng quỹ đạo, khi ấy gió thổi đúng mùa.
- Khi nào gió thổi đúng mùa, khi ấy chư Thiên hoan hỉ.
- Khi nào chư Thiên hoan hỉ, khi ấy trời mưa điều hòa.
- Khi nào trời trở mưa điều hòa, khi ấy, lúa chín đúng mùa.
- Này các Tỷ-kheo, khi nào lúa chín đúng mùa, khi ấy loài Người nuôi sống với loại lúa ấy, thọ mạng sẽ lâu dài, dung sắc đẹp đẽ, có sức mạnh và không có nhiều bệnh.

Khi đàn bò lội sông,
Đầu đàn đi sai lạc,
Cả đoàn đều đi sai,
Vì hướng dẫn sai lạc.
Cũng vậy, trong loài Người,
Vị được xem tối thắng,
Nếu sở hành phi pháp,
Còn nói gì người khác,

Cả nước bị đau khổ,
Nếu vua không phi pháp.
Khi đàn bò lội sông,
Đầu đàn đi đúng hướng,
Cả đoàn đều đúng hướng,
Vì hướng dẫn đúng đường.
Cũng vậy trong loài Người,
Vị được xem tối thắng,
Nếu sở hành đúng pháp,
Còn nói gì người khác,
Cả nước được an vui,
Nếu vua sống đúng pháp.

8 PHI PHÁP - Tăng IV, 542

PHI PHÁP – *Tăng* IV, 542

1. Này các Tỷ-kheo,

- Phi pháp và phi mục đích này, cần phải hiểu biết;
- Pháp và mục đích cần phải hiểu biết.
- Sau khi biết phi pháp và phi mục đích, sau khi biết pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp và phi mục đích?

2. Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát.Này các Tỷ-kheo, đây gọi là phi pháp và phi mục đích.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp và mục đích?

3. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp và mục đích.

4. Và này các Tỷ-kheo, phi pháp và phi mục đích cần phải hiểu biết; pháp và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi hiểu biết phi pháp và phi mục đích, sau khi hiểu biết pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói đến như vậy là do duyên này được nói đến.

9 PHI PHÁP - Tăng IV, 546

PHI PHÁP – *Tăng* IV, 546

1. Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết; phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thuyết như vậy xong, bậc Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và bước vào tinh xá.

2. Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn đã nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai là người có thể phân tích một cách rộng rãi? "

Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ànanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bắt chước. Tôn giả Ànanda, với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thể phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Ànanda về ý nghĩa này. Tôn giả Ànanda trả lời cho chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì".

3. Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến nói lên với Tôn giả Ànanda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ànanda:

- Thưa hiền giả Ànanda. Thế Tôn sau khi nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Này Hiền giả, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này,

không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi", ai là người có thể phân tích một cách rộng rãi? Rồi thưa Hiền giả, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ànanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bắt chước. Tôn giả Ànanda, với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thể phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Ànanda về ý nghĩa này. Tôn giả Ànanda trả lời cho chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì". Thưa Tôn giả Ànanda, hãy phân tích cho.

4. Chư Hiền, cũng ví như một người cần thiết lõi cây, tìm lõi cây, đi khắp mọi nơi tìm lõi cây, đến một cây to lớn, đứng thẳng và có lõi cây. Người này bỏ qua rễ, bỏ qua thân cây, nghĩ rằng: "Phải tìm lõi cây ở nơi cành lá". Cũng vậy, là hành động của chư Tôn giả, đứng trước mặt Thế Tôn, quí vị bỏ qua Thế Tôn, nghĩ rằng: "Cần phải hỏi tôi về ý nghĩa này". Chư

Hiền, Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy. Ngài đã trở thành vị có mắt, trở thành vị có trí, trở thành Chánh pháp, trở thành Phạm thiên, vị thuyết giả, vị diễn giả, vị đem lại mục tiêu, vị trao cho bất tử, vị Pháp chủ. Thế Tôn giải thích quý vị như thế nào, quí vị hãy như vậy thọ trì.

5. Hiền giả Ànanda, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy. Ngài đã trở thành vị có mắt, trở thành vị có trí, trở thành Chánh pháp, trở thành Phạm thiên, vị thuyết giả, vị diễn giả, vị đem lại mục tiêu, vị trao cho bất tử, vị Pháp chủ, Như Lai. Chúng tôi phải tùy thời hỏi Thế Tôn ý nghĩa này. Những gì Thế Tôn giải thích cho chúng tôi, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Hiền giả Ànanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bắt chước. Hiền giả Ànanda có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và giải thích rõ ràng ý nghĩa. Mong Hiền giả Ànanda giải thích, nếu không có sự gì phiền muộn.

6. Vậy chư Hiền, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ giảng.

- Thưa vâng Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ànanda. Tôn giả Ànanda giảng như sau:

- Thưa chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." *Và này chư Hiền, thế nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích và thế nào là mục đích?*

7. Tà kiến, này chư Hiền, là phi pháp; chánh kiến là pháp, những pháp ác bất thiện gì do duyên tà kiến khởi lên, đây là phi mục đích. Và những pháp thiện gì đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Tà tư duy, là phi pháp; chánh tư duy là pháp...

Tà ngữ là phi pháp; chánh ngữ là pháp...

Tà nghiệp là phi pháp; chánh nghiệp là pháp...

Tà mạng là phi pháp; chánh mạng là pháp...

Tà tinh tấn là phi pháp; chánh tinh tấn là pháp...

Tà niệm là phi pháp; chánh niệm là pháp...

Tà định là phi pháp; chánh định là pháp...

Tà trí là phi pháp; chánh trí là pháp...

Tà giải thoát là phi pháp; chánh giải thoát là pháp. Và những pháp ác bất thiện nào do duyên tà giải thoát khởi lên, đây là phi mục đích, và những thiện pháp do duyên chánh giải thoát đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Thưa các Hiền giả, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố này một cách vắn tắt mà không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Thưa các Hiền giả, lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Tôn mà không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, tôi hiểu ý nghĩa rộng rãi như vậy. Thưa chư Hiền, nếu chư Hiền muốn, hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ànanda, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

8. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành". Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp cần phải hiểu biết... hãy như thế ấy mà thực hành". Với lời tuyên bố vắn tắt của Thế Tôn, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai là người có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi? " Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ànanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bắt chước. Tôn giả Ànanda với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thể phân tích một cách

rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ananda và hỏi ý nghĩa này". Bạch Thế Tôn, ý nghĩa của chúng được Tôn giả Ànanda khéo phân tích với những lý do như thế này, với những chữ như thế này, với những câu văn như thế này.

9. Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo, Hiền trí là Hiền giả Ànanda! Đại tuệ là Hiền giả Ànanda! Này các Tỷ-kheo, nếu các Thầy đến hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như vậy, như đã được Ànanda trả lời. Đây là ý nghĩa của lời ấy, hãy như vậy thọ trì .

10 PHI PHÁP 1 - Tăng I, 36

PHẨM PHI PHÁP 1 – *Tăng* I, 36

1-32.

1. Đứng về phương diện nội phần, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến bất lợi lớn như vậy, như *phóng dật*. Này các Tỷ-kheo, phóng dật đưa đến bất lợi lớn.

2. Đứng về phương diện nội phần, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến lợi ích lớn như vậy, như *không phóng dật*. Này các Tỷ-kheo, không phóng dật đưa đến lợi ích lớn.

3. (Như số 1 ở trên, chỉ thay vào biếng nhác)...

4. (Như số 2 ở trên, chỉ thay vào tinh cần tinh tấn)...

5-12 (Như trên, tuần tự thay vào dục lớn, ít dục, không biết đủ, biết đủ, không như lý tác ý, như lý tác ý, không tỉnh giác, tỉnh giác)...

13. Đứng về phương diện ngoại phần, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến bất lợi lớn như vậy, như *làm bạn với ác*. Làm bạn với ác, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

14. Đứng về phương diện ngoại phần, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến lợi ích lớn như vậy, *như làm bạn với thiện*. Này các Tỷ-kheo, làm bạn với thiện, đưa đến lợi ích lớn.

15. *Đứng về phương diện nội phần*, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến bất lợi lớn như vậy, *như hệ lụy với pháp bất thiện, không hệ lụy với pháp thiện*. Này các Tỷ-kheo, hệ lụy với pháp bất thiện, không hệ lụy với pháp thiện, đưa đến bất lợi lớn.

16. Đứng về phương diện nội phần, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến lợi ích lớn như vậy, như *hệ lụy với các pháp thiện, không hệ lụy với các pháp bất thiện*. Này các Tỷ-kheo, hệ lụy với pháp thiện, không hệ lụy với pháp bất thiện, đưa đến lợi ích lớn.

17. Ta không thấy một pháp nào khác, *khiến diệu pháp bị lu mờ, biến mất như vậy, như phóng dật.* Này các Tỷ-kheo, phóng dật, đưa đến diệu pháp bị lu mờ và biến mất.

18. Ta không thấy một pháp nào khác, khiến diệu pháp được an trú, không bị lu mờ, không bị biến mất như vậy, như *không phóng dật*. Này các Tỷ-kheo, không phóng dật, đưa đến diệu pháp được an trú, không bị lu mờ, không bị biến mất.

19. (Như số 17, chỉ thế vào *biếng nhác*)...

20. (Như số 18, chỉ thế vào *tinh cần tinh tấn*)...

21-32 (Như trên, chỉ tuần tự thế vào các pháp như sau: *dục lớn, dục ít, không biết vừa đủ, biết vừa đủ, không như lý tác ý, như lý tác ý, không tỉnh giác, tỉnh giác, làm bạn với ác, làm bạn với thiện, hệ lụy với pháp bất thiện, không hệ lụy với pháp thiện, hệ lụy với pháp thiện, không hệ lụy với pháp bất thiện*).

11 PHI THÁNH NGÔN - Tăng III, 695

PHI THÁNH NGÔN – *Tăng* III, 695

1. - *Này các Tỷ-kheo, có tám phi thánh ngôn này.*

2. Thế nào là tám?

1. *Không thấy nói thấy.*
2. *Không nghe nói nghe.*
3. *Không nghĩ nói nghĩ.*
4. *Không biết nói biết.*
5. *Thấy nói không thấy.*
6. *Nghe nói không nghe.*
7. *Nghĩ nói không nghĩ.*
8. *Biết nói không biết.*

Này các Tỷ-kheo, đây là tám phi Thánh ngôn.

12 PHÁ HÒA HỢP TĂNG - Tăng IV, 339

PHÁ HÒA HỢP TĂNG – *Tăng* IV, 339

1. - Phá hòa hợp tăng, phá hòa hợp tăng, bạch Thế Tôn được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn là phá hòa hợp Tăng?

2. - Ở đây, này Upáli, các Tỷ-kheo:

1. *Thuyết phi pháp là pháp.*
2. *Thuyết pháp là phi pháp.*
3. *Thuyết phi luật là luật.*
4. *Thuyết luật là phi luật.*
5. *Thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết, là điều Như Lai nói, Như Lai thuyết.*
6. *Thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết, là điều Như Lai không nói, không thuyết.*
7. *Thuyết điều Như Lai thường không sở hành là điều Như Lai thường sở hành.*
8. *Thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành.*
9. *Thuyết điều Như Lai không chế đặt là điều Như Lai chế đặt.*
10. *Thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt.*

Chính do mười sự này, họ phá hoại, họ chia rẽ, họ hành bất cộng yết-ma, họ tuyên đọc giới bổn Pátimokkha khác biệt. Cho đến như vậy, này Upàli, là chúng Tăng bị phá hoại.

13 PHÁP - Tăng I, 194

PHÁP – *Tăng* I, 194

❖ Phàm vua Chuyển Luân nào, đúng pháp, pháp vương, vị ấy cũng chuyển bánh xe (cai trị), không phải không có vua.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, ai là vua cho vua Chuyển Luân đúng pháp, pháp vương?*
- *Đó là pháp, này Tỷ-kheo.*

Thế Tôn nói:

- Ở đây, này Tỷ-kheo, vị Chuyển Luân, đúng pháp, pháp vương, y cứ pháp, cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm tối thắng, ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với quần chúng.
- Lại nữa, này Tỷ-kheo, vua Chuyển Luân, đúng pháp, pháp vương … ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với các Sát-đế-lỵ, đối với các tùy tùng, đối với quân đội, đối với các Bà-la-môn và gia chủ, đối với các thị trấn và quốc

độ, đối với các Sa-môn, Bà-la-môn, đối với các loài thú và các loài chim.

- Vua Chuyển Luân ấy, này các Tỷ-kheo, đúng pháp … sau khi ra lệnh hộ trì, che chở … đối với các loài thú và các loài chim, chuyển bánh xe đúng pháp. Bánh xe ấy không bị ngăn cản sự chuyển vận, bởi bất cứ người nào, hay bởi loài hữu tình thù nghịch nào.

❖ Cũng vậy, này Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, đúng pháp, vị Pháp Vương, ý cứ pháp, cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm tối thắng, ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với thân nghiệp, nghĩ rằng: "**Thân nghiệp** như vậy cần phải hành trì, thân nghiệp như vậy không được hành trì".

- Lại nữa, này Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán … ủng hộ đúng pháp đối với khẩu nghiệp, nghĩ rằng: "**Khẩu** nghiệp như vậy cần phải hành trì, Khẩu nghiệp như vậy không được hành trì"
- … đối với ý nghiệp, nghĩ rằng "**Ý** nghiệp như vậy cần phải hành trì, Ý nghiệp như vậy không được hành trì".
- Như Lai ấy, này Tỷ-kheo, bậc A-la-hán … đúng pháp, sau khi ra lệnh hộ trì che chở … đối với thân nghiệp … đối với khẩu nghiệp … đối

với ý nghiệp … chuyển bánh xe đúng pháp. Bánh xe ấy không bị ngăn chặn sự chuyển vận, bởi Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ác ma, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời.

14 PHÁP CHƯA KHỞI - Tăng IV, 564

PHÁP CHƯA KHỞI – *Tăng* IV, 564

1. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, **chưa khởi, chỉ khởi lên trong Luật của bậc Thiện Thệ.** Thế nào là mười?

2. Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, chưa khởi, chỉ khởi lên trong Luật của bậc Thánh.

15 PHÁP CÓ QUẢ LỚN - Tăng IV, 565

PHÁP CÓ QUẢ LỚN – *Tăng* IV, 565

1. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, có quả lớn, có lợi ích, **chỉ có trong Luật của bậc Thiện Thệ**. Thế nào là mười?

2. Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, có quả lớn, có lợi ích lớn, chỉ có trong Luật của bậc Thiện Thệ.

16 PHÁP CÚ - Tăng I, 604

PHÁP CÚ – *Tăng* I, 604

1. - Có bốn pháp cú này, này các Tỷ-kheo, được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách. Thế nào là bốn?

- Không tham, là pháp cú được biết là tối sơ...
- Không sân, là pháp cú được biết là tối sơ...
- Chánh niệm, là pháp cú được biết là tối sơ...
- Chánh định, là pháp cú được biết là tối sơ...

Bốn pháp cú này, này các Tỷ-kheo, được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

2. Hãy sống không có tham,
Với tâm không có sân,
Chánh niệm và nhất tâm,
Nội tâm khéo định tĩnh.

17 PHÁP HÀNH - 45 Trung I, 669

TIỂU KINH PHÁP HÀNH
(Culadhammasamadana suttam)
– Bài kinh số 45 – *Trung* I, 669

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Jetavana, tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, có bốn loại pháp hành này. Thế nào là bốn?

⇨ Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.

⇨ Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện

tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ.

⇨ Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

⇨ Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện tại lạc, và tương lai quả báo cũng lạc.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là loại pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ?

Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn thuyết như sau, có sở kiến như sau: "Không có lỗi trong các dục". Những vị này đắm mình trong các dục, hoan lạc với các cô gái lang thang có tóc quấn trên đầu. Họ nói như sau: "Làm sao các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn kia thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Khoái lạc thay, sự xúc chạm với bàn tay có lông mịn của các cô gái lang thang trẻ trung này!"

Sau khi đắm mình trong các dục, khi thân hoại mạng chung, các vị ấy phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, họ cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt. Họ nói như sau: "Các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Nhưng chúng ta, do các dục này làm nhân, do các dục này làm duyên, phải cảm

thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt".

Này các Tỷ-kheo, ví như vào cuối tháng mùa nóng, một bẹ hột giống cây leo nứt ra và này các Tỷ-kheo, một hột giống cây leo rơi dưới gốc một cây sala. Này các Tỷ-kheo, các vị thần ở trên cây sala ấy lo sợ, run sợ, và hoảng sợ. Bạn bè thân hữu, bà con huyết thống các vị thần trên cây sala ấy, thần vườn, thần rừng, thần cây, thần các dược thảo, cỏ, rừng hội họp lại, an ủi như sau: "Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Vì hạt giống ấy, con khổng tước có thể nuốt, con nai có thể ăn, lửa rừng có thể đốt, người làm rừng có thể nhặt đi, các loài mối có thể ăn, hay hạt giống có thể không nẩy mầm". Nhưng này các Tỷ-kheo, hạt giống ấy, con khổng tước không nuốt, con nai không ăn, lửa rừng không đốt, người làm rừng không nhặt đi, các loài mối không ăn, và hạt giống có thể nẩy mầm. Được mưa lớn nhờ các làn mây đúng mùa, hạt giống ấy được lớn lên, và một dây leo trẻ, mềm mại, có lông, chậm chậm mọc lên và bám dính cây sala ấy. Này các Tỷ-kheo, các vị thần trên cây sala ấy suy nghĩ như sau: "Không hiểu vì sao các Tôn giả bạn bè thân hữu, bà con huyết thống ấy, các thần vườn, thần rừng, thần cây, các vị thần trên các dược thảo, cỏ, rừng, thấy sự sợ hãi tương lai trong hột giống, hội họp lại, an ủi như sau: "Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Này Tôn

giả chớ có sợ hãi! Vì hột giống ấy, con khổng tước có thể nuốt, con nai có thể ăn, lửa rừng có thể đốt, những người làm rừng có thể nhặt đi, các loài mối có thể ăn, hay hạt giống có thể không nẩy mầm". Khoái lạc thay sự xúc chạm của cây leo trẻ trung mềm mại, có lông đang bám vào!" Cây leo ấy có thể bao trùm cây sala ấy, sau khi bao trùm, liền làm thành một tàn che trên cây ấy, và ở dưới khởi lên cả một lùm cây rậm rạp. Khi ở dưới khởi lên cả một lùm cây rậm rạp, các cành lớn của cây sala ấy có thể bị bóp nghẹt. Rồi này các Tỷ-kheo, các thần trú trên cây sa la ấy suy như sau: "Chính vì thấy sự sợ hãi tương lai này, trong hột giống cây leo ấy mà những Tôn giả, bạn bè thân hữu, bà con huyết thống ấy, các thần vườn, thần rừng, thần cây, các vị thần ở trên các dược thảo, cỏ, rừng, đã hội họp lại và an ủi như sau: "Này Tôn giả chớ có sợ hãi! Này Tôn giả, chớ sợ hãi! Vì hạt giống ấy, con khổng tước có thể nuốt, con nai có thể ăn, lửa rừng có thể đốt, những người làm rừng có thể nhặt đi, các loài mối có thể ăn, hay hạt giống có thể không nẩy mầm". Và nay ta, vì nguyên nhân hạt giống cây leo, cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt".

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, có sở kiến như sau: "Không có lỗi trong các dục". Những vị này đắm

mình trong các dục, họ hoan lạc với các cô gái lang thang có tóc quấn trên đầu. Họ nói như sau: "Làm sao các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Khoái lạc thay, sự xúc chạm với bàn tay có lông mịn của cô gái lang thang trẻ trung này!" Sau khi đắm mình trong các dục, khi thân hoại mạng chung, họ phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, họ cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt. Họ nói như sau: "Các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Nhưng chúng ta, vì nhân các dục này, vì duyên các dục này, phải cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt". Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sống lõa thể, sống phóng túng, không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, đi khất thực không chịu đứng lại, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nơi nồi chảo, không

nhận đồ ăn đặt tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men, cháo cám.

Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng.

Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần.

Vị ấy chỉ ăn cỏ lúa để sống, lúa tắc, gạo lức, ăn hột cải nivara, ăn da vụn, ăn cám, uống nước bột gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống.

Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với

các vải khác, mặc vải tẩm liệm quăng đi, mặc vải phấn tảo y, mặc vỏ cây tikitaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú.

Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người tập tục sống nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng không dùng chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần, thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhớp che dấu thân mình, sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh bạ đâu nằm đấy, sống ăn các uế vật, theo hạnh ăn các uế vật, sống không uống nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi). Như vậy, vị ấy sống theo hạnh hành hạ xác thân dưới nhiều hình thức như vậy. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại

khổ, tương lai quả báo lạc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự tánh sanh ra quá nặng về tham ái, luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do tham ái sanh; có người tự tánh sanh ra quá nặng về sân hận, luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do sân hận sanh; có người tự tánh sanh ra quá nặng về si mê, luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do si mê sanh. Với khổ và với ưu, với mặt đầy nước mắt và khóc than, vị ấy sống theo phạm hạnh, hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự tánh sanh ra không quá nặng về tham ái, không luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do tham ái sanh; có người tự tánh sanh ra không quá nặng về sân hận, không luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do sân hận sanh; có người tự tánh sanh ra không quá nặng về si mê, không luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do si mê sanh.

- ⇨ Vị ấy ly dục, ly các pháp bất thiện chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ;
- ⇨ Diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm;
- ⇨ Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba;
- ⇨ Xả lạc và xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy này các Tỷ-kheo, được gọi là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc. Này các Tỷ-kheo, như vậy là bốn loại pháp hành.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

18 PHÁP HÀNH - 46 Trung I, 679

ĐẠI KINH PHÁP HÀNH
(Maha Dhammasamadana suttam)

– Bài kinh số 46 – *Trung* I, 679

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá Ông Anathapindika. Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo.

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, phần lớn các loài hữu tình có dục như thế này, có ước vọng như thế này, có nguyện vọng như thế này: *"Ôi, mong rằng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tiêu diệt! Mong rằng các pháp khả ái, khả lạc, khả ý được tăng trưởng!"*

Này các Tỷ-kheo, dầu cho các loài hữu tình ấy có dục như vậy, có ước vọng như vậy, có nguyện vọng như vậy, nhưng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Người có biết vì nguyên nhân gì không?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này! Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

⇨ Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phàm phu, không đi đến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, ***không biết rõ*** *các pháp nên phục vụ, không biết rõ các pháp không nên*

phục vụ, không biết rõ các pháp nên thân cận, không biết rõ các pháp không nên thân cận.

⇨ Vì không biết rõ các pháp nên phục vụ, không biết rõ các pháp không nên phục vụ, không biết rõ các pháp nên thân cận, không biết rõ các pháp không nên thân cận, vị này *phục vụ các pháp không nên phục vụ, không phục vụ các pháp nên phục vụ, thân cận các pháp không nên thân cận, không thân cận các pháp nên thân cận.*

⇨ Vị này vì phục vụ các pháp không nên phục vụ, không phục vụ các pháp nên phục vụ, vì thân cận các pháp không nên thân cận, không thân cận các pháp nên thân cận, ***cho nên*** *các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt*. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là **vì người ấy không có trí đối với pháp này.**

Và này các Tỷ-kheo,

⇨ Vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, ***biết rõ*** *các pháp nên phục vụ, biết rõ các pháp không nên phục vụ, biết rõ các pháp nên*

thân cận, biết rõ các pháp không nên thân cận.

⇨ Vì biết rõ các pháp nên phục vụ, biết rõ các pháp không nên phục vụ, biết rõ các pháp nên thân cận, biết rõ các pháp không nên thân cận, vị này *phục vụ các pháp nên phục vụ, không phục vụ các pháp không nên phục vụ, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận.*

⇨ Vị này vì phục vụ các pháp nên phục vụ, không phục vụ các pháp không nên phục vụ, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận, ***cho nên*** *các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý bị tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý được tăng trưởng*. Vì sao vậy? Như vậy này các Tỷ-kheo, là **vì vị ấy có trí đối với pháp này**.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp hành. Thế nào là bốn?

– Này các Tỷ-kheo, có pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo cũng khổ.

– Này các Tỷ-kheo, các pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

– Này các Tỷ-kheo, có pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.

– Này các Tỷ-kheo, có pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ*. **Do vô trí với pháp này, do si mê, nên không tuệ tri như chân**: *"Đây là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ"*. Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, *nên phục vụ pháp này, không tránh né pháp này*. Vì phục vụ pháp này, vì không tránh né pháp nầy, *nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt*. **Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này.**

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ*. Do vô trí với pháp này, do si mê nên không biết như chân: "Đây là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ". Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, *nên phục vụ* pháp này, không tránh né pháp này. Vì phục vụ pháp này, vì không tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc*. Do vô trí với pháp này, do si mê nên không tuệ tri như chân: "Đây là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc". Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, *nên không phục vụ pháp này, tránh né pháp này*. Vì không phục vụ pháp này, tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc*. Do vô trí với pháp này, do si mê, nên không tuệ tri như chân: "Đây là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc". Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, *nên không* phục vụ pháp này, tránh né pháp này. Vì không phục vụ pháp này, vì tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ*. **Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như**

chơn: "Pháp hành này hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ". Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chơn, vị này *không phục vụ pháp này, tránh né pháp này*. Do không phục vụ pháp này, do tránh né pháp này, *nên các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý bị tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng*. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ*. Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chơn: "Pháp hành này hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ". Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chân, vị này *không phục vụ* pháp này, tránh né pháp này. Do không phục vụ pháp này, do tránh né pháp này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc*. Do có trí đối với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chân: "Pháp này hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc". Do có trí đối với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chân, vị này *phục vụ* pháp này, không tránh né pháp này.

Do phục vụ pháp này, không tránh né pháp này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc*. Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chân: "Pháp hành này hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc". Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chân, vị này *phục vụ* pháp này, không tránh né pháp này. Do phục vụ pháp này, do không tránh né pháp này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với khổ, với ưu, sát sanh, và do duyên sát sanh, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu lấy của không cho, và do duyên lấy của không cho, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu sống theo tà hạnh trong các dục, và do duyên sống theo tà hạnh trong các dục, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu

nói lời vọng ngữ, và do duyên nói lời vọng ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu nói lời hai lưỡi, và do duyên nói lời hai lưỡi, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, nói lời ác ngữ, và do duyên nói lời ác ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, nói lời phù phiếm và do duyên nói lời phù phiếm, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, có tâm tham ái, và do duyên có tâm tham ái, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu có tâm sân hận, và do duyên có tâm sân hận cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu có tà kiến, và do duyên tà kiến cảm thọ khổ ưu. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo cũng khổ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lạc, với hỷ, sát sanh và do duyên sát sanh, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, lấy của không cho và do duyên lấy của không cho, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, sống theo tà hạnh trong các dục, và do duyên sống theo tà hạnh trong các dục, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời vọng ngữ, và do duyên nói lời vọng ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời hai lưỡi, và do duyên nói lời hai lưỡi, cảm thọ lạc và

hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời ác ngữ và do duyên nói lời ác ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời phù phiếm, và do duyên nói lời phù phiếm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tâm tham ái và do duyên có tâm tham ái, cảm thọ lạc và hỷ, với lạc, với hỷ, có tâm sân hận, và do duyên có tâm sân hận, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tà kiến, và do duyên có tà kiến, cảm thọ lạc và hỷ. Vị này sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ địa ngục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với khổ với ưu, từ bỏ sát sanh, và do duyên từ bỏ sát sanh cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ lấy của không cho, và do duyên từ bỏ lấy của không cho cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tà hạnh trong các dục, và do duyên từ bỏ tà hạnh trong các dục, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu từ bỏ nói lời vọng ngữ và do duyên từ bỏ nói lời vọng ngữ cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời hai lưỡi, và do duyên từ bỏ nói lời hai lưỡi, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời ác ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời ác ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời phù

phiếm, và do duyên từ bỏ nói lời phù phiếm, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tâm tham ái, và do duyên từ bỏ tâm tham ái, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tâm sân hận, và do duyên từ bỏ tâm sân hận, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tà kiến, và do duyên từ bỏ tà kiến, cảm thọ khổ ưu. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lạc, với hỷ, từ bỏ sát sanh và do duyên từ bỏ sát sanh, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ lấy của không cho, và do duyên từ bỏ lấy của không cho, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ các tà hạnh trong các dục, và do duyên từ bỏ các tà hạnh trong các dục, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ nói lời vọng ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời vọng ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ nói lời hai lưỡi, và do duyên từ bỏ nói lời hai lưỡi, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ ác ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời ác ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ nói lời phù phiếm, và do duyên từ bỏ nói lời phù phiếm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, không có tham ái,

và do duyên không có tham ái, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, không có sân tâm và do duyên không có sân tâm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có chánh kiến và do duyên chánh kiến, cảm thọ lạc và hỷ. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc.

Này các Tỷ-kheo, *ví như trái bí đắng có tẩm thuốc độc*. Rồi một người đến muốn sống, muốn không chết, ưa lạc, hiềm ghét khổ, và có người nói với người ấy như sau: "Này bạn, trái bí đắng này có tẩm thuốc độc, nếu bạn muốn, hãy ăn. Trong khi ăn, bạn không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi ăn, bạn có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết". Người ấy có thể ăn không có suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi ăn, người ấy không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi ăn, người ấy bị chết, hay bị đau khổ gần như chết. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là *pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ.*

Này các Tỷ-kheo, *ví như một bình đồng đựng nước uống, có sắc, có hương, có vị, và nước uống ấy có tẩm thuốc độc*. Rồi một người đến, muốn sống,

muốn không chết, muốn ưa lạc, hiềm ghét khổ. Và có người nói với người ấy như sau: "Này bạn, bình đồng đựng nước uống này, có sắc, có hương, có vị, và nước uống ấy có tẩm thuốc độc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, bạn có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết". Người kia có thể uống, không suy nghĩ, không từ bỏ. Trong khi uống, người ấy được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, người ấy có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là *pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.*

Này các Tỷ-kheo, *ví như nước đái quỷ được trộn nhiều loại thuốc.* Rồi có người đi đến, bị bệnh hoàng đản, và có người nói với người đó như sau: "Này bạn, nước đái quỷ này được trộn với nhiều loại thuốc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Nhưng sau khi uống, bạn sẽ được an lạc". Người ấy có thể uống, sau khi suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi uống, người ấy không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Nhưng sau khi uống, người ấy được an lạc. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là *pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.*

Này các Tỷ-kheo, *ví như lạc, mật, thục tô và đường trộn lẫn với nhau*. Rồi có người đi đến bị bệnh kiết lỵ. Và có người nói với người ấy như sau: "Này bạn, đây là lạc, mật, thục tô và đường trộn lẫn với nhau. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, bạn sẽ được an lạc". Người kia có thể uống, sau khi suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi uống, người kia được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, người kia được an lạc. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là *pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc.*

Này các Tỷ-kheo, *ví như trong tháng cuối mùa mưa, vào mùa thu, mùa gặt hái, khí bầu trời quang đãng, không có mây, và mặt trời mọc lên giữa bầu trời, phá sạch hắc ám khắp cả hư không, và chói sáng, hực sáng và rực sáng*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ***pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc này, sau khi phá sạch các dị thuyết của các Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường, chói sáng, hực sáng và rực sáng.***

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

19 PHÁP LƯỢC THUYẾT - Tăng III, 683

PHÁP LƯỢC THUYẾT – *Tăng* III, 683

1. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Lành thay! bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

- Như vậy, ở đây, một số người ngu si, thỉnh cầu Ta, sau khi pháp được giảng, **họ nghĩ Ta là người họ cần phải đi theo.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, Thiện Thệ hãy thành phố vắn tắt. Con có thể hiểu được ý nghĩa lời của Thế Tôn thuyết giảng. Con có thể trở thành kẻ thừa tự lời Thế Tôn thuyết giảng.

2.- Vậy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Nội tâm ta sẽ an trú, khéo vững trú. Các pháp ác, bất thiện khởi không có xâm chiếm tâm và không có chân đứng". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

3. Này Tỷ-kheo, khi nào nội tâm của Thầy được an trú, khéo vững trú, các pháp ác, bất thiện sanh khởi xâm chiếm tâm và có chấn đứng, khi ấy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

*"**Từ tâm giải thoát** sẽ được ta tu tập, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành".* Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

4. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. *Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.*
2. *Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.*
3. *Cần phải tu tập không tầm, không tứ.*
4. *Cần phải tu tập có hỷ.*
5. *Cần phải tu tập không hỷ.*
6. *Cần phải tu tập câu hữu với lạc.*
7. *Cần phải tu tập câu hữu với xả.*

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

*"**Bi tâm giải thoát** sẽ được Thầy tu tập ... **Hỷ tâm giải thoát** sẽ được Thầy tu tập ... **Xả tâm giải thoát** sẽ được Thầy tu tập, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành".* Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

5. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

*"**Ta sẽ sống quán thân trên thân**, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời".* Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

6. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

*"Ta sẽ sống quán **thọ** trên các cảm thọ ... quán **tâm** trên các tâm ... quán **pháp** trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời".*
Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

7. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.

4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, chỗ nào, chỗ nào Thầy đi, chỗ ấy Thầy đi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ đứng, chỗ ấy Thầy đứng được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ ngồi, chỗ ấy Thầy ngồi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ nằm, chỗ ấy Thầy sẽ nằm được an ổn.

8. Tỷ-kheo ấy, được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tỷ-kheo ấy sống một mình, thanh tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng đạt được mục đích mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đây là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình chứng tri với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành. Những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán.

20 PHÁP MÔN CĂN BỔN - 1 Trung I, 9

KINH PHÁP MÔN CĂN BỔN
(Mulapariyaya sutta)
– Bài kinh số 1 – *Trung* I, 9

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại (tụ lạc) Ukkattha, trong rừng Subhaga (rừng Hạnh phúc), dưới gốc cây Sa la vương. Tại chỗ ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn", những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói:

– "Này các Tỷ-kheo. Ta sẽ giảng cho các Người **"Pháp môn căn bản tất cả pháp"**. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói".

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn", những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, ở đây, có **kẻ phàm phu ít nghe**, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thục

pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chơn nhân, không thuần thục pháp các bậc Chơn nhân, không tu tập pháp các bậc Chơn nhân, tưởng tri địa đại là địa đại. Vì tưởng tri địa đại là địa đại, người ấy nghĩ đến địa đại, nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, người ấy nghĩ: "Địa đại là của ta" - **dục hỷ địa đại**. *Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri địa đại*.

– Người ấy tưởng tri thủy đại là thủy đại. Vì tưởng tri thủy đại là thủy đại, người ấy nghĩ đến thủy đại, nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với thủy đại, nghĩ đến (tự ngã) như là thủy đại, người ấy nghĩ: "Thủy đại là của ta" - dục hỷ thủy đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri thủy đại.

– Người ấy tưởng tri hỏa đại là hỏa đại. Vì tưởng tri hỏa đại là hỏa đại, người ấy nghĩ đến hỏa đại, nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với hỏa đại, nghĩ đến (tự ngã) như là hỏa đại, người ấy nghĩ: "Hỏa đại là của ta"- dục hỷ hỏa đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri hỏa đại.

– Người ấy tưởng tri phong đại là phong đại. Vì tưởng tri phong đại là phong đại, người ấy nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với phong đại, nghĩ đến

(tự ngã) như là phong đại, người ấy nghĩ: "Phong đại là của ta"- dục hỷ phong đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri phong đại.

– Người ấy tưởng tri Sanh vật là Sanh vật...

– Người ấy tưởng tri chư Thiên là chư Thiên...

– Người ấy tưởng tri Sanh chủ là Sanh chủ...

– Người ấy tưởng tri Phạm Thiên là Phạm Thiên...

– Người ấy tưởng tri Quang âm thiên là Quang âm thiên...

– Người ấy tưởng tri Biến tịnh thiên là Biến tịnh thiên...

– Người ấy tưởng tri Quảng quả thiên là Quảng quả thiên...

– Người ấy tưởng tri Abhibhù (Thắng Giả) là Abhibhù...

– Người ấy tưởng tri Không vô biên xứ là Không vô biên xứ...

– Người ấy tưởng tri Thức vô biên xứ là Thức vô biên xứ...

- Người ấy tưởng tri Vô sở hữu xứ là Vô sở hữu xứ...
- Người ấy tưởng tri Phi tưởng phi phi tưởng xứ là Phi tưởng phi phi tưởng xứ...
- Người ấy tưởng tri sở kiến là sở kiến...
- Người ấy tưởng tri sở văn là sở văn...
- Người ấy tưởng tri sở tư niệm là sở tư niệm...
- Người ấy tưởng tri sở tri là sở tri...
- Người ấy tưởng tri đồng nhất là đồng nhất...
- Người ấy tưởng tri sai biệt là sai biệt...
- Người ấy tưởng tri tất cả là tất cả...
- Người ấy tưởng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì tưởng tri Niết-bàn là Niết-bàn, người ấy nghĩ đến Niết-bàn, nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn. Nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, người ấy nghĩ: "Niết-bàn là của ta" - **dục hỷ Niết-bàn**, Vì sao vậy? Ta nói: Người ấy không liễu tri Niết-bàn.

➢ Này các Tỷ-kheo, có **Tỷ-kheo hữu học** tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn,

khỏi khổ ách. Vị ấy thắng tri địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vị ấy đã không nghĩ đến địa đại, đã không nghĩ (tự ngã) đối chiếu với địa đại, đã không nghĩ (tự ngã) như là địa đại, đã không nghĩ: "Địa đại là của ta", **- không dục hỷ địa đại.** Vì sao vậy? Ta nói vị ấy có thể liễu tri địa đại. ... Thủy đại... hỏa đại... phong đại... Sanh vật... chư Thiên Sanh chủ... Phạm thiên... Quang âm thiên... Biến tịnh thiên... Quảng quả thiên... Abhibhù (Thắng Giả)... Không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tưởng phi phi tưởng xứ... sở kiến... sở văn... sở tư niệm... sở tri... đồng nhất... sai biệt... tất cả...

– Vị ấy thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn; vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, vị ấy đã không nghĩ đến Niết-bàn, đã không nghĩ (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn, đã không nghĩ (tự ngã) như là Niết-bàn, đã không nghĩ: "Niết-bàn là của ta" – không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Ta nói vị ấy có thể liễu tri Niết-bàn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát. Vị ấy thắng tri địa đại là địa đại. Vì

thắng tri địa đại là địa đại, vị ấy không nghĩ đến địa đại, không nghĩ (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta" – **không dục hỷ địa đại**. Vì sao vậy? Ta nói vị ấy đã liễu tri địa đại... thủy đại... hỏa đại... phong đại... sanh vật... chư Thiên... Sanh chủ... Phạm thiên... Quang âm thiên... Biến tịnh thiên... Quảng quả thiên... Abhibhù (Thắng Giả)... Không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tưởng phi phi tưởng xứ... sở kiến... sở văn... sở tư niệm... sở tri... đồng nhất... sai biệt... tất cả...

– Vị ấy thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, vị ấy không nghĩ đến Niết-bàn, vị ấy không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta" – không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Ta nói vị ấy đã liễu tri Niết-bàn".

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát. Vị ấy thắng tri địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vị ấy không nghĩ đến

địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta" – **không dục hỷ địa đại.** Vì sao vậy? Vì vị ấy không có tham dục, nhờ tham dục đã được đoạn trừ... thủy đại... hỏa đại... Vị ấy thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, vị ấy không nghĩ đến Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta" – không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì vị ấy không có tham dục, nhờ tham dục đã được đoạn trừ.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát. Vị ấy thắng tri địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vị ấy không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta" **– không dục hỷ địa đại.** Vì sao vậy? Vì vị ấy không có sân hận, nhờ sân hận đã được đoạn trừ... thủy đại... hỏa đại... Vị ấy thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, vị ấy không nghĩ đến Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn,

không nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta" – không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì vị ấy không có sân hận, nhờ sân hận đã được đoạn trừ.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát. Vị ấy thắng tri địa đại là địa đại. Vì thắng tri địa đại là địa đại, vị ấy không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta" **– không dục hỷ địa đại**. Vì sao vậy? Vì vị ấy không có si mê, nhờ si mê đã được đoạn trừ.

⦿ Này các Tỷ-kheo, **Như Lai là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thắng tri địa đại là địa đại**. Vì thắng tri địa đại là địa đại, Ngài không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta" – không dục hỷ địa đại. Vì sao vậy? Ta nói vì Như Lai đã liễu tri địa đại.

– ... thủy đại... hỏa đại...

– ...Như Lai thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, Như Lai không nghĩ đến Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của ta" – không dục hỷ Niết-bàn. Vì sao vậy? Ta nói vì Như Lai đã liễu tri Niết-bàn.

⦿ Này các Tỷ-kheo, **Như Lai là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thắng tri địa đại là địa đại.** Vì thắng tri địa đại là địa đại, Như Lai không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của ta" – không dục hỷ địa đại. ***Vì sao vậy? Vì Như Lai biết rằng: "Dục hỷ là căn bản của đau khổ, từ hữu, sanh khởi lên, và già và chết đến với loài sinh vật".*** Do vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói Như Lai, với sự **diệt trừ hoàn toàn các ái**, sự ly tham, sự đoạn diệt, sự xả ly, sự từ bỏ hoàn toàn các ái, đã chơn chánh giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác"

– ... thủy đại... hỏa đại...

– ... Như Lai thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn. Vì thắng tri Niết-bàn là Niết-bàn, Như Lai không

nghĩ đến Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với Niết-bàn, không nghĩ đến (tự ngã) như là Niết-bàn, không nghĩ: "Niết-bàn là của Ta" – không dục hỷ Niết-bàn. ***Vì sao vậy? Vì Như Lai biết rằng: "Dục hỷ là căn bản của đau khổ, từ hữu, sanh khởi lên, và già chết đến với loài sinh vật".*** Do vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói Như Lai, với sự diệt trừ hoàn toàn các ái, sự ly tham, sự đoạn diệt, sự xả ly, sự trừ bỏ hoàn toàn các ái, đã chơn chánh giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Như vậy, Thế Tôn thuyết giảng. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

21 PHÁP MÔN QUANH CO - Tăng IV, 613

PHÁP MÔN QUANH CO – *Tăng* IV, 613

1. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về **pháp môn quanh co và pháp môn Chánh pháp**. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. *Thế nào là pháp môn quanh co, này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn Chánh pháp?*

Này các Tỷ-kheo, **các chúng sanh là chủ của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, là sanh căn của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ nương tựa của nghiệp. Phàm họ làm nghiệp gì, thiện hay ác, họ là những kẻ thừa tự của nghiệp ấy.**

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Có người sát sanh, bạo ngược, bàn tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với tất cả loài hữu tình, sinh vật.

- Vị ấy quanh co với **thân**, quanh co với **lời**, quanh co với **ý**.
- Thân nghiệp của vị ấy quanh co, ngữ nghiệp của vị ấy quanh co, ý nghiệp của vị ấy quanh co, sanh thú quanh co, sanh thành quanh co.
- Với người sanh thú quanh co, này các Tỷ-kheo, có sanh thành quanh co. Ta nói rằng có một trong hai sanh thú sau đây: Các địa ngục nhất hướng đau khổ hay các loài bàng sanh thuộc loại trườn bò.
- *Và này các Tỷ-kheo, **thế nào là các loài bàng sanh thuộc loại trườn bò?*** Loại rắn, bò cạp, rết, con ăn rắn, con mèo, con chuột, con cú, và bất cứ loài súc vật nào, khi thấy người, trườn bò mà đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo là các sinh vật, sự sanh khởi của sinh vật.

→ **Do làm như thế nào, như vậy được sanh ra và được sanh như thế nào, thời có những cảm xúc như vậy.** Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng các chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình.

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người lấy của không cho... có tà hạnh trong các dục... nói láo... nói hai lưỡi... nói lời thô ác... nói lời phù phiếm... có tham ái... có sân tâm... có tà kiến, có kiến điên đảo rằng:

"Không có bố thí, không có cúng thí, không có tế tự; không có kết quả dị thục các nghiệp thiện ác; không có đời này, không có đời sau; không có mẹ; không có cha; không có các loài hóa sanh; ở đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, những vị này, sau khi tự mình với thắng trí chứng ngộ đời này, đời sau và tuyên bố". Người ấy quanh co với thân, quanh co với lời, quanh co với ý. Thân nghiệp quanh co, ngữ nghiệp quanh co, ý nghiệp quanh co, sanh thú quanh co, sinh thành quanh co. Với người có sanh thú quanh co, này các Tỷ-kheo, có sanh thành quanh co, Ta nói rằng... Như vậy này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng các chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình.

Này các Tỷ-kheo, **các chúng sanh là chủ của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, là sanh căn của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ nương tựa của nghiệp. Phàm là nghiệp gì, thiện hay ác, họ thừa tự nghiệp ấy.**

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Có người sau khi đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và các loài hữu tình.

- Vị ấy không quanh co với thân, không quanh co với lời, không quanh co với ý.
- Thân nghiệp của vị ấy chánh trực, ngữ nghiệp chánh trực, ý nghiệp chánh trực, sanh thú chánh trực, sanh thành chánh trực.
- Với người có sanh thú chánh trực, này các Tỷ-kheo, có sanh thành chánh trực, Ta nói rằng một trong hai sanh thú sau đây: Các Thiên giới nhất hướng lạc, hoặc các gia đình cao quý, các Sát-đế-lỵ đại gia, các Bà-la-môn đại gia, các Gia chủ đại gia, giàu có tài sản lớn, vật thọ dụng lớn, vàng bạc nhiều, tài vật nhiều, tài sản lúa gạo nhiều.

→ **Do làm như thế nào, như vậy được sanh ra; và được sinh ra như thế nào, thời có những cảm xúc như vậy**. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng các chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình.

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Có người đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho... đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục... đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo... đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi... đoạn tận nói lời thô ác, từ bỏ nói

lời thô ác... đoan tân nói lời phù phiếm, từ bỏ nói lời phù phiếm... không có tham duc... không có sân tâm, có chánh kiến, không có các kiến điên đảo. Có bố thí, có cúng thí, có tế tự; có kết quả dị thục các nghiệp thiện ác; có đời này, có đời sau; có mẹ; có cha; có các loài hóa sanh. Ở đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, những vị này, sau khi tự mình với thắng trí chứng ngộ đời này, đời sau và tuyên bố.

- Vị ấy không quanh co với thân, không quanh co với lời, không quanh co với ý.
- Thân nghiệp vị ấy chánh trực, ngữ nghiệp chánh trực, ý nghiệp chánh trực, sanh thú chánh trực, sanh thành chánh trực.
- Với người có sanh thú chánh trực, này các Tỷ-kheo, có sanh thành chánh trực, Ta nói rằng một trong hai sanh thú sau đây: Các thiên giới nhất hướng lạc, hoặc các gia đình cao quý, các Sát-đế-ly đại gia, các Bà-la-môn đại gia, các gia chủ đại gia, giàu có tài sản lớn, vật thọ dụng lớn, vàng bạc nhiều, tài vật nhiều, tài sản lúa gạo nhiều.

→ **Do làm như thế nào, như vậy được sanh ra và được sanh như thế nào, thời có những cảm xúc như vậy.** Này các Tỷ-kheo, Ta nói

rằng **chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình.**

Này các Tỷ-kheo, các chúng sanh là chủ của nghiệp, là những kẻ thừa tự của nghiệp, là sanh căn của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ nương tựa của nghiệp. Phàm làm nghiệp gì, thiện hay ác, họ là những kẻ thừa tự của nghiệp ấy.

22 PHÁP TRANG NGHIÊM - 89 Trung II, 613

KINH PHÁP TRANG NGHIÊM

(Dhammacetiya suttam) – Bài kinh số 89 – Trung II, 613

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka (Thích-ca). Medalumpa là một thị trấn của dân chúng Sakka. Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala đi đến Nangaraka vì có một vài công việc. Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với Digha Karayana:

– Này Karayana, hãy sửa soạn các cỗ xe thù thắng, ta muốn đi đến các thượng uyển để ngắm phong cảnh.

– Thưa vâng, Đại vương.

Digha Karayana vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, cho sửa soạn các cỗ xe thù thắng, rồi thưa

với vua Pasenadi nước Kosala:

– Tâu Đại vương, các cỗ xe thù thắng của Đại vương đã sửa soạn xong, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, leo lên một cỗ xe thù thắng, đi ra khỏi Nangaraka cùng nhiều cỗ xe thù thắng khác, với tất cả uy vệ của vua chúa, và đi đến vườn thượng uyển, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ, vào vườn thượng uyển. Trong khi đi qua đi lại trong vườn (thượng uyển), trong khi tản bộ thưởng ngoạn, vua Pasenadi nước Kosala thấy những gốc cây khả ái, đẹp mắt, lặng tiếng, ít ồn, vắng người, thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp với trầm tư mặc tưởng. Thấy vậy, vua liền nghĩ đến Thế Tôn: "*Những gốc cây khả ái, đẹp mắt, lặng tiếng, ít ồn, vắng người, thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp với trầm tư mặc tưởng này, chính tại đây, chúng ta đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác*". Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với Digha Karayana:

– Này Karayana, những gốc cây khả ái... (như trên)... Chánh Đẳng Giác. Này Karayana, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trú tại chỗ nào?

– Tâu Đại vương, có một thị trấn của dân chúng

Sakka tên là Medalumpa. Tại đấy, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đang trú.

– Này Karayana, Medalumpa, thị trấn của dân chúng Sakka, cách xa Nangaraka bao nhiêu?

– Tâu Đại vương, cách không xa, có ba yojana (do tuần). Có thể đi đến chỗ ấy trong ngày.

– Vậy này Karayana, hãy sửa soạn các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Digha Karayana vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, cho sửa soạn các cỗ xe thù thắng, sau khi sửa soạn xong các cỗ xe thù thắng, liền tâu với vua Pasenadi nước Kosala:

– Tâu Đại vương các cỗ xe thù thắng đã sửa soạn xong, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, leo lên một cỗ xe thù thắng, và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, từ Nangaraka đi đến Medulampa, thị trấn của dân chúng Sakka, đến nơi đó nội trong ngày, rồi đi đến

tịnh xá. Vua đi xe cho đến chỗ nào có thể đi xe được, rồi xuống xe đi bộ vào tịnh xá. Lúc bấy giờ một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Vua Pasenadi nước Kosala đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo ấy:

– Chư Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở đâu? Chúng tôi muốn yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

– Thưa Đại vương, Thế Tôn ở trong ngôi nhà này với các cửa khép kín. Hãy im lặng đến gần, bước vào hành lang nhưng không vượt qua, sau khi đằng hắng, hãy gõ vào khóa cửa. Thế Tôn sẽ mở cửa cho Đại vương.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, ngay tại chỗ ấy, trao kiếm và vành khăn cho Digha Karayana. Rồi Digha Karayana tự nghĩ: "Nay vua muốn đi một mình. Ở đây, ta phải dừng lại". Rồi vua Pasenadi nước Kosala im lặng đi đến căn nhà đóng cửa, sau khi đến, bước vào hành lang nhưng không vượt qua, đằng hắng và gõ vào khóa cửa. Thế Tôn mở cửa. Rồi vua Pasenadi nước Kosala bước vào căn nhà, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn xung quanh chân Thế Tôn, tay xoa rờ xung quanh chân và tự xưng tên:

– Bạch Thế Tôn, con là vua Pasenadi nước

Kosala. Bạch Thế Tôn, con là vua Pasenadi nước Kosala.

– Thưa Đại vương, do thấy nguyên nhân gì, Đại vương lại hạ mình tột bực như vậy đối với thân này và biểu lộ tình thân ái như vậy?

– Bạch Thế Tôn, con có pháp truyền thống (Dhammanvaya) này đối với Thế Tôn. "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn hành trì Phạm hạnh có giới hạn trong mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm. Những vị này, sau một thời gian, khéo tắm, khéo phấn sáp, với râu tóc khéo chải chuốt, sống thụ hưởng một cách sung mãn, đầy đủ năm dục trưởng dưỡng.

Ở đây, Bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo sống hành trì Phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh cho đến trọn đời, cho đến hơi thở cuối cùng. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đây ra có một Phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh như vậy. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn. "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác. Pháp được

Thế Tôn khéo giảng, chư Tăng đệ tử, Thế Tôn khéo tu tập, hành trì".

- Lại nữa bạch Thế Tôn, vua chúa cãi lộn với vua chúa, Sát-đế-lỵ cãi lộn với Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn cãi lộn với Bà-la-môn, gia chủ cãi lộn với gia chủ, mẹ cãi lộn với con, con cãi lộn với mẹ, cha cãi lộn với con, con cãi lộn với cha, anh em cãi lộn với anh em, anh em cãi lộn với chị em, chị em cãi lộn với anh em, bạn bè cãi lộn với bạn bè.

Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo sống với nhau thuận hòa, thân hữu, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đây ra, có một Phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh như vậy. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập, hành trì".

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, con đi du hành tản bộ từ công viên này đến công viên khác, từ cung uyển này đến cung uyển khác. Ở đấy, con thấy một số Sa-môn, Bà-la-môn gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn. Bạch Thế Tôn, con suy

nghĩ như sau: "Thật sự các bậc Tôn giả này sống Phạm hạnh không được hoan hỷ hay có những ác nghiệp được giấu kín. Do vậy, các vị Tôn giả này mới gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn. Con đi đến các vị ấy và nói:

"– Vì sao chư Tôn giả lại gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn?".

Các vị ấy trả lời như sau:

"– Tâu Đại vương, chúng tôi bị bệnh gia truyền".

Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo hân hoan, phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào (sự hỷ cúng) của người khác, với tâm tư như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật sự các bậc Tôn giả này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự nên các bậc Tôn giả này hân hoan, phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào (sự hỷ cúng) của người khác, với tâm tư như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng

Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, con là một vị vua Sát-đế-lỵ, đã làm lễ quán đảnh, có thể hành quyết những ai đáng bị hành quyết, gia phạt những ai đáng bị gia phạt, trục xuất những ai đáng bị trục xuất. Nhưng bạch Thế Tôn, khi con ngồi xử kiện, có người đôi khi nói ngắt lời của con. Và con không có dịp để nói: "Này Quý vị, chớ có ngắt lời nói của ta, khi ta đang ngồi xử kiện. Quý vị hãy chờ cho đến khi ta nói xong". Bạch Thế Tôn, thế mà có người vẫn ngắt lời nói của con.

Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, trong khi ấy không có một tiếng nhảy mũi hay tiếng ho khởi lên. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, có người đệ tử Thế Tôn ho lên. Một đồng Phạm hạnh khẽ đập vào đầu gối và nói: "Tôn giả hãy im lặng, Tôn giả chớ có làm ồn. Thế Tôn, bậc Đạo Sư của chúng ta đang thuyết pháp". Bạch Thế Tôn, con khởi lên ý nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Thính chúng này thật khéo được huấn luyện, không gậy, không kiếm. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đồ chúng này có một đồ chúng nào

khác được khéo huấn luyện như đồ chúng này. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy ở đây một số Sát-đế-lỵ bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc. Những vị này đi chỗ này, chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ. Những vị này nghe: "Sa-môn Gotama sẽ đến thăm ngôi làng này hay thị trấn này". Họ sắp đặt câu hỏi: "Chúng ta sau khi đến sẽ hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi này. Khi bị chúng ta hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như thế này, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế này. Khi bị ta hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như thế kia, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế kia". Những vị này nghe: "Sa-môn Gotama đã đến thăm ngôi làng hay thị trấn này". Những vị này đến chỗ Sa-môn Gotama ở. Sa-môn Gotama với pháp thoại khai thị cho các vị này, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Được Sa-môn Gotama, với pháp thoại khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, họ không hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi (đã định trước), huống nữa là chất vấn! Trái lại, họ trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Bạch Thế Tôn,

như vậy là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy ở đây một số Bà-la-môn bác học... (như trên)... Gia chủ bác học, Sa-môn bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia như muốn đả phá các tà kiến... (như trên)... họ không hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi (đã định trước), huống nữa là chất vấn. Trái lại, họ xin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế Tôn cho họ được xuất gia. Được xuất gia như vậy, một số các vị ấy sống một mình, không phóng dật, nỗ lực, tinh cần và không bao lâu sau, tự chứng với thắng trí, chứng ngộ chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích tối thượng của Phạm hạnh mà những Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Họ nói như sau*: "Thật sự chúng ta gần hoại vong! Thật sự chúng ta gần hoại diệt! Xưa kia chúng ta không phải Sa-môn lại tự xem là Sa-môn, không phải Bà-la-môn lại tự xem là Bà-la-môn, không phải bậc A-la-hán lại tự xem là bậc A-la-hán. Nay chúng ta mới thật là Sa-môn. Nay chúng ta mới thật là Bà-la-môn. Nay chúng ta mới thật là A-la-*

hán". Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, Isidatta và Purana là hai quan giữ ngựa, ăn cơm của con, đi xe của con, sinh sống do con cho, và chính con đem danh vọng lại cho họ. Nhưng họ không hạ mình đối với con như họ hạ mình đối với Thế Tôn.

Thuở xưa, bạch Thế Tôn, trong khi hành quân chống với đội quân (đối nghịch), và muốn thử thách Isidatta và Purana, hai quan giữ ngựa, con đến ở tại một căn nhà chật hẹp. Rồi bạch Thế Tôn, hai quan giữ ngựa, Isidatta và Purana, sau khi cùng nhau đàm luận về chánh pháp hơn nửa đêm, rồi nằm xuống ngủ, với đầu của họ hướng về phía mà họ được nghe là chỗ Thế Tôn ở và với chân hướng về chỗ con. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: *"Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Hai quan giữ ngựa Isidatta và Purana này ăn cơm của ta, đi xe của ta, sinh sống do ta cho, và chính ta đem danh vọng lại cho họ. Nhưng họ không hạ mình đối với ta như họ hạ mình đối với Thế Tôn. Thật sự những vị này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự"*. Bạch Thế Tôn, đây là pháp

truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuộc dòng Sát-đế-lỵ, con cũng thuộc dòng Sát-đế-lỵ. Thế Tôn là người nước Kosala, con cũng thuộc người nước Kosala. Thế Tôn được tám mươi tuổi, con cũng được tám mươi tuổi. Vì Thế Tôn thuộc dòng Sát-đế-lỵ và con cũng thuộc dòng Sát-đế-lỵ; vì Thế Tôn là người nước Kosala, con cũng thuộc người Kosala; vì Thế Tôn được tám mươi tuổi, con cũng được tám mươi tuổi; nên con sẵn sàng hạ mình tột bực đối với Thế Tôn, và biểu lộ tình thân ái.

Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi, chúng con nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm.

– Thưa Đại vương, Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Khi vua Pasenadi nước Kosala ra đi không bao lâu, Thế Tôn cho gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, đấy là vua Pasenadi nước Kosala. Sau khi nói lên những pháp trang nghiêm, vua đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Này các Tỷ-kheo, hãy học các pháp trang nghiêm. Hãy thấu triệt các pháp trang nghiêm. Này các Tỷ-kheo, hãy thọ trì các pháp trang nghiêm. Này các Tỷ-kheo, các pháp trang nghiêm này liên hệ đến mục tiêu, là căn bản của Phạm hạnh.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

23 PHÁP TRÍ - Tăng III, 436

PHÁP TRÍ – *Tăng* III, 436

1. - Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng... là phước điền vô thượng ở đời. Thế nào là bảy?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vị:

- Biết pháp,
- Biết nghĩa,
- Biết tự ngã,
- Biết ước lượng,
- Biết thời,
- Biết hội chúng,
- Biết người thắng kẻ liệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết pháp?

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết pháp: Khế Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Không hỏi tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Pháp chưa từng có, Phương quảng.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết pháp: Khế kinh, Ứng tụng... Phương quảng, vị ấy ở đây không được gọi là vị biết pháp.

Và này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết pháp: Khế kinh, Ứng tụng... Pháp chưa từng có, Phương quảng; do vậy, vị ấy được gọi là vị biết pháp. Như vậy là biết pháp.

Thế nào là biết nghĩa?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết ý nghĩa của lời thuyết này, của lời thuyết kia: "Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói này".

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết ý nghĩa của lời thuyết này, của lời thuyết kia: "Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói này", thời ở đây, vị ấy không được gọi là vị biết nghĩa.

Và này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết ý nghĩa của lời thuyết này, của lời thuyết kia: "Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói này"; do vậy, vị ấy được gọi là vị biết nghĩa. Đây là biết pháp, biết nghĩa.

Thế nào là tự biết?

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự biết; "Cho đến như vậy, tôi có lòng tin, giữ giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài".

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết tự ngã như vầy: "Cho đến như vậy, tôi có lòng tin, giữ giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài", ở thời đây, vị ấy không được gọi là vị biết tự ngã.

Nếu Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, biết tự ngã: "Cho đến như vậy, tôi có lòng tin, giữ giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài"; do vậy, vị ấy được gọi là vị biết tự ngã. Đây là biết pháp, biết nghĩa, tự biết.

Và thế nào là biết ước lượng?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết ước lượng (vừa đủ) trong khi nhận các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết ước lượng vừa đủ khi nhận các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, thời vị ấy ở đây không được gọi là vị biết ước lượng vừa đủ.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết ước lượng vừa đủ khi nhận các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; do vậy vị ấy được gọi là vị

biết ước lượng vừa đủ. Đây là biết pháp, biết nghĩa, tự biết, biết ước lượng.

Và thế nào là biết thời?

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết thời: "Đây là thời để *tuyên thuyết*, đây là thời *chất vấn*, đây là thời *tu tập*, đây là thời *Thiền tịnh*".

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết thời: "Đây là thời tuyên thuyết, đây là thời chất vấn, đây là hời tu tập, đây là thời Thiền tịnh", thời ở đây, vị ấy được gọi là không biết thời.

Và này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết thời: Đây là thời tuyên thuyết, đây là thời chất vấn, đây là hời tu tập, đây là thời Thiền tịnh"; do vậy, vị ấy được gọi là vị biết thời, biết vừa đủ, biết thời.

Và thế nào là biết hội chúng?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết hội chúng: "Đây là hội chúng Sát-đế-ly, đây là hội chúng Bà-la-môn, đây là hội chúng Gia chủ, đây là hội chúng Sa-môn. Ở đây, nên đi đến như vậy, nên đứng như vậy, nên ngồi như vậy, nên nói như vậy, nên im lặng như vậy".

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết hội chúng: "Đây là hội chúng Sát-đế-ly, đây là hội chúng Bà-la-môn, đây là hội chúng Gia chủ, đây là hội chúng Sa-môn. Ở đây, nên đi đến như vậy, nên đứng như vậy, nên ngồi như vậy, nên nói như vậy, nên im lặng như vậy", thời ở đây, vị ấy không được gọi là "Vị biết hội chúng".

Và này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết hội chúng: "Đây là hội chúng Sát-đế-ly, đây là hội chúng Bà-la-môn, đây là hội chúng Gia chủ, đây là hội chúng Sa-môn. Ở đây, nên đi đến như vậy, nên đứng như vậy, nên ngồi như vậy, nên nói như vậy, nên im lặng như vậy"; do vậy, được gọi là "Vị biết hội chúng".

Đây là biết pháp, biết nghĩa, tự biết, biết vừa đủ, biết thời, biết hội chúng.

Và thế nào là biết người thắng liệt?

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo, *loài Người được biết theo hai hạng: một hạng ưa thấy các bậc Thánh, một hạng không ưa thấy các bậc Thánh*. Người này không ưa thấy các bậc Thánh, do có việc ấy, đáng bị quở trách. Còn người này ưa thấy các bậc Thánh, do việc ấy, đáng được tán thán.

Có hai hạng người nghe diệu pháp: một hạng người ưa nghe diệu pháp, một hạng người không ưa nghe diệu pháp. Hạng người này không ưa nghe diệu pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách. Hạng người này ưa nghe diệu pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán.

Có hai hạng người nghe diệu pháp: một hạng người lắng tai nghe diệu pháp, một hạng người không lắng tai nghe diệu pháp. Hạng người này không lắng tai nghe diệu pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách. Hạng người này lắng tai nghe diệu pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán.

Có hai hạng người lắng tai nghe pháp: một hạng người nghe xong, thọ trì pháp; một hạng người nghe xong, không thọ trì pháp. Người này nghe xong không thọ trì pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách. Người này nghe xong thọ trì pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán.

Có hai hạng người nghe xong thọ trì pháp: một hạng người quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì, một hạng người không quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì. Hạng người này không quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì, do sự việc ấy, đáng được quở trách. Hạng người này quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì, do sự việc ấy, đáng được tán thán.

Có hai hạng người quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì: một hạng người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, đã thực hành pháp; tùy pháp; một hạng người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, không thực hành pháp, tùy pháp. Hạng người này sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, không thực hành pháp, tùy pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách. Hạng người này sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán.

Có hai hạng người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp đã thực hành pháp; tùy pháp: một hạng người thực hành với mục đích tự lợi, không có lợi tha; một hạng người thực hành với mục đích tự lợi và lợi tha. Hạng người này thực hành với mục đích tự lợi, không có lợi tha, do sự việc ấy, đáng bị quở trách. Hạng người này thực hành với mục đích tự lợi và lợi tha, do sự việc ấy, đáng được tán thán.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo, loài Người được biết theo hai hạng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết hạng người thắng liệt.

Do thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính... là phước điền vô thượng ở đời.

24 PHÁP TÓM TẮT - Tăng III, 660

PHÁP TÓM TẮT – *Tăng* III, 660

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Mahàvana, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahàpajàpatì Gotamì đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahàpajàpatì Gotamì bach Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

2. - *Này Gotamì, những pháp nào bà biết:*

1. *"Những pháp này đưa đến tham dục, không phải ly tham.*
2. *Đưa đến hệ phược, không đưa đến ly hệ phược.*
3. *Đưa đến tích tập, không đưa đến không tích tập.*
4. *Đưa đến dục lớn, không đưa đến ít dục.*
5. *Đưa đến không biết đủ, không đưa đến biết đủ.*
6. *Đưa đến tụ hội, không đưa đến nhàn tịnh.*
7. *Đưa đến biếng nhác, không đưa đến tinh tấn.*

8. *Đưa đến khó nuôi dưỡng, không đưa đến dễ nuôi dưỡng".*

Này Gotamì, **hãy thọ trì nhứt hướng rằng: "Đó là không phải Pháp, đó là không phải Luật, đó là không phải lời dạy của bậc Đạo sư".**

3. Và này Gotamì, những pháp nào bà biết:

1. *"Những pháp đưa đến ly tham, không đưa đến tham dục.*
2. *Đưa đến ly hệ phược, không đưa đến hệ phược.*
3. *Đưa đến không tích tập, không đưa đến tích tập.*
4. *Đưa đến ít dục, không đưa đến dục lớn.*
5. *Đưa đến biết đủ, không đưa đến không biết đủ.*
6. *Đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội.*
7. *Đưa đến tinh tấn, không đưa đến biếng nhác.*
8. *Đưa đến dễ nuôi dưỡng, không đưa đến khó nuôi dưỡng".*

Này Gotamì, **hãy thọ trì nhứt hướng rằng: "Đó là phải Pháp, đó là phải Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo Sư".**

25 PHÁP TỐI THƯỢNG - Tăng III, 246

PHÁP TỐI THƯỢNG – *Tăng* III, 246

1- Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán.

2. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Không có lòng tin, không có xấu hổ, không có lòng sợ hãi, biếng nhác, ác tuệ,
- Thân và mạng nhiều ước vọng.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán.

3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán.

4. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Có lòng tin, có lòng xấu hổ, có lòng sợ hãi, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ,
- Thân và mạng không có ước vọng.

Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán.

26 PHÁP VÀ PHI PHÁP 1 - Tăng IV, 580

PHÁP VÀ PHI PHÁP 1 – *Tăng* IV, 580

1. Phi pháp và phi mục đích, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết. Pháp và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và phi mục đích, sau khi biết pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp và phi mục đích?

2. Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham, sân, tà kiến.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là phi pháp và phi mục đích.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp và mục đích?

3. Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham, không sân, chánh kiến.

Này các Tỷ-kheo, đây là pháp và mục đích.

Phi pháp và phi mục đích, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết. Pháp và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và phi mục đích, sau khi biết pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Lời đã nói như vậy, chính duyên này, đã nói như vậy.

PHÁP VÀ PHI PHÁP 2 – 581tc4

(Giống như kinh số 115, có hai sự sai khác. Một là trong kinh trước nói đến Tôn giả Ànanda, trong kinh này nói đến Tôn giả Mahàkaccàna. Hai là trong kinh trước nói đến phi pháp là chỉ cho tà kiến đến tà giải thoát, nói đến pháp là chỉ cho chánh kiến đến chánh giải thoát. Trong kinh này, nói đến phi pháp và chỉ cho sát sanh cho đến tham, sân và tà kiến, Nói đến pháp là chỉ cho từ bỏ sát sanh cho đến không tham, không sân, chánh kiến).

PHÁP VÀ PHI PHÁP 3 – 582tc4

1. Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết. Phi mục đích và mục đích, cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và phi mục đích, sau khi biết

pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích, thế nào là mục đích?

2. Này các Tỷ-kheo

- Sát sanh, là phi pháp, từ bỏ sát sanh là pháp. Những pháp ác bất thiện do duyên sát sanh khởi lên, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên từ bỏ sát sanh, đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.
- Lấy của không cho... tà hạnh trong các dục... nói láo... nói hai lưỡi... nói lời độc ác... nói phù phiếm... tham... sân...
- Tà kiến, là phi pháp, từ bỏ tà kiến là pháp. Những pháp ác bất thiện, do duyên tà kiến khởi lên, đây là phi mục đích. Những pháp thiện, do duyên chánh kiến đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

3. Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết. Phi mục đích và mục đích, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.

27 PHÂN BIỆT CÚNG DƯỜNG - 142 Trung III, 569

KINH PHÂN BIỆT CÚNG DƯỜNG
(Dakkhinavibhanga suttam)
– Bài kinh số 142 – Trung III, 569

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dòng họ Sakka (Thích-Ca), ở Kapilavatthu (Ca-ty-la-vệ), tại tinh xá Nigrodha (Ni-câu-luật Thọ Viên). Rồi Mahapajapati Gotami (Củ đàm Nữ Ma-ha-ba-ế xà-bà-đề), đem theo một cặp y mới, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahapajapati Gotami bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt đặc biệt cho Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy nhận lấy cho con.

Khi được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Mahapajapati Gotami:

– Này Gotami, hãy cúng dường Tăng chúng. Bà cúng dường Tăng chúng, thời Ta sẽ được cung kính,

và cả Tăng chúng cũng vậy.

Lần thứ hai, Mahapajapati Gotami bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt.. hãy nhận lấy cho con.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Mahapajapati Gotami:

– Này Gotami, hãy cúng dường Tăng chúng.. và cả Tăng chúng cũng vậy.

Lần thứ ba, Mahapajapati Gotami bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt ... hãy nhận lấy cho con.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Mahapajapati Gotami:

– Này Gotami, hãy cúng dường Tăng chúng... và cả tăng chúng cũng vậy.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn hãy nhận cặp y mới cho Mahapajapati Gotami! Bạch Thế Tôn, Mahapajapati Gotami đã giúp ích nhiều cho Thế Tôn, là thúc mẫu, là dưỡng mẫu, đã nuôi dưỡng Thế Tôn, đã cho Thế Tôn bú sữa, vì rằng sau khi sanh, thân mẫu của Thế Tôn mệnh chung, chính bà đã cho Thế Tôn bú sữa.

Bạch Thế Tôn, và Thế Tôn cũng giúp ích nhiều cho Mahapajapati Gotami.

- Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahapajapati Gotami đã quy y Phật, quy Pháp, quy y Tăng.

- Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahapajapati từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say các loại rượu đem lại.

- Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahapajapati Gotami có đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, đầy đủ các giới luật làm bậc Thánh hoan hỷ.

- Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahapajapati Gotami không còn nghi ngờ đối

với Khổ, không còn nghi ngờ đối với Khổ tập, không còn nghi ngờ đối với Khổ diệt, không còn nghi ngờ đối với con Đường đưa đến khổ diệt.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn cũng đã giúp ích nhiều cho Mahapajapati Gotami.

– Thật là như vậy, này Ananda! Thật là như vậy, này Ananda!

→ Này Ananda, nếu do nhờ một người, mà một người khác được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, thời này Ananda, ***Ta nói rằng người này không có một đến ơn nào xứng đáng đối với người kia về đảnh lễ,*** đứng đậy, chấp tay, về làm những việc thích hợp và về dâng cúng các sự cúng dường như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

→ Nếu do nhờ một người mà một người khác từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say các loại rượu men, rượu nấu, thời này Ananda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia... dược phẩm trị bệnh.

→ Này Ananda, nếu do nhờ một người mà một người khác đầy đủ tịnh tín bất động đối với Phật... đối với Pháp.. đầy đủ các giới luật, thời này Ananda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia.. dược phẩm trị bệnh.

→ Này Ananda, nếu do nhờ một người mà một người khác không có nghi ngờ đối với Khổ, không có nghi ngờ đối với Khổ tập, không có nghi ngờ đối với Khổ diệt, không có khi ngờ đối với con Đường đưa đến khổ diệt, thời này Ananda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia... dược phẩm trị bệnh.

☞ ***Này Ananda, có mười bốn loại cúng dường phân loại theo hạng người.***

– Bố thí các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, là cúng dường *thứ nhất*, phân loại theo hạng người.

– Bố thí các vị Độc Giác Phật, là cúng dường *thứ hai*, phân loại theo hạng người.

– Bố thí các bậc A-la-hán, đệ tử Như Lai, là cúng

dường *thứ ba*, phân loại theo hạng người.

– Bố thí các vị trên con đường chứng quả A-la-hán là cúng dường *thứ tư*, phân loại theo hạng người.

– Bố thí các vị chứng quả Bất lai, là cúng dường *thứ năm*, phân loại theo hạng người.

– Bố thí các vị trên con đường chứng quả Bất lai là cúng dường *thứ sáu*, phân loại theo hạng người.

– Bố thí các vị chứng quả Nhất lai là cúng dường *thứ bảy*, phân loại theo hạng người.

– Bố thí các vị trên con đường chứng quả Nhất lai là cúng dường *thứ tám*, phân loại theo hạng người.

– Bố thí các vị chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ chín, phân loại theo hạng người.

– Bố thí các vị trên con đường chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ mười, phân loại theo hạng người.

– Bố thí những vị ngoại học (bahiraka) đã ly

tham trong các dục vọng là cúng dường thứ mười một, phân loại theo hạng người.

– Bố thí những phàm phu gìn giữ giới luật là cúng dường thứ mười hai, phân loại theo hạng người.

– Bố thí những phàm phu theo ác giới là cúng dường thứ mười ba, phân loại theo hạng người được bố thí.

– Bố thí các loại bàng sanh là cúng dường thứ mười bốn, phân loại theo hạng người.

➔ Tại đây, này Ananda, sau khi bố thí cho **các loại bàng sanh**, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm phần công đức.

➔ Sau khi bố thí cho những **phàm phu theo ác giới**, cúng dường này có hy vọng đem lại ngàn phần công đức.

➔ Sau khi bố thí cho các **phàm phu gìn giữ giới luật**, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn lần công đức.

➔ Sau khi bố thí cho các **người ngoại học đã ly tham trong các dục** vọng, cúng dường này có

hy vọng đem lại trăm ngàn ức lần công đức.

➔ Sau khi bố thí cho **các vị trên con đường chứng quả Dự lưu** cúng dường này có hy vọng đem lại vô số vô lượng công đức. Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Dự lưu? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả A-la-hán? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả A-la-hán đệ tử Như Lai? Còn nói gì đến những vị Độc Giác Phật? Còn nói gì đến các Như Lai bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác?

☞ ***Này Ananda, có bảy loại cúng dường cho Tăng chúng.***

– Bố thí cho cả hai Tăng chúng với đức Phật là vị cầm đầu là cúng dường Tăng chúng thứ nhất.

– Bố thí cho cả hai Tăng chúng, sau khi đức Phật đã nhập diệt là cúng dường Tăng chúng thứ hai.

– Bố thí cho chúng Tỷ-kheo Tăng là cúng dường Tăng chúng thứ ba.

– Bố thí cho chúng Tỷ-kheo ni là cúng dường Tăng chúng thứ tư.

– Bố thí và nói rằng: "Mong Tăng chúng chỉ định cho tôi một số Tỷ-kheo và Tỷ-kheo ni như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ năm.

– Bố thí và nói rằng: "Mong rằng chúng chỉ định cho tôi một số Tỷ-kheo như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ sáu.

– Bố thí và nói rằng: "Mong rằng chúng chỉ định cho một số Tỷ-kheo ni như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ bảy.

Nhưng này Ananda, trong thời gian tương lai sẽ có những hạn chuyển tánh (gotrabhuno), (?) với những áo cà-sa vàng xung quanh cổ, theo ác giới, ác pháp, và cuộc bố thí đối với chúng Tăng theo ác giới.

Nhưng này Ananda, khi Ta nói rằng cúng dường cho Tăng chúng là vô số và vô lượng, thời này Ananda, Ta không có muốn nói rằng bất cứ phương tiện gì, một sự bố thí phân loại theo cá nhân lại có kết quả to lớn hơn đối với cúng dường cho Tăng chúng.

☞ ***Này Ananda, có bốn sự thanh tịnh của các loại***

cúng dường*. *Thế nào là bốn?

– Này Ananda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận.

– Này Ananda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho.

– Này Ananda, có loại cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

– Này Ananda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Và này Ananda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận? Ở đây, này Ananda, người cho giữ giới, theo thiện pháp, còn những người nhận theo ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này Ananda, là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận.

Và này Ananda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho? Ở đây, này Ananda, người cho theo ác

giới, theo ác pháp, còn những người nhận giữ giới, theo thiện pháp. Như vậy, này Ananda, là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho.

Và này Ananda, thế nào là loại cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận? Ở đây, này Ananda, người cho theo ác giới, theo ác pháp, và người nhận cũng theo ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này Ananda, là sự cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Và này Ananda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận? Ở đây, này Ananda, người cho giữ giới, theo thiện pháp; và người nhận cũng giữ giới, theo thiện pháp. Như vậy, này Ananda, là sự cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Này Ananda, như vậy là bốn sự thanh tịnh của các loại cúng dường.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Bậc Thiện Thệ sau khi nói như vậy, bậc Đạo sư lại nói thêm:

Ai đầy đủ giới luật,
Bố thí cho ác giới;

Vật thí được đúng pháp,
Với tâm khéo hoan hỷ,
Với lòng tin vững vàng
Vào quả lớn của nghiệp,
Sự cúng dường như vậy,
Thanh tịnh bởi người cho.

Ai không giữ giới luật,
Bố thí cho thiện giới;
Vật thí không đúng pháp,
Với tâm không hoan hỷ,
Không lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Sự cúng dường như vậy,
Thanh tịnh bởi người nhận.

Ai không giữ giới luật,
Bố thí cho ác giới;
Vật thí không đúng pháp,
Với tâm không hoan hỷ,
Không lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Sự cúng dường như vậy
Cả hai không thanh tịnh.

Ai đầy đủ giới luật,
Bố thí cho thiện giới;

Vật thí được đúng pháp,
Với tâm khéo hoan hỷ,
Với lòng tin vững vàng
Vào quả lớn của nghiệp,
Ta nói bố thí ấy
Chắc chắn có quả lớn.

Ai xuất ly tham ái
Bố thí không tham ái,
Vật thí được đúng pháp.
Với tâm khéo hoan hỷ,
Với lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Ta nói bố thí ấy
Là quảng đại tài thí.

28 PHÂN BIỆT SÁU XỨ - 137 Trung III, 499

KINH PHÂN BIỆT SÁU XỨ
(Salayatanavibhanga suttam)
– Bài kinh số 137 – Trung III, 499

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo"

– "Bạch Thế Tôn" . Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông phân biệt sáu xứ. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Có sáu nội xứ cần phải biết. Có sáu ngoại xứ cần phải biết. Có sáu thức thân cần phải biết. Có sáu xúc thân cần phải biết. Có mười tám ý hành cần phải biết. Có ba mươi sáu loại hữu tình cần phải biết. Tại đây, do y cứ cái này, đoạn tận cái này. Có ba niệm xứ mà một bậc Thánh phải thực hành, và có thực hành (niệm xứ) ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng. Trong các bậc Huấn luyện sư, vị ấy được gọi là bậc Vô thượng Điều ngự sư, điều phục các hạng người đáng được điều phục. Đây là tổng thuyết về phân biệt sáu xứ.

➲ *Khi được nói đến "Sáu nội xứ cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy?* Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Khi được nói đến: "Sáu nội xứ cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

➲ *Khi được nói đến "Sáu ngoại xứ cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy?* Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ. Khi được nói đến: "Sáu ngoại xứ cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

➲ *Khi được nói đến "Sáu thức thân cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy?* Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Khi

được nói đến: "Sáu thức thân cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

➲ *Khi được nói đến "Sáu xúc thân cần phải biết", do duyên gì được nói đến như vậy?* Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

➲ *Khi được nói đến "Mười tám ý hành cần phải biết", do duyên gì được nói đến như vậy?*

– Sau khi mắt thấy sắc, (ý) chạy theo sắc trú xứ của hỷ, chạy theo sắc trú xứ của ưu, chạy theo sắc trú xứ của xả;

– Sau khi tai nghe tiếng.. (như trên)...;

– sau khi mũi ngửi hương... (như trên)...

– Sau khi lưỡi nếm vị... (như trên)....

– Sau khi thân cảm xúc.. (như trên)...

– Sau khi ý nhận thức pháp, ý chạy theo pháp khởi lên hỷ, chạy theo pháp khởi lên ưu, chạy theo pháp khởi lên xả.

⇨ Như vậy, có **sáu hỷ hành, có sáu ưu hành, có sáu xả hành**. Khi được nói đến "Mười tám ý hành cần phải biết", chính do duyên này, được

nói đến như vậy.

➲ *Khi được nói đến "Ba mươi sáu loại hữu tình cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy?*

– Sáu hỷ liên hệ tại gia,
– Sáu hỷ liên hệ xuất ly,
– Sáu ưu liên hệ tại gia,
– Sáu ưu liên hệ xuất ly,
– Sáu xả liên hệ tại gia,
– Sáu xả liên hệ xuất ly.

Ở đây, thế nào là sáu hỷ liên hệ tại gia? Có hỷ khởi lên, hoặc do nhận được hay thấy sự nhận được các sắc do con mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì đã nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ tại gia. Có hỷ khởi lên, hoặc do nhận được hay thấy sự nhận được các tiếng do tai nhận thức.. (như trên)... các hương do mũi nhận thức … (như trên) … các vị do lưỡi nhận thức.. (như trên)... các xúc do thân nhận thức.. (như trên)... các pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì đã nhận được về trước, đã qua,

đã diệt, đã biến hoại. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến tại gia. Sáu hỷ này liên hệ đến tại gia.

Ở đây, thế nào là sáu hỷ liên hệ đến xuất ly? Sau khi biết các sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt và nghĩ rằng: "Các sắc pháp xưa kia và các sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại". **Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, có hỷ khởi lên**. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến xuất ly. Sau khi biết được các tiếng... (như trên)...; các hương... (như trên)... các vị.. (như trên)... các xúc... (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt và nghĩ rằng: "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến hoại". Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, có hỷ khởi lên. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến xuất ly. Sáu hỷ này liên hệ đến xuất ly.

Ở đây, thế nào là sáu ưu liên hệ tại gia? Có ưu khởi lên; hoặc do không nhận được hay thấy sự không nhận được các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì không nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ tại gia. Có ưu khởi lên, hoặc do không nhận được hay thấy sự không nhận được các tiếng do

tai nhận thức.. (như trên)... các hương do mũi nhận thức.. (như trên)... các vị do lưỡi nhận thức.. (như trên)... các xúc do thân nhận thức ... (như trên) ... các pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì không nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ đến tại gia. Sáu ưu này liên hệ đến tại gia.

Ở đây, thế nào là sáu ưu liên hệ đến xuất ly? Sau khi biết được các sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt và nghĩ rằng: "Các sắc pháp xưa kia và các sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại". **Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, vị ấy khởi lên ước muốn đối với vô thượng giải thoát,** nghĩ rằng: "Khi nào ta có thể chứng đạt và an trú trong xứ (ayatana) mà các bậc Thánh đang chứng đạt và an trú?" Như vậy, do ước muốn đối với các vô thượng giải thoát, ưu khởi lên do duyên ước muốn. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ xuất ly. Sau khi biết được các tiếng.... (như trên)... các hương.. (như trên)... các vị... (như trên)... các xúc... (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt và nghĩ rằng: "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến hoại". Sau khi sự thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, vị ấy khởi lên ước muốn đối với

các vô thượng giải thoát, nghĩ rằng: "Khi nào ta có thể chứng đạt và an trú trong xứ (ayatana) mà các bậc Thánh đang chứng đạt và an trú?" Như vậy, do ước muốn đối với các vô thượng giải thoát, ưu khởi lên do duyên ước muốn. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ xuất ly. Sáu ưu này liên hệ xuất ly.

Ở đây, thế nào là sáu xả liên hệ tại gia? Khi một người ngu si, ám độn, phàm phu thấy sắc với con mắt, xả khởi lên của một vô văn phàm phu, không chinh phục được (phiền não), không chinh phục được quả dị thục, không thấy sự nguy hiểm. Loại xả như vậy không vượt khỏi sắc pháp. Do vậy, đây được gọi là xả liên hệ tại gia. Khi một người ngu si, ám độn, phàm phu nghe tiếng với tai... (như trên)...; ngửi hương với mũi.. (như trên)...; nếm vị với lưỡi.. (như trên)...; cảm xúc với thân... (như trên)...; nhận thức pháp với ý, xả khởi lên của một vô văn phàm phu, không chinh phục được (phiền não), không chinh phục được quả dị thục, không thấy sự nguy hiểm. Loại xả như vậy không vượt khỏi các pháp. Do vậy, đây được gọi là xả liên hệ tại gia. Sáu xả này liên hệ tại gia.

Ở đây, thế nào là sáu xả liên hệ xuất ly? Sau khi biết sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt, nghĩ rằng: "Các sắc pháp xưa kia và sắc

pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại". **Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, xả khởi lên**. Loại xả như vậy được gọi là xả liên hệ xuất ly. Sau khi biết được các tiếng.. (như trên)...; các hương... (như trên).. các vị... (như trên).. các xúc.. (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt, nghĩ rằng: "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến, hoại". Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, xả khởi lên. Loại xả như vậy được gọi là xả liên hệ xuất ly. Sáu xả này liên hệ xuất ly.

Khi được nói đến "Ba mươi sáu loại hữu tình cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

➲ *Khi được nói đến **"Ở đây, do y cứ cái này, đoạn tận cái này"**, do duyên gì, được nói đến như vậy?*

– Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ do duyên sáu hỷ liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu hỷ liên hệ tại gia. Như vậy là sự đoạn tận chúng; như vậy là sự vượt qua chúng.

– Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu ưu liên hệ xuất ly; đoạn tận, vượt qua sáu ưu liên hệ tại gia. Như vậy là sự đoạn tận chúng; như vậy là sự vượt qua chúng.

– Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu xả liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu xả liên hệ tại gia. Như vậy là sự đoạn tận chúng, là sự vượt qua chúng.

– Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu hỷ liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu ưu liên hệ xuất ly. Như vậy là sự đoạn tận chúng, là sự vượt qua chúng.

– Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên xả liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu hỷ liên hệ xuất ly. Như vậy là sự đoạn tận chúng, là sự vượt qua chúng.

Này các Tỷ-kheo, có xả đa diện, y cứ đa diện; có xả nhứt diện, y cứ nhứt diện.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là xả đa diện, y cứ đa diện? Này các Tỷ-kheo, có xả đối với các sắc pháp, có xả đối với các tiếng, có xả đối với các hương, có xả đối với các vị có xả đối với các xúc. Như vậy, này các Tỷ-kheo là xả đa diện, y cứ đa diện.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả nhứt diện, y cứ nhứt diện? Có xả y cứ Hư không vô biên xứ, có xả y cứ Thức vô biên xứ, có xả y cứ Vô sở hữu xứ, có xả y cứ Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo là xả nhứt diện, y cứ nhứt diện.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên xả nhứt diện, xả y cứ nhứt diện, đoạn tận vượt qua xả đa diện, xả y cứ đa diện. Như vậy là sự đoạn tận (xả) này, như vậy là sự vượt qua (xả) này.

Này các Tỷ-kheo, do y cứ không tham dục, do duyên không tham dục, đoạn tận, vượt qua xả nhứt diện, xả y cứ nhứt diện ấy. Như vậy là sự đoạn tận (xả) này, như vậy là sự vượt qua (xả) này. Khi được nói đến "Tại đây do y cứ cái này, đoạn tận cái này", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

➲ Khi được nói đến: "Có **ba niệm xứ** mà một bậc Thánh phải thực hành, và có thực hành (niệm xứ) ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng", do duyên gì, được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư thuyết pháp cho các đệ tử, vì lòng từ mẫn, vì lo cho hạnh phúc của họ, vì thương tưởng họ, nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Một số đệ tử của bậc Đạo sư ấy không có khéo nghe, không có lóng tai, không có an trú tâm vào chánh trí, và hành động ngược lại lời dạy của bậc Đạo sư. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai không có hoan hỷ, không có cảm giác hoan hỷ, nhưng sống không có dao động, chánh niệm, tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo,

đây là niệm xứ thứ nhất, một bậc Thánh phải thực hành, và có thực hành niệm xứ ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư thuyết pháp cho các đệ tử, vì lòng từ mẫn, vì lo cho hạnh phúc của họ, vì thương tưởng họ, nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Một số đệ tử bậc Đạo sư ấy không có khéo nghe, không có lóng tai, không có an trú tâm vào chánh trí, và hành động ngược lại lời dạy của bậc Đạo sư. Có một số đệ tử khéo nghe, lóng tai, an trú tâm vào chánh trí, và không hành động ngược lại lời dạy của bậc Đạo sư. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai không có hoan hỷ, không có cảm giác hoan hỷ, không có không hoan hỷ, không có cảm giác không hoan hỷ; sau khi đoạn bỏ cả hai, hoan hỷ và không hoan hỷ, Như Lai trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, đây là niệm xứ hai, một bậc Thánh phải thực hành... (như trên).. diễn giảng đồ chúng.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có bậc Đạo Sư thuyết pháp cho các đệ tử ... (như trên) ... "... đây là an lạc cho các Ông". Đệ tử của bậc Đạo Sư ấy khéo nghe, lóng tai, an trú tâm vào chánh trí và không đi ngược lời dạy của bậc Đạo Sư. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như lai hoan hỷ, và cảm giác hoan hỷ, sống không

dao động, chánh niệm, tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, đây là niệm xứ thứ ba, một bậc Thánh phải thực hành ... (như trên) ... diễn giảng cho đồ chúng.

Khi được nói đến "Có ba niệm xứ, một bậc Thánh phải thực hành, và có (thực hành) niệm xứ ấy, bậc Thánh mới xứng đáng là bậc Đạo sư diễn giảng cho đồ chúng", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

➲ Khi được nói đến **"Trong các vị Huấn luyện sư, vị ấy được gọi là vị Vô thượng Điều ngự sư, điều phục hạng người đáng được điều phục"**, do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, một con voi được điều phục do một vị điều ngự tượng sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương... phương Đông, phương Tây, phương Bắc hay phương Nam. Này các Tỷ-kheo, một con ngựa được điều phục do một vị điều ngự mã sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương... hay phương Nam. Này các Tỷ-kheo, một con bò được điều phục do một vị điều ngự sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương ... hay phương Nam.

Này các Tỷ-kheo, một người được điều phục do Như Lai, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác dắt dẫn, được chạy cùng khắp cả tám phương:

- Có sắc, thấy các sắc pháp; đó là phương thứ nhất.
- Không có tưởng nội sắc, thấy các ngoại sắc; đó là phương thứ hai.
- Nghĩ đến thanh tịnh, chú tâm trên ấy; đó là phương thứ ba.
- Vượt qua một cách hoàn toàn các sắc tưởng, diệt trừ đối ngại tưởng, không tác ý sai biệt tưởng; và nghĩ rằng "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ; đó là phương thứ tư.
- Vượt qua một cách hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ; đó là phương thứ năm.
- Vượt qua một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có gì cả", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ; đó là phương thứ sáu.
- Vượt qua một cách hoàn toàn Không vô sở hữu xứ; chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ; đó là phương thứ bảy.
- Vượt qua một cách hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ

tưởng (định); đó là phương thứ tám.

Này các Tỷ-kheo, một người đáng được điều phục do Như Lai, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác dắt dẫn, được chạy cùng khắp tám phương này. Khi được nói đến "Trong các vị Huấn luyện sư, vị ấy được gọi là Vô thượng Điều ngự sư, điều phục hạng người đáng điều phục", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

29 PHÂN BIỆT VỀ SỰ THẬT - 141 Trung III, 559

KINH PHÂN BIỆT VỀ SỰ THẬT
(Saccavibhangacitta suttam)
– Bài kinh số 141 – Trung III, 559

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Baranasi (Ba la nại), Isipatana (chỗ chư Tiên đọa), tại Migadaya (Lộc Uyển). Tại đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đọa, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-là-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chận đứng, chuyển vận ngược lại, **tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ bốn Thánh-đế.**

Thế nào là bốn? Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Khổ Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết.. về Tập khổ Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết... về Khổ diệt Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết... về Khổ diệt đạo Thánh đế.

Vô thượng Pháp luân, này các Tỷ-kheo, đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đọa, tại Ba la nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn .. hay một ai ở đời có thể chận đứng.. tức là sự khai thị, tuyên thuyết.. bốn Thánh đế.

Này các Tỷ-kheo, hãy thân cận Sariputta và Moggallana, Này các Tỷ-kheo, hãy gần gũi Sariputta và Moggallana; các vị ấy là những Tỷ-kheo hiền trí (pandita), là những vị sách tấn các đồng Phạm hạnh. **Như một sanh mẫu**, này các Tỷ-kheo, như vậy là Sariputta! **Như một dưỡng mẫu**, như vậy là Moggalana! Này các Tỷ-kheo, ***Sariputta hướng dẫn đến quả Dự lưu, còn Moggallana hướng dẫn đến tối thượng nghĩa.*** Này Tỷ-kheo, Sariputta có thể khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt hiển lộ một cách rộng rãi bốn Thánh đế.

Thế Tôn nói như vậy; nói như vậy xong, Thiện

Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá.

Tại đấy, Tôn giả Sariputta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các Tỷ-kheo:

– "Này chư Hiền".

– "Thưa vâng, Hiền giả". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sariputta. Tôn giả Sariputta nói như sau:

– Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đọa, tại Ba la nại... sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ diệt đạo Thánh đế.

☞ ***Và này chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế?***

– Sanh là khổ, già là khổ, (bệnh là khổ), chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ; cầu không được là khổ. Tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

– *Này chư Hiền, thế nào là* ***sanh***? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của chúng, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Này chư Hiền, như vậy gọi là sanh.

– *Này chư Hiền, thế nào là **già***? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự niên lão, sự hủ hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại. Này chư Hiền, như vậy gọi là già.

– *Này chư Hiền, thế nào là **chết**?* Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi. Này chư Hiền như vậy gọi là chết.

– *Này chư Hiền, thế nào là **sầu**?* Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự sầu của người ấy. Này chư Hiền, như vậy gọi là sầu.

– *Này chư Hiền, thế nào là **bi**?* Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Này chư Hiền, như vậy gọi là bi.

– *Này chư Hiền, thế nào là **khổ**?* Này chư Hiền, sự đau khổ về thân, sự không sảng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không

sảng khoái do thân cảm thọ. Này chư Hiền, như vậy gọi là khổ.

– *Này chư Hiền, thế nào là **ưu**?* Này chư Hiền, sự đau khổ về tâm, sự không sảng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sảng khoái do tâm cảm thọ. Này chư Hiền, như vậy gọi là ưu.

– *Này chư Hiền, thế nào là **não?*** Này chư Hiền, với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Này chư Hiền, như vậy gọi là não.

– *Này chư Hiền, thế nào là **cầu bất đắc khổ***? Này chư Hiền, chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối! Mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh". Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ. Này chư Hiền, chúng sanh bị già chi phối... chúng sanh bị bệnh chi phối... chúng sanh bị chết chi phối... chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối!" Mong rằng ta khỏi đương chịu sầu, bi, khổ, ưu não!" Lời mong cầu ấy

không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ.

– *Này chư Hiền, như thế nào là tóm lại, năm thủ uẩn là khổ*? Như sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này chư Hiền, như vậy tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

☞ ***Này chư Hiền, thế nào là Khổ tập Thánh đế?*** Sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia; như dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế.

☞ ***Này chư Hiền, và thế nào là Khổ diệt Thánh đế?*** Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy). Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế.

☞ ***Này chư Hiền, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế?*** Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

– ***Này chư Hiền, thế nào là chánh tri kiến***? Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập,

tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

– ***Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy***? Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.

– ***Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ***? **Tự chế** không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

– ***Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp***? **Tự chế** không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.

– ***Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng***? Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng.

– ***Này chư Hiền, và thế nào là chánh tinh tấn***? Này chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với cái ác, bất thiện pháp

đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.

– ***Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm***? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

– ***Này chư Hiền, thế nào là chánh định***? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. (Vị Tỷ-kheo ấy) diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm, (Tỷ-kheo) ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả

niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba (Tỷ-kheo ấy) xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt đạo Thánh đế.

Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đọa, tại Ba-la-nại, Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ bốn Thánh đế.

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy.

30 PHÂN TÍCH - Tăng II, 121

PHÂN TÍCH – *Tăng* II, 121

Tại đây, Tôn giả Sàriputta gọi các Tỷ-kheo:

- Thưa các Hiền giả Tỷ-kheo.

- Thưa vâng Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sàriputta. Tôn giả Sàriputta nói như:

- Thưa các Hiền giả, *sau khi tôi thọ đại giới nửa tháng*, nghĩa vô ngại giải được chứng ngộ, vừa đặc biệt, vừa theo văn cú. Vấn đề ấy, với nhiều pháp môn, tôi nói lên, tôi thuyết giảng, tôi nêu rõ, tôi trình bày, tôi an lập, tôi mở rộng, tôi phân tích, tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.
- Thưa các Hiền giả, sau khi tôi thọ đại giới nửa tháng, pháp vô ngại giải được chứng ngộ, vừa đặc biệt … tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt

trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.

- Thưa các Hiền giả, sau khi tôi thọ đại giới trong nửa tháng, từ vô ngại giải được chứng ngộ, vừa đặc biệt … tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.
- Thưa các Hiền giả, sau khi tôi thọ đại giới nửa tháng, biện tài vô ngại giải được chứng ngộ, vừa đặc biệt, vừa theo văn cú. Vấn đề ấy, với nhiều pháp môn, tôi nói lên, tôi thuyết giảng, tôi nêu rõ, tôi trình bày, tôi an lập, tôi mở rộng, tôi phân tích, tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.

31 PHÓNG DẬT - Tăng I, 33

PHẨM PHÓNG DẬT – *Tăng* I, 33

1-17.

1. Ít có giá trị, là những tăng trưởng này, tức là tăng trưởng danh vọng. Này các Tỷ-kheo, *cái này là tối thượng giữa các tăng trưởng, tức là tăng trưởng trí tuệ*.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Tôi sẽ làm tăng trưởng sự tăng trưởng trí tuệ". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

2. Ta không thấy một pháp nào khác có thể đưa đến bất lợi lớn, như là *phóng dật*. Này các Tỷ-kheo, phóng dật đưa đến bất lợi lớn.

3. Ta không thấy một pháp nào khác, có thể đưa đến lợi ích lớn, như là *không phóng dật*. Này các Tỷ-kheo, không phóng dật đưa đến lợi ích lớn.

4. (Như số 2, chỉ thế vào như là *biếng nhác*)....

5. (Như số 3, chỉ thế vào *tinh cần tinh tấn*)...

6. (Như số 2, chỉ thế vào như là *nhiều dục*)...

7. (Như số 3, chỉ thế vào như là *ít dục*)...

8. (Như số 2, chỉ thế vào như là *không biết đủ*)...

9. (Như số 3, chỉ thế vào như là *biết đủ*)...

10. Như số 2, chỉ thế vào như là *không như lý tác ý*)...

11. (Như số 3, chỉ thế vào như là *như lý tác ý*)...

12. (Như số 2, chỉ thế vào như là *không tỉnh giác*)...

13. (Như số 3, chỉ thế vào như là *tỉnh giác*)...

14. Như số 2, chỉ thế vào như là *làm bạn với ác*)...

15. Như số 3, chỉ thế vào như là *làm bạn với thiện*)...

16. Ta không thấy một pháp nào khác, có thể đưa đến bất lợi lớn như là *hệ lụy với các pháp bất thiện, không hệ lụy với các pháp thiện*. Này các Tỷ-kheo, hệ lụy với các pháp bất thiện, không hệ lụy với các pháp thiện, đưa đến bất lợi lớn.

17. Ta không thấy một pháp nào khác, đưa đến lợi ích lớn, như là *hệ lụy với các pháp thiện, không hệ lụy với các pháp bất thiện*. Này các Tỷ-kheo, hệ lụy các pháp thiện, không hệ lụy với các pháp bất thiện đưa đến lợi ích lớn.

32 PHÙ-DI - 126 Trung III, 353

KINH PHÙ-DI
(Bhùmija suttam)
– Bài kinh số 126 – Trung III, 353

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc. Rồi Tôn giả Bhumija vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của vương tử Jayasena, sau khi đến ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi vương tử Jayasena đi đến Tôn giả Bhumija, sau khi đến nói lên với Tôn giả Bhumija những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vương tử Jayasena thưa với Tôn giả Bhumija:

– Thưa Tôn giả Bhumija, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Nếu có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không

đạt được quả vị; nếu không có và không không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị". Ở đây, bậc Đạo sư của Tôn giả Bhumija có nói gì, và có lập luận gì?

– Thưa Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Và sự việc này xảy ra, Thế Tôn có giải thích như sau:

– "Nếu có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng (ayoniso), thời không đạt được quả vị;

– Nếu không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị;

– Nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị;

– Nếu không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng thời không đạt được quả vị.

– Còn nếu có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;

→ Nếu không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;

→ Nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;

→ Nếu không có và không không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị".

Thưa Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Sự việc xảy ra, Thế Tôn có giải thích như vậy.

– Nếu Đạo sư của Tôn giả Bhumija thuyết lý như vậy, lập luận như vậy, thời tôi nghĩ rằng chắc chắn vị Đạo sư của Tôn giả Bhumija, đứng cao hơn trên đầu tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường.

Rồi vương tử Jayasena mời Tôn giả Bhumija, dùng với bát ăn (thalipaka) của mình.

Rồi Tôn giả Bhumija, sau bữa ăn khất thực trở về đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Bhumija bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng con đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của vương tử Jayasena, sau khi đến con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, bạch Thế

Tôn, vương tử Jayasena đến chỗ con, sau khi đến nói lên với con những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn vương tử Jayasena nói với con như sau: "Thưa Tôn giả Bhumija, một số Sa-môn, Bà-la-môn, ... bậc Đạo sư của Tôn giả có nói gì, có lập luận gì?" Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con có nói với vương tử Jayasena, như sau: "Này Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn, được nghe như sau, được ghi nhớ như sau... ". , ... Tôi nghĩ rằng chắc chắn Đạo sư của Tôn giả Bhumija, đứng cao hơn trên đầu tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường". *Bạch Thế Tôn, không hiểu hỏi như vậy, trả lời như vậy, con có nói đúng lời Thế Tôn nói, con không xuyên tạc lời Thế Tôn với điều không đúng sự thực, nhưng con đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp sẽ không có lý do để chỉ trích?*

– Thật vậy, này Bhumija, được hỏi vậy, được trả lời vậy, Ông nói đúng lời Thế Tôn nói, Ông không xuyên tạc Thế Tôn với điều không đúng sự thực, Ông đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp không có lý do gì để chỉ trích.

➔Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào

có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh thời không đạt được quả vị. Vì sao vậy? **Đây không phải là phương pháp này Bhumija, để đạt được quả vị.**

*Ví như, này Bhumija, **một người cần dầu**, tìm cầu dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu. Sau khi **đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu)**. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy có và không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu.* ***Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để lấy được dầu***. Cũng vậy, này Bhumija,

những vị Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà tư duy... tà định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không ước nguyện... có và không có ước nguyện... không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh thời họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp này Bhumija, để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, ***một người cần sữa****, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa,* ***nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa****. Nếu người ấy có ước nguyện, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa, người ấy không lấy được sữa. Nếu người ấy không có ước nguyện... Nếu người ấy có và không có ước nguyện... Nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa, nó không lấy được sữa.* ***Vì sao vậy? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để lấy sữa****. Cũng vậy, này Bhumija, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn, có tà kiến... có tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị.

*Ví như, này Bhumija, **một người cần sanh tô**, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia để tìm cầu sanh tô, **sau khi đổ nước vào một cái ghè, rồi lấy que khuấy đánh**. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ nước vào một cái ghè, lấy que khuấy đánh, người ấy không lấy được sanh tô. Nếu người ấy không có ước nguyện... nếu người ấy có và không có ước nguyện... nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đổ nước vào một cái ghè, lấy que khuấy đánh, người ấy không lấy được sanh tô. **Vì sao vậy? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để lấy sanh tô.*** Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến... (như trên)... có tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, thời họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để đạt được quả vị.

*Ví như, này Bhumija, **một người cần lửa**, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa. Người ấy **đem phần phía trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que ướt và có nhựa**, nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc que ướt và có nhựa, thời người ấy không lấy được lửa; nếu người ấy không có ước nguyện; nếu*

người ấy có và không có ước nguyện, nếu người ấy không có và không không có ước nguyện đem phần trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que ướt và có nhựa, thời người ấy không lấy được lửa. ***Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để lấy được lửa***. Cũng vậy, này Bhumija, có những Sa-môn, hay Bà-la-môn có tà kiến... (như trên)... có tà định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, thời họ không thể đạt được quả vị. Vì cớ sao? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị.

➔ Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. **Vì cớ sao? Đây là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị.**

Ví như, này Bhumija, ***một người cần dầu****, cầu*

*tìm dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu, **sau khi đổ những hột giống dầu vào cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu)**. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ những giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu), thời người ấy lấy được dầu. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, sau khi đổ những hột giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu), thời người ấy lấy được dầu. **Vì cớ sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được dầu.*** Cũng vậy, này Bhumija những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... có chánh định. Nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện, nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp có thể đạt được quả vị.

*Ví như, này Bhumija, **một người cần sữa**, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa. Và người ấy **vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ**. Nếu người ấy có ước nguyện, vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ, thời người ấy lấy được sữa. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước*

nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, người ấy vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ, thời người ấy lấy được sữa. ***Vì cớ sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được sữa.*** Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... (như trên)... có chánh định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì cớ sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, ***một người cần sanh tô****, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia tìm cầu sanh tô;* ***sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy, đánh****. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy, đánh, thời người ấy lấy được sanh tô. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, thời sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy que khuấy, đánh, người ấy lấy được sanh tô.* ***Vì cớ sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được sanh tô.*** Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... có chánh định; nếu họ có

ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

*Ví như, này Bhumija, **có một người cần lửa**, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa, **sau khi mang phần trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa**. Nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được lửa.* Cũng vậy, này Bhumija, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... chánh định. Nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; có và không có ước nguyện, nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt kết quả vị. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây là phương pháp đưa đến quả vị.

Nếu bốn ví dụ này, này Bhumija, khởi đến từ nơi Ông cho vương tử Jayasena, thời vương tử Jayasena tự nhiên tin tưởng Ông, và khi đã tin tưởng, sẽ hành động đúng theo cung cách một người đã tin tưởng Ông.

– Nhưng làm sao, bạch Thế Tôn, bốn ví dụ này khởi đến từ nơi con cho vương tử Jayasena, khởi lên một cách tự nhiên, từ trước chưa từng được nghe, như Thế Tôn được?

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Bhumja hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

33 PHÚNG TỤNG - 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
(SANGITI – SUTTANTA)
– Bài kinh số 33 – Trường II, 567

I

Như vầy tôi nghe.

1. Một thời Thế Tôn du hành giữa dân tộc Mallà cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Ngài đến tại thành của dân chúng Mallà tên là Pàvà và trú tại đấy. Thế Tôn trú tại Pàvà trong rừng xoài của thợ rèn Cunda.

2. Lúc bấy giờ, một hội trường tên là Ubbhataka mới được dựng lên giữa dân chúng Mallà, trú ở Pàvà, và hội trường này chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn, hay một người nào khác an trú. Dân chúng Mallà ở Pàvà được nghe: "Thế Tôn du hành giữa dân tộc Mallà, cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Ngài đến tại Pàvà, trú tại đấy, trong rừng xoài của thợ rèn Cunda". Rồi các vị Mallà ở Pàvà đến chỗ Thế

Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các vị Mallà ở Pàvà bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ở đây một hội trường tên là Ubbhataka mới được dựng lên giữa dân chúng Mallà ở Pàvà, và hội trường này chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn, hay một người nào khác an trú. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn là người đến dùng hội trường này trước tiên. Nhờ Thế Tôn dùng trước tiên, dân chúng Mallà ở Pàvà sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

3. Rồi các vị Mallà ở Pàvà, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng đến Ngài, từ tạ đi đến hội trường. Sau khi đến, liền dùng đệm trải khắp tất cả, sửa soạn các ghế ngồi, đặt sẵn một ghè nước, treo cây đèn dầu, rồi đến chỗ Thế Tôn ở. Sau khi đến, các vị này đảnh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, các vị Mallà ở Pàvà bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, hội trường đã được trải nệm tất cả, các ghế ngồi đã được sửa soạn, ghè nước đã được đặt sẵn, cây đèn dầu đã được treo lên, Thế Tôn hãy làm gì Ngài nghĩ là phải thời.

4. Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát cùng với chúng Tỷ-kheo đến tại hội trường. Khi đến xong Ngài rửa chân và vào hội trường. Thế Tôn ngồi dựa trên cột chính giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, vào hội trường, ngồi dựa trên bức tường phía Tây, mặt hướng về phía Đông, sau lưng Thế Tôn. Các vị Mallà ở Pàvà cũng rửa chân, đi vào hội trường, và ngồi xuống, dựa vào bức tường phía Đông, mặt hướng phía Tây, trước mặt có Thế Tôn. Rồi Thế Tôn, cho đến đêm thật khuya, thuyết pháp cho dân Mallà ở Pàvà, giảng dạy, giải thích, khích lệ, làm cho hứng khởi rồi bảo các vị ấy về:

- Này Vàsetthà, đêm đã quá khuya. Các Ngươi hãy làm những gì các Ngươi xem là phải thời.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Các vị Mallà ở Pàvà vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và ra đi.

5. Thế Tôn, khi dân Mallà đi chưa bao lâu, nhìn chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, rồi bảo tôn giả Sàriputta:

- Này Sàriputta, chúng Tỷ-kheo không có hôn trầm thụy miên. Này Sàriputta, hãy thuyết pháp cho chúng

Tỷ-kheo. Ta cảm thấy đau lưng! Ta muốn nằm nghỉ.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn! - Tôn giả Sàriputta vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, xếp y Sanghàti (Tăng-già-lê) gấp bốn và nằm xuống như cách nằm con sư tử, thân phía hữu, hai chân để trên nhau, chánh niệm tỉnh giác, với tâm nghĩ đến lúc ngồi dậy.

6. Lúc bấy giờ, Niganthà Nàthaputta vừa mới tạ thế ở Pàvà. Sau khi vị này tạ thế, các vị Niganthà chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và sống tàn hại nhau với binh khí bằng miệng: "Ngươi không biết pháp luật này, ta biết pháp luật này. Sao Ngươi có thể biết pháp luật này? Người theo tà hạnh, ta theo chánh hạnh. Lời nói ta tương ưng, lời nói Ngươi không tương ưng. Điều đáng nói trước, Ngươi nói sau; điều đáng nói sau, Ngươi nói trước. Điều Ngươi quan niệm trình bày đã bị đảo lộn. Quan niệm của Ngươi đã bị thách đố. Ngươi đã bị đánh bại. Hãy đi giải tỏa quan điểm của Ngươi! Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu Ngươi có thể làm được". Hình như các đệ tử của Niganthà Nàthaputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử cư sĩ mặc đồ trắng của Nigantha Nàthaputta cũng chán ngấy, cơ hiềm và phản đối các vị Nigantha, vì pháp luật của họ đã

được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

7. Rồi tôn giả Sàriputta bảo các Tỷ-kheo:

- Này Hiền giả, Niganthà Nàthaputta vừa mới từ trần không bao lâu. Sau khi vị này từ trần, các Nigantha (Ni-kiền-tử) chia làm hai phe... và không có người y chỉ.

Nhưng với chúng ta, này các Hiền giả, pháp này được Thế Tôn khéo giảng dạy, khéo trình bày, một Chánh pháp có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác trình bày. Ở đây, tất cả mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không cãi cọ nhau, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

Này các Hiền giả, thế nào là Pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, khéo trình bày, một pháp có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh do vị Chánh Đẳng Giác trình bày. Ở đây, tất cả cần phải cùng nhau tụng đọc không cãi cọ nhau, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc

cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người?

*Này các Hiền giả, có **một pháp** được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.*

8. Thế nào là một pháp?

1. Tất cả loài hữu tình do các món ăn (àhàra) mà an trú,

2. Tất cả loài hữu tình do các hành (samkhàrà) mà an trú.

Này các Hiền giả, đó là một pháp được Thế Tôn, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuyết giảng một cách chơn chánh. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích,

vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*9. Này các Hiền giả, **có hai pháp** được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.*

Thế nào là hai pháp?

1. Danh và sắc.
2. Vô minh và hữu ái.
3. Hữu kiến và vô hữu kiến.
4. Vô tàm và vô quý.
5. Tàm và quý.
6. Ác ngôn và ác hữu.
7. Thiện ngôn và thiện hữu.
8. Nhập tội thiện xảo và xuất tội thiện xảo.
9. Đẳng chí thiện xảo và xuất khởi đẳng chí thiện xảo.

10. Giới thiện xảo và tác ý thiện xảo.

11. Xứ thiện xảo và duyên khởi thiện xảo.

12. Thiện xảo về xứ và thiện xảo về phi xứ.

13. Chơn trực và tàm quý.

14. Kham nhẫn và nhu hòa.

15. Lời nói nhu thuần và tiếp đón thân tình.

16. Vô hại và từ ái.

17. Thất niệm và bất chánh tri.

18. Chánh niệm và tỉnh giác.

19. Các căn không được chế ngự và ăn uống không tiết độ.

20. Các căn được chế ngự và ăn uống có tiết độ.

21. Tư duy lực và tu tập lực.

22. Niệm lực và định lực.

23. Chỉ và quán.

24. Chỉ tướng và tinh cần tướng.

25. Tinh cần và không dao động.

26. Giới thành tựu và kiến thành tựu.

27. Giới suy khuyết và kiến suy khuyết.

28. Giới thanh tịnh và kiến thanh tịnh.

29. Kiến thanh tịnh và tinh cần theo tri kiến ấy.

30. Dao động đối với các pháp bị dao động và chánh tinh cần của người bị dao động ấy.

31. Không tri túc với các thiện pháp và không thối thất trong tinh cần.

32. Minh tri và giải thoát.

33. Tận tri và vô sanh trí.

Này các Hiền giả, hai pháp này được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*10. Này các Hiền giả, có **ba pháp** được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là...*

1. Ba bất thiện căn: Tham bất thiện căn, sân bất thiện căn, si bất thiện căn.

2. Ba thiện căn: Vô tham thiện căn, vô sân thiện căn, vô si thiện căn.

3. Ba ác hạnh: Thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh.

4. Ba thiện hạnh: Thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, ý thiện hạnh.

5. Ba bất thiện tầm: Dục tầm, sân tầm, hại tầm.

6. Ba thiện tầm: Ly dục tầm, vô sân tầm, vô hại tầm.

7. Ba bất thiện tư duy: Dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy.

8. Ba thiện tư duy: Ly dục tư duy, vô sân tư duy, vô hại tư duy.

9. Ba bất thiện tưởng: Dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng.

10. Ba thiện tưởng: Ly dục tưởng, vô sân tưởng, vô hại tưởng.

11. Ba bất thiện **giới**: Dục giới, sân giới, hại giới.

12. Ba thiện giới: Ly dục giới, vô sân giới, vô hại giới.

13. Ba giới khác: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

14. Ba giới khác: Sắc giới, vô sắc giới, diệt giới.

15. Ba giới khác: Liệt giới, trung giới, thắng giới.

16. **Ba ái**: Dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

17. **Ba ái khác**: Dục ái, sắc ái, vô sắc ái.

18. **Ba ái khác**: Sắc ái, vô sắc ái, diệt ái.

19. Ba kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ.

20. Ba lậu: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

21. Ba hữu: Dục hữu, sắc hữu, vô minh hữu.

22. **Ba cầu**: Dục cầu, hữu cầu, phạm hạnh cầu.

23. **Ba mạn**: Thắng mạn, đẳng mạn, ty liệt mạn.

24. Ba thời: Quá khứ thời, vị lai thời, hiện tại thời.

25. Ba biên: Hữu thân biên, hữu thân tập biên, hữu thân diệt biên.

26. Ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ.

27. **Ba khổ tánh**: Khổ khổ, hành khổ, hoại khổ.

28. Ba tụ: Tà định tụ, chánh định tụ, bất định tụ.

29. **Ba nghi**:

    - Đối với vấn đề thuộc quá khứ nghi ngờ, do dự, không quyết định, không hài lòng;

    - Đối với các vấn đề thuộc tương lai, nghi ngờ, do dự, không quyết định, không hài lòng;

    - Đối với các vấn đề hiện tại nghi ngờ, do dự, không quyết định, không hài lòng.

30. **Ba điều Như Lai không cần gìn giữ**:

- Này các Hiền giả, Như Lai thanh tịnh thiện hành về thân. Như Lai không có ác hạnh về thân mà Như Lai phải gìn giữ: "Chớ để người khác biết việc này về Ta".

- Này các Hiền giả, Như Lai thanh tịnh thiện hành về miệng. Như Lai không có ác hạnh về miệng mà Như Lai phải gìn giữ: "Chớ để người khác biết việc này về Ta".

- Này các Hiền giả, Như Lai thanh tịnh thiện hành về ý. Như Lai không có ác hạnh về ý mà Như Lai phải gìn giữ: "Chớ để người khác biết việc này về Ta".

31. **Ba loại lửa**:

- Tham chướng, sân chướng, si chướng.

32. **Ba loại lửa**:

- Lửa tham, lửa sân, lửa si.

33. **Ba loại lửa khác**:

- Lửa của người hiếu kính,

- Lửa của người gia chủ,
- Lửa của người cúng dường (cha mẹ, vợ con và các vị xuất gia).

34. **Ba loại sắc tụ**:

- Hữu kiến hữu đối sắc,
- Vô kiến hữu đối sắc,
- Vô kiến vô đối sắc.

35. **Ba hành**:

- Phước hành,
- Phi phước hành,
- Bất động hành.

36. **Ba loại người**:

- Hữu học nhân, vô học nhân, phi hữu học phi vô học nhân.

37. **Ba vị trưởng lão**:

– Sanh trưởng lão, pháp trưởng lão, nhập định trưởng lão.

38. **Ba phước nghiệp sự**:

– Thí hành phước nghiệp sự,

– Giới hành phước nghiệp sự,

– Tu hành phước nghiệp sự.

39. **Ba cử tội sự**:

– Thấy, nghe và nghi.

40. **Ba dục sanh**:

- Này các Hiền giả, có những loại hữu tình do dục an trú. Đối với các dục, họ chịu sự an trú, họ bị chi phối phụ thuộc, như loài Người, một số chư Thiên, một số tái sanh trong đọa xứ. Đó là loại dục sanh thứ nhất.

- Này các Hiền giả, có những loại hữu tình có lòng dục đối với những sự vật do họ tạo ra. Họ tạo hóa ra các sự vật và họ sống bị chi phối phụ thuộc trong những dục

vọng ấy, như các loài chư Thiên Nimmàna-Rati (Hóa Lạc thiên). Đó là loại dục sanh thứ hai.

- Này các Hiền giả, có những loại hữu tình có lòng dục đối sự vật do các loài khác tạo ra. Họ sống bị chi phối phụ thuộc trong những dục vọng đối với sự vật do các loại khác tạo ra. Như các loài chư Thiên Para-nimmitava-savatti (Tha Hóa Tự tại thiên). Đó là hạng dục sanh thứ ba.

41. **Ba loại lạc sanh**:

- Này các Hiền giả, có những loài hữu tình (trong quá khứ) luôn luôn tạo ra (thiền định lạc) hay sống trong sự an lạc, như các vị Brahma - Kàyikà (Phạm Chúng thiên). Đó là hạng lạc sanh thứ nhất.

- Này các Hiền giả, có những loại hữu tình thấm nhuần, biến mãn, sung mãn, hưng thịnh với an lạc. Thỉnh thoảng họ thốt ra những câu cảm hứng: "Ôi an lạc thay! Ôi an lạc thay!", như chư Thiên Àbhassarà (Quang Âm thiên). Đó là hạng lạc sanh thứ hai.

- Này các Hiền giả, có những loại hữu tình thấm nhuần, biến mãn, sung mãn, hưng thịnh với an lạc. Họ sống mãn túc với an lạc ấy, cảm thọ an lạc, như chư Thiên Subhakinnà (Biến Tịnh thiên). Đó là loại lạc sanh thứ ba.

42. **Ba tuệ**: Hữu học tuệ, vô học tuệ, phi hữu học phi vô học tuệ.

43. **Loại ba tuệ khác**:

    – Tư sanh tuệ,

    – Văn sanh tuệ,

    – Tu sanh tuệ.

44. **Ba loại binh khí**:

    – Nghe, xả ly và tuệ.

45. **Ba căn**: Vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn.

46. **Ba nhãn**: Nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn.

47. **Ba học**:

– Tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học.

48. **Ba sự tu tập**:

– Thân tu, tâm tu, tuệ tu.

49. **Ba vô thượng**:

– Kiến vô thượng, hành vô thượng, giải thoát vô thượng.

50. **Ba định**:

- Hữu tầm hữu tứ định,
- Vô tầm hữu tứ định,
- Vô tầm vô tứ định.

51. **Lại ba định khác**:

– Không định, vô tướng định, vô nguyện định.

52. **Ba thanh tịnh**:

– Thân thanh tịnh, ngữ thanh tịnh, ý thanh

tịnh.

53. **Ba tịch mặc**:

- Thân tịch mặc, ngữ tịch mặc, ý tịch mặc.

54. **Ba thiện xảo**:

- Tăng ích thiện xảo, tổn ích thiện xảo, phương tiện thiện xảo.

55. **Ba kiêu**:

- Vô bệnh kiêu, niên tráng kiêu, hoạt mạng kiêu.

56. **Ba tăng thượng**:

- Ngã tăng thượng, thế tăng thượng, pháp tăng thượng.

57. **Ba luận sự**:

- Luận bàn về vấn đề quá khứ: "Sự việc này xảy ra trong quá khứ",

- Luận bàn về vấn đề tương lai: "Sự việc này xảy ra trong tương lai";

– Luận bàn về vấn đề hiện tại: "Sự việc này xảy ra trong hiện tại".

58. **Ba minh**:

– Túc mạng trí minh, Hữu tình sanh tử minh, Lậu tận trí minh.

59. **Ba trú**:

– Thiên trú, Phạm trú, Thánh trú.

60. **Ba thần thông**:

- Thần túc thần thông,
- Tri tha tâm thần thông,
- Giáo giới thần thông.

Này các Hiền giả, ba pháp này được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*11. Này các Hiền giả, có **bốn pháp** được Thế Tôn*

chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để phạm hạnh... Thế nào là bốn?

1. **Bốn niệm xứ**:

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo quán thân trên thân, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham sân trên đời... trên các cảm thọ... trên các tâm... trên các pháp, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham sân trên đời.

2. **Bốn chánh cần**:

- Ở đây, này các Hiền giả vị Tỷ-kheo, với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

- Với mục đích khiến cho các ác bất thiện pháp đã sanh ra được trừ diệt, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

- Với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi

lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

- Với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng cường, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

3. **Bốn thần túc**:

- Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập thần túc, câu hữu với tinh tấn thực hiện Dục thiền định.

- Tu tập thần túc câu hữu với tinh tấn thực hiện Tâm thiền định.

- Tu tập thần túc câu hữu với Tinh tấn thực hiện tinh tấn thiền định.

- Tu tập thần thức câu hữu với tinh tấn thực hiện Tư duy thiền định (Dục như ý thần túc, Tâm như ý thần túc, Tinh tấn như ý thần túc, Tư duy như ý thần túc).

4. **Bốn thiền**:

- Ở đây, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ.

- Diệt tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tỉnh nhất tâm.

- Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú thiền thứ ba.

- Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xã niệm thanh tịnh.

5. **Bốn tu tập thiền định**:

- Này các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến lạc trú ngay trong hiện tại.

- Này các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chứng đắc tri kiến.

- Này các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chánh niệm tỉnh giác.

- Này các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ sự tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến lạc trú ngay trong hiện tại?* Ở đây, này các Hiền giả, có vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, và trú thiền thứ nhất... thiền thứ hai... thiền thứ ba... chứng và trú thiền thứ tư. Này các Hiền giả, như vậy là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến lạc trú ngay trong hiện tại.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến chứng đắc tri kiến?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo, tác ý quang minh tưởng, an trú tưởng ban ngày, ban ngày thế nào ban đêm như vậy, ban đêm thế nào ban ngày như vậy. Và như vậy với tâm mở rộng không có đóng kính, tạo

ra một tâm có hào quang. Này các Hiền giả, như vậy là tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chứng đắc tri kiến.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, hướng đến chánh niệm, tỉnh giác?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo biết được thọ khởi, biết được thọ trú, biết được thọ diệt, biết được tưởng khởi, biết được tưởng trú, biết được tưởng diệt, biết được tầm khởi, biết được tầm trú, biết được tầm diệt. Này các Hiền giả, như vậy là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chánh niệm tỉnh giác.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền tịnh, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc?* Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo an trú, quán tánh sanh diệt trên Năm Thủ uẩn - Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt. Này các Tỷ-kheo, như vậy là

sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc.

6. **Bốn vô lượng tâm**:

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu tới từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

- Với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... an trú, biến mãn một phương với tâm phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

7. **Bốn vô sắc**:

- Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, vị Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ.

- Vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: " Thức là vô biên ", chứng và trú Thức vô biên xứ.

- Vượt lên mọi thức vô biên xứ, nghĩ rằng: " Không có vật gì " , chứng và trú Vô sỡ hữu xứ.

- Vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

8. **Bốn y chỉ**:

Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo:

- Sau khi suy nghĩ, thọ dụng;

- Sau khi suy nghĩ, nhẫn thọ;

- Sau khi suy nghĩ, viễn ly;

- Sau khi suy nghĩ, khiển trừ.

9. **Bốn Thánh chủng**:

- Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tự bằng lòng với bất cứ loại y nào, tán thán sự bằng lòng với bất cứ loại y nào, không cố gắng tìm cầu y một cách không xứng đáng, không có áo não nếu không được y, nhưng khi được y, vị này, không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này dùng y, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ loại y nào, vị ấy không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm, này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chủng, theo truyền thống quá khứ.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo tự bằng lòng với bất cứ món ăn khất thực nào, tán thán sự bằng lòng với bất cứ món ăn khất thực nào, không cố gắng tìm cầu món ăn khất thực một cách không xứng đáng, không có áo não nếu không được món ăn khất thực. Nhưng khi được món ăn khất thực, vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này

dùng các món ăn khất thực, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ món ăn khất thực nào, vị này không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, chánh niệm. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chủng, theo truyền thống quá khứ.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo tự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, tán thán sự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, không cố gắng tìm cầu phòng xá một cách không xứng đáng, không có áo não nếu không được trú xứ. Nhưng khi được phòng xá, vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này dùng các phòng xá, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, vị này không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chủng, theo truyền thống quá khứ.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo ưa

thích đoạn trừ, hoan hỷ đoạn trừ, ưa thích tu tập, hoan hỷ tu tập. Nhờ ưa thích đoạn trừ, hoan hỷ đoạn trừ, ưa thích tu tập, hoan hỷ tu tập nên không khen mình chê người. Ở đây, vị Tỷ-kheo này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Này các Hiền giả, vị ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chủng, theo truyền thống quá khứ.

10. **Bốn tinh cần**:

– Chế ngự tinh cần,

– Đoạn trừ tinh cần,

– Tu tập tinh cần,

– Hộ trì tinh cần.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là chế ngự tinh cần?* Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo, khi mắt thấy sắc không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngực, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì

nhãn căn, thực hành sự chế ngực nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngực, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì căn thực hành sự chế ngự ý căn. Này các Hiền giả, như vậy gọi là chế ngự tinh cần.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là đoạn trừ tinh cần?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo không nhẫn chịu dục tầm đã khởi lên, từ bỏ, đoạn trừ, tiêu diệt, không cho hiện hữu; với sân tầm đã khởi lên... với hại tầm đã khởi lên, từ bỏ, đoạn trừ, tiêu diệt, không cho hiện hữu. Này các Hiền giả, như vậy gọi là đoạn trừ tinh cần.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là tu tập tinh cần?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập Niệm Giác chi, pháp này y xả ly, y ly dục, y đoạn diệt, thành thục trong đoạn trừ; tu tập Trạch pháp Giác chi... tu tập Tinh tấn Giác chi... tu tập Hỷ Giác chi...

tu tập Khinh an Giác chi... tu tập Định Giác chi... tu tập Xả Giác chi, pháp này y xả ly, y ly dục, y đoạn diệt, thành thục trong đoạn trừ. Này các Hiền giả, như vậy gọi là tu tập tinh cần.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là hộ trì tinh cần?* Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo hộ trì định tướng tốt đẹp đã khởi lên, cốt tưởng, trùng hám tưởng, thanh ứ tưởng, đoạn hoại tưởng, trương bành tưởng. Này các Hiền giả, như vậy gọi là hộ trì tinh cần.

11. **Bốn trí**:

- Pháp trí, loại trí, tha tâm trí, thế tục trí.

12. **Bốn trí khác**:

- Khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

13. **Bốn Dự lưu hướng chi**:

- Thiện nhân thân cận,

- Diệu pháp thính thọ,

- Như lý tác ý,

- Pháp tùy pháp hành.

14. **Bốn Dự lưu quả chi**:

- Ở đây Thánh đệ tử thành tựu lòng tin tuyệt đối với Phật - "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".

- Vị này thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp - "Pháp được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, Pháp ấy là thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến mà thấy, có hiệu năng hướng thượng, chỉ người có trí mới tự mình giác hiểu".

- Vị ấy thành tự lòng tin tuyệt đối chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn là đầy đủ diệu hạnh, chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn là đầy đủ như lý hạnh, chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn là đầy đủ chánh hạnh, tức là bốn đôi, tám vị.

- Chúng tăng đệ tử của Thế Tôn này đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời", thành tựu giới đức được các bậc Thánh ái mộ, không bị hư hoại, không bị tỳ vết, được thực hành liên tục, không bị khiếm khuyết con người tự tại, được bậc Thánh tán thán, không bị nhiễm ô, hướng đến thiền định.

15. **Bốn Sa môn quả**:

- Dự lưu quả, Nhứt lai quả, Bất lai quả, A-la-hán quả.

16. **Bốn giới**:

- Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

17. **Bốn thực**:

- Đoàn thực, thô hay tế;

- Xúc thực là thứ hai;

- Tư niệm thực là thứ ba;

- Thức thực là thứ tư.

18. **Bốn thức trú**:

- Này các Hiền giả, khi duyên sắc, thức khởi lên và an trú, thức ấy lấy sắc làm cảnh, lấy sắc làm sở y, lấy sắc làm căn cứ thọ hưởng, được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng quảng.

- Này các Hiền giả, hay duyên thọ, thức... hay duyên tưởng... Này các Hiền giả, hay duyên hành, thức khởi lên và an trú, thức ấy lấy hành làm cảnh, lấy hành làm sở y, lấy hành làm căn cứ thọ hưởng, được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng quảng.

19. **Bốn bất hành xứ hạnh**:

- Tham dục bất hành xứ hạnh,

- Sân bất hành xứ hạnh,

- Si bất hành xứ hạnh,

- Bố úy bất hành xứ hạnh.

20. **Bốn ái sanh**:

- Này các Hiền giả, do nhơn y phục, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái.

- Này các Hiền giả, do nhơn đồ ăn khất thực, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái.

- Này các Hiền giả, do nhơn phòng xá, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái.

- Này các Hiền giả, do nhơn hữu và phi hữu, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái.

21. **Bốn hành**:

- Khổ hành trì chứng,

- Khổ hành tốc chứng,

- Lạc hành trì chứng,

- Lạc hành tốc chứng.

22. **Bốn hành khác**:

- Bất kham nhẫn hành,

- Kham nhẫn hành,

- Điều phục hành,
- Tịch tịnh hành.

23. **Bốn pháp túc**:

- Vô tham pháp túc,
- Vô sân pháp túc,
- Chánh niệm pháp túc,
- Chánh định pháp túc.

24. **Bốn pháp thọ**:

- Này các Hiền giả, có pháp thọ, hiện tại khổ và tương lai quả báo khổ.
- Này các Hiền giả, có pháp thọ, hiện tại khổ và tương lai quả báo lạc.
- Này các Hiền giả, có pháp thọ, hiện tại lạc và tương lai quả báo khổ.
- Này các Hiền giả có pháp thọ, hiện tại lạc và tương lai quả báo lạc.

25. **Bốn pháp uẩn**:

- Giới uẩn, định uẩn, công đức uẩn, giải thoát uẩn.

26. **Bốn lực**:

- Tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

27. **Bốn thắng xứ**:

- Tuệ thắng xứ, đế thắng xứ, xả thắng xứ, chỉ tức thắng xứ (Bốn nguyện).

28. **Bốn cách trả lời câu hỏi**:

- Trả lời câu hỏi một cách dứt khoát,
- Trả lời câu hỏi bằng cách phân tích,
- Trả lời câu hỏi bằng cách cật vấn,
- Trả lời câu hỏi bằng cách giả lơ, bỏ qua.

29. **Bốn nghiệp**:

- Này các Hiền giả, có hắc nghiệp hắc báo.

- Này các Hiền giả, có bạch nghiệp bạch báo.

- Này các Hiền giả, có hắc bạch nghiệp, hắc bạch báo.

- Này các Hiền giả, có phi hắc phi bạch nghiệp, phi hắc phi bạch báo, và đưa đến sự tận diệt các nghiệp.

30. **Bốn pháp cần phải chứng ngộ**:

- Túc mạng cần phải chứng ngộ bởi niệm.

- Sanh tử cần phải chứng ngộ bởi nhãn.

- Tám giải thoát cần phải chứng ngộ bởi thân.

- Lậu tận cần phải chứng ngộ bởi Tuệ.

31. **Bốn bộc lưu**:

- Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu.

32. **Bốn ách**:

- Dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách.

33. **Bốn ly ách**:

- Ly dục ách, ly hữu ách, ly kiến ách, ly vô minh ách.

34. **Bốn hệ phược**:

- Tham thân hệ, sân thân hệ, gới cấm thủ thân hệ, thử thực chấp thân hệ.

35. **Bốn thủ**:

- Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã thuyết thủ.

36. **Bốn sanh**:

- Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh.

37. **Bốn nhập thai**:

- Này các Hiền giả, ở đây, có loài không tỉnh giác nhập mẫu thai, không tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai. Đó là loại nhập thai thứ nhất.

- Lại nữa, này các Hiền giả, ở đây, có loại tỉnh giác nhập mẫu thai, không tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai. Đó là loại nhập thai thứ hai.

- Lại nữa, này các Hiền giả, ở đây, có loại tỉnh giác nhập mẫu thai, tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai. Đó là loại nhập thai thứ ba.

- Lại nữa, này các Hiền giả, ở đây, có loại tỉnh giác nhập mẫu thai, tỉnh giác trú mẫu thai, tỉnh giác xuất mẫu thai. Đó là loại nhập thai thứ tư.

38. **Bốn phương cách được tự thể mới:**

- Này các Hiền giả, có tự thể mới được, do ý chí của mình, không do ý chí của người khác.

- Này các Hiền giả, có tự thể mới được, do ý chí của người khác, không do ý chí của mình.

- Này các Hiền giả, có tự thể mới được, do ý chí của mình và ý chí của người khác.

- Này các Hiền giả, có tự thể mới được không do ý chí của mình, không do ý chí của người khác.

39. **Bốn sự cúng dường thanh tịnh:**

- Này các Hiền giả, có sự cúng dường, người cúng dường thanh tịnh, người nhận cúng dường không thanh tịnh.

- Này các Hiền giả, có sự cúng dường, người nhận cúng dường thanh tịnh, người cúng dường không thanh tịnh.

- Này các Hiền giả, có sự cúng dường, cả người cúng dường và người nhận cúng dường đều không thanh tịnh.

- Này các Hiền giả, có sự cúng dường, người cúng dường và người nhận sự cúng dường đều thanh tịnh.

40. **Bốn nhiếp pháp**:

- Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

41. **Bốn phi Thánh ngôn:**

- Vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ.

42. **Bốn Thánh ngôn:**

- Ly vọng ngữ, ly lưỡng thiệt, ly ác khẩu, ly ỷ ngữ.

43. **Bốn phi Thánh ngôn khác:**

- Không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không nghĩ nói nghĩ, không biết nói biết.

44. **Bốn Thánh ngôn khác:**

- Không thấy nói không thấy,
- Không nghe nói không nghe,
- Không nghĩ nói không nghĩ,
- Không biết nói không biết.

45. **Bốn phi Thánh ngôn khác:**

- Thấy nói không thấy,
- Nghe nói không nghe,

- Nghĩ nói không nghĩ,
- Biết nói không biết.

46. **Bốn Thánh ngôn khác:**

- Thấy nói thấy,
- Nghe nói nghe,
- Nghĩ nói nghĩ,
- Biết nói biết.

47. **Bốn loại người:**

- Này các Hiền giả, ở đây, có người tự làm khổ mình và siêng năng làm khổ mình.
- Này các Hiền giả, ở đây, có loại người làm khổ người khác, siêng năng làm khổ người khác.
- Này các Hiền giả, ở đây, có loại người làm khổ mình, siêng năng làm khổ mình; làm khổ người, siêng năng làm khổ người.

- Này các Hiền giả, ở đây, có loại người không làm khổ mình, không siêng năng làm khổ mình; không làm khổ người người, không siêng năng làm khổ người. Vị này không làm khổ mình, không làm khổ người ngay trong hiện tại sống ly dục, tịch tịnh, thanh lương, an lạc thánh thiện.

48. **Lại bốn loại người khác:**

- Này các Hiền giả, ở đây, có loại người hành tự lợi, không hành lợi tha.

- Này các Hiền giả, ở đây, có loại người hành lợi tha, không hành tự lợi.

- Này các Hiền giả, ở đây, có loại người, không hành tự lợi và không hành lợi tha.

- Này các Hiền giả, ở đây, có loại người hành tư lợi và hành lợi tha.

49. **Lại bốn loại người khác:**

- Sống trong bóng tối và hướng đến bóng tối,

- Sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng,
- Sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối,
- Sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng.

50. **Bốn loại người khác:**

- Bất động Sa môn,
- Xích liên hoa Sa môn,
- Bạch liên hoa Sa môn,
- Diệu thiện Sa môn.

Này các Hiền giả, bốn Pháp này được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la Hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

II

*1. Này các Hiền giả, có **năm Pháp** được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la*

hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

1. **Năm uẩn**:

    - Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

2. **Năm thủ uẩn**:

    - Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

3. **Năm dục công đức**:

    - Sắc do nhãn nhận thức. Sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

    - Tiếng do tai nhận thức... Hương do mũi nhận thức... Vị do lưỡi nhận thức... Xúc do thân cảm xúc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

4. **Năm thú**:

    - Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, Người,

chư Thiên.

5. **Năm xan tham**:

- Xan tham đối với trú xứ,
- Xan tham đối với gia đình,
- Xan tham đối với các vật thâu hoạch,
- Xan tham đối với sắc,
- Xan tham đối với pháp.

6. **Năm triền cái**:

- Tham dục triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên cái, trạo cử hối quá triền cái, nghi triền cái.

7. **Năm hạ phần kiết sử**:

- Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân.

8. **Năm thượng phần kiết sử:**

- Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trạo cử, vô minh.

9. **Năm học xứ**:

- Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngôn, không uống các loại rượu.

10. **Năm bất năng xứ**:

- Này các Hiền giả, một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể cố sát hại đời sống loài hữu tình.

- Một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể cố ý lấy của không cho gọi là trộm cắp.

- Một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể có ý hành dâm.

- Một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể cố ý tự mình biết mà nói láo.

- Một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể tiêu dùng các vật chứa cất vào các thú vui dục lạc như khi còn là cư sĩ.

11. **Năm sự tổn thất**:

- Thân thuộc tổn thất,

- Tài sản tổn thất,

- Tật bệnh tổn thất,

- Giới tổn thất,

- Kiến tổn thất.

→ Này các Hiền giả, không có loài hữu tình nào, vì thân thuộc tổn thất, vì tài sản tổn thất, hay vì tật bệnh tổn thất, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, có loài hữu tình, vì giới tổn thất hay vì kiến tổn thất, sau khi thân hoại mạng chung... sanh vào địa ngục.

12. **Năm sự thành tựu**:

- Thân thuộc thành tựu,

- Tài sản thành tựu, vô bệnh thành tựu, giới thành tựu, kiến thành tựu.

→ Này các Hiền giả, không có loài hữu tình nào, vì thân thuộc thành tựu, vì tài sản thành tựu hay vì vô bệnh thành tựu, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này.

Này các Hiền giả, có các loài hữu tình, vì giới thành tựu hay vì kiến thành tựu được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này.

13. **Năm điều nguy hiểm của người ác giới, phạm giới**:

- Này các Hiền giả, người ác giới, vì phạm giới luật, do phóng dật thiệt hại nhiều tài sản. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất của người ác giới, phạm ác giới.

- Lại nữa, này các Hiền giả, với người ác giới, phạm ác giới, tiếng xấu đồn khắp. Đó là điều nguy hiểm thứ hai của người ác giới.

- Lại nữa, này các Hiền giả, với người ác giới, phạm ác giới, khi vào hội chúng nào, hội chúng Sát đế ly, hội chúng Bà la môn, hội chúng Cư sĩ hay hội chúng Sa môn, người ấy vào một cách sợ sệt và dao động. Đó là điều nguy hiểm thứ ba của người ác giới, phạm ác giới.

- Lại nữa, này các Hiền giả, người ác giới, phạm ác giới, khi mệnh chung, chết một

cách mê loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư của người ác giới, phạm ác giới.

- Lại nữa, này các Hiền giả, người ác giới, phạm ác giới, khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm của người ác giới, phạm ác giới.

14. **Năm điều lợi ích của người đủ giới, giữ giới**:

- Này các Hiền giả, ở đây người đủ giới, giữ giới, nhờ không phóng dật nên được tài sản sung túc. Đó là điều lợi ích thứ nhất cho người đủ giới, giữ giới.

- Này các Hiền giả, lại nữa người đủ giới, giữ giới được tiếng tốt đồn khắp. Đó là điều lợi ích thứ hai cho người đủ giới, giữ giới.

- Này các Hiền giả, với người đủ giới, giữ giới, khi vào hội chúng nào, hội chúng Sát đế ly, hội chúng Ba la môn, hội chúng Cư sĩ, hội chúng Sa môn, vị ấy vào một cách đàng hoàng, không dao động. Đó là điều lợi ích thứ ba cho người đủ giới, giữ

giới.

- Này các Hiền giả, lại nữa người đủ giới, giữ giới khi mệnh chung chết một cách không sợ sệt và không dao động. Đó là điều lợi ích thứ tư cho người đủ giới, giữ giới.

- Này các Hiền giả, lại nữa người đủ giới, giữ giới, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy là điều lợi ích thứ năm cho người đủ giới, giữ giới.

15. **Này các Hiền giả, năm pháp nội tâm một vị Tỷ kheo cần phải có nếu muốn chỉ trích một vị khác**:

- "Tôi nói đúng thời, không phải phi thời.

- Tôi nói đúng sự thật, không sai sự thật.

- Tôi nói một cách từ tốn, không nói lời ác khẩu.

- Tôi nói lời có lợi ích, không nói lời không có lợi ích.

- Tôi nói lời có lòng từ, không phải lời sân hận".

→ Này các Hiền giả, như vậy là năm pháp nội tâm một vị Tỷ kheo cần phải có, nếu muốn chỉ trích một vị khác.

16. **Năm cần chi**:

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế tôn, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

- Vị ấy thiểu bệnh, thiểu não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình hợp với sự tinh tấn.

- Vị ấy không lừa đảo, dối gạt, nêu rõ tự mình như chơn đối với bậc Đạo Sư, đối với các vị sáng suốt hay đối với các vị đồng phạm hạnh.

- Vị ấy sống siêng năng, tinh tấn, từ bỏ các

ác pháp, thành tựu các thiện pháp, cương quyết, kiên trì nỗ lực, không tránh né đối với các thiện pháp.

- Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sự sanh diệt của các pháp, thành tựu Thánh quyết trạch, đưa đến sự đoạn diệt chơn chánh các khổ đau.

17. **Năm tịnh cư**:

- Vô Phiền thiên,
- Vô Nhiệt thiên,
- Thiện Hiện thiên,
- Thiện Kiến thiên,
- Sắc Cứu Cánh thiên.

18. **Năm bất hoàn**:

- Trung gian Bát Niết bàn,
- Sanh Bát Niết bàn,
- Vô hành Bát Niết bàn,

- Hữu hành Bát Niết bàn,

- Thượng lưu thú A-ca-ni-sá.

19. **Năm tâm hoang vu**:

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có thỏa mãn đối với vị Đạo Sư. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có thỏa mãn đối với vị Đạo Sư, vị Tỷ kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Khi tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn, như vậy gọi là tâm hoang vu thứ nhất.

- Này các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo nghi ngờ đối với Pháp... đối với Tăng... đối với học Pháp... tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu. Này các Hiền giả, khi một vị Tỷ kheo tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu, vị Tỷ kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Như vậy gọi là tâm

hoang vu thứ năm.

20. **Năm tâm triền phược**:

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo tâm không ly tham, không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt tình, không ly ái nhiễm đối với các dục vọng. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo tâm không ly tham, không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt tình, không ly ái nhiễm đối với ác dục vọng, tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm của vị nào không hướng về... như vậy là tâm triền phược thứ nhất.

- Này các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo, tâm không ly tham đối với các thân... Như vậy là tâm triền phược thứ hai...

- Đối với các sắc, tâm không ly tham... Đây là tâm triền phược thứ ba.

- Này các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo không ăn quá sức bao tử có thể chịu nổi, hưởng thọ sự sung sướng về nằm ngủ, sự

sung sướng về xúc chạm, sự sung sướng về thụy miên... Đây là tâm triền phược thứ tư.

- Này các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo sống đời sống phạm hạnh với hy vọng mong được thành một loại chư Thiên: "Với luật pháp này, với giới luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ trở thành loại chư Thiên này hay loại chư Thiên khác". Này các Hiền giả, khi vị Tỷ kheo sống đời sống Phạm hạnh với hy vọng được thành một loại chư Thiên: "Với luật pháp này, với giới luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ trở thành loại chư Thiên này hay chư Thiên khác". Tâm của vị này không hướng về nỗi lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm của vị nào... như vậy là tâm triền phược thứ năm.

21. **Năm căn**:

- Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

22. **Lại năm căn khác**:

- Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

23. **Lại năm căn khác**:

- Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

24. **Năm xuất ly giới**:

a. Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo, có tác ý đối với dục vọng, tâm không hướng nhập dục vọng, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi dục vọng. Khi vị này có tác ý đối với ly dục, tâm hướng nhập ly dục, tín lạc, an trú và bị chi phối bởi ly dục, tâm của vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với các dục lạc. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên, các dục lạc, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với các dục vọng.

b. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo có tác ý đối với sân hận, tâm không hướng nhập sân hận, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi sân hận. Khi vị này

có tác ý đối với vô sân, tâm hướng nhập vô sân, có tín lạc, có an trú, có bị chi phối bởi vô sân, tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với vô sân. Và các lậu hoặc, các tổn hoại, các nhiệt não khởi lên do duyên với sân, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với sân hận.

c. Này các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo, có tác ý đối với hại tâm, tâm không hướng nhập hại tâm, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi hại tâm. Khi vị này có tác ý đối với ly hại tâm, tâm hướng nhập ly hại tâm, tín lại, an trú, bị chi phối bởi ly hại tâm. Tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ hại tâm. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với hại tâm, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với hại tâm.

d. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, có tác ý đối với sắc, tâm không hướng nhập vào sắc, không tín lạc, không an trú,

không bị chi phối bởi sắc. Khi vị này có tác ý đối với vô sắc, tâm hướng nhập vô sắc, tín lạc, an trú, bị chi phối bởi vô sắc. Tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với sắc. Và các lậu hoặc, các tổn hại, cái nhiệt não khởi lên do duyên với sắc, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với sắc.

e. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo có tác ý đối với tự thân, tâm không hướng nhập tự thân, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi tự thân. Khi vị này có tác ý đối với thân diệt, tâm hướng nhập thân diệt, tín lạc, an trú, bị chi phối bởi thân diệt. Tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ thân diệt. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với tự thân, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với tự thân.

25. **Năm giải thoát xứ**:

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo, khi nghe bậc Đạo Sư, hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp. Này các Hiền giả, khi vị Tỷ kheo nghe bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp, vị ấy, đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý và hiểu cả văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu cả văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tỉnh. Đó là giải thoát xứ thứ nhất.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo không nghe bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp. Nhưng vị ấy, theo điều đã nghe, theo điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác. Này các Hiền giả, khi vị Tỷ kheo theo điều đã nghe, theo điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, vị ấy đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh.

Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tỉnh. Đó là giải thoát xứ thứ hai.

- Này các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo, không được nghe bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp, cũng không theo điều đã nghe, điều đã học thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác. Vị ấy theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo, theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc pháp một các rõ ràng, do vậy đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tỉnh. Đó là giải thoát xứ thứ ba.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, không nghe bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính thuyết pháp, cũng không theo điều đã nghe, điều đã học thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, cũng không theo điều đã

nghe, điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng. Vị ấy, theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo, theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo, theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy nên đối với pháp ấy hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái sanh, hỷ tâm sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tỉnh. Đó là giải thoát xứ thứ tư.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, không nghe bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp, cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy, vị Tỷ kheo đã khéo nắm giữ một định tướng nào, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí

tuệ. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo nắm giữ một định tướng nào, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí tuệ. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo tùy theo khéo nắm giữ một định tướng nào, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí tuệ, nên đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú, nên khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái sanh, hỷ tâm sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tỉnh. Đó là giải thoát xứ thứ năm.

26. **Năm giải thoát thành thục tưởng**:

- Vô thường tưởng,
- Khổ tưởng trong vô thường,
- Vô ngã tưởng trong khổ,
- Đoạn trừ tưởng,
- Vô tham tưởng.

Này các Hiền giả, năm pháp này được Thế Tôn chơn

chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người.

*2. Này các Hiền giả, có **sáu pháp** được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người. Thế nào là sáu?*

1. **Sáu nội xứ**:

   – Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ.

2. **Sáu ngoại xứ**:

   – Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ.

3. **Sáu thức thân**:

   – Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

4. **Sáu xúc thân**:

   – Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc.

5. **Sáu thọ thân**:

   – Nhãn xúc sở sanh thọ, nhĩ xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, thiệt xúc sở sanh thọ, thân xúc sở sanh thọ, ý xúc sở sanh thọ.

6. **Sáu tưởng thân**:

   – Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

7. **Sáu tư thân**:

   – Sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư.

8. **Sáu ái thân**:

   – Sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

9. **Sáu không cung kính pháp**:

– Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo, sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư;

– Sống không cung kính, không tùy thuận Pháp;

– Sống không cung kính, không tùy thuận Tăng;

– Sống không cung kính, không tùy thuận học Pháp;

– Sống không cung kính bất phóng dật, không tùy thuận bất phóng dật;

– Sống không cung kính, không tùy thuận sự lễ phép xã giao.

10. **Sáu cung kính pháp**:

– Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo sống cung kính, tùy thuận bậc Đạo Sư; sống cung kính, tùy thuận Pháp; sống cung kính, tùy thuận Tăng; sống cung kính tùy thuận học pháp; sống cung kính, tùy thuận bất phóng dật; sống cung kính; tùy thuận lễ phép xã giao.

11. **Sáu suy tư đến hỷ**:

- Khi mắt thấy sắc, hoan hỷ khởi lên, sắc ấy được suy tư. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân chạm xúc... Khi ý nhận pháp, hoan hỷ khởi lên, pháp ấy được suy tư.

12. **Sáu suy tư đến ưu**:

- Khi mắt thấy sắc, ưu khởi lên, sắc ấy được suy tư... như trên... khi ý nhận pháp, ưu khởi lên, pháp ấy được suy tư.

13. **Sáu suy tư đến xả**:

- Khi mắt thấy sắc, xả khởi lên, sắc ấy được suy tư... Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân chạm xúc... Khi ý nhận pháp, xả khởi lên, pháp ấy được suy tư.

14. **Sáu hòa kính pháp**:

– Này các Hiền giả, ở đây khi vị Tỷ kheo thành tựu từ thân nghiệp, trước mặt hay sau lưng đối với các vị đồng Phạm hạnh, như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ

ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.

– Này các Hiền giả, lại nữa khi vị Tỷ kheo thành tựu từ khẩu nghiệp trước mặt hay sau lưng... từ ý nghiệp trước mặt hay sau lưng, đối với các vị đồng Phạm hạnh, như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.

– Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, đối với các đồ vật được cúng dường một cách hợp pháp cho đến đồ vật nhận trong bình bát, đều đem chia đồng đều giữa các vị Tỷ kheo có giới hạnh, như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.

– Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, khi những giới luật của vị này không bị phá hoại, không vi phạm, được kiên trì tuân hành, không có tỳ vết, làm con người được giải thoát, được người trí tán thán, không uế tạp, hướng đến thiền định, vị Tỷ

kheo ấy giữ giới hạnh Sa môn như vậy, sống trước mặt hay sau lưng với các vị đồng Phạm hạnh như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.

– Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo sống đời sống được Chánh kiến hướng dẫn, chơn chánh, đoạn diệt khổ đau, vị ấy sống thành tựu với Chánh kiến như vậy, sống với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt hay sau lưng, như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.

15. **Sáu tránh căn**:

– Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo phẫn nộ, uất hận. Này các Hiền giả, vị này phẫn nộ, uất hận, sống không cung kính, không tùy thuận vị Đạo Sư, sống không cung kính, không tùy thuận Pháp, không cung kính, không tùy thuận Tăng, không thành tựu đầy đủ các học pháp. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo sống không cung

kính không tùy thuận bậc Đạo Sư, không cung kính, không tùy thuận Pháp, không cung kính, không tùy thuận Tăng, không thành tựu đầy đủ các học pháp, vị ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng. Tranh luận như vậy khiến chúng sanh không hạnh phúc, khiến chúng sanh không an lạc, khiến chúng sanh không lợi ích, và khiến chư Thiên và loài Người không hạnh phúc, mà đau khổ. Này các Hiền giả, nếu Hiền giả thấy được tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, Hiền giả phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy. Này các Hiền giả, nếu Hiền giả không thấy tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, các vị hãy gìn giữ đừng cho ác tránh căn ấy có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là ngăn chặn nguy hại ác tránh căn ấy trong tương lai.

– Này các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo che dấu và giả dối...

– ... tật đố và xan tham...

– ... lừa đảo và lường gạt...

– ... ác dục và tà kiến...

– ... chấp trước sở kiến, kiên trì gìn giữ rất khó rời bỏ. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo chấp trước sở kiến, kiên trì gìn giữ, rất khó rời bỏ, vị ấy sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư, không cung kính, không tùy thuận Pháp, không cung kính, không tùy thuận Tăng, không thành tựu đầy đủ các học pháp. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư... Pháp... Tăng... không thành tựu đầy đủ các học pháp, vị ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng. Tranh luận như vậy khiến chúng sanh không hạnh phúc, khiến chúng sanh không an lạc, khiến chúng sanh không lợi ích, khiến chư Thiên và loài Người không hạnh phúc, mà đau khổ. Này các Hiền giả, nếu Hiền giả thấy được tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, Hiền giả phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy. Này các Hiền giả, nếu Hiền giả không thấy tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, các vị hãy gìn giữ đừng cho ác tránh căn ấy có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là sự đoạn trừ ác tránh

căn ấy, như vậy là ngăn chận nguy hại ác tránh căn ấy trong tương lai.

16. **Sáu giới**:

– Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.

17. **Sáu xuất ly giới**:

– Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy sân tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Ai tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, mà sân tâm vẫn ngự trị, an trí, sự kiện không thể xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, từ tâm giải thoát có khả

năng giải thoát sân tâm.

– Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy hại tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, mà hại tâm vẫn ngự trị an trú, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, bi tâm giải thoát có khả năng giải thoát hại tâm.

– Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy bất lạc tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy,

Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, bất lạc tâm vẫn ngự trị an trú, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, hỷ tâm giải thoát có khả năng giải thoát bất lạc tâm.

– Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy tham tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại Đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần mà tham tâm vẫn

ngự trị an trú, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, xả tâm giải thoát, có khả năng giải thoát tham tâm.

– Này các Hiền giả, lại nữa ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy thức của tôi vẫn chạy theo các tướng". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại Đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, mà thức vẫn chạy theo các tướng, sự kiện không xảy ra như vậy. Nếu tu tập vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, mà thức vẫn chạy theo các tướng, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, vô tướng tâm giải thoát có khả năng

giải thoát tất cả tướng.

– Này các Hiền giả, lại nữa, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Quan điểm "tôi có mặt" bị tôi từ khước. Quan điểm "tôi là cái này" không được tôi chấp nhận. Tuy vậy mũi tên nghi ngờ do dự vẫn ám ảnh an trú tôi". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại Đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. "Quan điểm "tôi có mặt" bị tôi từ khước. Quan điểm "tôi là cái này" không được tôi chấp thuận. Tuy vậy nghi ngờ, do dự vẫn ám ảnh an trú nơi tôi". Sự kiện không xảy ra như vậy. Này Hiền giả, chính nhờ khước từ sự ngạo mạn "tôi có mặt", mà mũi tên do dự nghi ngờ được giải thoát.

18. **Sáu vô thượng**:

– Kiến vô thượng,

– Văn vô thượng,

- Lợi đắc vô thượng,
- Học giới vô thượng,
- Hành vô thượng,
- Ức niệm vô thượng.

19. **Sáu niệm xứ**:

- Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên.

20. **Sáu hằng trú**:

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo mắt thấy sắc, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, giác tỉnh;
- Tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức pháp, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, trú xả, chánh niệm, tỉnh giác.

21. **Sáu sanh loại**:

- Này các Hiền giả, ở đây có người hắc sanh và sống tạo hắc pháp.

- Này các Hiền giả, ở đây, có người hắc sanh và sống tạo bạch pháp.
- Này các Hiền giả, ở đây, có người hắc sanh và sống tạo Niết bàn, phi hắc phi bạch pháp.
- Ở đây, có người bạch sanh và sống tạo bạch pháp.
- Ở đây, có người bạch sanh và sống tạo hắc pháp.
- Ở đây, có người bạch sanh và sống tạo Niết bàn, phi hắc phi bạch pháp.

22. **Sáu quyết trạch phần tưởng**:

- Vô thường tưởng,
- Khổ tưởng trên vô thường,
- Vô ngã tưởng trên khổ,
- Đoạn tưởng,
- Vô tham tưởng,
- Diệt tưởng.

Này các Hiền giả, sáu pháp này được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vị lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*8. Này các Hiền giả, có **bảy pháp** được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc... vị lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là bảy?*

1. **Bảy tài sản**:

   - Tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài, tuệ tài.

2. **Bảy giác chi**:

   - Niệm Giác chi, Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Hỷ Giác chi, Khinh an Giác chi, Định Giác chi, Xả Giác chi.

3. **Bảy định cụ**:

   - Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm.

4. **Bảy phi diệu pháp**:

   - Này các Hiền giả, ở đây, có vị Tỷ kheo bất tín, vô tàm, vô quý, thiểu văn, giải đải, thất niệm, liệt tuệ.

5. **Bảy diệu pháp**:

   - Này các Hiền giả, ở đây, có vị Tỷ kheo có lòng tín, có tàm, có quý, đa văn, tinh tấn, niệm được an trú, có trí tuệ.

6. **Bảy thượng nhân pháp**:

   - Này các Hiền giả, ở đây có vị Tỷ kheo tri pháp, tri nghĩa, tự tri, tri lượng, tri thời, tri chúng và tri nhân.

7. **Bảy thù diệu sự**:

   - Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo tha thiết hành trì học pháp và khát vọng hành trì học pháp trong tương lai;

   - Tha thiết quán pháp và khát vọng quán pháp trong tương lai;

   - Tha thiết điều phục các dục vọng và khát

vọng điều phục các dục vọng trong tương lai;

- Tha thiết sống an tịnh và khát vọng sống an tịnh trong tương lai;

- Tha thiết sống tinh tấn và khát vọng sống tinh tấn trong tương lai;

- Tha thiết quán sát tự niệm và khát vọng quán sát tự niệm trong tương lai;

- Tha thiết với kiến giải và khát vọng hiểu biết sở kiến trong tương lai.

8. **Bảy tưởng**:

- Vô thường tưởng,

- Vô ngã tưởng,

- Bất tịnh tưởng,

- Hoạn nạn tưởng,

- Đoạn tưởng,

- Ly tham tưởng,

- Diệt tưởng.

9. **Bảy lực**:

   - Tín lực, tinh tấn lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

10. **Bảy thức trú**:

    1. Này các Hiền giả, có các loại hữu tình, thân sai biệt và tưởng sai biệt, như loài Người, một số chư Thiên và một số thuộc đọa xứ. Đó là loại thức trú thứ nhất.

    2. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình thân sai biệt nhưng tưởng đồng loại, như các vị Phạm Chúng thiên vừa mới sanh lần đầu tiên (hay do tu sơ thiền). Đó là loại thức trú thứ hai.

    3. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình, thân đồng loại, nhưng tưởng sai biệt, như chư Quang Âm thiên. Đó là loại thức trú thứ ba.

    4. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình thân đồng loại và tưởng đồng loại, như chư Thiên Biến Tịnh thiên. Đó là loại thức trú

thứ tư.

5. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình, vượt khỏi mọi tưởng về sắc, điều phục mọi tưởng về sân, không tác ý đến các tướng sai biệt, chứng Không vô biên xứ: "Hư không là vô biên". Đó là loại thức trú thứ năm.

6. Này các Hiền giả, có những loại hữu tình, vượt khỏi hoàn toàn hư không vô biên xứ, chứng thức vô biên xứ: "Thức là vô biên". Đó là loại thức trú thứ sáu.

7. Này các Hiền giả có những loại hữu tình vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, chứng Vô sở hữu xứ: "Không có vật gì cả". Đó là loại thức trú thứ bảy.

11. **Bảy loại người đáng kính trọng**:

- Câu phần giải thoát,
- Tuệ giải thoát,
- Thân chứng,
- Kiến chí,

- Tín giải thoát, Tùy pháp hành, Tùy tín hành.

12. **Bảy tùy miên**:

- Dục ái tùy miên,
- Sân tùy miên,
- Kiến tùy miên,
- Nghi tùy miên,
- Mạn tùy miên,
- Hữu tham tùy miên,
- Vô minh tùy miên.

13. **Bảy kiết sử**:

- Ái kiết sử,
- Sân kiết sử,
- Kiến kiết sử,
- Nghi kiết sử,
- Mạn kiết sử,

- Hữu tham kiết sử,

- Vô minh kiết sử.

14. **Bảy diệt tránh pháp**:

- Có khả năng đình chỉ, trừ diệt các tránh pháp đang khởi lên: Ưng dữ hiện tiền tỳ ni, ưng dữ ức niệm tỳ ni, ưng dữ bất si tỳ ni, ưng dữ tự ngôn trị, đa mích tội tướng, đa nhơn mích tội, như thảo phú địa.

Này các Hiền giả, bảy pháp này được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

III

*1. "Này các Hiền giả, có **tám pháp** được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... Vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an*

lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là tám?

1. **Tám tà**:

   - Tà tri kiến, ta tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

2. **Tám chánh**:

   - Chánh tri kiến... Chánh định.

3. **Tám người đáng cung kính**:

   - Hạng Dự lưu, hạng đã thành tựu và chứng Dự lưu quả;

   - Hạng Nhất lai, hạng đã thành tựu và chứng Nhất lai quả;

   - Hạng Bất lai, hạng đã thành tựu và chứng Bất lai quả;

   - Hạng A la hán và hạng đã thành tựu A la hán quả.

4. **Tám giải đãi sự**:

   - Này các Hiền giả, ở đây có việc vị Tỷ kheo

phải làm. Vị này nghĩ: "Có công việc ta sẽ phải làm. Nếu ta làm việc, thời thân ta sẽ mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được, như vậy là giải đãi sự thứ nhất.

- Này các Hiền giả, lại nữa, một việc đã được vị Tỷ kheo làm. Vị này nghĩ: "Ta đã làm một công việc. Do ta làm một công việc nên thân ta mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... như vậy là giải đãi sự thứ hai.

- Này các Hiền giả, lại nữa, có con đường vị Tỷ kheo phải đi. Vị nầy nghĩ: « Đây là con đường mà ta sẽ phải đi. Khi ta đi con đường ấy, thân ta sẽ mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống ». Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ ba.

- Này các Hiền giả, lại nữa, con đường vị Tỷ kheo đã đi. Vị này nghĩ: "Ta đã đi con đường, do ta đã đi con đường nên thân ta mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải

đãi sự thứ tư.

- Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo đi khất thực ở làng hay tại đô thị không nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Vị ấy nghĩ: "Ta đi khất thực ở làng hay đô thị, không nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Thân này của ta bị mệt mỏi không lợi ích gì. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn. Như vậy là giải đãi sự thứ năm.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, trong khi đi khất thực tại làng hay thị xã nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị ấy nghĩ: "Ta đi khất thức tại làng hay tại thị xã, nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Thân này của ta nặng nề, không làm được gì, như một nhóm đậu. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ sáu.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo bị đau bệnh nhẹ. Vị này nghĩ: "Nay ta bị đau bệnh nhẹ, cần phải nằm nghỉ. Vậy ta nên nằm

xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ bảy.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Vị ấy nghĩ: "Ta mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Thân này của ta yếu đuối, không làm được việc gì, vậy ta hãy nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Như vậy là giải đãi sự thứ tám.

5. **Tám tinh tấn sự**:

- Này các Hiền giả, ở đây có việc vị Tỷ kheo phải làm, vị ấy nghĩ: "Có công việc, ta sẽ phải làm, nếu ta làm việc, thì không dễ gì ta có thể suy tư đến giáo pháp chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn để đạt được điều gì chưa đạt được, để thành tựu điều gì chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều gì chưa chứng ngộ được". Và vị ấy tinh tấn để đạt được điều gì chưa đạt được, để thành tựu điều gì chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều gì chưa chứng ngộ được. Như vậy là

tinh tấn sự thứ nhất.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo đã làm xong công việc, vị ấy nghĩ: "Ta đã làm xong công việc. Khi ta làm công việc, ta không thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta phải cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ hai.

- Này các Hiền giả, lại nữa, có con đường vị Tỷ kheo phải đi. Vị này nghĩ: "Đây là con đường mà ta sẽ phải đi. Khi ta đi con đường ấy, không dễ gì ta có thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ ba.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo đã đi con đường. Vị này nghĩ: "Ta đã đi con đường ấy. Khi ta đi con đường, ta không có thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ tư.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo trong khi đi khất thực tại làng hay tại đô thị, không nhận được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị này

nghĩ: "Ta trong khi đi khất thực tại làng hay tại đô thị, không nhận được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Thân ta như vậy nhẹ nhàng có thể làm việc. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Và vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ năm.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo trong khi đi khất thực tại làng hay tại đô thị được các loại đồ ăn loại cứng hay loại đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Vị này nghĩ: "Ta trong khi đi khất thực tại làng hay tại đô thị, nhận được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Như vậy thân ta mạnh, có thể làm việc, vậy Ta hãy cố gắng tinh tấn..." Và vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ sáu.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo bị đau bệnh nhẹ. Vị ấy nghĩ: "Ta nay bị đau bệnh nhẹ, sự kiện này có thể xảy ra, bệnh này có thể trầm trọng hơn. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Và vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ bảy.

- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu.

Vị ấy nghĩ: "Ta mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Sự kiện này có thể xảy ra, bệnh của ta có thể trở lại. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn để đạt được điều gì chưa đạt được, thành tựu điều gì chưa thành tựu được, chứng ngộ điều gì chưa chứng ngộ được". Và vị ấy tinh tấn để đạt được điều gì chưa đạt được, thành tựu điều gì chưa thành tựu được, và chứng ngộ điều gì chưa chứng ngộ được. Đó là tinh tấn sự thứ tám.

6. **Tám bố thí sự**:

    1. Có người đến nên bố thí.

    2. Vì sợ nên bố thí.

    3. Vì "người ấy cho tôi", nên bố thí.

    4. Vì "người ấy sẽ cho tôi", nên bố thí.

    5. Vì suy nghĩ: "Bố thí là tốt lành", nên bố thí.

    6. Vì suy nghĩ: "Ta nấu, họ không nấu. Thật không phải, nếu ta nấu mà không cho gì những người không nấu", nên bố thí.

    7. Vì suy nghĩ: "Nay ta bố thí, tiếng đồn tốt đẹp

sẽ được truyền đi", nên bố thí.

8. Vì muốn trang nghiêm tâm và tư trợ tâm nên bố thí.

7. **Tám thí sanh**:

1. Này các Hiền giả, có người bố thí cho Sa môn hay Bà la môn, đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được bố thí trở lại. Người này thấy người Sát đế lỵ có nhiều tài sản, người Ba la môn có nhiều tài sản, hay người gia chủ có nhiều tài sản, được sung mãn, cụ túc, thụ hưởng năm món dục lạc. Vị này nghĩ: "Mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh là một trong những người Sát đế lỵ có nhiều tài sản, người Bà la môn có nhiều tài sản hay người gia chủ có nhiều tài sản". Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn, nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác nhận, đây là trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Này các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới

được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.

2. Này các Hiền giả, lại nữa, ở đây, có người bố thí cho Sa môn hay Bà la môn, đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được trở lại. Vị này nghe: "Tứ Đại Thiên vương thọ mạng lâu dài, đẹp trai và nhiều an lạc". Vị này nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh thành một trong hàng Tứ Đại Thiên vương". Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn, nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác nhận đây là trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Này các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.

3. Này các Hiền giả, lại nữa, ở đây, có người bố thí cho Sa môn hay Bà la môn, đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được trở lại. Vị này nghe: "Chư Thiên Tam thập tam

thiên...

4. ...chư Thiên Dạ ma...

5. ...chư Thiên Đâu suất...

6. ....chư Thiên Hóa Lạc...

7. ....chư Thiên Tha Hóa Tự tại được sống lâu, đẹp trai, được nhiều an lạc". Vị này nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh thành một trong hàng chư Thiên Thoa Hóa Tự tại". Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn, nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác nhận, đây là trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Này các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.

8. Này các Hiền giả, lại nữa, ở đây, có người bố thí cho Sa môn hay Bà la môn, đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được trở lại. Vị này nghe: "Chư Thiên Phạm Chúng thọ mạng lâu dài, đẹp trai và nhiều an lạc".

Vị này nghĩ: "Mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh thành một trong hàng Phạm Chúng thiên". Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn, nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác nhận đây là…trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Này các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.

8. **Tám chúng**:

   - Chúng Sát đế lỵ, chúng Bà la môn, chúng Gia chủ, chúng Sa môn,

   - Chúng Tứ Đại Thiên vương, chúng Tam thập tam thiên, chúng (Thiên) Ma, chúng Phạm thiên.

9. **Tám thế pháp**:

   - Đắc, bất đắc, danh văn, ác văn, phỉ báng, tán thán, lạc và khổ.

10. **Tám thắng xứ**:

    1. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại

ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.

2. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.

3. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.

4. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.

5. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như bông gai màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như lụa Ba la nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy

các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ năm.

6. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như bông kanikàra màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như lụa Ba la nại cả hai mặt láng trơn màu vàng, sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.

7. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như bông bandhujĩvaka màu đỏ - như lụa Ba la nại cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc

đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

8. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như sao mai osadhi màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, như lụa Ba la nại cả hai mặt láng trớn màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, vị ấy nhận thứ rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám.

11. Tám giải thoát:

1. Tự mình có sắc, thấy các sắc; đó là giải thoát thứ nhất.

2. Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; đó là giải thoát thứ hai.

3. Quán tưởng nội sắc là tịnh, chú tâm trên suy

tưởng ấy; đó là giải thoát thứ ba.

4. Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không suy tư đến những tưởng khác biệt, với suy tư "Hư không là vô biên" chứng và trú Không vô biên xứ; đó là giải thoát thứ tư.

5. Vượt khỏi hoàn toàn Hư không vô biên xứ, với suy tư "Thức là vô biên" chứng và trú Thức vô biên xứ; đó là giải thoát thứ năm.

6. Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật gì" chứng và trú Vô sở hữu xứ; đó là giải thoát thứ sáu.

7. Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là giải thoát thứ bảy.

8. Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng, đó là giải thoát thứ tám.

Này các Hiền giả, tám pháp này được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh

phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*2. Này các Hiền giả, có **chín pháp** được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là chín?*

1. **Chín xung đột sự**:

    1. "Người ấy đã làm hại tôi", xung đột khởi lên.

    2. "Người ấy đang làm hại tôi", xung đột khởi lên.

    3. "Người ấy sẽ làm hại tôi", xung đột khởi lên.

    4. "Người ấy đã làm hại người tôi thương, người tôi mến"...

    5. "Người ấy đang làm hại...

    6. Người ấy sẽ làm hại...", xung đột khởi lên.

    7. "Người ấy đã làm lợi cho người tôi không

thương, không mến...

8. Người ấy đang làm lợi...

9. Người ấy sẽ làm lợi...", xung đột khởi lên.

2. **Chín sự điều phục xung đột**:

1. "Người ấy đã làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy xung đột được điều phục.

2. "Người ấy đang làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?". Nhờ vậy xung đột được điều phục.

3. "Người ấy sẽ làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục.

4. "Người ấy đã làm hại người tôi thương,

5. Người ấy đang làm hại...

6. Người ấy sẽ làm hại người tôi thương, người tôi mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy xung đột được điều phục.

7. "Người ấy đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến...

8. Người ấy đang làm lợi...

9. Người ấy sẽ làm lợi... Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy xung đột được điều phục.

3. Chín chỗ an trú của loài hữu tình:

1. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình, thân sai biệt, tưởng sai biệt, như loài Người, một số chư Thiên, một số ở tại các đọa xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất.

2. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình, thân sai biệt, tưởng đồng nhất, như Phạm Chúng thiên khi mới tái sanh. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai.

3. Này các Hiền giả, có loài hữu tình, thân đồng nhất, tưởng sai biệt như chư Quang Âm thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba.

4. Này các Hiền giả, có loài hữu tình, thân đồng nhất, tưởng đồng nhất như chư Tịnh Cư thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư.

5. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình không có tưởng, không có thọ, như chư Vô Tưởng thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm.

6. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tưởng một cách hoàn toàn, diệt trừ các sân tưởng, không có tác ý sai biệt tưởng, chứng được Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu.

7. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy.

8. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Vô sở hữu xứ: "Không có gì tất cả". Đó là hữu tình trú xứ thứ tám.

9. Này các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

4. **Phạm hạnh trú, chín bất thời bất tiết:**

1. Này các Hiền giả, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào địa ngục. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ nhất.

2. Này các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào bàng sanh. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ hai.

3. ... sanh vào ngạ quỷ...

4. ...sanh vào hàng A tu la...

5. ... sanh vào hàng chư Thiên được thọ mạng lâu dài...

6. ... sanh vào các biên địa, giữa các loài mọi rợ vô trí, những chỗ mà các hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ không có đất đứng. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ sáu.

7. Này các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy được sanh vào các trung quốc, nhưng lại theo tà kiến điên đảo: "Không có bố thí, không có cúng dường, không có cúng tế, không có quả báo các hành vi thiện ác, không có đời này, không có các loài hóa sanh, không có các vị Sa môn, Bà la môn đã chứng đạt chơn chánh, đã thực thành chơn chánh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ thế giới này với thế giới sau và tuyên thuyết. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ bảy.

8. Này các Hiền giả, lại nữa, Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến đến giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sinh vào tại các nước trung quốc, nhưng ác huệ, ngu si, điếc, ngọng, không biết nghĩa lý được khéo nói hay vụng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ tám.

9. Này các Hiền giả, lại nữa Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, nhưng Pháp không được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến đến giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị, và người ấy sanh vào tại các nước trung quốc nhưng có trí tuệ, không ngu si, không điếc ngọng, biết nghĩa lý được khéo nói hay vụng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ chín.

5. **Chín thứ đệ trú:**

1. Này các Hiền giả, ở đây có vị Tỷ kheo, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào Thiền thứ nhất, có tầm có tứ có hỷ lạc do ly dục sanh.

2. Diệt tầm diệt tứ... Thiền thứ hai...

3. ...Thiền thứ ba...

4. ... chứng và trú vào Thiền thứ tư.

5. Sau khi vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, sau khi trừ diệt các hữu đối tưởng, không có tác ý với các sai biệt tưởng, chứng và trú Hư không vô biên

xứ: "Hư không là vô biên".

6. Sau khi vượt qua Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên"

7. Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Vô sở hữu xứ: "Không có sự vật gì tất cả".

8. Sau khi vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

9. Sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định.

6. **Chín thứ đệ diệt**:

1. Thành tựu Sơ thiền, các dục tưởng bị đoạn diệt;

2. Thành tựu đệ Nhị thiền, các tầm tứ bị đoạn diệt;

3. Thành tựu đệ Tam thiền, hỷ bị đoạn diệt;

4. Thành tựu đệ Tứ thiền, hơi thở vào hơi thở ra bị đoạn diệt;

5. Thành tựu Hư không vô biên xứ, sắc tưởng bị đoạn diệt;

6. Thành tựu Thức vô biên xứ, Hư không vô biên xứ tưởng bị đoạn diệt;

7. Thành tựu Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tưởng bị đoạn diệt;

8. Thành tựu Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Vô sở hữu xứ tưởng bị đoạn diệt;

9. Thành tựu Diệt thọ tưởng (định), các tưởng và các thọ bị đoạn diệt.

Này các Hiền giả, chín pháp này được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*3. Này Hiền giả, có **mười pháp** được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư*

Thiên và loài Người. Thế nào là mười?

1. **Mười hộ trì nhân pháp**:

1. Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi, chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

2. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo nghe nhiều, gìn giữ những gì đã nghe, chất chứa những gì đã nghe. Những pháp ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý căn cú cụ túc, đề cao đời sống Phạm hạnh, hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh những pháp ấy, vị đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào, đa

văn... khéo thành tựu nhờ chánh kiến, pháp như vậy là hộ trì nhân.

3. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo là thiện hữu, thiện bạn lữ, là thiện bạn đảng, là hộ trì nhân. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào là thiện hữu, là thiện bạn lữ, là thiện bạn đảng. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

4. Này các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo thiện ngôn, đầy đủ sự nhu hòa và khiêm nhường, nhẫn nại và nhận sự chỉ trích một cách cung kính. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào thiện ngôn... nhận sự chỉ trích một cách cung kính. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

5. Này các Hiền giả, khi nào có những trách nhiệm cần phải làm đối với các vị đồng Phạm hạnh niên lạp cao hơn, vị ấy khéo léo, không có biếng nhác, suy tư một cách đầy đủ các phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Này các Hiền giả, một vị Tỷ kheo nào, đối với các vị đồng Phạm hạnh... vừa đủ để tổ chức. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

6. Này các Hiền giả, lại nữa có vị Tỷ kheo ưa Pháp, ái luyến nói Pháp, tự mình vô cùng hoan hỷ đối với Thắng pháp, Thắng luật. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào ưa Pháp... vô cùng hoan hỷ đối với Thắng pháp, Thắng luật. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

7. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo tự mình bằng lòng với các vật dụng nhận được như y phục, ẩm thực, sàng tọa, bệnh dược. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào tự bằng lòng... Pháp như vậy là hộ trì nhân.

8. Này các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo sống tinh tấn siêng năng đoạn trừ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, cương quyết, kiên trì tinh tấn, nhẫn trì không phế bỏ các thiện pháp. Này các Hiền giả, một vị Tỷ kheo nào sống tinh tấn siêng năng... nhẫn trì không phế bỏ các thiện pháp. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

9. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo chánh niệm, đầy đủ tối thượng niệm và tỉnh giác, nhớ đến và ghi nhớ những điều

nói và làm từ lâu. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào có chánh niệm, ghi nhớ những điều đã nói và làm từ lâu. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

10. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo có huệ trí, đầy đủ sanh diệt trí, hướng đến sự quyết trạch các bậc Thánh, chơn chánh diệt trừ mọi đau khổ. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào có huệ trí... chơi chánh diệt trừ mọi đau khổ. Pháp như vậy là bộ trì nhân.

2. **Mười biến xứ**:

1. Một vị nào biết được địa biến xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng.

2. Một vị biết được thủy biến...

3. Một vị biết được hỏa biến...

4. Một vị biết được phong biến...

5. Một vị biết được thanh biến...

6. Một vị biết được hoàng biến...

7. Một vị biết được xích biến...

8. Một vị biết được bạch biến...

9. Một vị biết được hư không biến...

10. Một vị biết được thức biến, trên dưới, ngang, bất nhị, vô lượng.

3. **Mười bất thiện nghiệp đạo**:

- Sát sanh, thâu đạo, tà dâm, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham, sân, tà kiến.

4. **Mười thiện nghiệp đạo**:

- Ly sát sanh, ly thâu đạo, lỳ tà dâm, ly vọng ngôn, ly lưỡng thiệt, ly ác khẩu, ly ỷ ngữ, ly tham, ly sân, ly si.

5. **Mười Thánh cư**:

– **Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ năm chi, đầy đủ sáu chi, một hộ trì, thực hiện bốn y, loại bỏ các giáo điều, đoạn tận các mong cầu, tâm tư không trệ phược, thân thể khinh an, tâm thiện giải thoát, tuệ thiện giải thoát.**

1. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo đoạn trừ năm chi?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân, đoạn trừ hôn trầm thụy miên, đoạn trừ trạo hối, đoạn trừ nghi. Này các hiền giả, như vậy là đoạn trừ năm chi.

2. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo đầy đủ sáu chi?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo mắt thấy sắc, không có thích ý, không có phật ý, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, tại nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức pháp, không có thích ý, không có phật ý, trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo đầy đủ sáu chi.

3. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo một hộ trì?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo thành tựu sự hộ trì về niệm. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo một hộ trì.

4. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo có thực hiện bốn y?* Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo sau khi suy tư, **thọ dụng** một

pháp; sau khi suy tư, **nhẫn thọ** một pháp; sau khi suy tư, **đoạn trừ** một pháp; sau khi suy tư **tránh xa** một pháp. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo thực hiện bốn y.

5. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo loại bỏ các giáo điều?* Này các Hiền giả, ở đây, tất cả những giáo điều thông thường mà các vị Sa môn thông thường chủ trương, vị Tỷ kheo đều loại bỏ, phóng xả. Này các Hiền giả, như vậy gọi là Tỷ kheo loại bỏ các giáo điều.

6. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo đoạn tận các mong cầu?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ các mong cầu về dục vọng, đoạn trừ các mong cầu về hiện hữu, làm cho an tịnh các mong cầu về phạm hạnh. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo đoạn tận các mong cầu.

7. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo, tâm tư không trệ phược?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ các tâm tư dục vọng, đoạn trừ các tâm tư sân hận, đoạn trừ các tâm tư não hại. Này các Hiền

giả, như vậy là vị Tỷ kheo, tâm tư không trệ phược.

8. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo, thân hành được khinh an*? Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ lạc, đoạn trừ khổ, diệt các hỷ ưu từ trước, chứng và an trú thiền thứ tư, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh. Này các Hiền giả, như vậy vị Tỷ- kheo thân hành được khinh an.

9. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ- kheo, tâm thiện giải thoát?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ- kheo tâm giải thoát khỏi tham, tâm giải thoát khỏi sân, tâm giải thoát khỏi si. Này các Hiền giả, như vậy vị Tỷ kheo tâm thiện giải thoát.

10. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo tuệ thiện giải thoát?*

    - Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo biết rằng: "Tham tâm của ta đã được trừ, cắn tận gốc rễ, như cây ta-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai".

- Vị ấy biết rằng: "Sân tâm của ta đã đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, như cây ta-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai".

- Vị ấy biết rằng: "Si tâm của ta đã đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, như cây ta-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo tuệ thiện giải thoát.

6. **Mười pháp vô học**:

– Vô học Chánh tri kiến, vô học Chánh tư duy, vô học Chánh ngữ, vô học Cháng nghiệp, vô học Chánh mạng, vô học Chánh tinh tấn, vô học Chánh niệm, vô học Chánh định, vô học Chánh trí, vô học Chánh giải thoát.

Này các Hiền giả, mười pháp này được Thế Tôn chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu dài, vì hạnh

phúc cho mọi loài, vì an lạc cho mọi loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

4. Rồi Thế Tôn ngồi dậy và bảo tôn giả Sàriputta:

- Lành thay, lành thay Sàriputta! Này Sàriputta, Ngươi đã khéo giảng, khéo tụng kinh này cho chúng Tỷ kheo.

Tôn giả Sàriputta thuyết giảng như vậy. Bậc Đạo Sư chấp thuận. Các vị Tỷ kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của tôn giả Sàriputta.

34 PHƯƠNG QUẢNG - 43 Trung I, 639

ĐẠI KINH PHƯƠNG QUẢNG
(Maha Vedalla suttam)

– Bài kinh số 43 – *Trung* I, 639

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Jetavana, tịnh xá ông Anathapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahakotthita (Đại Câu-hy-la), vào buổi chiều, khi thiền định xong, đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Sariputta ở, sau khi đến nói lên với Tôn giả Sariputta những lời chào đón, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahakotthita nói với Tôn giả Sariputta:

– Này Hiền giả, liệt tuệ, liệt tuệ (Duppanna) được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là liệt tuệ?

– Này Hiền giả, **vì không tuệ tri**, không tuệ tri (Nap-pajanati), này Hiền giả nên được gọi là liệt tuệ. Không tuệ tri gì? Không tuệ tri: đây là Khổ, không tuệ tri: đây là Khổ tập, không tuệ tri: đây là Khổ diệt,

không tuệ tri: đây là con đường đưa đến Khổ diệt. Vì không tuệ tri, không tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là liệt tuệ.

– Lành thay, Hiền giả!

Tôn giả Mahakotthita hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sariputta nói, rồi hỏi Tôn giả Sariputta một câu hỏi nữa:

– Này Hiền giả, trí tuệ, trí tuệ được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào là được gọi là trí tuệ?

– **Vì có tuệ tri**, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ. Có tuệ tri gì? Có tuệ tri: đây là Khổ, có tuệ tri: đây là Khổ tập, có tuệ tri: đây là Khổ diệt, có tuệ tri: đây là Con đường đưa đến Khổ diệt. Vì có tuệ tri, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ.

– Thức, thức, này Hiền giả, được gọi là như vậy, Này Hiền giả, như thế nào được gọi là thức?

– Này Hiền giả, vì thức tri, thức tri, này Hiền giả nên được gọi là có thức. Thức tri gì? **Thức tri lạc, thức tri khổ, thức tri bất khổ bất lạc.** Vì thức tri, thức tri, này Hiền giả, nên được gọi là có thức.

– Này Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy,

những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?

– Này Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp. Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Này Hiền giả, điều gì tuệ tri được là thức tri được, điều gì thức tri được là tuệ tri được. Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp, và không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.

– Này Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, thế nào là sự sai khác giữa những pháp được kết hợp, không phải không kết hợp này?

– Này Hiền giả, Trí tuệ như vậy, thức như vậy, giữa những pháp được kết hợp, không phải không được kết hợp này, trí tuệ cần phải được tu tập (Bhavetabba), còn thức cần phải được liễu tri (Parinneyyam) như vậy là sự sai khác giữa những pháp này.

– Cảm thọ, cảm thọ, này Hiền giả, được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là cảm thọ?

– Này Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ (Vedeti), nên được gọi là cảm thọ. Và cảm thọ gì? Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ bất khổ bất lạc thọ. Này Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ, nên được gọi là cảm thọ.

– Này Hiền giả, tưởng, tưởng (Sanna) được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là tưởng?

– Tưởng tri, tưởng tri (Sanjanati), này Hiền giả, nên được gọi là tưởng, Và tưởng tri gì? Tưởng tri màu xanh, tưởng tri màu vàng, tưởng tri màu đỏ, tưởng tri màu trắng. Tưởng tri, tưởng tri, này Hiền giả, nên được gọi là tưởng.

– Này Hiền giả, thọ như vậy, tưởng như vậy, những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?

– Này Hiền giả, cảm thọ như vậy, tưởng như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp. Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Này Hiền giả, *điều gì cảm thọ được là tưởng tri được, điều gì tưởng tri được là cảm thọ được*. Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp, và không có thể nêu lên sự

sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.

– Này Hiền giả, ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn có thể đưa đến gì?

– Này Hiền giả, ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn, có thể đưa đến Hư không vô biên xứ; hư không là vô biên, có thể đưa đến Thức vô biên xứ; thức là vô biên, có thể đưa đến Vô sở hữu xứ, không có sự vật gì.

– Này Hiền giả, pháp gì đưa đến nhờ gì có thể tuệ tri được?

– Này Hiền giả, nhờ tuệ nhãn, pháp được đưa đến có thể tuệ tri.

– Này Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa gì?

– Này Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa là thắng tri (Abhinnattha), có nghĩa là liễu tri (Parinnattha), có nghĩa là đoạn tận (Pahanattha).

– Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên khiến chánh tri kiến sanh khởi?

– Này Hiền giả, **có hai duyên khiến chánh tri**

kiến sanh khởi: Tiếng của người khác và như lý tác ý. Này Hiền giả, do hai duyên này, chánh tri kiến sanh khởi.

– Này Hiền giả, chánh tri kiến phải được hỗ trợ bởi bao nhiêu chi phần để có tâm giải thoát quả, tâm giải thoát quả công đức, và tuệ giải thoát quả, tuệ giải thoát quả công đức?

– Này Hiền giả, chánh tri kiến phải được hỗ trợ bởi năm chi phần để có tâm giải thoát quả, tâm giải thoát quả công đức, tuệ giải thoát quả và tuệ giải thoát quả công đức. Ở đây, này Hiền giả, **chánh tri kiến có giới hỗ trợ, có văn (Suta) hỗ trợ, có thảo luận hỗ trợ, có chỉ (Samatha) hỗ trợ, có quán (Samadhi) hỗ trợ**. Này Hiền giả, chánh tri kiến được hỗ trợ bởi năm chi phần này để có tâm giải thoát quả, tâm giải thoát quả công đức, tuệ giải thoát quả và tuệ giải thoát quả công đức.

– Này Hiền giả, có bao nhiêu hữu (Bhava)?

– Này Hiền giả, có ba hữu: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

– Này Hiền giả, như thế nào sự tái sanh trong tương lai được xảy ra?

– Này Hiền giả, bị vô minh ngăn che, bị tham ái trói buộc, các loài hữu tình thích thú chỗ này chỗ kia, như vậy, sự tái sinh trong tương lai được xảy ra.

– *Này Hiền giả, như thế nào sự tái sanh trong tương lai không xảy ra?*

– Này Hiền giả, vô minh được xả ly, minh khởi, tham ái được đoạn diệt, như vậy sự tái sanh trong tương lai không xảy ra.

– *Này Hiền giả, thế nào là Thiền thứ nhất?*

– Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Thiền thứ nhất.

– *Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có bao nhiêu chi phần?*

– Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần. Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo thành tựu Thiền thứ nhất, có tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần như vậy.

– *Này Hiền giả, Thiền thứ nhất từ bỏ bao nhiêu chi phần và thành tựu bao nhiêu chi phần?*

– Này Hiền giả, **Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần và thành tựu năm chi phần**. Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo thành tựu Thiền thứ nhất từ bỏ tham dục, từ bỏ sân, từ bỏ hôn trầm thụy miên, từ bỏ trạo hối, từ bỏ nghi, thành tựu tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Này Hiền giả, như vậy Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần, và thành tựu năm chi phần.

– Này Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới khác nhau, có hành giới khác nhau, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau. Tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có thọ lãnh cảnh giới, hành giới lẫn nhau, cái gì làm sở y cho chúng, cái gì lãnh thọ cảnh giới, hành giới của chúng?

– Nầy Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lãnh thọ cảnh giới, hành giới lẫn nhau, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau, **ý làm sở y cho chúng, và ý lãnh thọ cảnh giới và hành giới của chúng.**

– Này Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, năm căn này, do duyên gì

mà chúng an trú?

– Này Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, năm căn này do duyên tuổi thọ (Ayu) mà chúng an trú.

– Này Hiền giả, tuổi thọ do duyên gì mà an trú?

– Tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú.

– Này Hiền giả, hơi nóng do duyên gì mà an trú?

– Hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.

– Này Hiền giả, nay chúng tôi được biết từ lời nói của Tôn giả Sariputta là tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú. Nay chúng tôi lại được biết từ lời nói của Tôn giả Sariputta là hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú. *Này Hiền giả, như thế nào, cần phải hiểu ý nghĩa lời nói này?*

– Này Hiền giả, tôi sẽ cho một ví dụ. Nhờ ví dụ, ở đây, một số người có trí sẽ hiểu ý nghĩa lời nói. *Này Hiền giả, ví như khi một cây đèn dầu được thắp sáng, duyên tim đèn, ánh sáng được hiện ra, do duyên ánh sáng, tim đèn được thấy*. Cũng vậy này Hiền giả, tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú, và hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.

– Này Hiền giả, những pháp thọ hành (Ayusankhara) này là những pháp được cảm thọ (Vedaniya) này, hay những pháp thọ hành này khác với những pháp được cảm thọ này?

– Này Hiền giả, những pháp thọ hành này không phải là những pháp được cảm thọ này. Này Hiền giả, nếu những pháp thọ hành này là những pháp được cảm thọ này thì không thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỷ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tưởng định. Này Hiền giả, vì rằng những pháp thọ hành khác, những pháp được cảm thọ khác nên có thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỷ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tưởng định.

– Này Hiền giả, đối với thân này, khi nào có bao nhiêu pháp được từ bỏ, thì thân này được nằm xuống, quăng đi, vất bỏ, như một khúc gỗ vô tri?

– Này Hiền giả, đối với thân này, khi nào ba pháp được từ bỏ: Tuổi thọ, hơi nóng và thức, thì thân này nằm xuống, được quăng đi, vất bỏ như một khúc gỗ vô tri.

– Này Hiền giả, có sự sai khác gì giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tưởng định?

– Này Hiền giả, vật chết, mạng chung này, thân

hành của nó chấm dứt, dừng lại, khẩu hành chấm dứt, dừng lại, tâm hành chấm dứt, dừng lại, tuổi thọ diệt tận, hơi nóng tiêu diệt, các căn bị bại hoại. Còn vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tưởng định, thì thân hành của vị này được chấm dứt, được dừng lại, khẩu hành được chấm dứt, được dừng lại, tâm hành được chấm dứt, được dừng lại, nhưng tuổi thọ không diệt tận, hơi nóng không tiêu diệt, các căn được sáng suốt. Này Hiền giả, như vậy là sự sai khác giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tưởng định.

– *Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để chứng nhập tâm giải thoát bất khổ bất lạc?*

– Này Hiền giả, có bốn duyên để chứng nhập **tâm giải thoát bất khổ bất lạc**. Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Hiền giả, do bốn duyên này mà chứng nhập tâm giải thoát bất khổ bất lạc.

– *Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để chứng nhập vô tướng tâm giải thoát?*

– Này Hiền giả, có hai duyên để chứng nhập **vô tướng tâm giải thoát**: không có tác ý nhất thiết tướng và tác ý vô tướng giới. Này Hiền giả, do hai

duyên này mà chứng nhập vô tướng tâm giải thoát.

– Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để an trú vô tướng tâm giải thoát?

– Này Hiền giả, có ba duyên để an trú **vô tướng tâm giải thoát**: không tác ý nhất thiết tướng, tác ý vô tướng giới, và một sự sửa soạn trước. Này Hiền giả, do ba duyên này mà an trú vô tướng tâm giải thoát.

– Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để xuất khởi vô tướng tâm giải thoát?

– Này Hiền giả, có hai duyên để xuất khởi **vô tướng tâm giải thoát**: tác ý nhất thiết tướng và không tác ý vô tướng giới. Này Hiền giả, do hai duyên này mà xuất khởi vô tướng tâm giải thoát.

– Này Hiền giả, vô lượng tâm giải thoát này, vô sở hữu tâm giải thoát này, không tâm giải thoát này và vô tướng tâm giải thoát này, những pháp này nghĩa sai biệt và danh sai biệt, hay nghĩa đồng nhất và danh sai biệt?

– Này Hiền giả, vô lượng tâm giải thoát, vô sở hữu tâm giải thoát, không tâm giải thoát và vô tướng tâm giải thoát này, có một pháp môn, này Hiền giả,

do pháp môn này, các pháp ấy nghĩa sai biệt và danh sai biệt. Và này Hiền giả, lại có một pháp môn, do pháp môn này, các pháp ấy có nghĩa đồng nhất và danh sai biệt.

Này Hiền giả, thế nào là có pháp môn, do pháp môn này các pháp ấy có nghĩa sai khác và có danh sai khác?

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. *Như vậy, này Hiền giả, gọi là* **vô lượng tâm giải thoát.**

Và này Hiền giả, thế nào là **vô sở hữu tâm giải**

thoát? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì" chứng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Vô sở hữu tâm giải thoát.

Và này Hiền giả, thế nào là **không tâm giải thoát**? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến chỗ nhà trống và suy nghĩ như sau: "Đây trống không, không có tự ngã hay không có ngã sở". Như vậy, này Hiền giả, gọi là không tâm giải thoát.

Và này Hiền giả, thế nào là **vô tướng tâm giải thoát**? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo không tác ý với nhất thiết tướng, đạt và an trú vô tướng tâm định. Như vậy, này Hiền giả, gọi là vô tướng tâm giải thoát.

Như vậy là có pháp môn và do pháp môn này những pháp ấy nghĩa sai biệt và danh sai biệt.

Và này Hiền giả, thế nào là có pháp môn và do pháp môn này các pháp ấy có nghĩa đồng nhất nhưng danh sai biệt?

Tham, này Hiền giả, là nguyên nhân của hạn lượng; sân là nguyên nhân của hạn lượng; si là nguyên nhân của hạn lượng. Đối với vị Tỷ-kheo đã

đoạn trừ các lậu hoặc và tham, sân, si này đã được chặt tận gốc như thân cây tala được chặt tận gốc, khiến chúng không thể tái sanh trong tương lai. Này Hiền giả, khi nào các tâm giải thoát là vô lượng, thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát không có tham, không có sân, không có si.

Tham, này Hiền giả, là một vật gì (chướng ngại), sân là một vật gì (chướng ngại), si là một vật gì (chướng ngại). Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, thì tham, sân, si này đã được chặt tận gốc, như thân cây tala được chặt tận gốc, khiến chúng không thể tái sanh trong tương lai. Này Hiền giả, khi nào các tâm giải thoát là vô sở hữu, thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát ấy không có tham, không có sân, không có si.

Tham, này Hiền giả, là nhân tạo ra tướng, sân là nhân tạo ra tướng, si là nhân tạo ra tướng. Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, thì tham, sân, si này được chặt tận gốc, như thân cây tala được chặt tận gốc, khiến chúng không thể tái sanh trong tương lai. Này Hiền giả, khi nào các tâm giải thoát là vô tướng, thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm

giải thoát này không có tham, không có sân, không có si.

Như vậy, này Hiền giả, là pháp môn này, những pháp ấy là đồng nghĩa nhưng danh sai biệt.

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Tôn giả Mahakotthita hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy.

35 PHƯƠNG QUẢNG - 44 Trung I, 655

TIỂU KINH PHƯƠNG QUẢNG
(Culavedalla suttam)

– Bài kinh số 44 – *Trung* I, 655

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ Kalandaka Nivapa. Rồi nam cư sĩ Visakha đến chỗ Tỷ-kheo-ni Dhammadinna ở, sau khi đến, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni Dhammadinna rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Visakha thưa với Tỷ-kheo ni Dhammadinna:

– Thưa Ni sư, tự thân, tự thân, (Sakkaya), được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân là như thế nào?

– Hiền giả Visakha, Thế Tôn gọi năm thủ uẩn là tự thân, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Hiền giả Visakha, năm thủ uẩn này, Thế Tôn gọi là tự thân.

– Lành thay, thưa Ni sư.

Nam cư sĩ Visakha hoan hỷ, tín thọ lời Tỷ-kheo-ni Dhammadinna nói, rồi hỏi Tỷ-kheo-ni Dhammadinna thêm một câu hỏi nữa:

– Tự thân tập khởi, tự thân tập khởi, thưa Ni sư, được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân tập khởi (Sakkayasamudaya) là như thế nào?

– Hiền giả Visakha, khát ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái và phi hữu ái. Hiền giả Visakha, khát ái này, Thế Tôn gọi là tự thân tập khởi.

– Tự thân diệt, tự thân diệt, thưa Ni sư, được gọi là như vậy. Thế Tôn gọi tự thân diệt là như thế nào?

– Hiền giả Visakha, sự đoạn diệt, không tham đắm, không có dư tàn của khát ái ấy, sự xả ly, sự vất bỏ, sự giải thoát, sự vô chấp. Hiền giả Visakha, sự đoạn diệt này, Thế Tôn gọi là tự thân diệt.

– Thưa Ni sư, tự thân diệt đạo, tự thân diệt đạo, được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân diệt đạo là như thế nào?

– Hiền giả Visakha, Con đường Thánh tám ngành này, Thế Tôn gọi là tự thân diệt đạo, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh

nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

– Thưa Ni sư, thủ này tức là năm thủ uẩn kia hay thủ này khác với năm thủ uẩn?

– Không phải, Hiền giả Visakha. Thủ này tức là năm thủ uẩn kia, thủ này không khác với năm thủ uẩn kia, Hiền giả Visakha, phàm có dục tham đối với năm thủ uẩn, tức là (chấp) thủ đối với chúng ở đây vậy.

– Thưa Ni sư, thế nào là thân kiến?

– Ở đây, Hiền giả Visakha, kẻ vô văn phàm phu không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, xem sắc là tự ngã hay xem tự ngã là có sắc, hay xem sắc là trong tự ngã hay xem tự ngã là trong sắc; xem thọ là tự ngã, hay xem tự ngã là có thọ, hay xem thọ là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thọ; xem tưởng là tự ngã, hay xem tự ngã là có tưởng, hay xem tưởng là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong tưởng; xem hành là tự ngã, xem tự ngã là có hành, hay xem hành là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong hành; xem thức là tự ngã, hay

xem tự ngã là có thức, hay xem thức là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visakha, là thân kiến.

– Thưa Ni sư, thế nào là không phải thân kiến?

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Đa văn Thánh đệ tử đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, không xem sắc là tự ngã, không xem tự ngã là có sắc, không xem sắc là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong sắc; không xem thọ là tự ngã, không xem tự ngã là có thọ, không xem thọ là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong thọ; không xem tưởng là tự ngã, không xem tự ngã là có tưởng, không xem tưởng là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong tưởng; không xem các hành là tự ngã, không xem tự ngã là có các hành, không xem các hành là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong các hành; không xem thức là tự ngã, không xem tự ngã là có thức, không xem thức là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visakha, là không có thân kiến.

– Thưa Ni sư, thế nào là Thánh đạo Tám ngành?

– Hiền giả Visakha, đây là Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

– Thưa Ni sư, Thánh đạo Tám ngành này là hữu vi hay vô vi?

– Hiền giả Visakha, Thánh đạo Tám ngành này là hữu vi.

– Thưa Ni sư, ba uẩn được Thánh đạo Tám ngành thâu nhiếp hay Thánh đạo Tám ngành được ba uẩn thâu nhiếp?

– Hiền giả Visakha, ba uẩn không bị Thánh đạo Tám ngành thâu nhiếp; Hiền giả Visakha, **Thánh đạo Tám ngành bị ba uẩn thâu nhiếp**. Hiền giả Visakha:

- *Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng*, những pháp này được thâu nhiếp trong giới uẩn.
- *Chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định*, những pháp này được thâu nhiếp trong định uẩn.
- *Chánh tri kiến và chánh tư duy*, những pháp

này được thâu nhiếp trong tuệ uẩn

– Thưa Ni sư thế nào là định, thế nào là định tướng, thế nào là định tư cụ, thế nào là định tu tập?

– Hiền giả Visakha:

- *Nhất tâm là định,*
- *Bốn Niệm Xứ là định tướng,*
- *Bốn Tinh cần là định tư cụ,*
- *Sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là định tu tập ở đây vậy.*

– Thưa Ni sư, có bao nhiêu hành?

– Hiền giả, có ba loại hành này: thân hành, khẩu hành, và tâm hành.

– Thưa Ni sư, thế nào là thân hành, thế nào là khẩu hành, thế nào là tâm hành?

- *Thở vô, thở ra, Hiền giả Visakha, là thân hành,*
- *Tầm tứ là khẩu hành,*
- *Tưởng và thọ là tâm hành.*

– Thưa Ni sư, vì sao thở vô thở ra là thân hành, vì sao tầm tứ là khẩu hành, vì sao tưởng và thọ là

tâm hành?

- *Thở vô, thở ra, Hiền giả Visakha, thuộc về thân, những pháp này lệ thuộc với thân, nên thở vô thở ra thuộc về thân hành.*
- *Hiền giả Visakha, trước phải tầm và tứ rồi sau mới phát lời nói, nên tầm tứ thuộc về khẩu hành.*
- *Tưởng và thọ và tâm sở, các pháp này lệ thuộc với tâm, nên tưởng và thọ thuộc về tâm hành.*

– Thưa Ni sư, như thế nào là chứng nhập Diệt thọ tưởng định?

– Hiền giả Visakha, Tỷ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, *vị ấy không nghĩ rằng*: "Tôi sẽ chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay "Tôi đang chứng nhập Diệt thọ tưởng định" hay "Tôi đã chứng nhập Diệt thọ tưởng định". *Vì rằng, tâm của vị này trước đã được tu tập như vậy nên đưa đến trạng thái như vậy.*

– Thưa Ni sư, Tỷ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, những pháp gì diệt trước, thân hành, hay khẩu hành, hay tâm hành?

– Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo chứng nhập Diệt

thọ tưởng định, *khẩu hành diệt trước, rồi đến thân hành, rồi đến tâm hành.*

– Thưa Ni sư, làm thế nào xuất khởi Diệt thọ tưởng định?

– Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, *không có nghĩ rằng*: "Tôi sẽ xuất khởi Diệt thọ tưởng định", hay "Tôi đang xuất khởi Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã xuất khởi Diệt thọ tưởng định". *Vì rằng tâm của vị này trước đã tu tập như vậy nên đưa đến trạng thái như vậy.*

– Thưa Ni sư, Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, những pháp nào khởi lên trước, thân hành, hay khẩu hành hay tâm hành?

– Hiền giả Visakha, Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, *tâm hành khởi lên trước nhất, rồi đến thân hành, rồi đến khẩu hành.*

– Thưa Ni sư, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, vị ấy cảm giác những xúc nào?

– Hiền giả Visakha, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, vị ấy cảm giác ba loại xúc: *không xúc, vô tướng xúc, vô nguyện xúc.*

– Thưa Ni sư, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, tâm của vị ấy thiên về gì, hướng về gì, khuynh hướng về gì?

– Hiền giả Visakha, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, *tâm của vị ấy thiên về độc cư, hướng về độc cư, khuynh hướng về độc cư.*

– Thưa Ni sư, có bao nhiêu thọ?

– Hiền giả Visakha, có ba thọ này, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

– Thưa Ni sư, thế nào là lạc thọ, thế nào là khổ thọ, thế nào là bất khổ bất lạc thọ?

⇨ Hiền giả Visakha, cái gì được cảm thọ bởi thân hay tâm, một cách khoái lạc, khoái cảm, như vậy là lạc thọ.

⇨ Hiền giả Visakha, cái gì được cảm thọ bởi thân hay tâm, một cách đau khổ, không khoái cảm, như vậy là khổ thọ.

⇨ Hiền giả Visakha, cái gì được cảm thọ bởi thân hay tâm không khoái cảm, không khoái cảm như vậy là bất khổ bất lạc thọ.

– Thưa Ni sư, đối với lạc thọ, cái gì lạc, cái gì khổ? Đối với khổ thọ, cái gì khổ, cái gì lạc? Đối với

bất khổ bất lạc thọ, cái gì lạc, cái gì khổ?

⇨ Hiền giả Visakha, đối với lạc thọ, cái gì trú là lạc, cái gì biến hoại là khổ.

⇨ Đối với khổ thọ, cái gì trú là khổ, cái gì biến hoại là lạc.

⇨ Đối với bất khổ bất lạc thọ, có trí là lạc, vô trí là khổ.

– Thưa Ni sư, trong lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong khổ thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong bất khổ bất lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại?

⇨ Hiền giả Visakha, trong lạc thọ, có tham tùy miên tồn tại;

⇨ Trong khổ thọ, có sân tùy miên tồn tại;

⇨ Trong bất khổ bất lạc thọ, có vô minh tùy miên tồn tại.

– Thưa Ni sư, có phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại?

– Hiền giả Visakha, không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả

bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại.

– Thưa Ni sư, trong lạc thọ, cái gì phải từ bỏ. Trong khổ thọ, cái gì phải từ bỏ. Trong bất khổ bất lạc thọ, cái gì phải từ bỏ?

– Hiền giả Visakha, trong lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ. Trong khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ. Trong bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ.

– Thưa Ni sư, có phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ. Trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ. Trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ?

– Hiền giả Visakha, không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ; trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ.

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm và tứ. Do vậy tham đã được từ bỏ, không còn tham tùy miên tồn tại ở đây.

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo suy tư như

sau: "Chắc chắn ta sẽ chứng và an trú trong trú xứ mà nay các vị Thánh đang an trú". Vì muốn phát nguyện hướng đến các cảnh giải thoát vô thượng, do ước nguyện ấy, khởi lên ưu tư. Do vậy, sân được từ bỏ, không còn sân tùy miên tồn tại ở đây.

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo xả lạc và xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Do vậy vô minh đã được từ bỏ, không còn vô minh tùy miên tồn tại ở đây.

– *Thưa Ni sư, lạc thọ lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, lạc thọ lấy khổ thọ làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, khổ thọ lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, khổ thọ lấy lạc thọ làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, bất khổ bất lạc thọ lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, bất khổ bất lạc thọ lấy vô minh làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, vô minh lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, vô minh lấy minh làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, minh lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, minh lấy giải thoát làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, giải thoát lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, giải thoát lấy Niết-bàn làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, Niết-bàn lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, câu hỏi đi quá xa, vượt ra ngoài giới hạn câu trả lời. Hiền giả Visakha, phạm hạnh là để thể nhập vào Niết-bàn, để vượt qua đến Niết-bàn, để đạt cứu cánh Niết-bàn. Hiền giả Visakha, nếu Hiền giả muốn, hãy đến chỗ Thế Tôn ở, và hỏi ý nghĩa này. Và Thế Tôn trả lời cho Hiền giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

Rồi nam cư sĩ Visakha hoan hỷ, tín thọ lời Tỷ-kheo-ni Dhammadinna giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy,

đảnh lễ Tỷ-kheo ni Dhammadinna, thân bên phải hướng về phía Tỷ-kheo-ni rồi từ biệt, đi đến chỗ Thế Tôn ở. Sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, nam cư sĩ Visakha thuật lại cho Thế Tôn tất cả câu chuyện đàm đạo với Tỷ-kheo-ni Dhammadinna. Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với nam cư sĩ Visakha:

– Này Visakha, Tỷ-kheo-ni Dhammadinna là bậc Hiền trí! Này Visakha, Tỷ-kheo-ni Dhammadinna là bậc Đại tuệ. Này Visakha, nếu Ông hỏi Ta ý nghĩa ấy, Ta cũng trả lời như Tỷ-kheo-ni Dhammadinna đã trả lời. Ông đối với nghĩa này, hãy như vậy thọ trì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Nam cư sĩ Visakha hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

36 PHƯỚC SỰ NGHIỆP - Tăng III, 614

PHƯỚC SỰ NGHIỆP – *Tăng* III, 614

1. - Này các Tỷ-kheo, có **ba căn bản làm phước**.

2. Thế nào là ba?

– *Căn bản làm phước do **bố thí**,*
– *Căn bản làm phước do **giới đức**,*
– *Căn bản làm phước do **tu tập**.*

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người:

- Căn bản làm phước do *bố thí* trên một quy mô *nhỏ*,
- Căn bản làm phước do *giới đức* trên một quy mô *nhỏ*,
- Căn bản làm phước do *tu tập* trên một quy mô *nhỏ*.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được *sanh làm **người** không may mắn.*

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người:

- Căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô *vừa phải*,

- Căn bản làm phước do giới đức trên một quy *vừa phải*,
- Nhưng *không* đạt được căn bản làm phước do tu tập.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung được *sanh làm **người có** may mắn.*

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người:

- Căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô *to lớn*,
- Căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô *to lớn*,
- Nhưng *không* đạt được căn bản làm phước do tu tập.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được *sanh cọng trú với **Bốn Thiên vương***.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, Bốn Thiên vương sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, *vượt qua Bốn thiên vương trên **mười** điểm*:

- *Tuổi **thọ** chư Thiên,*
- *Dung **sắc** chư Thiên,*
- *An **lạc** chư Thiên,*
- ***Danh** tiếng chư Thiên,*

- *Tăng thượng **lực** chư Thiên,*
- *Thiên **sắc**,*
- *Thiên **thanh***
- *Thiên **hương**,*
- *Thiên **vị**,*
- *Thiên **xúc**.*

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người:

- Căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô *to lớn*,
- Căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô *to lớn*,
- Nhưng *không* đạt được căn bản làm phước do tu tập.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được *sanh cọng trú với chư Thiên ở **Tam thập Tam thiên***. Tại đây, này các Tỷ-kheo, *Thiên chủ Sakka* sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư Thiên ở Tàvatimsa trên mười điểm: tuổi thọ chư Thiên, dung sắc chư Thiên, an lạc chư Thiên, danh tiếng chư Thiên, Tăng thượng lúc chư Thiên, thiên sắc, thiên hương, thiên vị, thiên xúc.

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người:

- Căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô *to lớn*,
- Căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô *to lớn*,
- Nhưng *không* đạt được căn bản làm phước do tu tập.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được *sanh cọng trú với chư Thiên ở* ***Yàma thiên***. Tại đây, này các Tỷ-kheo, *Thiên tử Suyàma* sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư Thiên ở Yàma trên mười điểm: tuổi thọ chư Thiên, … thiên vị, thiên xúc.

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người:

- Căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô *to lớn*,
- Căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô *to lớn*,
- Nhưng *không* đạt được căn bản làm phước do tu tập.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được *sanh cọng trú với chư Thiên ở* ***Tusità thiên***. Tại

đây, này các Tỷ-kheo, *Thiên tử Santusità*, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư Thiên ở Tusità trên mười điểm: tuổi thọ chư Thiên, … thiên vị, thiên xúc.

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người:

- Căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô *to lớn*,
- Căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô *to lớn*,
- Nhưng *không* đạt được căn bản làm phước do tu tập.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được *sanh cọng trú với chư Thiên ở* ***Hóa lạc thiên***. Tại đây, này các Tỷ-kheo, *Thiên tử Sunimmita*, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư Thiên ở Hóa lạc thiên trên mười điểm: tuổi thọ chư Thiên, … thiên vị, thiên xúc.

10. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người;

- Căn bản làm phước do *bố thí* trên một quy mô *to lớn*,

- Căn bản làm phước do *giới đức* trên một quy mô *to lớn*,
- Nhưng *không* đạt được căn bản làm phước do *tu tập*.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được *sanh cọng trú với chư Thiên ở* ***Tha hóa tự tại thiên***. Tại đây, này các Tỷ-kheo, *Thiên tử Vasavattì*, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư Thiên ở Tha hóa Tự tại thiên trên mười điểm:

    - *Tuổi* ***thọ*** *chư Thiên,*
    - *Dung* ***sắc*** *chư Thiên,*
    - *An* ***lạc*** *chư Thiên,*
    - ***Danh*** *tiếng chư Thiên,*
    - *Tăng thượng* ***lực*** *chư Thiên,*
    - *Thiên* ***sắc****,*
    - *Thiên* ***thanh***
    - *Thiên* ***hương****,*
    - *Thiên* ***vị****,*
    - *Thiên* ***xúc****.*

Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản phước nghiệp này.

37 PHƯỚC ĐIỀN - Tăng II, 387

PHƯỚC ĐIỀN – *Tăng* II, 387

1. - *Này các Tỷ-kheo, có năm nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này, là món ăn an lạc, thuộc Thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạng phúc, an lạc*. Thế nào là năm?

2. Này các Tỷ-kheo, *vị Tỷ-kheo trong khi hưởng thọ y của ai*, đạt đến và an trú **vô lượng tâm định**, như vậy là nguồn sanh phước vô lượng cho người ấy, là nguồn sanh thiện, là món ăn an lạc, thuộc Thiên giới, là quả lạc di thục, dẫn đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạng phúc, an lạc.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi *hưởng thọ đồ ăn khất thực của ai*...

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi *hưởng thọ tinh xá của ai*...

... *hưởng thọ giường ghế của ai*...

...*hưởng thọ dược phẩm trị bệnh của ai*, đạt đến và an trú vô lượng tâm định, như vậy là nguồn sanh phước vô lượng cho người ấy, là nguồn sanh thiện,

là món ăn an lạc, thuộc Thiên giới, là quả lạc dị thục dẫn đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỷ-kheo, năm nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này là món ăn an lạc, thuộc Thiên giới, dẫn đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

3. Và này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu năm nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này, thời không dễ gì nắm lấy một số lượng phước thiện, và nói rằng: "Có chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, món ăn an lạc, thuộc Thiên giới, là quả lạc dị thục dẫn đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc". Vì rằng cả khối phước thiện lớn được xem là vô số, vô lượng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong biển lớn, thật không dễ gì nắm lấy một số lượng nước và nói rằng: "Có chừng ấy thùng nước, hay có chừng ấy trăm thùng nước, hay có chừng ấy ngàn thùng nước, hay có chừng ấy trăm ngàn thùng nước." Vì rằng cả khối lượng lớn nước được xem là vô số, vô lượng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu năm nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này, thời không dễ gì nắm lấy một số lượng phước thiện và nói

rằng: "Có chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, món ăn an lạc, thuộc Thiên giới, là quả lạc dị thục đem đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc". Vì rằng cả khối thiện lớn được xem là vô số, vô lượng.

Biển lớn không hạn lượng,
Hồ lớn nhiều sợ hãi,
Là kho tàng cất giữ,
Vô số lượng châu báu,
Cũng là chỗ trú ẩn;
Vô số các loại cá,
Là chỗ các sông lớn.
Quy tựu chảy ra biển.
Cũng vậy người bố thí,
Đồ ăn và đồ uống,
Vải mặc và giường nằm,
Chỗ ngồi và thảm nệm,
Bậc Hiền thí như vậy,
Phước đức ùa chạy đến,
Như sông dẫn dòng nước,
Ùa chảy vào biển cả.

38 PHẠM HẠNH - Tăng I, 597

PHẠM HẠNH – *Tăng* I, 597

1.- Phạm hạnh được sống, này các Tỷ-kheo, không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đính mơn trớn quần chúng, không vì mục đích được lợi ích về lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, không vì mục đích được lợi ích thoát khỏi lời phê bình bàn tán, không với ý nghĩ: "Mong quần chúng biết ta như vậy".

Và này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh này được sống với mục đích được chế ngự, với mục đính đoạn tận, với mục đích ly tham, với mục đích đoạn diệt.

*2. Với mục đích **chế ngự,***
*Với mục đích **đoạn tận,***
Là đời sống Phạm hạnh,
Tránh xa lời nói suông,
Thế Tôn đã tuyên bố,
Đi đến nhập Niết-bàn,
Con đường này được đi,
Bởi đại nhân, đại sĩ,
Ai dấn bước thực hành,
Đúng như lời Phật dạy,
Sẽ chấm dứt khổ đau,

Làm theo Đạo Sư dạy.

39 PHẠM HẠNH - Tăng II, 748

PHẠM HẠNH – *Tăng* II, 748

1. - Do đoạn tận, cắt đứt năm xan tham, này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được thực hiện.

2. Thế nào là năm?

- Do đoạn tận, cắt đứt xan tham trú xứ, Phạm hạnh được thực hiện.
- Do đoạn tận, cắt đứt xan tham gia đình...xan tham lợi dưỡng...xan tham tán thán...xan tham pháp, Phạm hạnh được thực hiện.

Do đoạn tận, cắt đứt năm xan tham này, này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được thực hiện.

40 PHẠM THIÊN CẦU THỈNH - 49 Trung I, 713

KINH PHẠM THIÊN CẦU THỈNH
(Brahmanimantanika suttam)
– Bài kinh số 49 – *Trung* I, 713

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Jetavana, vườn Ông Anathapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo.

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Một thời, này các Tỷ-kheo, Ta ở tại Ukkattha trong rừng Subhagavana, dưới gốc cây Tala vương. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Baka khởi lên ác tà kiến như sau: *"Cái này là thường, cái này là thường hằng, cái này là thường tại, cái này là toàn*

diện, cái này không bị biến hoại, cái này không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, ngoài cái này, không có một giải thoát nào khác hơn". Này các Tỷ-kheo, sau khi với tự tâm biết được tâm của Phạm thiên Baka, như người lực sĩ duỗi ra cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, Ta biến mất tại Ukkattha, rừng Sabhagavana, dưới gốc cây Tala vương, và hiện ra tại cõi Phạm thiên ấy. Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Baka thấy Ta từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Ta:

"– Hãy đến, Tôn giả, thiện lai Tôn giả, đã lâu nay Tôn giả mới có dịp đến đây. Này Tôn giả, cái này là toàn diện, cái này là thường hằng, cái này là thường tại, cái này là toàn diện, cái này không bị biến hoại, cái này không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, ngoài cái này không có một giải thoát nào khác hơn.

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Phạm thiên Baka:

"– Thật sự Phạm thiên Baka bị chìm đắm trong vô minh, thật sự Phạm thiên Baka bị chìm đắm trong vô minh, khi cái vô thường lại nói là thường, cái không thường hằng lại nói là thường hằng, cái không thường tại lại nói là thường tại, cái không toàn diện

lại nói là toàn diện, cái bị biến hoại lại nói là không biến hoại, và tại chỗ có sanh, có già, có chết, có diệt, có khởi, lại nói không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi; có một giải thoát khác hơn lại nói là không có một giải thoát nào khác hơn..."

Này các Tỷ-kheo, rồi Ác ma nhập vào một Phạm thiên quyến thuộc và nói với Ta như sau:

"– Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chớ có can thiệp vào đây! Chớ có can thiệp vào đây! Này Tỷ-kheo, Phạm thiên này là Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Này Tỷ-kheo, thuở xưa có những Sa-môn, Bà-la-môn, ở đời phỉ báng địa đại, ghê tởm địa đại, phỉ báng thủy đại, ghê tởm thủy đại, phỉ báng hỏa đại, ghê tởm hỏa đại, phỉ báng phong đại, ghê tởm phong đại, phỉ báng chúng sanh, ghê tởm chúng sanh, phỉ báng chư Thiên, ghê tởm chư Thiên, phỉ báng Sanh chủ, ghê tởm Sanh chủ, phỉ báng Phạm thiên, ghê tởm Phạm thiên, sau khi thân hoại, mạng sống bị cắt đứt, phải an trú vào thân ti tiện. Này Tỷ-kheo, còn những Sa-môn, Bà-la-môn ở đời xưa kia, tán thán địa đại, hoan hỷ địa đại, tán thán thủy đại, hoan hỷ thủy đại, tán thán hỏa đại, hoan hỷ hỏa đại, tán thán phong đại, hoan hỷ phong đại, tán

thán chúng sanh, hoan hỷ chúng sanh, tán thán chư Thiên, hoan hỷ chư Thiên, tán thán Sanh chủ, hoan hỷ Sanh chủ, tán thán Phạm thiên, hoan hỷ Phạm thiên, sau khi thân hoại, mạng sống bị cắt đứt, những vị này được an trú vào các thân vi diệu. Này các Tỷ-kheo, vì vấn đề này, ta nói như sau: "Phàm Phạm thiên nói với Ông những gì, Ông hãy làm như vậy. Ông chớ có đi quá xa lời Phạm thiên nói. Này Tỷ-kheo, nếu Ông đi quá xa lời Phạm thiên nói, thì giống như người dùng gậy đánh đập thần tài (Siri) đang đi đến; giống như một người đang rơi vào vực thẳm, tay chân lại không bám vào đất. Này Tỷ-kheo, sự việc sẽ xảy ra cho Ông như vậy. Này Tỷ-kheo, phàm Phạm thiên nói với Ông những gì, Ông hãy làm như vậy, Ông chớ có đi quá xa lời Phạm thiên nói. Này Tỷ-kheo, Ông có thấy chúng Phạm thiên đang ngồi chăng?"

Rồi này các Tỷ-kheo, Ác ma dắt Ta đến chúng Phạm thiên. Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với Ác ma như sau:

"– Này Ác ma, Ta biết Ngươi. Chớ có nghĩ rằng: "Vị ấy không biết ta". Người là Ác ma. *Này Ác ma, phàm là Phạm thiên, phàm là Phạm thiên chúng, phàm là Phạm thiên quyến thuộc, tất cả đều nằm trong tay của Ngươi, tất cả đều nằm trong quyền lực*

của Ngươi. Này Ác ma, nếu Ngươi nghĩ rằng: "Mong vị này nằm trong tay ta; mong vị này nằm trong quyền lực của ta!. **Này Ác ma, Ta không nằm trong tay của Ngươi. Ta không nằm trong quyền lực của Ngươi.**

Này các Tỷ-kheo, khi được nói vậy, Phạm thiên Baka nói với Ta như sau:

"– Này Tôn giả, cái gì thường còn, ta nói là thường còn; cái gì thường hằng, ta nói là thường hằng; cái gì thường tại, ta nói thường tại; cái gì toàn diện, ta nói là toàn diện; cái gì không biến hoại, ta nói là không biến hoại. Ở đây, cái gì không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, ta nói rằng cái ấy không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, và vì không có một sự giải thoát nào khác hơn, ta nói là không có một sự giải thoát nào khác hơn. Này Tỷ-kheo, xưa kia có những Sa-môn, Bà-la-môn ở trong những đời trước Ông; những vị này đã tu hành khổ hạnh lâu dài cho đến trọn tuổi thọ của những người đó, những vị này phải biết:" Hoặc có một sự giải thoát khác hơn, thì biết rằng có một sự giải thoát khác hơn; hoặc không có một sự giải thoát khác hơn, thì biết rằng không có một sự giải thoát nào khác hơn". Này Tỷ-kheo, ta nói như sau với Ông: Ông sẽ không thấy một giải thoát

nào khác hơn, dầu ông có phải chịu đựng mệt nhọc và khổ cực. Này Tỷ-kheo, nếu Ông y trước địa đại, Ông sẽ gần ta, trú tại lãnh địa của ta, làm theo ý ta muốn, bị đứng ngoài lề; nếu Ông ỷ trước thủy đại... hỏa đại... phong đại... chúng sanh... Chư thiên... Sanh chủ... Nếu Ông y trước Phạm thiên, Ông sẽ gần ta, trú tại lãnh địa của ta, làm theo ý ta muốn, bị đứng ra ngoài lề.

"– Này Phạm thiên, Ta biết việc này. Nếu Ta y trước địa đại... thủy đại... hỏa đại... phong đại... chúng sanh... chư Thiên... Sanh chủ... ***Nếu Ta y trước Phạm thiên, Ta sẽ gần Ông, trú tại lãnh địa của Ông, làm theo ý Ông muốn, bị đứng ra ngoài lề.*** *Lại nữa, này Phạm thiên, Ta biết sanh thú (gati) của Ông và Ta biết sự quang vinh của Ông. Phạm thiên Baka có thần lực như vậy; Phạm thiên Baka có quyền lực như vậy; Phạm thiên Baka có uy lực như vậy.*

"– Này Tỷ-kheo, Như Ông biết sanh thú, Ông biết sự quang vinh của ta: "Phạm thiên Baka có thần lực như vậy; Phạm thiên Baka có quyền lực như vậy; Phạm thiên Baka có uy lực như vậy".

"– Như nhật nguyệt lưu chuyển,
Sáng chói khắp mười phương,

Như vậy mười Thiên giới,
Dưới uy lực của Ông.
Ông biết chỗ cao thấp,
Có dục và không dục,
Hữu này và hữu kia,
Chỗ đến, đi hữu tình.

Như vậy, này Phạm thiên, Ta biết chỗ sanh thú và sự quang vinh của Ông: "Phạm thiên Baka có thần lực như vậy; Phạm thiên Baka có quyền lực như vậy; Phạm thiên Baka có uy lực như vậy".

Này Phạm thiên, có ba loại chư Thiên mà Ông không biết, không thấy, nhưng Ta biết, Ta thấy. Này Phạm thiên, *có loại chư Thiên tên là Abhassara (Quang âm thiên), từ chư Thiên này, Ông mạng chung, và sanh ở nơi đây*. **Nhưng vì Ông an trú ở đấy quá lâu, nên Ông không nhớ được**. Do đó, Ông không biết, không thấy, còn Ta biết, Ta thấy. Như vậy, này Phạm Thiên, **Ta còn không chịu ngang hàng Ông về thượng trí huống nữa là thấp hơn. Do vậy, Ta thù thắng hơn Ông.**

Này Phạm thiên, lại có một loại chư Thiên tên là *Subhakinna (Biến tịnh thiên)*...

Lại có một loại chư Thiên tên là *Vehapphala (Quảng quả thiên)* mà Ông không biết, không thấy,

nhưng Ta biết, Ta thấy.

Như vậy, này Phạm thiên, Ta còn không chịu ngang hàng Ông về thượng trí, huống nữa là thấp hơn. Do vậy. Ta thù thắng hơn Ông.

- Này Phạm thiên, Ta biết địa đại từ địa đại, Ta biết giới vức địa đại, Ta không lãnh thọ địa tánh; do biết địa đại, Ta không nghĩ: *"Ta là địa đại. Ta ở trong địa đại, Ta từ địa đại, địa đại là của Ta, và Ta không tôn trọng địa đại"*. Như vậy, này Phạm thiên, Ta còn không chịu ngang hàng Ông về thượng trí, huống nữa là thấp hơn. Do vậy, Ta thù thắng hơn Ông.
- Này Phạm thiên, Ta biết thủy đại...
- Này Phạm thiên, Ta biết hỏa đại...
- Này Phạm thiên, Ta biết phong đại...
- Này Phạm thiên, Ta biết chúng sanh...
- Này Phạm thiên, Ta biết chư Thiên...
- Này Phạm thiên, Ta biết Sanh chủ...
- Này Phạm thiên, Ta biết Phạm thiên...
- Này Phạm thiên, Ta biết Abhassara (Quang âm thiên)...
- Này Phạm thiên, Ta biết Subhakinna (Biến

tịnh thiên)...

– Này Phạm thiên, Ta biết Vahapphala (Quảng quả thiên)...

– Này Phạm thiên, Ta biết Abhibhu (Thắng giải)...

– Này Phạm thiên, Ta biết tất cả (Sabba) từ tất cả, cho đến giới vức tất cả, Ta không lãnh thọ nhứt thiết tánh, Ta không nghĩ: *"Ta là tất cả, Ta ở trong tất cả, Ta từ tất cả, tất cả là của Ta, và Ta không tôn trọng tất cả"*.

Như vậy, này Phạm thiên, Ta còn không chịu ngang hàng Ông về thượng trí, huống nữa là thấp hơn. Do vậy, Ta thù thắng hơn Ông.

"– Này Tôn giả, đối với tất cả, nếu Tôn giả không lãnh thọ nhất thiết tánh, thì đối với Tôn giả, trở thành trống không, trống rỗng, Thức là phi sở kiến, không biên tế, chói sáng tất cả, nếu không thể lãnh thọ địa đại ngang qua đại tánh, không thể lãnh thọ thủy đại ngang qua thủy tánh, không thể lãnh thọ hỏa đại ngang qua hỏa tánh, không thể lãnh thọ phong đại ngang qua phong tánh, không thể lãnh thọ chúng sanh ngang qua chúng sanh tánh, không thể lãnh thọ chư Thiên ngang qua chư Thiên tánh, không thể lãnh thọ Sanh chủ ngang qua Sanh chủ tánh, không thể lãnh thọ Phạm thiên ngang qua Phạm thiên

tánh, không thể lãnh thọ Quang âm thiên ngang qua Quang âm thiên tánh, không thể lãnh thọ Biến tịnh thiên ngang qua Biến tịnh thiên tánh, không thể lãnh thọ Quảng quả thiên ngang qua Quảng quả thiên tánh, không thể lãnh thọ Abhibhu (Thắng giả) ngang qua Abhibhu tánh, không thể lãnh thọ nhứt thiết ngang qua nhứt thiết tánh. Này Tôn giả, nay ta sẽ biến mất trước mặt Tôn giả.

"– Này Phạm thiên, hãy biến đi trước mặt Ta, nếu Ông có thể biến được.

Rồi này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Baka nói:

"– Ta sẽ biến mất trước mặt Sa-môn Gotama. Ta sẽ biến mất trước Sa-môn Gotama.

Nhưng Phạm thiên Baka không biến mất trước mặt Ta. Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với Phạm thiên Baka:

"– Này Phạm thiên, Ta sẽ biến mất trước mặt Ông.

"– Này Tôn giả, Tôn giả hãy biến đi trước mặt Ta, nếu Tôn giả có thể biến được.

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta thực hiện thần thông

như sau: "Hãy để cho Phạm thiên, Phạm thiên chúng và Phạm thiên quyến thuộc nghe tiếng Ta chớ không thấy Ta", Ta biến mất và nói lên bài kệ như sau:

"Thấy nguy hiểm trong hữu,
Từ hữu, tìm phi hữu,
Ta không tôn trọng hữu,
Không hỷ, không chấp trước".

Rồi này các Tỷ-kheo, Phạm thiên, Phạm thiên chúng và Phạm thiên quyến thuộc, tâm sanh vi diệu hy hữu, nói lên như sau: *"Thật vi diệu thay, chư Tôn giả! Thật hy hữu thay, chư Tôn giả! Đại thần lực, đại uy lực của Sa-môn Gotama. Thật sự từ trước đến nay chưa từng thấy, chưa từng nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có được đại thần lực, đại uy lực như Sa-môn Gotama, là Thích Tử, xuất gia từ giòng họ Sakya. Đối với quần chúng ái trước hữu, lạc nhiễm, hoan hỷ đối với hữu (Sa-môn Gotama) đã nhổ hữu lên tận cả gốc rễ!"*

Rồi này các Tỷ-kheo, Ác ma sau khi nhập vào một trong Phạm thiên quyến thuộc đã nói với Ta như sau:

"– Này Tôn giả, nếu Ông biết như vậy, giác ngộ như vậy, chớ có hướng dẫn đệ tử, chớ có hướng dẫn các vị xuất gia, chớ có thuyết pháp cho các đệ tử, chớ

có thuyết pháp cho các vị xuất gia, chớ có ái luyến đệ tử, chớ có ái luyến các vị xuất gia. Này Tỷ-kheo, trước Ông đã có những vị Sa-môn, Bà-la-môn ở đời tự xưng là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Những vị này hướng dẫn đệ tử, hướng dẫn các vị xuất gia, thuyết pháp cho các đệ tử, thuyết pháp cho các vị xuất gia, ái luyến các đệ tử, ái luyến các vị xuất gia. Sau khi hướng dẫn các đệ tử, các vị xuất gia, sau khi thuyết pháp cho các đệ tử, các vị xuất gia, sau khi ái luyến các đệ tử, các vị xuất gia, khi thân hoại, mạng sống bị cắt đứt, những vị này bị an trú trong các thân hạ liệt. Này Tỷ-kheo, trước Ông đã có những vị Sa-môn, Bà-la-môn ở đời, tự xưng là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Những vị này không hướng dẫn đệ tử, không hướng dẫn các vị xuất gia, không thuyết pháp cho đệ tử, không thuyết pháp cho các vị xuất gia, không ái luyến các đệ tử, không ái luyến các vị xuất gia. Sau khi không hướng dẫn các đệ tử, không hướng dẫn các vị xuất gia, không thuyết pháp cho các đệ tử, không thuyết pháp cho các vị xuất gia, không ái luyến các đệ tử, không ái luyến các vị xuất gia, khi thân hoại, mạng sống bị cắt đứt, các vị này được an trú trong thân vi diệu. Này Tỷ-kheo, ta nói với Ông như sau: *"Này Tôn giả, chớ có phiền lao cực nhọc, hãy sống lạc trú hiện tại. Này Tôn giả, chớ có nêu rõ việc thiện. Này Tôn giả, chớ có giảng dạy cho người khác!"*

Này các Tỷ-kheo khi nghe nói vậy, Ta nói với Ác ma như sau:

"– Này Ác ma, Ta biết Ngươi! Ngươi chớ có nghĩ rằng: "Vị ấy không biết ta". Này Ác ma, Ngươi là Ác ma! Ngươi là Ác ma! Này Ác ma, Ngươi nói như vậy không phải vì lòng thương tưởng đối với Ta. Này Ác ma, Ngươi nói như vậy vì không có lòng thương tưởng đối với Ta. *Này Ác ma, Ngươi nghĩ như sau: "Những ai được Sa-môn Gotama thuyết pháp, những người ấy sẽ thoát ra ngoài tầm tay ảnh hưởng của ta"*. Này Ác ma, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy không phải Chánh Đẳng Giác, nhưng tự xưng là: "Chúng ta-là Chánh Đẳng Giác". Này Ác ma, **Ta là Chánh Đẳng Giác và Ta tự xưng Ta là Chánh Đẳng Giác**. *Này Ác ma, Như Lai có thuyết pháp cho đệ tử, Như Lai cũng vẫn là Như Lai. Này Ác ma, Như Lai không thuyết pháp cho các đệ tử, Như Lai cũng vẫn là Như Lai. Này Ác ma, Như Lai có hướng dẫn cho các đệ tử, Như Lai cũng vẫn là Như Lai. Này Ác ma, Như Lai không hướng dẫn cho các đệ tử, Như Lai cũng vẫn là Như Lai*. Vì sao vậy? Này Ác ma, đối với Như Lai, các lậu hoặc tương ưng với phiền não, đưa đến tái sanh, gây nên phiền lụy, đem đến quả khổ dị thục; đưa đến sanh, già, chết trong tương lai; các lậu hoặc ấy đã được diệt trừ, được cắt đứt tận gốc, được làm như thân cây Tala,

khiến không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Này Ác ma, *ví như cây tala, thân cây này bị chặt đứt, khiến không thể lớn lên được; cũng vậy, này Ác ma, đối với Như Lai, các lậu hoặc tương ứng với phiền não, đưa đến tái sanh, gây nên phiền lụy, đem đến quả khổ dị thục, đưa đến sanh, già, chết, trong tương lai; các lậu hoặc ấy đã được diệt trừ, được cắt đứt tận gốc, được làm như thân cây tala, khiến không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai"*.

Như vậy, vì Ác ma đã thất bại, không thể thuyết phục (Ta), vì có lời mời Phạm thiên, nên bài trả lời này cũng được gọi là Kinh Phạm Thiên Cầu Thỉnh.

41 PHẠM THIÊN TRÚ - Tăng IV, 627

PHẠM THIÊN TRÚ – *Tăng* IV, 627

1. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm, được làm, được tích tập, nếu không **cảm thọ** (kết quả) thời không có chấm dứt, dầu quả ấy thuộc trong đời hiện tại, hay thuộc trong đời sau.

Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm, được làm, được tích tập, nếu không cảm tho (kết quả) thời **khổ** không chấm dứt.

Vị Thánh đệ tử ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với từ, an trú biến mãn một phương; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy phía trên, phía dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy biết rõ như sau: ***"Trước kia, tâm này của ta là nhỏ, không tu tập. Nhưng nay, tâm này của ta là vô lượng, khéo tu tập. Lại nữa, phàm nghiệp gì được làm có giới hạn, nay nó sẽ không sống trong giới hạn ấy nữa".***

Các Thầy nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, nếu đứa trẻ này, từ tuổi trẻ trở lên tu tập **từ tâm giải thoát**, nó có thể làm nghiệp ác không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Do không làm điều ác, nó có cảm giác khổ hay không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn. Không làm điều ác, bạch Thế Tôn, từ đâu nó sẽ cảm giác khổ được?

2. Này các Tỷ-kheo, **từ tâm giải thoát** này cần phải tu tập bởi nữ nhân hay nam nhân. Này các Tỷ-kheo, thân này không bị nam nhân hay nữ nhân cầm lấy rồi mang đi. Này các Tỷ-kheo, **con đường phải chết này ở giữa những tư tưởng**. Vị ấy rõ biết như sau: ***"Phàm ác nghiệp nào do ta làm từ trước với cái thân do nghiệp làm ra này, tất cả cần phải cảm thọ ở đây, nó không thể theo ta và được hiện hữu về sau".*** Như vậy, này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát được tu tập đưa đến không có trở lui, đối với Tỷ-kheo có trí tuệ, có được trong đời này, nhưng vị ấy chưa thể nhập sự giải thoát hơn thế nữa.

3. Với tâm câu hữu với bi... với tâm hầu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, vị ấy biến mãn một phương và an trú, như vậy phương thứ hai, như vậy phương

thứ ba, như vậy phương thứ tư. Như vậy phía trên, phía dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy biết rõ như sau: "Trước kia, tâm này của ta là nhỏ, không tu tập. Nhưng nay, tâm này của ta là vô lượng, khéo tu tập. Lại nữa, phàm nghiệp gì được làm có giới hạn, nó sẽ không đứng trong giới hạn ấy nữa".

Các Thầy nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, nếu đứa trẻ này, từ tuổi trẻ trở lên tu tập **xả tâm giải thoát**, nó có thể làm nghiệp ác không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Do không làm điều ác, nó có cảm giác khổ hay không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn. Không làm điều ác, bạch Thế Tôn, từ đâu nó sẽ cảm giác khổ được.

4. Này các Tỷ-kheo, xả tâm giải thoát này cần phải tu tập bởi nữ nhân hay nam nhân. Này các Tỷ-kheo, thân này không bị nam nhân hay nữ nhân cầm lấy rồi đem đi. Này các Tỷ-kheo, **con người phải chết này ở giữa những tư tưởng**. Vị ấy rõ biết như sau: *"Phàm ác nghiệp nào do ta làm từ trước với cái thân do nghiệp làm ra này, tất cả cần phải cảm thọ ở đây,*

nó không thể theo và được hiện hữu về sau". Như vậy, này các Tỷ-kheo, xả tâm giải thoát này được tu tập, đưa đến không có trở lui, đối với Tỷ-kheo có trí tuê, có được trong đời này, nhưng vi ấy chưa thể nhập sư giải thoát hơn thế nữa.

42 PHẠM TỘI 1 - Tăng II, 273

PHẠM TỘI 1 – *Tăng* II, 273

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ànanda đang ngồi xuống một bên:

- Này Ànanda, sự tranh chấp ấy đã được chấm dứt chưa?

- Từ đâu, bạch Thế Tôn, sự tranh chấp ấy sẽ chấm dứt được? Bàhiya, vị đồng trú với Tôn giả Anuruddha hoàn toàn đứng về phía hòa hợp tăng. Do vậy, Tôn giả Anuruddha nghĩ rằng không nên nói một lời nào.

- Này Ànanda, có khi nào Anuruddha lại can thiệp vào những vấn đề tranh chấp giữa chúng Tăng? Phải chăng, này Ànanda, khi nào có vấn đề tranh chấp gì khởi lên, chính hai Thầy Sàriputta và Moggallàna làm chấm dứt tất cả tranh chấp ấy?

2. Này Ànanda, do thấy bốn lợi ích này, kẻ ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Ànanda, kẻ ác Tỷ-kheo, do theo ác giới, theo ác pháp không trong sạch, sở hành đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, không phải Sa-môn nhưng tự xưng là Sa-môn, không hành Phạm hạnh nhưng tự xưng là hành Phạm hạnh, nội tâm mục nát, đầy ứ dục vọng, một đống rác dơ bẩn. Vị ấy nghĩ như sau: "Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta là ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh … một đống rác dơ bẩn; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta". Này Ànanda, do thấy lợi ích thứ nhất này, ác Tỷ-kheo thích thú với pháp hòa hợp Tăng.

3. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo có tà kiến, thành tựu với chấp thủ biên kiến, vị ấy nghĩ như sau: "Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta là có ác tri kiến, chấp thủ tri kiến; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta". Này Ànanda, do thấy lợi ích thứ hai này, ác Tỷ-kheo thích thú với pháp hòa hợp Tăng.

4. Lại nữa, này Ànanda, ác Tỷ-kheo có tà mạng, nuôi sống mình với tà mạng. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta có tà mạng, nuôi sống mình với tà mạng; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta". Này

Ànanda, do thấy lợi ích thứ ba này, ác Tỷ-kheo thích thú với pháp hòa hợp Tăng.

5. Lại nữa, này Ànanda, ác Tỷ-kheo tham muốn lợi dưỡng, tham muốn cung kính, tham muốn không bị kinh miệt; Vị ấy suy nghĩ như sau: "Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta là tham muốn lợi dưỡng, tham muốn cung kính, tham muốn không bị kinh miệt; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta". Này Ànanda, do thấy lợi ích thứ tư này, ác Tỷ-kheo thích thú với pháp hòa hợp Tăng.

Do thấy bốn lợi ích này, này Ànanda, kẻ ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng.

43 PHẠM TỘI 2 - Tăng II, 275

PHẠM TỘI 2 – *Tăng* II, 275

1.- Này các Tỷ-kheo, có bốn sợ hãi phạm tội này. Thế nào là bốn?

2. *Ví như, này các Tỷ-kheo, người ta bắt được một người ăn trộm, một người phạm tội, dắt đến cho nhà vua và thưa: "Thưa Đại vương, đây là người ăn trộm, đây là người phạm tội. Đại vương hãy gia phạt người ấy theo hình phạt nào Đại vương muốn". Vua ấy nói như sau: "Các ông hãy đem người này, lấy dây thật chắc trói cánh tay người này thật chặt lại về phía sau. Cạo đầu người ấy đi, dắt người ấy đi xung quanh với một cái trống, có tiếng chát tai, đi từ đường này đến đường khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và hãy chặt đầu người ấy tại thành phía nam". Những người của vua, lấy dây thật chắc trói cánh tay nó thật chặt lại về phía sau, cạo trọc đầu, dắt nó đi xung quanh với một cái trống, có tiếng chát tai, đi từ đường này đến đường khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và hãy chặt đầu người ấy tại thành phía Nam. Tại đấy, có một người đứng một bên suy nghĩ như sau: "Thật sự người này đã làm một điều ác đáng bị quở*

trách, đáng bị chém đầu. Vì rằng những người của vua lấy dây thật chắc trói cánh tay nó thật chặt lại về phía sau, cạo trọc đầu, dắt nó đi xung quanh với một cái trống, có tiếng chát tai, đi từ đường này đến đường khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và hãy chặt đầu người ấy tại thành phía Nam. Chắc chắn ta chớ có làm nghiệp ác như vậy, đáng bị quở trách, đáng bị chém đầu".

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, các **tưởng sợ hãi** sắc bén như vậy, được an trú, thời trong những pháp, tội ba-la-di được chờ đợi như sau về vị ấy: Nếu không phạm tội, thời không rơi vào tội ba-la-di; nếu đã phạm tội, thời sẽ như pháp sám hối pháp ba-la-di.

2. *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang áo vải đen, xả bối tóc xuống, mang trên vai một cái hèo và đi đến trước đại chúng và nói như sau: "Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị đánh hèo. Do vậy tôi xin đặt mình theo sở thích của quý vị". Rồi một người đứng một bên suy nghĩ như sau: "Thật sự, người này đã làm một điều ác đáng bị quở trách, đáng bị đánh hèo. Vì rằng, người ấy đã mang áo vải đen, xả bối tóc xuống, mang trên vai một cái hèo và đi đến trước đại chúng và nói như*

sau: "Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị đánh hèo. Do vậy tôi xin đặt mình theo sở thích của quý vị". Vậy chắc chắn ta chớ có làm nghiệp ác như vậy, đáng bị quở trách, đáng bị đánh hèo".

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, các **tưởng sợ hãi** sắc bén như vậy, được an trú, thời trong những pháp tăng tàn, được chờ đợi như sau về vị ấy: "Nếu không phạm tội thời sẽ không rơi vào tội tăng tàn. Nếu phạm tội thời sẽ như pháp phát lộ tội tăng tàn".

3. *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang áo vải đen, xả bối tóc xuống, mang theo trên vai một bị đồ ăn và đi đến trước đại chúng và nói như sau: "Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt. Do vậy tôi xin đặt mình theo sở thích của quý vị". Rồi một người đứng một bên suy nghĩ như sau: "Thật sự, người này đã làm một điều ác đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt. Vì rằng người ấy đã mang áo vải đen, xả bối tóc xuống, mang theo trên vai một bị đồ ăn và đi đến trước đại chúng và nói như sau: "Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt. Do vậy tôi xin đặt mình theo sở thích của quý vị". Vậy chắc chắn*

ta chớ có làm nghiệp ác như vậy, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt".

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, các **tưởng sợ hãi** sắc bén như vậy, được an trú, thời trong những pháp pàcittiyà ba-dật-đề, được chờ đợi như sau về vị ấy: "Nếu không phạm tội thời sẽ không rơi vào tội pàcittiyà. Nếu phạm tội thời sẽ như pháp phát lộ tội pàcittiyà".

4. *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang áo vải đen, xả bối tóc xuống, đi đến trước đại chúng và nói như sau: "Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị phê bình. Do vậy tôi xin đặt mình theo sở thích của quý vị". Rồi một người đứng một bên suy nghĩ như sau: "Thật sự, người này đã làm một điều ác đáng bị quở trách, đáng bị phê bình. Vì rằng người này mang áo vải đen, xả bối tóc xuống, đi đến trước đại chúng và nói như sau: "Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị phê bình. Do vậy tôi xin đặt mình theo sở thích của quý vị". Vậy chắc chắn ta chớ có làm nghiệp ác như vậy, đáng bị quở trách, đáng bị phê bình".*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, các **tưởng sợ hãi** sắc bén như vậy, được an trú, thời trong những pháp pàtidesaniya (cần

phải phát lộ) được chờ đợi như sau: Nếu không phạm tội thời sẽ không rơi vào phạm tội pàtidesaniya. Nếu phạm tội thời sẽ như pháp sám hối, pháp pàtidesaniya.

Này các Tỷ-kheo, có bốn sợ hãi phạm tội này.

44 PHẠM VÕNG - 1 Trường I, 11

KINH PHẠM VÕNG
– Bài kinh số 1 – Trường I, 11

1. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ràjagaha (Vương Xá) và Nalandà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ có Suppiya du sĩ ngoại đạo cũng đi trên con đường giữa Ràjagaha và Nalandà cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadatta. Suppiya, du sĩ ngoại đạo dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng đức Phật và chúng Tỷ-kheo.

2. Rồi Thế Tôn đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ-kheo. Suppiya, du sĩ ngoại đạo cũng đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadatta. Tại đây, du sĩ ngoại đạo Suppiya cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn người đệ tử của

du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

3. Và khi đêm vừa mới tàn, một số lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã ngồi họp tại một gian nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chư Tăng:

- Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đấng Toàn Tri, Toàn Kiến, đấng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu sự xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng. Còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta lại dùng vô số phương tiện, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

4. Lúc bấy giờ Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tăng, liền đến tại gian nhà hình tròn và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-Kheo:

- Này các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến

trong khi các ngươi ngồi họp tại chỗ này? Vấn đề gì đã được bỏ dở chưa nói xong?

Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Tại đây, khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: "Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! ... (xem số 3). . Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo". Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con khi Thế Tôn đến!

5. - Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người chớ có vì vậy sanh lòng công phẫn, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các ngươi sanh lòng công phẫn, tức tối, tâm sanh phiền muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các ngươi. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các ngươi công phẫn và phiền muộn, thời các ngươi có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng?

- Bạch Thế Tôn, không thể được!

- Này các Tỷ-kheo, khi có người hủy báng Ta, hủy

báng Pháp hay hủy báng Tăng, các ngươi phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: - "Như thế này, điểm này không đúng sự thật; như thế này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi".

6. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp, hay tán thán Tăng, thời các ngươi không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, mà nếu các người hoan hỷ, vui mừng và thích thú thời sẽ có hại cho các ngươi. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các người hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: "Như thế này, điểm này đúng sự thật, như thế này, điểm này chính xác, việc này có giữa chúng tôi, việc này đã xảy ra giữa chúng tôi".

7. Này các Tỷ-kheo, thật chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

❖ ***Này các Tỷ-kheo, thế nào là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu tán thán Như Lai?***

8. Sa-môn Gotama từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. - Này các Tỷ-kheo, **đó là lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.**

– Sa-môn Gotama từ bỏ lấy của không cho, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sự sống thanh tịnh không có trộm cướp. - Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

– Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

9. Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

– Sa-môn Gotama từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói đến chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người

này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Sa-môn Gotama sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

– Này các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

– Này các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói ỷ ngữ, tránh xa lời nói ỷ ngữ, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. - Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

10. Sa-môn Gotama không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ;

- Sa-môn Gotama dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn phi thời.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận vàng và bạc.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận các hạt giống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận thịt sống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận đàn bà, con gái.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận cừu và dê.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận gia cầm và heo.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không phái người môi giới

hoặc tự mình làm môi giới.

- Sa-môn Gotama từ bỏ không buôn bán.
- Sa-môn Gotama từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường.
- Sa-môn Gotama từ bỏ các tà hạnh, như hối lộ, gian trá, lừa đảo.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.
- - Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Xong Tiểu giới.

---

11. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối. Như các hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ ngành cây sanh, hạt giống từ đất sanh, hạt giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh. Còn Sa-môn Gotama thì không làm hại hột giống hay cây cối nào. - Này các Tỷ-kheo, như vầy người phàm phu tán thán Như Lai.

12. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống

cất chứa và thọ hưởng các đồ vật. Như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cất chứa các vật trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán Như Lai.

13. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, **vẫn còn sống theo các du hí không chân chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng** thần tiên, mãi võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ các loại du hí không chân chánh như trên*. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán Như Lai.

14. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đống thẻ, chơi súc sắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, chơi xe con, chơi cung

nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên.* - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán Như Lai.

15. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế dài, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khảm với lầu che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên.* - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán Như Lai.

16. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm. Như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn

mặt, sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gươm, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phất trần, vải trắng có viền tua dài. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên*. Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán Như Lai.

17. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. *Còn Sa-môn Gotama từ bỏ không nói những câu chuyện vô ích, tầm thường kể trên.* - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán

Như Lai.

18. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: "Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này? Người đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của ngươi không tương ưng; lời nói của ngươi không tương ưng, những điều đáng nói trước ngươi lại nói sau, những điều đáng nói sau ngươi lại nói trước, chủ kiến của người đã bị bài bác; câu nói của ngươi đã bị thách đấu; ngươi đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy; nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí". *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên*. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phàm phu tán thán Như Lai.

19. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới, như cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vị Sát-đế-lỵ, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: "Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia". *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cho đưa*

các tin tức và tự đứng làm môi giới. Như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

20. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, dèm pha, lấy lợi cầu lợi. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không lừa đảo và siểm nịnh như trên*. Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

Xong Trung giới.

---

21. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế muỗng, dùng miệng phun hột cải v. v... vào lửa, tế vỏ lúa, tế tấm, tế gạo, tế thục tô, tế dầu, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bồ cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngừa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim. *Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa những tà hạnh kể trên*. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm

phu tán thán Như Lai.

22. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống mình bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gươm kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tường đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con cắc kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên.* - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

23. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước: Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thối; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thối; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia. *Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên.* - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm

phu tán thán Như Lai.

24. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhựt thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời, mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhựt thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có những kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng, sẽ có kết quả như thế này. *Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa, không tự nuôi sống bằng những tà mạng kể trên.* - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

25. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã

dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bịnh, sẽ không có bịnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình. *Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà hạnh kể trên*. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

26. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng. Như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cóng lưỡi, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài. *Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà mạng kể trên.* - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

27. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã

dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ hy sinh, làm cho mửa, làm cho xổ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bịnh đau mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bịnh cho con nít, cho uống thuốc làm bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc. *Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà mạng kể trên*. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, đấy là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu dùng để tán thán Như Lai.

Xong Đại giới.

---

28. **Này các Tỷ-kheo, lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấu, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị chỉ những người trí mới nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai**

đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

- ***Này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, không thể nhận hiểu bởi luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến?***

29. Này các Tỷ-kheo có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, **chấp kiến về QUÁ KHỨ TỐI SƠ**, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, với **mười tám luận chấp**. *Và y chỉ theo gì, căn cứ theo gì, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về phía quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp?*

30. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Thường trú luận**, chấp rằng: "Bản ngã về thế giới là thường còn" với **bốn luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế*

giới là thường còn với bốn luận chấp?

31. Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời, nhớ rằng: "*Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ, khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi tôi được sanh tại chỗ này*". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói rằng: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đảnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn

thường trú".

Này các Tỷ-kheo đó là lập trường thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những vị Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn.

32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định, khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này... còn những loại hữu tình kia lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận và chấp rằng, bản

ngã và thế giới thường còn.

33. Trường hợp thứ ba, những Sa-môn hay Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và cho rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, năm mươi thành kiếp hoại kiếp; nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đảnh núi, như trụ đá; còn những loại

hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy, chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi nhờ nhiệt tâm... nên tâm nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp, hoại kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp". Nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sanh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đảnh núi, trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới thường còn.

34. Trường hợp thứ tư, những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời có Sa-môn hay Bà-la-môn, là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ của suy luận, và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Bản ngã và thế giới là thường trú,

bất sanh, vững chắc như đảnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường còn".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này, **chủ trương Thường trú luận**, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với **bốn luận chấp**. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: "Bản ngã và thế giới là thường còn", chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, **Như Lai tuệ tri như thế này**: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai biết như vậy, Ngài lại biết hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. **Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm chứng được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-**

kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

37. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

1. Này các Tỷ-kheo, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác**, với **bốn luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác, với bốn luận chấp?*

2. Này các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn

nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu tình phần lớn sanh qua cõi Àbhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đấy, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

3. Này các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra, nhưng trống không. Lúc bấy giờ, một hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung trống rỗng ấy. Vị ấy ở tại đấy, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

4. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác, cũng đến tại chỗ này!" Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung để làm bạn với vị hữu tình kia. Những loại hữu tình ở đấy cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự

chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy, trong một thời gian khá dài.

5. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, vị hữu tình đầu tiên sanh qua nghĩ rằng: "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta sanh ra. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này - Chính do sở nguyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này". Các loài hữu tình đến sau cũng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì sao vậy? Vì ta đã thấy vị này sanh trước ở đây rồi. Còn chúng ta thì sanh sau".

6. Này các Tỷ-kheo, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn và được ít quyền hơn. **Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra.**

Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự Tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yểu thọ và chịu sự biến dịch".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

7. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-

la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Khiddàpadosikà (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiếu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiếu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, các chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của chúng.

8. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy.

9. Vị ấy nói rằng: "Những chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, chúng sống lâu ngày không mê say trong hý tiếu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiếu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ

không thất niệm, nên những chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiếu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiếu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

10. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Manopadosikà (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Chúng sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì

sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân chúng mệt mỏi, tâm chúng mệt mỏi. Các hạng chư Thiên ấy thác sanh từ bỏ thân thể này của chúng.

11. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các vị hữu tình kia, khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, nhưng không nhớ xa hơn đời sống ấy.

12. Vị ấy nói rằng: "Những vị chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, chúng sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng không oán ghét nhau. Vì tâm trí chúng không oán ghét nhau, nên thân chúng không mệt mỏi, tâm chúng không mệt mỏi. Những hàng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi". Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi

sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

13. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn, hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuộc theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Cái gọi là mắt, là tai, là mũi, là lưỡi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường, không kiên cố, không thường trú, bị chuyển biến. Cái gọi là tâm, là ý, là thức, cái bản ngã ấy là thường còn, bất biến,

thường trú, không bị chuyển biến, thường hằng như vậy mãi mãi".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

14. Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấ**p. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

15. Này các Tỷ-kheo, Như Lai biết rằng: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ,

vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

---

16. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên, **chấp thế giới là Hữu biên Vô biên** với **bốn luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp?*

17. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, **vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên**. Vị ấy nói rằng: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh. Vì sao vậy? Vì tôi, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi

sống với tư tưởng thế giới là hữu biên. Do đó tôi biết rằng thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên.

18. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là vô biên. Vị ấy nói: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn". Những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này là vô biên, không có giới hạn. Tại sao vậy? Vì tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là vô biên. Do đó tôi biết: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

19. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới và thế giới là Vô biên về phía bề ngang. Vị ấy nói: "Thế giới này là hữu biên và vô biên". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh, thì những vị ấy nói không đúng sự thật". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống ở trong đời với tư tưởng, thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Do vậy tôi

biết: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

20. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như sau: "Thế giới này không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên có giới hạn xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Lại những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn" những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Lại những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên", những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Thế giới này cũng không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên.

21. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Hữu biên Vô biên luận với bốn luận**

chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

22. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

---

23. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn

chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp?*

24. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện" không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi . Nếu dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể bị sai lầm. Nếu tôi sai lầm thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn sẽ thành một chướng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ sai lầm, vì chán ghét sai lầm, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

25. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn? (1)

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể chấp thủ. Nếu tôi chấp thủ, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn, thời thành một chướng ngại cho tôi.

- Như vậy, vì sợ chấp thủ, vì chán ghét chấp thủ, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay

vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

(1) Hỏi một đường đáp một ngã (trườn uốn như con lươn).

26. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn?

- Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc trả lời: "Đây là bất thiện", có những Sa-môn, Bà-la-môn, bác học, tế nhị,

nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của chúng, chúng có thể đọ tài, chất vấn và cật nạn tôi. Nếu chúng đọ tài, chất vấn, cật nạn tôi, tôi có thể không giải đáp được cho chúng. Nếu tôi không giải đáp được cho chúng, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thời thành một chướng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ bị thử thách, vì chán ghét thử thách, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời. "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". - Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

27. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn?

- Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn đần độn ngu si. Vị này, vì đần độn ngu si, khi bị hỏi vấn

đề nay hay vấn đề khác, liền dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Anh hỏi tôi có một thế giới khác hay không?" Nếu tôi nghĩ "Có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: "Không có một thế giới khác phải không?" Nếu tôi nghĩ: "Không có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Không có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi "Không có một thế giới khác phải không?" (... như trên...) "Cũng có và cũng không có một thế giới khác?", "Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?", "Có loại hữu tình hóa sanh?", "Không có loại hữu tình hóa sanh?" , "Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?", "Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?", "Có kết quả dị thục của các nghiệp thiện và ác?", "Không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng có và cũng không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?", "Như Lai có tồn tại sau

khi chết?", "Như Lai không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?". Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Tôi có thể trả lời: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.

-Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

28. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

29. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

---

30. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh** với **hai luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, ý chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?*

31. Này các Tỷ-kheo, có những chư Thiên gọi là Vô tưởng hữu tình. Khi một tưởng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xẩy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tưởng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

32. Trường hợp thứ hai, những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà biện luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện

bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị ấy tuyên bố: "Bản ngã và thế giới vô nhân sanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

33. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Vô nhân luận**, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với **hai luận chấp**. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh, chúng sẽ chấp cả hai luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

34. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn **luận bàn về quá khứ tối sơ**, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hoặc Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, chúng sẽ chấp cả **mười tám luận chấp** trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của

chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. **Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.**

---

37. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **LUẬN BÀN VỀ TƯƠNG LAI**, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với **bốn mươi bốn luận chấp**. *Và những vị Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp?*

38. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương hữu tưởng sau khi chết, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết** với **mười sáu luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì,*

chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, với mười sáu luận chấp?

- Những vị này chủ trương: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",
- "Bản ngã cũng không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Bản ngã là hữu biên...",
- "Bản ngã là vô biên ...",
- "Bản ngã là hữu biên và vô biên",
- "Bản ngã cũng không hữu biên và cũng không vô biên ...",
- "Bản ngã là nhất tưởng ...",
- "Bản ngã là dị tưởng ...".
- "Bản ngã là thiểu tưởng ...",
- "Bản ngã là vô lượng tưởng ...",
- "Bản ngã là thuần lạc ...",
- "Bản ngã là thuần khổ ...",
- "Bản ngã là khổ lạc".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã là không khổ

không lạc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng".

39. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương hữu tưởng sau khi chết, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, chúng sẽ chấp cả mười sáu luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

40. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những

pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ HAI

1. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chế**t với **tám luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp?*

2. Những vị này chủ trương:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết không có tưởng",
- "Bản ngã không có sắc ...",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",
- "Bản ngã không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Là hữu biên ...", "Là vô biên ...",

- "Là hữu biên và vô biên ...".
- Các vị này chấp bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tưởng.

3. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết,** chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với **tám luận chấp**. - Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, **ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.**

4. Này các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp

sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy nhưng ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

---

5. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng** với **tám luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng với tám luận chấp?*

6. Những vị này chấp:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng... ",
- "Bản ngã là vô sắc... ",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc... ",
- "Bản ngã là phi hữu sắc và cũng phi vô sắc... ",
- "Bản ngã là hữu biên... ",
- "Bản ngã là vô biên... ",

- "Bản ngã là hữu biên và vô biên... ".

7. Những vị này chấp rằng: **Bản ngã là phi hữu biên và cũng phi vô biên, không có bệnh**, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng, với **tám luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, chủ trương phi hữu tưởng phi vô tưởng, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

8. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. **Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh**. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật

chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

---

9. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Đoạn diệt luận**, **chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình** với **bảy luận chấp**. *Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp?*

10. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hoặc Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý kiến: "Vì bản ngã này có sắc, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã này như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy một số người chủ trương sự đoạn diệt, sự tiêu thất và sự hủy hoại của loài hữu tình.

11. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu

diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

12. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

13. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả sắc tưởng, diệt trừ các tưởng chống đối, không ức niệm các dị tưởng, nhận hiểu hư không là vô biên. - Đạt đến không vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết

không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

14. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả không vô biên xứ, nhận hiểu: Thức là vô biên. - Đạt đến Thức vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

15. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ, nhận hiểu: không có sở hữu. - Đạt đến Vô sở hữu xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

16. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiểu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu. - Đạt đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

17. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, **chủ trương Đoạn diệt luận**, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình với **bảy luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình, chúng chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

18. Này các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài tuệ tri

hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết: và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

---

19. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương HIỆN TẠI NIẾT BÀN LUẬN**, **chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp.** *Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp?*

20. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương và quan niệm: "Khi nào bản ngã này tận hưởng, sung mãn năm món dục lạc, như thế bản ngã ấy đạt đến tối thượng Niết Bàn của loài hữu tình".

21. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng Niết Bàn. Vì cớ sao? Vì rằng tính của dục lạc và vô thường, khổ, biến dịch. Vì tánh của chúng là biến dịch, chuyển hóa, nên ưu, bi, khổ, muộn, não phát sanh. Khi nào bản ngã ấy ly các dục lạc, ly các ác pháp, đạt đến và an trú vào đệ nhất thiền; thiền định này có tầm, có tứ, có hỷ và có lạc, do ly dục sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

22. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì cớ sao? Vì ở đây thiền định ấy có tầm, có tứ nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy có tầm và tứ, đạt đến và an trú đệ nhị thiền. Thiền định này nội tâm yên tỉnh, trí chuyên nhất cảnh, không tầm, không tứ, hỷ lạc do định sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết

Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

23. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì có sao? Vì ở đây tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tham hỷ, trú xã, chánh niệm, chánh trí, thân hưởng lạc mà các bậc thánh gọi là Hỷ niệm lạc trú - đạt đến và an trú đệ tam thiền". Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

24. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết bàn. Vì có sao? Vì ở đây tâm thọ lạc nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy xả lạc và xả khổ, diệt trừ hỷ và ưu về trước, đạt đến và an trú vào đệ tứ thiền. Thiền này không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

25. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy **chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận**, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với **năm luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình, những vị này sẽ chấp cả năm luận chấp trên, hay một trong năm luận chấp trên, ngoài ra không còn một luận chấp nào khác nữa.

26. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật

chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

---

27. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, sẽ đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Chúng sẽ chấp bốn mươi bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

28. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

29. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về quá khứ tối sơ và luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về

quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với **sáu mươi hai luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

30. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mệnh như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

31. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính

những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

---

32. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

33. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

34. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-

môn, là sự kích thích dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

35. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

36. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

37. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái

chi phối.

38. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

39. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

40. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết với tám luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

41. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-

la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

42. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

43. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

44. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai,

chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

---

45. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm** (của các căn).

46. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm** (của các căn).

47. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

48. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi là do sự xúc chạm (của các căn).

49. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

50. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

51. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

52. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

53. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

54. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn biệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

55. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

56. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

57. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá

khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

---

58. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. **Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

59. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới, là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

60. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

61. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề

này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

62. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

63. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

64. Này các Tỷ-kheo , ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

65. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ

trương trên, nếu không có cảm xúc.

66. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

67. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương, trên, nếu không có cảm xúc.

68. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

69. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

70. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

---

71. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Ngụy biện luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, luân bàn về quá khứ tối sơ, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương hiện tại Niết Bàn luận; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ; những Sa-môn, Bà-la-môn luận

bàn về tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. **Tất cả những vị này có những cảm thọ (những chủ trương trên) do sự xúc chạm qua sáu xúc xứ.**

Do duyên với những cảm thọ mà tham ái phát khởi; do duyên tham ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi, do duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. Này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu chỗ xuất xứ, vị ấy sẽ có một sự hiểu biết vượt ra ngoài những điều trên.

72. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác tất cả **những vị này đều bị bao trùm bởi lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu chúng nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.**

Này các Tỷ-kheo, cũng ví như người đánh cá lành

nghề hay người học đánh cá vung lưới trên mặt hồ nước nhỏ có mắt sít sao. Người ấy nghĩ: "Những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây". Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp này; dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

73. Này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tài, những cái khiến đưa đến đời sống khác đã bị chấm dứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người còn có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.

Này các Tỷ-kheo, như nhánh có một chùm xoài bị chặt đứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia. Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đến một đời sống khác đã bị chặt đứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài

Người có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.

74. Khi nghe nói vậy, đại đức Ananda bạch đức Thế Tôn:

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì, bạch Thế Tôn?

- Này Ananda, pháp môn này gọi là "Lợi Võng", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Pháp Võng", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Phạm Võng", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Kiếm Võng", hãy như vậy mà phụng trị; gọi là "Vô thượng Chiến thắng", hãy như vậy mà phụng trì.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi kinh này được truyền thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.

45 PHẢN ĐỐI - Tăng IV, 56

PHẢN ĐỐI – *Tăng* IV, 56

1. *- Đối với nam cư sĩ thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo muốn, có thể nói lời phản đối.*

2. Thế nào là tám?

1. *Cố gắng đem lại thiệt hại cho các gia chủ.*
2. *Cố gắng đem lại bất lợi cho các gia chủ.*
3. *Nhiếc mắng chỉ trích các gia chủ.*
4. *Làm ly gián giữa các gia chủ.*
5. *Hủy báng Phật.*
6. *Hủy báng Pháp.*
7. *Hủy báng chúng Tăng.*
8. *Thấy người ấy tại các chỗ không xứng đáng.*

Đối với nam cư sĩ thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo muốn, có thể nói lời phản đối.

3. *Đối với nam cư sĩ thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo muốn, có thể nói lời tùy thuận.*

4. Thế nào là tám?

1. *Không cố gắng đem lại thiệt hại cho các gia chủ.*

2. *Không cố gắng đem lại bất lợi cho các gia chủ.*
3. *Không nhiếc mắng chỉ trích các gia chủ.*
4. *Không làm ly gián giữa các gia chủ.*
5. *Tán thán Phật.*
6. *Tán thán Pháp.*
7. *Tán thán chúng Tăng.*
8. *Thấy người ấy tại các chỗ xứng đáng.*

Đối với nam cư sĩ thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo muốn, có thể nói lời tùy thuận.

46 PHẨM CÁC PHÁP - Tăng I, 154

PHẨM CÁC PHÁP – *Tăng* I, 154

1.- Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này. Thế nào là hai? *Tâm giải thoát và tuệ giải thoát*. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.

(Cũng vậy đối với các pháp kế tiếp như:

2. Tinh tấn và nhất tâm.

3. Danh và sắc.

4. Minh và giải thoát.

5. Hữu kiến và vô hữu kiến.

6. Vô tàm và vô quý.

7. Tàm và quý.

8. Khó nói và ác hữu.

9. Dễ nói và thiện hữu.

10. Giới thiện xảo và tác ý thiện xảo.)

11. Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này. Thế nào là hai? *Phạm thiện xảo và xuất Phạm thiện xảo.* Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.

47 PHẨM HỘI CHÚNG - Tăng I, 133

PHẨM HỘI CHÚNG – *Tăng* I, 133

1-10.

1.- Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng nông nổi
- Và hội chúng thâm sâu.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng nông nổi?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào có các Tỷ-kheo tháo động, kiêu căng, dao động, lắm mồm lắm miệng, lắm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng nông nổi.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thâm sâu?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào có các Tỷ-kheo, không tháo động, không kiêu căng, không dao động, không lắm mồm lắm miệng, không lắm lời, không thất niệm, tỉnh giác, có định tĩnh, nhất tâm, các căn được bảo

vệ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thâm sâu.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thượng giữa hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng thâm sâu.

---

2. Có hai loại hội chúng này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai?

- Hội chúng bất hòa
- Và hội chúng hòa hợp.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng bất hòa?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng bất hòa.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng hòa hợp?*

→ Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo hòa hợp, hòa kính, không có đấu tranh, hòa hợp như sữa với nước, sống nhìn nhau với cặp mắt từ ái, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng hòa hợp.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thượng giữa hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng hòa hợp.

---

3. Có hai loại hội chúng này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai?

- Hội chúng không thù thắng
- Và hội chúng thù thắng.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không thù thắng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các trưởng lão Tỷ-kheo sống trong sự đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Còn lớp hậu nhân, tùy thuận sở kiến của họ, sống trong sự đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không thù thắng.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thù thắng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các trưởng lão Tỷ-kheo không sống trong đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Còn lớp hậu nhân, tùy thuận sở kiến của họ, không sống trong sự đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng thù thắng.

---

4. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng không phải Thánh
- Và hội chúng bậc Thánh.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không phải Thánh?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo không như thật rõ biết: "Đây là khổ";

không như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; không như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; không như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không phải Thánh.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng bậc Thánh?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ"; như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng bậc Thánh.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng bậc Thánh.

---

5. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng cặn bã
- Và hội chúng tinh ba.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng cặn bã?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo đi đến con đường dục, đi đến con đường sân, đi đến con đường si, đi đến con

đường sợ hãi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng cặn bã.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tinh ba?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo không đi đến con đường dục, không đi đến con đường sân, không đi đến con đường si, không đi đến con đường sợ hãi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tinh ba.

Này các Tỷ-kheo, đây là hai hội chúng. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng tinh ba.

---

6. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn.
- Và hội chúng không được huấn luyện trong khoa trương, được huấn luyện trong chất vấn.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa siêu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh điển ấy

được thuyết giảng, họ không khéo nghe, không lóng tai, không an trú tâm để hiểu biết chúng, không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. Nhưng đối với các kinh điển *thi văn do thi sĩ làm ra, với các nguyên âm hoa mỹ, với các phụ âm hoa mỹ, các kinh thuộc ngoại giáo, được các đệ tử ngoại giáo nói lên, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, lóng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng. Họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng*.

- Và sau khi học thuộc lòng các pháp ấy, họ không hỏi đi hỏi lại cùng nhau, không có mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như: "Cái này là gì? Thế nào là ý nghĩa của cái này?" Họ không mở rộng ra những gì được che kín, họ không phơi bày ra những gì không được phơi bày, họ không giải nghi về những điểm nghi vấn trong Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo đối với các kinh điển thi văn do thi sĩ làm ra, với các nguyên âm hoa mỹ, với các phụ âm hoa mỹ, các kinh thuộc ngoại giáo, được các đệ tử ngoại giáo nói lên, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ không khéo nghe, họ không lóng tai, họ không an trú tâm để hiểu biết chúng, họ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. *Nhưng đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế,* ***liên hệ đến không****, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, họ lóng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng, họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải được lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng*.
- Và sau khi học thuộc lòng các pháp ấy, họ hỏi đi hỏi lại cùng nhau, họ mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như: "Cái này là gì? Thế nào là ý nghĩa của cái này?" Họ mở rộng ra những gì được che kín, họ phơi bày ra những gì không được phơi bày, họ giải nghi về những điểm nghi vấn trong Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương.

---

7. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp,
- Hội chúng tôn trong diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo trước mặt các gia chủ bận áo trắng, tự tán thán lẫn nhau như sau: "Tỷ-kheo này là bậc Giải thoát cả hai phần, Tỷ-kheo này là bậc Tuệ giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Thân chứng,Tỷ-kheo này là bậc Kiến chí, Tỷ-kheo này là bậc Tín giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Tùy pháp hành, Tỷ-kheo này là bậc Tùy tín hành, Tỷ-kheo này là bậc có Giới hạnh, theo Thiện pháp, Tỷ-kheo này là kẻ Ác giới, theo Ác pháp". Do vậy, họ được các lợi dưỡng.

- Sau khi được các lợi dưỡng, họ thọ hưởng, bị trói buộc, bị say mê, đắm trước, không thấy các sự nguy hại, không hiểu rõ sự giải thoát khỏi các lợi dưỡng ấy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo trước mặt các gia chủ bận áo trắng, không tự tán thán lẫn nhau như sau: "Tỷ-kheo này là bậc Giải thoát cả hai phần, Tỷ-kheo này là bậc Tuệ giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Thân chứng, Tỷ-kheo này là bậc Kiến chí, Tỷ-kheo này là bậc Tín giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Tùy pháp hành, Tỷ-kheo này là bậc Tùy tín hành, Tỷ-kheo này là bậc có giới hạnh, theo thiện pháp, Tỷ-kheo này là kẻ Ác giới, theo Ác pháp". Do vậy, họ được các lợi dưỡng.
- Họ thọ hưởng các lợi dưỡng ấy, không bị trói buộc, không bị say mê, không đắm trước, thấy các sự nguy hại, hiểu rõ sự giải thoát khỏi các lợi dưỡng ấy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

---

8. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng không đồng đẳng
- Và hội chúng đồng đẳng.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không đồng đẳng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, *nghiệp phi pháp được thi hành,* nghiệp đúng pháp không được thi hành, nghiệp phi luật được thi hành, nghiệp đúng luật không được thi hành, nghiệp phi pháp được phát huy, nghiệp đúng pháp không được phát huy, nghiệp phi luật được phát huy, nghiệp đúng luật không được phát huy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không đồng đẳng.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng đồng đẳng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, nghiệp đúng pháp được thi hành, nghiệp phi pháp không được thi hành, nghiệp đúng luật

được thi hành, nghiệp phi luật không được thi hành, nghiệp đúng pháp được phát huy, nghiệp phi pháp không được phát huy, nghiệp đúng luật được phát huy, nghiệp phi luật không được phát huy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng đồng đẳng.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, tức là hội chúng đồng đẳng.

---

9. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng phi pháp
- Và hội chúng đúng pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thượng trong hai hội chúng này, tức là hội chúng đúng pháp.

---

10. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng thuyết phi pháp
- Và hội chúng thuyết đúng pháp.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thuyết phi pháp?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo khởi lên sự tránh tụng hợp pháp hay phi pháp. Sau khi khởi lên sự tránh tụng ấy, họ không tin cho nhau biết và không tìm cách tin cho nhau biết, họ không hòa giải cùng nhau và không tìm cách đi đến hòa giải. Họ cương quyết không tin cho nhau biết và cương quyết không hòa giải với nhau, họ không từ bỏ tránh tụng ấy, họ kiên trì tránh tụng ấy, chấp thủ, thiên chấp và tuyên bố: "Chỉ có đây mới là sự thật, ngoài ra là hư ngụy". Này các Tỷ-kheo, đây là hội chúng thuyết phi pháp.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thuyết đúng pháp?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo khởi lên sự tránh tụng hợp pháp hay phi pháp. Sau khi khởi lên sự tránh tụng ấy, họ tin cho nhau biết và tìm cách tin cho nhau biết. Họ hòa giải với nhau và tìm cách đi đến hòa giải. Họ cương quyết tin cho nhau biết và cương quyết hòa giải với nhau, họ từ bỏ tránh tụng ấy, họ không kiên trì tránh tụng ấy, không chấp thủ, không thiên chấp và không tuyên bố: "Chỉ có đây mới là sự thật, ngoài ra là hư ngụy". Này các Tỷ-kheo, đây là hội chúng thuyết đúng pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, tức là hội chúng thuyết đúng pháp.

48 PHẨM LẠC - Tăng I, 150

PHẨM LẠC – *Tăng* I, 150

1.- Có hai loại lạc này. Thế nào là hai? **Lạc tại gia và lạc xuất gia**. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc.

➥ Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc xuất gia.

2. Có hai loại lạc này. Thế nào là hai? **Dục lạc và viễn ly lạc**. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc.

➥ Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là viễn ly lạc.

3. Có hai loại lạc này. Thế nào là hai? **Lạc sanh y và lạc không sanh y**. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc.

➥ Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc không sanh y.

4-12. … (như trên, chỉ có đổi **lạc có lậu hoặc và lạc không có lậu hoặc**

… lạc thuộc tài vật và lạc không thuộc tài vật

… lạc bậc Thánh và lạc không phải bậc Thánh

… lạc thuộc thân và lạc thuộc tâm

… lạc có hỷ và lạc không hỷ

… lạc có hân hoan và lạc có xả

… lạc có định và lạc không có định

… lạc với sở duyên có hỷ và lạc với sở duyên không có hỷ

… lạc với sở duyên có hân hoan và lạc với sở duyên có xả …

13. Có hai loại lạc này. Thế nào là hai? Lạc với sở duyên thuộc sắc và lạc với sở duyên thuộc vô sắc. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại lạc.

➥ Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc với sở duyên thuộc vô sắc.

49 PHẨM NGƯỜI - Tăng I, 144

PHẨM NGƯỜI – *Tăng* I, 144

1.- Có hai hạng người này, *khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa lại hạnh phúc cho đa số,* an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đưa lại hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là hai?

➡ *Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương.* Những người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đưa lại hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

2. Có hai hạng người này, khi xuất hiện ở đời, *là sự xuất hiện của những người vi diệu*. Thế nào là hai?

➡ Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Những người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, là sự xuất hiện của những người vi diệu.

3. Có hai hạng người khi mạng chung, *đưa lại thương tiếc cho đa số*. Thế nào là hai?

➡ Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Hai hạng người này khi

mệnh chung, này các Tỷ-kheo, đưa lại thương tiếc cho đa số.

4. Hai hạng người này, *xứng đáng để xây tháp*. Thế nào là hai?

➡ Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, xứng đáng để xây tháp.

5. *Có hai bậc Giác ngộ này,* này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai?

➡ *Như Lai, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, và Độc Giác Phật.* Những vị này, này các Tỷ-kheo, là hai bậc Giác ngộ.

---

6. Hai (sanh) loại này, *không bị sét đánh làm cho sợ hãi*. Thế nào là hai?

➡ *Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc và con voi thuần chủng.* Hai (sanh) loại này, này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi.

7. Hai (sanh) loại này, không bị sét đánh làm cho sợ hãi. Thế nào là hai?

➡ *Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc và con ngựa nòi giống tốt.* Hai (sanh) loại này, này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi.

8. … (như trên, chỉ thay vào Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc và con sư tử, vua các loài thú) …

---

9. Do thấy hai lý do này, này các Tỷ-kheo, các loài **Kimpurisà (phi nhân, khẩn-na-la)** không nói lên tiếng người. Thế nào là hai? "Chúng ta chớ có nói láo và chúng ta chớ có xuyên tạc người khác với điều không thật". Do thấy hai lý do này, này các Tỷ-kheo, các loài Kimpurisà không nói lên tiếng người.

---

10. Có hai điều, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn, chưa được vừa đủ. Thế nào là hai? Sự giao cấu và sanh con. Hai điều này, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn, chưa được vừa đủ.

---

11. *Ta sẽ giảng cho các Thầy, về sự cọng trú của người bất thiện và sự cọng trú của người thiện*. Hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự cọng trú của người bất thiện, và thế nào là người bất thiện cọng trú với nhau?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị trưởng lão Tỷ-kheo suy nghĩ như sau:

- "Mong rằng vị trưởng lão không nói với ta, vị trung niên không nói với ta, vị tân học không nói với ta, và ta cũng không nói với vị trưởng lão, ta cũng không nói với vị trung niên, ta cũng không nói với vị tân học!
- Nếu vị trưởng lão nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn làm hại ta, không phải vì hạnh phúc cho ta. Ta hãy nói "không" với vị ấy, ta hãy làm cho vị ấy phật lòng, và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta không có đáp ứng thích hợp.
- Nếu vị trung niên nói với ta….,
- Nếu vị tân học nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn làm hại ta, không phải vì hạnh phúc cho ta. Ta hãy nói "không" với vị ấy, ta hãy làm cho vị ấy phật lòng, và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta không có đáp ứng thích hợp".

Vị trung niên Tỷ-kheo suy nghĩ như sau …

Vị tân học Tỷ-kheo suy nghĩ như sau ….

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự cọng trú của người bất thiện và như vậy là người bất thiện cọng trú với nhau.

➲ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự cọng trú của người thiện và thế nào là người thiện cọng trú với nhau?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị trưởng lão Tỷ-kheo suy nghĩ như sau:

"Mong rằng vị trưởng lão nói với ta, vị trung niên nói với ta, vị tân học nói với ta, và ta cũng sẽ nói với vị trưởng lão, ta cũng sẽ nói với vị trung niên, ta cũng sẽ nói với vị tân học!

- Nếu vị trưởng lão nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn hạnh phúc cho ta, không với ý muốn làm hại ta. Ta sẽ nói "lành thay" với vị ấy, ta sẽ không làm cho vị ấy phật lòng, và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta có đáp ứng thích hợp.
- Nếu vị trung niên nói với ta, …
- Nếu vị tân học nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn hạnh phúc cho ta, không với ý muốn làm hại ta. Ta hãy nói "lành thay" với vị ấy, ta sẽ không làm cho vị ấy phật lòng, và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta sẽ đáp ứng thích hợp".

Này các Tỷ-kheo, vị trung niên Tỷ-kheo suy nghĩ như sau …

Này các Tỷ-kheo, vị tân học Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Mong rằng vị trưởng lão nói với ta, vị trung niên nói với ta, vị tân học nói với ta....., và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta sẽ đáp ứng thích hợp".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự cọng trú của người thiện và như vậy là người thiện cọng trú với nhau.

---

12. Trong cuộc tránh tụng nào, này các Tỷ-kheo, cả hai phía *có lời qua tiếng lại, có những quan điểm ngoan cố, với tâm hiềm hận, ưu não, uất ức, nội tâm không an tịnh,* thời sự tránh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng sẽ đưa đến kéo dài, gay gắt, thô bạo, và các Tỷ-kheo sẽ sống không an lạc.

Và này các Tỷ-kheo, trong cuộc tránh tụng nào, này các Tỷ-kheo, cả hai phía *có lời qua tiếng lại, có những quan điểm ngoan cố, với tâm hiềm hận, ưu não, uất ức, nhưng nội tâm được an tịnh*, thời sự tránh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng sẽ không kéo dài, không có gay cấn, không có thô bạo, và các Tỷ-kheo sẽ sống an lạc.

50 PHẨM NGƯỜI NGU - Tăng I, 114

PHẨM NGƯỜI NGU – *Tăng* I, 114

1-10

1. - Này các Tỷ-kheo, có hai loại *người ngu* này. Thế nào là hai?

- Người có phạm tội nhưng không thấy có phạm tội,
- Và người không chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại người ngu này.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại *người có trí*. Thế nào là hai?

- Người có phạm tội là thấy có phạm tội,
- Và người chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại người có trí này.

---

2. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này *xuyên tạc Như Lai*. Thế nào là hai?

- Người độc ác với tâm đầy sân hận,
- Và người có lòng tin với tà kiến.

Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai.

---

3. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này *xuyên tạc Như Lai*. Thế nào là hai?

- Người nêu rõ Như Lai có nói, có thuyết là Như Lai không nói, không thuyết,
- Và người nêu rõ Như Lai không nói, không thuyết là Như Lai có nói, có thuyết.

Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai.

---

4. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này *không xuyên tạc Như Lai*. Thế nào là hai?

- Người nêu rõ Như Lai có nói, có thuyết là Như Lai có nói, có thuyết,
- Và người nêu rõ Như Lai không nói, không thuyết là Như Lai không nói, không thuyết.

Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này không xuyên tạc Như Lai.

---

5. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, *xuyên tạc Như Lai*. Thế nào là hai?

- Người nêu rõ kinh cần phải giải nghĩa là kinh đã được giải nghĩa,
- Và người nêu rõ kinh đã được giải nghĩa là kinh cần phải giải nghĩa.

Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, xuyên tạc Như Lai.

---

6. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, *không xuyên tạc Như Lai*. Thế nào là hai?

- Người nêu rõ kinh cần phải giải nghĩa là kinh cần phải giải nghĩa,
- Và người nêu rõ kinh đã được giải nghĩa là kinh đã được giải nghĩa.

Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, không xuyên tạc Như Lai.

---

7. Với người có *hành động che đậy*, này các Tỷ-kheo, một trong hai sanh thú được chờ đợi: địa ngục hay bàng sanh.

Với người *không có hành động che đậy*, này các Tỷ-kheo, một trong hai sanh thú được chờ đợi: chư Thiên hay loài Người.

---

8. Với người có *tà kiến*, này các Tỷ-kheo, một trong hai sanh thú được chờ đợi: <u>địa ngục hay loại bàng sanh.</u>

Với người có *chánh kiến*, này các Tỷ-kheo, một trong hai sanh thú được chờ đợi: <u>chư Thiên hay loài Người.</u>

Người theo *ác giới*, này các Tỷ-kheo, có hai chấp nhận: địa ngục hay loài bàng sanh.

Người đầy đủ *thiện giới*, này các Tỷ-kheo, có hai chấp nhận: chư Thiên hay loài Người.

---

9. *Do quán thấy hai lợi ích, này các Tỷ-kheo, Ta đi đến các ngôi rừng hẻo lánh, các trú xứ xa vắng.* Thế nào là hai?

- Thấy tự mình hiện tại lạc trú,
- Và có lòng thương tưởng đến chúng sanh về sau.

Do quán thấy hai lợi ích này, này các Tỷ-kheo, nên Ta đi đến các ngôi rừng hẻo lánh, các trú xứ xa vắng.

---

10. *Có hai pháp này, này các Tỷ-kheo, thuộc thành phần minh*. Thế nào là hai? ***<u>Chỉ và quán.</u>***

- *Chỉ được tu tập, chờ đợi lợi ích gì?* ***<u>Tâm được tu tập</u>***.

- *Tâm được tu tập, chờ đợi lợi ích gì? Cái gì thuộc về **tham** được đoạn tận.*
- *Quán được tu tập, chờ đợi lợi ích gì? **Tuệ được tu tập.***
- *Tuệ được tu tập, chờ đợi lợi ích gì? Cái gì thuộc **vô minh** được đoạn tận.*

→ ***Bị tham làm uế nhiễm, tâm không thể giải thoát.***

→ ***Hay bị vô minh làm uế nhiễm, tuệ không được tu tập.***

- *Do vậy, **do ly tham, là tâm giải thoát.***
- ***Do đoạn vô minh, là tuệ giải thoát.***

51 PHẨM PHI PHÁP 1 - Tăng I, 36

PHẨM PHI PHÁP 1 – *Tăng* I, 36

1-32.

1. Đứng về phương diện nội phần, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến bất lợi lớn như vậy, như *phóng dật*. Này các Tỷ-kheo, phóng dật đưa đến bất lợi lớn.

2. Đứng về phương diện nội phần, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến lợi ích lớn như vậy, như *không phóng dật*. Này các Tỷ-kheo, không phóng dật đưa đến lợi ích lớn.

3. (Như số 1 ở trên, chỉ thay vào biếng nhác)...

4. (Như số 2 ở trên, chỉ thay vào tinh cần tinh tấn)...

5-12 (Như trên, tuần tự thay vào dục lớn, ít dục, không biết đủ, biết đủ, không như lý tác ý, như lý tác ý, không tỉnh giác, tỉnh giác)...

13. Đứng về phương diện ngoại phần, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến bất lợi lớn như vậy, như *làm bạn với ác*. Làm bạn với ác, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

14. Đứng về phương diện ngoại phần, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến lợi ích lớn như vậy, *như làm bạn với thiện*. Này các Tỷ-kheo, làm bạn với thiện, đưa đến lợi ích lớn.

15. *Đứng về phương diện nội phần*, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến bất lợi lớn như vậy, *như hệ lụy với pháp bất thiện, không hệ lụy với pháp thiện*. Này các Tỷ-kheo, hệ lụy với pháp bất thiện, không hệ lụy với pháp thiện, đưa đến bất lợi lớn.

16. Đứng về phương diện nội phần, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến lợi ích lớn như vậy, như *hệ lụy với các pháp thiện, không hệ lụy với các pháp bất thiện*. Này các Tỷ-kheo, hệ lụy với pháp thiện, không hệ lụy với pháp bất thiện, đưa đến lợi ích lớn.

17. Ta không thấy một pháp nào khác, *khiến diệu pháp bị lu mờ, biến mất như vậy, như phóng dật.* Này các Tỷ-kheo, phóng dật, đưa đến diệu pháp bị lu mờ và biến mất.

18. Ta không thấy một pháp nào khác, khiến diệu pháp được an trú, không bị lu mờ, không bị biến mất như vậy, như *không phóng dật*. Này các Tỷ-kheo, không phóng dật, đưa đến diệu pháp được an trú, không bị lu mờ, không bị biến mất.

19. (Như số 17, chỉ thế vào *biếng nhác*)...

20. (Như số 18, chỉ thế vào *tinh cần tinh tấn*)...

21-32 (Như trên, chỉ tuần tự thế vào các pháp như sau: *dục lớn, dục ít, không biết vừa đủ, biết vừa đủ, không như lý tác ý, như lý tác ý, không tỉnh giác, tỉnh giác, làm bạn với ác, làm bạn với thiện, hệ lụy với pháp bất thiện, không hệ lụy với pháp thiện, hệ lụy với pháp thiện, không hệ lụy với pháp bất thiện*).

52 PHẨM PHÓNG DẬT - Tăng I, 33

PHẨM PHÓNG DẬT – *Tăng* I, 33

1-17.

1. Ít có giá trị, là những tăng trưởng này, tức là tăng trưởng danh vọng. Này các Tỷ-kheo, *cái này là tối thượng giữa các tăng trưởng, tức là tăng trưởng trí tuệ*.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Tôi sẽ làm tăng trưởng sự tăng trưởng trí tuệ". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

2. Ta không thấy một pháp nào khác có thể đưa đến bất lợi lớn, như là *phóng dật*. Này các Tỷ-kheo, phóng dật đưa đến bất lợi lớn.

3. Ta không thấy một pháp nào khác, có thể đưa đến lợi ích lớn, như là *không phóng dật*. Này các Tỷ-kheo, không phóng dật đưa đến lợi ích lớn.

4. (Như số 2, chỉ thế vào như là *biếng nhác*)....

5. (Như số 3, chỉ thế vào *tinh cần tinh tấn*)...

6. (Như số 2, chỉ thế vào như là *nhiều dục*)...

7. (Như số 3, chỉ thế vào như là *ít dục*)...

8. (Như số 2, chỉ thế vào như là *không biết đủ*)...

9. (Như số 3, chỉ thế vào như là *biết đủ*)...

10. Như số 2, chỉ thế vào như là *không như lý tác ý*)...

11. (Như số 3, chỉ thế vào như là *như lý tác ý*)...

12. (Như số 2, chỉ thế vào như là *không tỉnh giác*)...

13. (Như số 3, chỉ thế vào như là *tỉnh giác*)...

14. Như số 2, chỉ thế vào như là *làm bạn với ác*)...

15. Như số 3, chỉ thế vào như là *làm bạn với thiện*)...

16. Ta không thấy một pháp nào khác, có thể đưa đến bất lợi lớn như là *hệ lụy với các pháp bất thiện, không hệ lụy với các pháp thiện*. Này các Tỷ-kheo, hệ lụy với các pháp bất thiện, không hệ lụy với các pháp thiện, đưa đến bất lợi lớn.

17. Ta không thấy một pháp nào khác, đưa đến lợi ích lớn, như là *hệ lụy với các pháp thiện, không hệ lụy với các pháp bất thiện*. Này các Tỷ-kheo, hệ lụy các pháp thiện, không hệ lụy với các pháp bất thiện đưa đến lợi ích lớn.

53 PHẨM PHẪN NỘ - Tăng I, 172

PHẨM PHẪN NỘ – *Tăng* I, 172

1-100.

1. - Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này. Thế nào là hai?

- Phẫn nộ và hiềm hận. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp (Như trên đối với các pháp sau đây:)
- Giả dối và não hại.
- Tật đố và xan lẫn.
- Man trá và phản trắc.
- Không tàm và không quý.
- Không phẫn nộ và không hiềm hận.
- Không giả dối và không não hại.
- Không tật đố và không xan tham.
- Không man trá và không phản trắc.
- Tàm và quý.

11. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, phải sống trong đau khổ. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận.

- Giả dối và não hại.
- Tật đố và xan tham.
- Man trá và phản trắc.

- Không tàm và không quý.

Thành tựu hai pháp này, phải sống trong đau khổ.

16. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, được sống trong an lạc. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận.

- Không giả dối và không não hại.
- Không tật đố và không xan lẫn.
- Không man trá và không phản trắc.
- Tàm và quý.

Thành tựu hai pháp này, được sống trong an lạc.

21. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến đọa lạc cho vị Tỷ-kheo hữu học. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận.

- Giả dối và não hại.
- Tật đố và xan lẫn.
- Man trá và phản trắc.
- Không tàm và không quý.

Thành tựu hai pháp này, đưa đến đọa lạc cho vị Tỷ-kheo hữu học.

26. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự đọa lạc cho vị Tỷ-kheo hữu học. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận.

- Không giả dối và không não hại
- Không tật đố và không xan lẫn

- Không man trá và không phản trắc
- Tàm và quý

Thành tựu hai pháp này, không đưa đến đọa lạc cho vị Tỷ-kheo hữu học.

31-35. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy bị quăng vào địa ngục tương xứng. Thế nào là hai?

- Phẫn nộ và hiềm hận … Không tàm và không quý.

Thành tựu hai pháp này, như vậy bị quăng vào địa ngục tương xứng.

36-40. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy được sanh lên chư Thiên tương xứng. Thế nào là hai?

- Không phẫn nộ và không hiềm hận … Tàm và quý.

Thành tựu hai pháp này, như vậy được sanh lên chư Thiên tương xứng.

41-45. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là hai?

- Phẫn nộ và hiềm hận … Không tàm và không quý.

Thành tựu hai pháp này, ở đây, có người sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

46-50. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi Thiện, cõi Trời, cõi đời này. Thế nào là hai?

- Không phẫn nộ và không hiềm hận … Tàm và quý.

Thành tựu hai pháp này, ở đây, có người sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi Thiện, cõi Trời, cõi đời này.

51-55. Thành tựu hai bất thiện pháp này …

56-60. Thành tựu hai thiện pháp này …

61-65. Thành tựu hai pháp có tội này …

66-70. Thành tựu hai pháp không có tội này …

71-75. Thành tựu hai pháp tăng khổ này …

76-80. Thành tựu hai pháp tăng lạc này …

81-85. Thành tựu hai pháp với quả dị thục là khổ này …

86-90. Thành tựu hai pháp với quả dị thục là lạc này …

91-95. Thành tựu hai pháp não hại này …

96-100. Thành tựu hai pháp không não hại này …

(mỗi lần là năm pháp như trên, bất thiện pháp và thiện pháp) …

54 PHẨM THIỀN ĐỊNH - Tăng I, 88

PHẨM THIỀN ĐỊNH – *Tăng* I, 88

1-70.

1. - Như một ai, này các Tỷ-kheo, với tâm biến mãn cùng khắp biển lớn, có thể bao gồm tất cả các con sống bé nhỏ đổ vào biển cả. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai tu tập, làm cho sung mãn **Thân hành niệm**, cũng bao gồm tất cả thiện pháp, gồm những pháp thuộc về **Minh phần**.

2-8. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn, lợi ích lớn, an ổn lớn khỏi các khổ ách, chánh niệm tỉnh giác, đưa đến chứng đắc tri kiến, đưa đến hiện tại lạc trú, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát. Một pháp ấy là gì? **Chính là thân hành niệm.** Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn … đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát.

9-12. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, thân được khinh an, tâm được khinh an, tầm tứ được tịnh chỉ, toàn bộ các pháp thuộc về minh phần đi đến tu tập, làm cho viên

mãn. Một pháp ấy là gì? Chính là **thân hành niệm**. Khi tu tập, làm cho sung mãn một pháp này, thân được khinh an, tâm được khinh an, tầm và tứ được chỉ tịnh, toàn bộ các pháp thuộc về minh phần đi đến tu tập, được làm cho viên mãn.

13. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh bị đoạn tận. Một pháp ấy là gì? Chính là **thân hành niệm.** Khi tu tập, khi làm cho sung mãn một pháp này, này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh … bị đoạn tận.

14-15. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh, đưa đến tăng trưởng, quảng đại. Một pháp ấy là gì? Chính là **thân hành niệm.** Khi tu tập, khi làm cho sung mãn một pháp này, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh … đưa đến tăng trưởng, quảng đại.

16-21. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, vô minh được đoạn tận, minh sanh khởi, ngã mạn được đoạn tận, các tùy miên được nhổ sạch, các kiết sử bị đoạn tận. Một pháp ấy là gì? Chính là **thân hành niệm**. Khi một

pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, vô minh bị đoạn tận… các kiết sử bị đoạn tận.

22-23. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự phân tích của trí tuệ, đưa đến Niết-bàn không có chấp thủ. Một pháp ấy là gì? Chính là **thân hành niệm**. Khi một pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự phân tích… không có chấp thủ.

24-26. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự thông đạt của nhiều giới, sự thông đạt của nhiều giới sai biệt, sự vô ngại giải của nhiều giới. Một pháp ấy là gì? Chính là **thân hành niệm**. Khi một pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự thông đạt … sự vô ngại giải của nhiều giới.

27-30. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự lưu, đưa đến sự chứng ngộ quả Nhất lai, đưa đến sự chứng ngộ quả Bất lai, đưa đến sự chứng ngộ quả A-la-hán. Một pháp ấy là gì? **Chính là thân hành niệm**. Khi một pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự lưu … quả A-la-hán.

31-46. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng đắc trí tuệ, đưa đến sự tăng trưởng trí tuệ, đưa đến quảng đại trí tuệ, đưa đến đại trí tuệ, đưa đến trí tuệ rộng rãi, đưa đến quảng đại trí tuệ, đưa đến thâm sâu trí tuệ, đưa đến vô song trí tuệ, đưa đến vô hạn trí tuệ, đưa đến nhiều trí tuệ, đưa đến trí tuệ nhanh lẹ, đưa đến trí tuệ nhẹ nhàng, đưa đến trí tuệ hoan hỷ, đưa đến trí tuệ tốc hành, đưa đến trí tuệ sắc sảo, đưa đến trí tuệ thể nhập. Một pháp ấy là gì? **Chính là thân hành niệm**. Khi một pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng đắc trí tuệ… đưa đưa đến trí tuệ thể nhập.

47-48. Những vị này không hưởng được **bất tử**, này các Tỷ-kheo, là những vị không thực hiện thân hành niệm. Những vị này hưởng được bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị thực hiện thân hành niệm.

49-50. Những vị này không chia sẻ **bất tử,** này các Tỷ-kheo, là những vị không chia sẻ thân hành niệm. Những vị này chia sẻ bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị chia sẻ **thân hành niệm.**

51-52. *Bất tử bị đoạn tận*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai đoạn tận thân hành niệm. Bất tử không bị

đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không đoạn tận thân hành niệm.

53-54. *Bất tử bị khiếm khuyết*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai khiếm khuyết thân hành niệm. Bất tử được viên thành, này các Tỷ-kheo, đối với những ai viên thành thân hành niệm.

55-56. *Bất tử bị xao lãng bỏ phế*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai bỏ phế thân hành niệm. Bất tử không bị xao lãng bỏ phế, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không bỏ phế thân hành niệm.

57-58. *Bất tử bị vong thất*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai vong thất thân hành niệm. Bất tử không bị vong thất, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không vong thất **thân hành niệm.**

59-60. *Bất tử không được thực hiện*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không thực hiện thân hành niệm. Bất tử được thực hiện, này các Tỷ-kheo, đối với những ai thực hiện thân hành niệm.

61-62. *Bất tử không được tu tập,* này các Tỷ-kheo, đối với những ai không tu tập thân hành niệm. Bất tử được tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với những ai tu tập thân hành niệm.

63-64. *Bất tử không được làm cho sung mãn*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không làm cho sung mãn thân hành niệm. Bất tử được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đối với những ai làm cho sung mãn thân hành niệm.

65-66. *Bất tử không được thắng tri*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không thắng tri thân hành niệm. Bất tử được thắng tri, này các Tỷ-kheo, đối với những ai thắng tri thân hành niệm.

67-68. *Bất tử không được liễu tri*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không liễu tri thân hành niệm. Bất tử được liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với những ai liễu tri thân hành niệm.

69-70. *Bất tử không được chứng ngộ*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không chứng ngộ thân hành niệm. Bất tử được chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với những ai chứng ngộ thân hành niệm.

Thế Tôn thuyết như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

55 PHẨM THỨ MƯỜI BẢY - Tăng I, 177

PHẨM THỨ MƯỜI BẢY – *Tăng* I, 177

1. Do thấy hai lợi ích này, Như Lai chế lập học giới cho các đệ tử. Thế nào là hai?

- Cực thiện cho Tăng chúng và an lạc cho Tăng chúng …
- Chế ngự các người ác và lạc thú cho thuần tịnh Tỷ-Kheo …
- Sự phòng hộ các lậu hoặc, các oán thù, các tội phạm, các sợ hãi, các pháp bất thiện ngay trong hiện tại và sự ngăn chận các lậu hoặc, các oán thù, các tội phạm, các sợ hãi, các pháp bất thiện trong tương lai …
- Lòng từ mẫn đối với các gia chủ và đoạn tuyệt các thành phần ác dục …
- Đem lại tín tâm cho kẻ bất tín và làm trăng trưởng những kẻ có tín tâm …
- Cho diệu pháp được an trú và để hộ trì giới luật.

Do duyên hai lợi ích này, Như Lai chế lập học giới cho các đệ tử.

---

2. Do duyên hai lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Như Lai chế lập giới bổn cho các đệ tử (như số 1 ở trên) … tụng đọc giới bổn … đình chỉ giới bổn … tự tứ … đình chỉ tự tứ … sở tác cần phải quở trách … sở tác cần phải y chỉ… sở tác cần phải tẩn xuất …sở tác cần phải xin lỗi....sở tác cần phải ngưng chức....cho phép biệt trú … bắt làm lại từ đầu …, cho phép làm … được phục hồi địa vị cũ … được phục chức … cần phải xuất ly … cụ túc … bạch yết-ma (lần đầu tiên) đưa ra biểu quyết lần thứ nhất … đưa ra biểu quyết lần thứ hai … đưa ra biểu quyết lần thứ tư … điều chưa được chế lập … thay đổi điều đã được chế lập … giải quyết với sự hiện diện của hai phe liên hệ … giải quyết theo ức niệm của đương sự phạm tội … giải quyết sau khi đương sự khỏi điên loạn....giải quyết theo sự chấp thuận của đương sự....giải quyết theo số đông....giải quyết tùy theo đương sự phạm tội....giải quyết như trải cỏ ra.

Thế nào là hai?

- ➥ Cực thiện cho Tăng chúng và an lạc cho Tăng chúng
- ➥ … chế ngự các người ác và lạc trú cho thuần tịnh Tỷ-kheo …
- ➥ Cho diệu pháp được an trú và để hộ trì giới luật.

Do duyên hai lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Như Lai đã chế lập … như trải cỏ ra cho các đệ tử.

---

3. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập.

4. Để biến tri tham, này các Tỷ-kheo, … để biến tận, để đoạn tận, để trừ diệt, để biến diệt, để ly tham, để đoạn diệt, để xả bỏ, để từ bỏ tham, hai pháp này cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán …

5. Để thắng tri … để biến tri sân, si, phẫn nộ, hiềm hận, giả dối, não hại, tật đố, xan tham, man trá, phản trắc, cứng đầu, cuồng nhiệt, mạn, quá mạn, kiêu căng, phóng dật,....để biến tận, để đoạn tận, để trừ diệt, để biết diệt, để ly tham, để đoạn diệt, để xả bỏ, để từ bỏ sân … phóng dật, hai pháp này cần phải tu tập. Thế nào là hai? **Chỉ và quán** … hai pháp này cần phải tu tập.

56 PHẨM TƯỚNG - Tăng I, 152

PHẨM TƯỚNG – *Tăng* I, 152

1. Này các Tỷ-kheo, các pháp **ác, bất thiện** khởi lên *có tướng, không phải không có tướng*. **Do đoạn tận chính tướng ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy, không có mặt.**

2. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có nhân duyên, không phải không có nhân duyên. Do đoạn tận chính nhân duyên ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy, không có mặt.

3. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có nhân, không phải không có nhân. Do đoạn tận chính nhân ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy, không có mặt.

4. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có các hành, không phải không có hành. Do đoạn tận chính các hành ấy, như vậy, các pháp ác, bất thiện ấy, không có mặt.

5. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có duyên, không phải không có duyên. Do đoạn tận chính duyên ấy, các pháp ác, bất thiện ấy, không có mặt.

6-9. … có sắc, không phải không có sắc

… có thọ, không phải không có thọ

… có tưởng, không phải không có tưởng

… có thức, không phải không có thức …

10. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có sở duyên hữu vi, không phải không có sở duyên hữu vi. **Do đoạn tận hữu vi ấy, như vậy, các pháp ác bất thiện ấy, không có mặt.**

57 PHẪN NỘ - Tăng I, 172

PHẨM PHẪN NỘ – *Tăng* I, 172

1-100.

1. - Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này. Thế nào là hai?

- Phẫn nộ và hiềm hận. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp (Như trên đối với các pháp sau đây:)
- Giả dối và não hại.
- Tật đố và xan lẫn.
- Man trá và phản trắc.
- Không tàm và không quý.
- Không phẫn nộ và không hiềm hận.
- Không giả dối và không não hại.
- Không tật đố và không xan tham.
- Không man trá và không phản trắc.
- Tàm và quý.

11. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, phải sống trong đau khổ. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận.

- Giả dối và não hại.
- Tật đố và xan tham.
- Man trá và phản trắc.

- Không tàm và không quý.

Thành tựu hai pháp này, phải sống trong đau khổ.

16. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, được sống trong an lạc. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận.

- Không giả dối và không não hại.
- Không tật đố và không xan lẫn.
- Không man trá và không phản trắc.
- Tàm và quý.

Thành tựu hai pháp này, được sống trong an lạc.

21. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến đọa lạc cho vị Tỷ-kheo hữu học. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận.

- Giả dối và não hại.
- Tật đố và xan lẫn.
- Man trá và phản trắc.
- Không tàm và không quý.

Thành tựu hai pháp này, đưa đến đọa lạc cho vị Tỷ-kheo hữu học.

26. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự đọa lạc cho vị Tỷ-kheo hữu học. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận.

- Không giả dối và không não hại
- Không tật đố và không xan lẫn

- Không man trá và không phản trắc
- Tàm và quý

Thành tựu hai pháp này, không đưa đến đọa lạc cho vị Tỷ-kheo hữu học.

31-35. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy bị quăng vào địa ngục tương xứng. Thế nào là hai?

- Phẫn nộ và hiềm hận … Không tàm và không quý.

Thành tựu hai pháp này, như vậy bị quăng vào địa ngục tương xứng.

36-40. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy được sanh lên chư Thiên tương xứng. Thế nào là hai?

- Không phẫn nộ và không hiềm hận … Tàm và quý.

Thành tựu hai pháp này, như vậy được sanh lên chư Thiên tương xứng.

41-45. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là hai?

- Phẫn nộ và hiềm hận … Không tàm và không quý.

Thành tựu hai pháp này, ở đây, có người sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

46-50. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi Thiện, cõi Trời, cõi đời này. Thế nào là hai?

- Không phẫn nộ và không hiềm hận … Tàm và quý.

Thành tựu hai pháp này, ở đây, có người sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi Thiện, cõi Trời, cõi đời này.

51-55. Thành tựu hai bất thiện pháp này …

56-60. Thành tựu hai thiện pháp này …

61-65. Thành tựu hai pháp có tội này …

66-70. Thành tựu hai pháp không có tội này …

71-75. Thành tựu hai pháp tăng khổ này …

76-80. Thành tựu hai pháp tăng lạc này …

81-85. Thành tựu hai pháp với quả dị thục là khổ này …

86-90. Thành tựu hai pháp với quả dị thục là lạc này …

91-95. Thành tựu hai pháp não hại này …

96-100. Thành tựu hai pháp không não hại này …

(mỗi lần là năm pháp như trên, bất thiện pháp và thiện pháp) …

58 PHẪN NỘ 1 - Tăng I, 638

PHẪN NỘ 1 – *Tăng* I, 638

1. Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Kính trọng phẫn nộ, không kính trọng diệu pháp;
- Kính trọng gièm pha, không kính trọng diệu pháp;
- Kính trọng lợi dưỡng, không kính trọng diệu pháp;
- Kính trọng cung kính, không kính trọng diệu pháp.

Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

2. Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Kính trọng diệu pháp, không kính trọng phẫn nộ;
- Kính trọng diệu pháp, không kính trọng gièm pha;

- Kính trọng diệu pháp, không kính trọng lợi dưỡng;
- Kính trọng diệu pháp, không kính trọng cung kính.

Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

3. Các Tỷ-kheo kính trọng,
Phẫn nộ và gièm pha,
Kính trọng các lợi dưỡng,
Kính trọng sự cung kính,
Vị ấy không lớn mạnh,
Trong pháp đức Phật thuyết.

Ai hiện sống, đã sống,
Kính trọng Chánh diệu pháp,
Các vị ấy lớn mạnh
Trong pháp đức Phật thuyết.

59 POTALIYA - Tăng I, 742

POTALIYA – *Tăng* I, 742

1. Rồi du sĩ Potaliya đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hưu, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với du sĩ Potaliya đang ngồi một bên:

2. - Này Potaliya, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Ở đây, này Potaliya, có hạng người nói lời không tán thán đối với người không đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; không nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.
- Ở đây, này Potaliya, có hạng người nói lên lời tán thán hạng người đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; không nói lời tán thán đối với hạng người

đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.

- Ở đây, này Potaliya, có hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; và nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.

3. *Này Potaliya, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Này Potaliya, trong bốn hạng người này hạng người nào Ông chấp nhận là vi diệu hơn, thù thắng hơn?*

- Thưa Tôn giả Gotama, có bốn hạng người này, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, có hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán ... không nói lời tán thán đối với người xứng đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.
- Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, có hạng người nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán ... không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.
- Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, có hạng người không nói lời không tán thán đối với hạng

người không đáng được tán thán ... không nói lời tán thán đối với hạng người được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.

- Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, có hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.

Thưa Tôn giả Gotama, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Trong bốn hạng người này, thưa Tôn giả Gotama, hạng người này không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; không nói lời tán thán đối với hạng người xứng đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời, hạng người này đối với tôi đáng được chấp nhận là vi diệu hơn, thù thắng hơn trong bốn hạng người trên. Vì cớ sao? Thưa Tôn giả Gotama, thật là vi diệu tức là xả này.

4. - Này Potaliya, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? ... Này Potaliya, có bốn hạng người này ... ở trong đời. Này Potaliya, trong bốn hạng người này, này Potaliya, hạng người này, nói lời không tán thán đối với hạng người không

đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời, hạng người này vi diệu hơn, thù thắng hơn, đối với bốn hạng người trên. Vì cớ sao? Này Potaliya, thật là vi diệu, tức là tại đây, tại đây rõ biết đúng thời.

5. - Thưa Tôn giả Gotama, có bốn hạng người ... hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? ... Thưa Tôn giả Gotama, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Trong bốn hạng người này, thưa Tôn giả Gotama, hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng tán thán ... nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; hạng người này, tôi chấp nhận là vi diệu hơn, thù thắng hơn bốn hạng người trên. Vì cớ sao? Thưa Tôn giả Gotama, thật là vi diệu tức là tại đây, tại đây rõ biết đúng thời.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống ... để cho người có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama tuyên thuyết với nhiều pháp môn. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama ... từ nay cho đến trọn đời, con xin quy ngưỡng.

60 POTALIYA - 54 Trung II, 51

KINH POTALIYA

(Potaliya suttam)

– Bài kinh số 54 – *Trung* II, 51

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Anguttarapa. Apana là một thị trấn của Anguttarapa. Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Apana để khất thực. Sau khi đi khất thực, ăn xong, trên con đường khất thực trở về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào khu rừng ấy, Ngài ngồi dưới một gốc cây. Gia chủ Potaliya, toàn thân mặc đồ đầy đủ, mang dù, đi dép, ngao du tản bộ khắp mọi nơi, và đi đến khu rừng ấy. Sau khi đi sâu vào (khu rừng), gia chủ Potaliya, đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời hỏi thăm, sau khi nói lên những lời hỏi thăm, thân hữu rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với Gia chủ Potaliya đang đứng một bên:

– Này Gia chủ, có các chỗ ngồi. Nếu Ông muốn, hãy ngồi xuống.

Nghe nói vậy, gia chủ Potaliya nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama gọi ta với danh từ Gia chủ", nên phẫn nộ không hoan hỷ và đứng im. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Gia chủ Potaliya:

– Này Gia chủ, có các chỗ ngồi. Nếu Ông muốn, hãy ngồi xuống.

Lần thứ hai, gia chủ Potaliya nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama gọi ta với danh từ Gia chủ", nên phẫn nộ, không hoan hỷ và đứng im. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với gia chủ Potaliya:

– Này Gia chủ, có các chỗ ngồi. Nếu Ông muốn, hãy ngồi xuống.

Nghe nói vậy, gia chủ Potaliya nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama gọi ta với danh từ Gia chủ", nên phẫn nộ, không hoan hỷ, nói với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, thật không thích đáng, không hợp lẽ, Tôn giả gọi tôi là Gia chủ.

– Này Gia chủ, nhưng hình dung của Ông, tướng mạo của ông, hình tướng của Ông giống như một gia chủ.

– Nhưng Tôn giả Gotama, tất cả nghiệp vụ đã

được tôi từ bỏ, tất cả tục sự đã được tôi đoạn tận.

– Nhưng này Gia chủ, như thế nào tất cả nghiệp vụ đã được Ông từ bỏ, tất cả tục sự đã được Ông đoạn tận?

– Ở đây, này Tôn giả Gotama, tài sản, ngũ cốc, hay vàng bạc, tất cả đều giao cho các con tôi thừa hưởng. Ở đây, tôi không khuyên bảo, tôi không can gián; tôi sống với tối thiểu đồ ăn, đồ mặc. Như vậy, này Tôn giả Gotama, tất cả nghiệp vụ được tôi từ bỏ, tất cả tục sự được tôi đoạn tận.

– Này Gia chủ, sự đoạn tận các tục sự mà Ông nói khác với sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh.

– Bạch Thế Tôn, như thế nào là sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh? Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho tôi về sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh.

– Này Gia chủ, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Gia chủ Potaliya vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn

thuyết giảng như sau:

☞ **Này Gia chủ, tám pháp này đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc Thánh.**

Thế nào là tám?

– Y cứ không sát sanh, sát sanh cần phải từ bỏ.
– Y cứ không lấy của không cho, lấy của không cho cần phải từ bỏ.
– Y cứ lời chân thật, nói láo cần phải từ bỏ.
– Y cứ không nói hai lưỡi, nói hai lưỡi cần phải từ bỏ.
– Y cứ không tham dục, tham dục cần phải từ bỏ.
– Y cứ không hủy báng sân hận, hủy báng sân hận cần phải từ bỏ.
– Y cứ không phẫn não, phẫn não cần phải từ bỏ.
– Y cứ không quá mạn, quá mạn cần phải từ bỏ.

Này Gia chủ, tám pháp này được nói một cách vắn tắt, không được giải thích rộng rãi, đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc Thánh.

– Bạch Thế Tôn tám pháp này được Thế Tôn nói một cách vắn tắt, không được giải thích rộng rãi, đưa

đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc Thánh. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn vì lòng thương tưởng, giải thích rộng rãi tám pháp này.

– Này Gia chủ, vậy Ông hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Gia chủ Potaliya vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

- *Khi được nói: "Y cứ không sát sanh, sát sanh cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**:

– "Do nhơn những kiết sử nào ta có thể sát sanh, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ của các kiết sử ấy.

– Nếu ta sát sanh, không những ta tự trách mắng ta vì duyên sát sanh, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên sát sanh; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên sát sanh.

– Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự sát sanh này.

⇨ *Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não nào có thể khởi lên, do duyên sát sanh, đối với vị đã từ bỏ sát sanh**, những lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa***". "Y cứ không sát sanh cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

➢ *Khi được nói: "Y cứ không lấy của không cho, lấy của không cho cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**: "Do nhơn những kiết sử nào ta có thể lấy của không cho, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta lấy của không cho, không những ta tự trách mắng ta vì duyên lấy của không cho, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên lấy của không cho; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên lấy của không cho. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự lấy của không cho này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não nào có thể khởi lên do duyên lấy của không cho, đối với vị đã từ bỏ lấy của không cho, những lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa". "Y cứ không lấy của không cho, lấy của không cho

cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

- *Khi được nói: "Y cứ lời chân thật, nói láo cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**: "Do nhơn những kiết sử nào, ta có thể nói láo, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta nói láo, không những ta tự trách mắng ta vì duyên nói láo, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên nói láo; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên nói láo. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính nói láo này. Những lậu hoặc phiền lao nhiệt não có thể khởi lên, do duyên nói láo, đối với vị đã từ bỏ nói láo, những lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa". "Y cứ lời chân thật nói láo cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

- *Khi được nói: "Y cứ không nói hai lưỡi, nói hai lưỡi cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**: "Do nhơn những kiết sử nào, ta có thể nói hai lưỡi, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử

ấy. Nếu ta nói hai lưỡi, không những ta tự trách mắng ta vì duyên nói hai lưỡi, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu cũng khiển trách ta vì duyên nói hai lưỡi, và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên nói hai lưỡi. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự nói hai lưỡi này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên nói hai lưỡi, đối với vị đã từ bỏ nói hai lưỡi, những lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa". "Y cứ không nói hai lưỡi, nói hai lưỡi cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

- *Khi được nói: "Y cứ không tham dục, tham dục cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**: "Do nhơn những kiết sử nào, ta có thể có tham dục, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta tham dục, không những ta tự trách mắng ta vì duyên tham dục, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu cũng khiển trách ta vì duyên tham dục; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên tham dục. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự tham dục này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên tham dục, đối với vị đã từ bỏ tham dục, các lậu hoặc phiền lao nhiệt

não như vậy không còn nữa". "Y cứ không tham dục, tham dục cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

- *Khi được nói: "Y cứ không hủy báng sân hận, hủy báng sân hận cần được từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**: "Do nhơn những kiết sử nào ta có thể hủy báng sân hận, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta hủy báng sân hận, không những ta tự trách mắng ta vì duyên hủy báng, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng khiển trách ta vì duyên hủy báng sân hận; và sau khi thân hoại mạng chung ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên hủy báng sân hận. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự hủy báng sân hận này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên hủy báng sân hận, đối với vị đã từ bỏ hủy báng sân hận các lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa". "Y cứ không hủy báng sân hận, hủy báng sân hận cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

- *Khi được nói: "Y cứ không phẫn não, phẫn não cần được từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**: "Do nhơn những kiết sử nào ta có thể có phẫn não, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta có phẫn não, không những ta tự trách mắng ta vì duyên phẫn não, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng khiển trách ta vì duyên phẫn não; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên phẫn não. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự phẫn nào này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên phẫn não, đối với vị đã từ bỏ phẫn não, các lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa". "Y cứ không phẫn não, phẫn não cần được từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

- *Khi được nói: "Y cứ không quá mạn, quá mạn cần được từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**:

- "Do nhơn những kiết sử nào ta có quá mạn, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy.
- Nếu ta có quá mạn, không những ta tự trách mắng ta vì duyên quá mạn, các bậc có trí sau khi tìm hiểu, cũng khiển trách ta vì duyên quá mạn; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú

sẽ chờ đợi ta, vì duyên quá mạn.

– Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự quá mạn này.

⇨ Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên quá mạn, đối với vị đã từ bỏ quá mạn, **các lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa"**. "Y cứ không quá mạn, quá mạn cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

Này Gia chủ, tám pháp được nói lên vắn tắt và được giải thích rộng rãi này, đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc Thánh, **nhưng thật sự chưa phải là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật bậc Thánh.**

– Bạch Thế Tôn, như thế nào là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật bậc Thánh? Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho con như thế nào là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ, toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật bậc Thánh.

– Này Gia chủ, vậy Ông hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Gia chủ Potaliya vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

☞ *Này Gia chủ, ví như có con chó đói lả, suy nhược, đi đến một lò thịt giết bò. Ở đây, có người giết bò thiện xảo hay người đệ tử quăng cho nó một khúc xương, khéo lóc, tận lóc, không có thịt, chỉ có dính máu.*

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Con chó ấy, khi gặm khúc xương ấy, khéo lóc, tận lóc, không có thịt, chỉ có dính máu có thể đoạn trừ được đói lả suy nhược của nó không?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Với khúc xương khéo lóc, tận lóc, không có thịt, chỉ có dính máu ấy, bạch Thế Tôn, con chó kia chỉ có mệt nhọc khốn khổ mà thôi.

– Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: ***"Thế Tôn đã nói, dục được ví như khúc xương, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn"***. Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhất chủng, ở đây, mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vị ấy tu tập loại xả như vậy.

☞ *Này Gia chủ, ví như con chim kên, con chim diều hâu, hay con chim ưng giành được miếng thịt liền bay bổng lên; các con chim kên khác, chim diều hâu khác, hay chim ưng khác bay đuổi theo, đuổi sát theo giành giựt xé nát miếng thịt ấy.*

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Nếu con chim kên, chim diều hâu hay chim ưng ấy không vứt bỏ ngay miếng thịt ấy, nó có thể do nhân duyên ấy, đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được ví như miếng thịt, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy, với chánh trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhứt chủng, ở đây mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vị ấy tu tập loại xả như vậy.

☞ *Này Gia chủ, ví như một người cầm một bó đuốc cỏ đang cháy rực đi ngược gió.*

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào, nếu người ấy không vứt bỏ ngay bó đuốc ấy, bó đuốc cỏ đang cháy

rực ấy có thể đốt cháy tay, hay đốt cháy cánh tay, hay đốt cháy một thân phần của người ấy, người ấy có thể do nhân duyên ấy, đi đến chết, hay đi đến khổ gần như chết không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được ví như bó đuốc cỏ, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy... (như trên)... với chánh trí tuệ, vị ấy tu tập loại xả như vậy.

☞ *Này Gia chủ, ví như một hố than hừng, sâu hơn thân người, đầy những than hừng, cháy không thành ngọn, cháy không thành khói, và một người đi đến muốn sống, muốn không chết, muốn lạc, né tránh khổ. Nhưng có hai nhà lực sĩ, nắm chặt hai cánh tay người ấy và lôi người ấy đến hố than hừng.*

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có co rúm thân, vật qua vật lại phía này phía kia không?

– Bạch Thế Tôn, có. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì người ấy biết: "Nếu ta rơi vào hố than hừng này, do nhân duyên này, ta sẽ đi đến chết hay đau khổ gần như chết.

– Cũng vậy, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được ví như hố than hừng, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ... (như trên)... vị ấy tu tập loại xả như vậy.

☞ *Này Gia chủ, ví như có người nằm mộng, thấy vườn khả ái, rừng núi khả ái, đất đai khả ái, ao hồ khả ái; khi tỉnh dậy, người ấy không thấy gì cả.*

Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được ví như một cơn mộng, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ,... (như trên)... vị ấy tu tập loại xả như vậy.

☞ *Này Gia chủ, ví như có người mượn tài vật cho mượn, xe cộ xứng đáng bậc sang trọng, các đồ châu báu trang sức mỹ diệu, và với những đồ vật vay mượn ấy, người ấy đi vào chợ phố, được (tôn trọng) đi trước, được nhiều người vây quanh, và quần chúng thấy người ấy bèn nói: "Người này thật sự giàu sang, và người giàu sang hưởng thọ tài vật như vậy". Nhưng những người chủ thấy người kia ở chỗ nào liền lấy lui những vật sở hữu của mình.*

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Có phải sự (trá

hình) dị tính của người kia được chấm dứt ở đây?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì những người chủ lấy lui những vật sở hữu của mình.

– Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được ví như tài vật vay mượn, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ... (như trên)... vị ấy tu tập loại xả như vậy.

☞ *Này Gia chủ, ví như gần thôn làng hay gần thị tứ có một nhóm rừng, ở đấy, có một cây đầy những trái chín, nhưng không có trái nào rơi xuống đất. Rồi một người đi đến, ước mong trái cây, tìm cầu trái cây, đi khắp đó đây để tìm trái cây. Người ấy đi sâu vào ngôi rừng ấy, thấy cây ấy đầy những trái chín. Người ấy có thể nghĩ như sau: "Cây này đầy những trái chín nhưng không có trái nào rơi xuống đất, nhưng ta biết leo cây. Vậy ta hãy leo lên cây ấy ăn cho thỏa thích và bọc đầy áo (để đem về). Rồi người ấy leo lên cây ấy, ăn cho thỏa thích và bọc đầy áo (để đem về). Rồi một người thứ hai đi đến, ước mong trái cây, tìm cầu trái cây, đi khắp đó đây để tìm trái cây, và tay mang*

một búa sắc bén. Người này đi sâu vào ngôi rừng ấy, thấy cây ấy đầy những trái chín. Người này có thể nghĩ như sau: "Cây này đầy những trái chín, nhưng không có trái nào rơi xuống đất. Nhưng ta không biết leo cây. Vậy ta hãy chặt cây này tận gốc, ăn cho thỏa thích, và bọc đầy áo (để đem về)". Rồi người này chặt cây ấy tận gốc.

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Nếu người kia không leo xuống thật mau, thời cây ấy khi rơi đổ xuống, sẽ làm cho người thứ nhất, hoặc bị gãy tay, hoặc bị gãy chân, hoặc bị gãy một phần thân nào. Và do nhân duyên ấy, sẽ bị chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được ví như cây có trái, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy với trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhứt chủng, **ở đây mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vị ấy tu tập loại xả như vậy**.

– Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử ấy, sau khi **thành tựu Xả niệm thanh tịnh vô thượng** này, nhớ đến các đời sống trước, như một đời, hai đời, ba đời... (như trên)... Vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

– Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử ấy sau khi thành tựu xả niệm thanh tịnh vô thượng này, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh.. (như trên)... đều do hạnh nghiệp của chúng.

– Này Gia chủ vị Thánh đệ tử ấy, sau khi thành tựu xả niệm thanh tịnh vô thượng này, và với các lậu hoặc được đoạn trừ, vị này với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

⇨ **Này Gia chủ, cho đến như vậy là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả sự tục sự trong giới luật bậc Thánh.**

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ông có thấy ở nơi Ông một sự đoạn tận tục sự như vậy, giống như sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục

sự trong giới luật bậc Thánh?

– Bạch Thế Tôn, con là ai mà có thể có sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật bậc Thánh? Bạch Thế Tôn, con còn rất xa với sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt, tất cả tục sự trong giới luật bậc Thánh.

Bạch Thế Tôn, xưa kia, đối với các vị Du sĩ không phải thù thắng, chúng con xem là thù thắng; dầu họ không thù thắng, chúng con cúng dường các món ăn thù thắng; dầu họ không thù thắng, chúng con mời họ ở trong những trú xứ thù thắng, Bạch Thế Tôn, còn đối với các Tỷ-kheo thù thắng, chúng con xem là không thù thắng; dầu các vị ấy thù thắng, chúng con cúng dường các món ăn không thù thắng; dầu các vị ấy thù thắng, chúng con mời các vị ấy ở trong các trú xứ không thù thắng.

Nhưng nay, bạch Thế Tôn, đối với các Du sĩ không thù thắng, chúng con sẽ biết là không thù thắng; vì họ không thù thắng, chúng con sẽ cúng dường các món ăn không thù thắng,; vì họ không thù thắng chúng con sẽ mời họ ở trong các trú xứ không thù thắng. Còn đối với các Tỷ-kheo thù thắng, chúng con sẽ biết các vị ấy là thù thắng; vì các vị ấy thù thắng, chúng con sẽ cúng dường các món ăn thù

thắng; vì các vị ấy thù thắng, chúng con sẽ mời các vị ấy ở trong các trú xứ thù thắng. Bạch Thế Tôn,

Thế Tôn thật sự đã gợi ở nơi con lòng ái kính Sa-môn đối với các vị Sa-môn, lòng tịnh tín Sa-môn đối với các Sa-môn, lòng tôn kính Sa-môn đối với các Sa-môn.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử; từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

61 POTTHAPADA - 9 Trường I, 311

KINH POTTHAPADA
– Bài kinh số 9 – Trường I, 311

1. Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Sàvatthi (Xá-vệ), rừng Jetavana (Kỳ viên), vườn Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Potthapada (Bố-sá-bà-lâu) cùng với đại chúng du sĩ ngoại đạo khoảng ba trăm vị, ở tại vườn của hoàng hậu Mallika (Mạt-lê-viên) tên là Ekasàlaka có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận bàn về chánh kiến, tà kiến.

2. Lúc bấy giờ Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y cầm bát vào Sàvatthi khất thực. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi khất thực tại Sàvatthi, Ta hãy đi đến vườn của hoàng hậu Mallika tên là Ekasàlaka, có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận bàn chánh kiến, tà kiến, để gặp du sĩ ngoại đạo Potthapàda". Và Thế Tôn đi đến vườn của hoàng hậu Mallika, tên là Ekasàlaka, có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận về chánh kiến, tà kiến.

3. Lúc bấy giờ du sĩ ngoại đạo Potthapàda ngồi với đại chúng du sĩ ngoại đạo, đang ồn ào, la lối, lớn

tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm như câu chuyện về vua chúa; câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần; câu chuyện về binh lính; các câu chuyện về hãi hùng; câu chuyện về chiến tranh; câu chuyện về đồ ăn; câu chuyện về đồ uống; câu chuyện về đồ mặc; câu chuyện về giường nằm; câu chuyện về vòng hoa; câu chuyện về hương liệu; câu chuyện về bà con; câu chuyện về xe cộ; câu chuyện về làng xóm; câu chuyện về thị trấn; câu chuyện về thành phố; câu chuyện về quốc độ; câu chuyện về đàn bà; câu chuyện về đàn ông; câu chuyện về vị anh hùng; câu chuyện bên lề đường; câu chuyện tại chỗ lấy nước; câu chuyện về người đã chết; các câu chuyện tạp thoại; câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương; câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu.

4. Du sĩ ngoại đạo Potthapàda thấy Thế Tôn từ xa đến, liền khuyến cáo chúng của mình: "Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng, các Tôn giả hãy đừng làm ồn. Nay Sa-môn Gotama đang đến, Ngài ưa mến sự trầm lặng, vị Đại đức này tán thán sự trầm lặng. Nếu biết chúng này yên tịnh, Ngài có thể ghé đến đây". Nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo liền im lặng.

5. Rồi Thế Tôn đến du sĩ ngoại đạo Potthapàda. Và du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn: "Thiện lai

Thế Tôn! Hoan nghênh Thế Tôn! Đã lâu Thế Tôn không quá bộ đến đây. Mời Thế Tôn ngồi. Đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn".

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ ngoại đạo Potthapàda lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Potthapàda đã ngồi một bên: "Này Potthapàda, vấn đề gì các vị đang ngồi thảo luận? Vấn đề gì đang nói mà bị gián đoạn?"

6. Khi nghe nói vậy du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, hãy gác một bên câu chuyện chúng tôi đang ngồi bàn luận, bạch Thế Tôn, lát nữa Thế Tôn nghe lại cũng không khó khăn gì. Bạch Thế Tôn, thuở xưa xưa lắm, nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo tụ họp, ngồi hội thảo trong giảng đường nêu lên vấn đề sự diệt tận các tăng thượng tưởng. *"Này Tôn giả, tăng thượng tưởng diệt tận như thế nào?"* Một vài vị trả lời: "Không nhân, không duyên, các tưởng của con người sinh và diệt! Khi tưởng sanh con người có tưởng, khi tưởng diệt con người không có tưởng". Như vậy, một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng.

Về vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn

giả, tưởng là tự ngã của con người, chính tưởng ấy đến và đi. Khi tưởng ấy đến thì con người có tưởng, khi tưởng ấy đi thì con người không có tưởng". Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng.

Vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, có những Sa-môn, Bà-la-môn có đại thần thông và đại oai lực. Chính những vị này khiến tưởng nhập vào trong người và cũng kéo tưởng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tưởng nhập vào trong người, người ấy có tưởng, khi kéo tưởng ra ngoài, người ấy không có tưởng". Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng.

Về vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, có những vị thiên thần có đại thần thông, có đại oai lực, chính những vị này khiến tưởng nhập vào trong người và kéo tưởng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tưởng nhập vào trong người, người ấy có tưởng, khi kéo tưởng ra ngoài, người ấy không có tưởng". Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng. Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ con tưởng niệm đến Thế Tôn: "Mong Thế Tôn có mặt ở đây! Mong Thiện thệ có mặt ở đây! Ngài rất tinh

thông những pháp này. Chắc chắn Thế Tôn biết rõ sự diệt tận các tăng thượng tưởng". *Bạch Thế Tôn, sự diệt tận các tăng thượng tưởng như thế nào?*

7. Này Potthapàda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Không nhân, không duyên, các tưởng của con người sinh và diệt". Những vị này đã sai lạc ngay từ ban đầu. Vì sao vậy? Này Potthapàda, **chính vì có nhân, có duyên, các tưởng của con người sinh và diệt**. Chính do sự học tập, một loại tưởng sanh, chính do sự học tập, một loại tưởng diệt.

Và Thế Tôn nói:

- **Sự học tập ấy là gì?** Này Potthapàda, nay ở đời Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (như kinh Sa-môn Quả số 40-43 trừ đoạn kết của mỗi đoạn) thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ, hộ trì các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc. Này Potthapàda, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh đầy đủ? Ở đây này Potthapàda, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật ... (như kinh Sa-môn Quả số 43-62)... như dùng ảo thuật để yên ổn, để khỏi làm các điều đã

hứa... ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên... như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

8. Này Potthapàda, và như vậy Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Này Potthapàda, như một Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này Potthapàda, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ nội tâm không lỗi lầm. Như vậy, này Potthapàda, Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

9. ***Này Potthapàda, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?*** Này Potthapàda, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến

tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiệt hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm. Như vậy, này Potthapàda, Tỷ-kheo hộ trì các căn... (Như kinh Sa-môn Quả số 65-74)...

10. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan, nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tầm, với tứ. **Dục tưởng** xưa kia của vị ấy được diệt trừ, và khi **tưởng hỷ lạc vi diệu chân thật do ly dục sanh** khởi lên, vị ấy có tưởng hỷ lạc vi diệu chân thật, do ly dục sanh. Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: **"Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".**

11. Lại nữa, này Potthapàda, Tỷ-kheo diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú **thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tưởng hỷ lạc vi diệu chơn thật do ly dục sanh xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi **tưởng hỷ lạc vi diệu chơn thật do định sanh** khởi lên, vị ấy có tưởng hỷ lạc vi diệu chơn thật do định sanh. Như vậy

do học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: **"Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".**

12. "Lại nữa này Potthapàda, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "Xả niệm lạc trú", chứng và trú **thiền thứ ba**. Tưởng hỷ lạc chơn thật vi diệu do định sanh xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi **tưởng xả lạc** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng xả lạc vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên và cũng do học tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

13. Lại nữa này Potthapàda, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ, ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy xả lạc chơn thật vi diệu xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi **tưởng xả lạc, xả khổ** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng xả lạc, xả khổ vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập một tưởng khởi lên, cũng do học tập một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

14. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi sắc tưởng, với sự diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, với sự không tác ý đối với dị tưởng, Tỷ-kheo nghĩ

rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Như vậy sắc tưởng xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi **tưởng Không vô biên xứ** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng Không vô biên xứ vi diệu chơn thật. Như vậy do sự học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

15. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi Không vô biên xứ, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Thức là vô biên" chứng và trú Thức vô biên xứ. Như vậy tưởng Không vô biên xứ vi diệu chơn thật xưa kia của vị ấy được diệt trừ, và khi **tưởng Thức vô biên xứ** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng Thức vô biên xứ vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

16. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi Thức vô biên xứ, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Không có vật gì" chứng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy tưởng Thức vô biên xứ vi diệu chơn thật xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi **tưởng Vô sở hữu xứ** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng Vô sở hữu xứ vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tưởng khởi lên, cũng do học tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

17. Lại nữa này Potthapàda, ***khi Tỷ-kheo ở nơi đây tự mình khởi tưởng, vị này tiếp tục đi từ tưởng này đến tưởng khác cho đến tưởng tột đỉnh. Và vị này khi đứng tại tưởng tột đỉnh có thể nghĩ: "Tâm còn suy tưởng có hại cho ta, tâm không suy tưởng mới tốt cho ta. Nếu ta cứ tiếp tục suy tưởng, khi những tưởng này của ta diệt đi, các thô tưởng khác lại khởi lên, ta hãy đừng có suy tưởng". Do không có suy tưởng, các tưởng kia diệt tận và các thô tưởng khác không khởi lên, vị ấy cảm thọ sự diệt tận.*** Như vậy, này Potthapàda, là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tăng thượng tưởng.

18. Này Potthapàda, ngươi nghĩ thế nào? Trước đây ngươi đã nghe sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tăng thượng tưởng này không?

- Bạch Thế Tôn, con không có nghe. Bạch Thế Tôn, nhưng nay con hiểu lời nói của Thế Tôn.

- Này Potthapàda, khi Tỷ-kheo ở đây tự mình khởi tưởng, vị này tiếp tục đi từ tưởng này đến tưởng khác cho đến tưởng tột đỉnh. Và vị này, khi đứng tại tưởng tột đỉnh có thể nghĩ: "Tâm còn **suy tưởng**, có hại cho ta, tâm không suy tưởng mới tốt cho ta. Nếu ta cứ tiếp tục suy tưởng khi những tưởng này của ta diệt đi, các thô tưởng khác lại khởi lên. Vậy ta hãy

đừng có suy tưởng". Và vị này không có suy tưởng. Do không có suy tưởng, các tưởng kia diệt tận và các thô tưởng khác cũng không khởi lên. Vị ấy cảm thọ sự diệt tận. Như vậy này Potthapàda là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tăng thượng tưởng.

19. - *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chỉ nói đến một tưởng tuyệt đỉnh hay nhiều tưởng tuyệt đỉnh?*

- Này Potthapàda, Ta nói đến một tưởng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh.

- Bạch Thế Tôn, làm sao Thế Tôn nói đến một tưởng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh?

- Này Potthapàda, tùy theo vị ấy cảm thọ sự diệt tận (của một tưởng) sau một tưởng khác, vị ấy đạt tới nhiều tuyệt đỉnh sai khác, cái này tiếp theo cái kia cho đến tuyệt đỉnh cuối cùng mà Ta nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh. Này Potthapàda như vậy Ta nói đến một tưởng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh.

20. - *Bạch Thế Tôn, tưởng khởi trước, trí khởi sau; hay trí khởi trước tưởng khởi sau; hay tưởng và trí cùng khởi một lần không trước không sau?*

- Này Potthapàda, **tưởng khởi trước trí mới khởi sau, do tưởng sanh, trí mới sanh**. Vị ấy tuệ tri: "Do duyên tưởng, trí sanh ra nơi ta". Này Potthapàda, với lời dạy này cần phải hiểu tưởng sanh trước trí sanh sau, tưởng sanh trí mới sanh.

21. - *Bạch Thế Tôn, tưởng có phải là tự ngã của con người hay tưởng khác, tự ngã khác?*

- Này Potthapàda, ngươi hiểu tự ngã như thế nào?

- *Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành, và do đoàn thực nuôi dưỡng.*

- Này Potthapàda, nếu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, như vậy này Potthapàda, tưởng khác và tự ngã khác. Này Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu, tưởng khác và tự ngã khác. Này Potthapàda, giả sử tự ngã ấy là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, tuy vậy một vài tưởng khác của người ấy khởi lên, một vài tưởng khác diệt xuống. Này Potthapàda, với sự nhận thức này cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác.

22. - Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là do ý sở thành,

đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn.

- Này Potthapàda, nếu tự ngã là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, như vậy này Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác. Này Potthapàda, giả sử tự ngã ấy là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, tuy vậy một vài tưởng khác của người ấy khởi lên, một vài tưởng khác diệt xuống. Này Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác.

- Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là vô sắc, do tưởng sở thành.

23. - Này Potthapàda, nếu tự ngã là vô sắc, do tưởng sở thành, với sự nhận thức này Potthapàda, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác. Này Potthapàda, giả sử tự ngã là vô sắc, do tưởng sở thành, tuy vậy, một vài tưởng khác của người khởi lên, một vài tưởng khác diệt xuống. Này Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác.

24. - *Bạch Thế Tôn, con có thể hiểu được chăng "tưởng là tự ngã của người" hay "tưởng khác, tự ngã khác"?*

- Này Potthapàda, thật khó cho ngươi biết

được "tưởng là tự ngã của con người" hay "tưởng khác, tự ngã khác", vì ngươi có dị kiến, có tin tưởng khác, có lý tưởng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác.

25. - *Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con biết được "tưởng là tự ngã của con người", hay "tưởng khác, tự ngã khác" vì con có dị kiến khác, có tin tưởng khác, có lý tưởng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác, thời bạch Thế Tôn, thế giới có phải là thường còn không? Chỉ có quan niệm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, **Ta không trả lời**: "Thế giới là thường còn, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

- Này Potthapàda, Ta không trả lời: "Thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- Bạch Thế Tôn, có phải thế giới này là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

- Này Potthapàda, Ta không trả lời: "Thế giới là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, Ta không trả lời: Thế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

26. - *Bạch Thế Tôn, có phải sinh mạng và thân thể là một, chỉ có quan điểm này là đúng sự thật, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, **Ta không trả lời**: "Thân thể và sinh mạng là một, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải sinh mạng khác, thân thể khác? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, Ta không trả lời: "Sinh mạng khác, thân thể khác. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

27. - *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại sau khi chết? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, **Ta không trả lời**: "Như Lai tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết không? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, Ta không trả lời: "Như Lai không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, Ta không trả lời: "Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Này Potthapàda, **Ta không trả lời**: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

28. - *Bạch Thế Tôn,* ***vì sao Thế Tôn không trả lời?***

- Này Potthapàda, **câu hỏi này không thuộc về đích giải thoát**, không thuộc về Pháp, không thuộc căn bản của phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết bàn. Vì vậy, Ta không trả lời.

29. - *Bạch Thế Tôn,* ***vậy Thế Tôn trả lời những gì?***

- Này Potthapàda, **Ta trả lời: "Đây là khổ".** Ta trả lời: "Đây là khổ tập". "Ta trả lời: "Đây là khổ diệt". Ta trả lời: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt".

30. - *Bạch Thế Tôn,* ***vì sao Thế Tôn trả lời?***

- Này Potthapàda, câu hỏi này thuộc về đích giải thoát, thuộc về Pháp, thuộc căn bản của phạm hạnh, đưa đến yểm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết bàn. Vì vậy Ta trả lời.

- Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ, như vậy là phải. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Ngài làm gì Ngài xem là phải làm.

Và Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

31. Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu, những du sĩ ngoại đạo ấy liền bao vây xung quanh du sĩ ngoại đạo Potthapàda và tuôn ra những lời nói mỉa mai gay gắt: *"Potthapàda này là như vậy, những gì Sa-môn Gotama nói đều được Potthapàda tán thành: "Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ như vậy là phải"*. Chúng tôi không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", "hay Như Lai có tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết".

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Potthapàda nói với các du sĩ ngoại đạo kia:

- Này các Tôn giả, tôi cũng không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn

đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". Sa-môn Gotama đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc. Và khi một vị tuyên bố một phương pháp như thực, chân chánh, chân thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại không tán thành?

32. Hai ba ngày sau, Citta Hatthisàriputta và du sĩ ngoại đạo Potthapàda đi đến chỗ Thế Tôn. Khi đi đến nơi, Citta Hatthisàriputta đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên, còn du sĩ ngoại đạo Potthapàda, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu những du sĩ ngoại đạo liền bao vây xung quanh con và tuôn ra những lời nói mỉa mai gay gắt: "Potthapàda này là như vậy. Những gì Sa-môn

Gotama nói đều được Potthapàda tán thành: "Bạch Thế Tôn, như vậy là phải, Bạch Thiện Thệ như vậy là phải". Chúng tôi không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". Khi được nói vậy, con nói với các du sĩ ngoại đạo kia: "Này các Tôn giả, tôi cũng không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường con", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác" hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". Sa-môn Gotama đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc. Và khi một vị đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản,

dùng Pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại có thể không tán thành?".

33. - Này Potthapàda, những du sĩ ngoại đạo ấy là mù, không có mắt, chỉ có ngươi là người có mắt độc nhất giữa chúng. Này Potthapàda, có những pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát. Này Potthapàda, có những pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát.

Này Potthapàda, những pháp gì được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát? "Thế giới là thường còn", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát. "Thế giới là vô thường", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát. "Thế giới là hữu biên", này Potthapàda... "Thế giới là vô biên", này Potthapàda... "Sinh mạng và thân thể là một", này Potthapàda... "Sinh mạng khác, thân thể khác", này Potthapàda... "Như Lai có tồn tại sau khi chết", này Potthapàda... "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", này Potthapàda... "Như Lai có tồn tại và cũng không có tồn tại sau khi chết", này Potthapàda ... "Như Lai không có tồn tại và cũng không không có tồn tại sau khi chết", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát.

Này Potthapàda, vì sao những pháp ấy lại được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát? Này Potthapàda, những pháp này không thuộc về đích giải thoát, không thuộc về pháp, không thuộc căn bản của phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết- bàn. Vì vậy những pháp ấy được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát.

Này Potthapàda, những pháp gì được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát? "Đây là khổ", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. "Đây là khổ tập", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. "Đây là khổ diệt", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát.

Này Potthapàda, vì sao những pháp ấy được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát? Này Potthapàda, những pháp ấy thuộc về đích giải thoát, thuộc về Pháp, thuộc căn bản phạm hạnh, đưa đến yểm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn. Vì vậy những

pháp ấy được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát.

34. Này Potthapàda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: **"Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh".**

- Ta đến những vị ấy và hỏi: *"Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh"*. Khi được Ta hỏi như vậy, những vị ấy công nhận là phải.

- Ta nói: *"Chư Đại đức có sống và đã biết đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?"*. Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không.

- Ta nói với các vị ấy: *"Vậy chư Đại đức có tự thân cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nửa ngày không?"*. Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không.

- Ta nói với các vị ấy: *"Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn*

hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không?

- Ta nói với các vị ấy: *"Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên, đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. "Này các vị, hãy cố gắng khéo thực hành. Này các vị hãy trực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. Này các vị, chúng tôi đã thiệt hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc" không?* Khi được hỏi vậy, các vị ấy không trả lời không.

Này Potthapàda, *ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn kia là không chánh xác hợp lý?*

35. Như có một người nói: "Tôi yêu và ái luyến một cô gái đẹp trong nước này". Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết tên gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào? Ở tại làng nào, hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: ***"Này bạn, như vậy có phải Ông đã yêu và ái luyến một người Ông không***

biết, Ông không thấy?" Được hỏi vậy vị ấy trả lời phải. Này Potthapàda, ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

36. - Như vậy này Potthapàda, những Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh", Ta đến những vị ấy và hỏi: "Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Khi được hỏi như vậy, những vị ấy công nhận là phải. Ta nói: "Chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự nhận cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nửa ngày không?". Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không?

Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc: "Này các vị, hãy cố gắng thực hành! Này các vị, hãy trực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc! Này các vị, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc" không?". Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Này Potthapàda, ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn sự kiện là như vậy, theo lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

37. - Này Potthapàda, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu. Có người hỏi: "Này bạn, Ông muốn xây một cái thang để leo lên lầu, vậy Ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung bình?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời không biết. Có người hỏi: ***"Này bạn, như vậy có phải, Ông xây một cái thang để leo lên một cái lầu mà Ông không biết, không thấy?"*** Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Potthapàda ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác,

hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

38. - Như vậy này Potthapàda, những Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Ta đến những vị ấy và hỏi: "Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Khi được hỏi vậy, những vị ấy công nhận là phải. Ta nói "Chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự tâm cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nữa ngày không? Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không". Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc". Này các vị, hãy cố gắng thực hành! Này các

vị, hãy trực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. Này các vị, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc "không?" Khi được nói vậy, các vị ấy trả lời là không. Này Potthapàda, ngươi nghĩ như thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn, kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia không chánh đáng, hợp lý.

39. - Này Potthapàda, **có ba loại ngã chấp**: thô phù ngã chấp, ý sở thành ngã chấp, vô sắc ngã chấp.

- Này Potthapàda, thế nào là thô phù ngã chấp? *Có sắc, do bốn đại hình thành, do đoàn thực nuôi dưỡng* là thô phù ngã chấp.

- Thế nào ý sở thành ngã chấp? *Có sắc, do ý sở thành, đầy đủ chi tiết lớn nhỏ, các căn đầy đủ*, là ý sở thành ngã chấp.

- Thế nào là vô sắc ngã chấp? *Không có sắc, do tưởng sở thành* là vô sắc ngã chấp.

40. Này Potthapàda, **Ta thuyết pháp để diệt thô phù ngã chấp**. Nếu các người thực hành theo pháp

này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ, với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại. Này Potthapàda, rất có thể các người nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại". Này Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm, tỉnh giác và lạc trú sanh.

41. Này Potthapàda, **Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ ý sở thành ngã chấp**. Nếu các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại. Này Potthapàda, rất có thể các ngươi nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại". Này Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, khi ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quãng

đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm tỉnh giác là lạc trú sanh.

42. Này Potthapàda, **Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ vô sắc ngã chấp**. Nếu các ngươi thực hành theo pháp này, thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại. Này Potthapàda, rất có thể các ngươi nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại". Này Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, chánh niệm, tỉnh giác và lạc trú sanh.

43. Này Potthapàda, có những người ngoài hỏi chúng tôi: "Này Hiền giả, thô phù ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại?"

Khi được chúng hỏi như vậy, chúng tôi trả lời "Này Hiền giả, chính thô phù ngã chấp ấy, chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này, thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại".

44. Này Potthapàda, có những người ngoài hỏi: "Này Hiền giả, ý sở thành ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp này được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại?"

Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Này Hiền giả, chính ý sở thành ngã chấp ấy chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thiệt hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại".

45. Này Potthapàda, có những người ngoài hỏi chúng tôi: "Này Hiền giả, vô sắc ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thiệt

hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại?".

Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Này Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy, chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại".

Này Potthapàda, ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chánh xác, hợp lý?

46. Này Potthapàda, ví như một người xây một cái thang để leo lên lầu, từ dưới chân lầu ấy. Người ấy được hỏi: "Này bạn, Ông xây cái thang để leo lên lầu, cái lầu ấy về hướng Đông hay hướng Nam, hay hướng Tây, hay hướng Bắc? Nhà lầu ấy cao, hay thấp, hay trung bình? Nếu người ấy trả lời: **"Này Hiền giả, cái lầu mà tôi xây thang để leo lên chính tại dưới chân lầu này"**. Này Potthapàda, ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói ấy là chính xác, hợp chăng?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy thời lời nói của người kia là chánh xác, hợp lý!

47. - Như vậy, này Potthapàda, và có những người ngoài hỏi chúng tôi: "Này Hiền giả, thô phù ngã chấp là gì?... Này Hiền giả, ý sở thành ngã chấp là gì?... Này Hiền giả, vô sắc ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại?" Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Này Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy mà chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại".

- Này Potthapàda, ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là chánh xác, hợp lý!

48. Khi nghe nói vậy, Citta Hatthisàriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, trong khi có thô phù ngã chấp, phải chăng không có ý sở thành ngã chấp, không có vô sắc ngã chấp? Thô phù ngã chấp khi ấy thật có tồn tại.
- Bạch Thế Tôn, trong khi sở thành ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã chấp, không có vô sắc ngã chấp? Ý sở thành ngã chấp khi ấy thật có tồn tại.
- Bạch Thế Tôn, trong khi có vô sắc ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã chấp, không có ý sở thành ngã chấp? Vô sắc ngã chấp khi ấy thật có tồn tại.

49. - Này Citta, trong khi có thô phù ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc thô phù ngã chấp.

Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc ý sở thành ngã chấp.

Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp.

Này Citta, nếu có người hỏi Người: "Ngươi đã có tồn tại ở quá khứ hay không? Ngươi sẽ tồn tại ở tương lai hay không? Ngươi có tồn tại ở hiện tại không?" Này Citta, được hỏi vậy, ngươi trả lời như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Ngươi đã có tồn tại ở quá khứ hay không? Ngươi sẽ tồn tại ở tương lai hay không? Ngươi có tồn tại ở hiện tại hay không?" Bạch Thế Tôn được hỏi vậy, con sẽ trả lời: "Tôi đã có tồn tại ở quá khứ, không phải không tồn tại; tôi sẽ tồn tại ở tương lai, không phải không không tồn tại; tôi tồn tại ở hiện tại, không phải không tồn tại". Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy.

50. - Này Citta, nếu có người hỏi lại ngươi: *"**Quá khứ ngã chấp** mà Ngươi đã có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp tương lai, không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? **Tương lai ngã chấp mà Ngươi sẽ có**, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? **Hiện tại ngã chấp mà Ngươi hiện có**, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại?"* Này Citta, được hỏi vậy, Ngươi trả lời thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Quá khứ ngã chấp mà Ngươi đã có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Tương lai ngã chấp mà Ngươi sẽ có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Hiện tại ngã chấp mà Ngươi hiện có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại?" Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi vậy, con sẽ trả lời: "Quá khứ ngã chấp mà tôi đã có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Tương lai ngã chấp mà tôi sẽ có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại. Hiện tại ngã chấp mà tôi hiện có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại". Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, con sẽ trả lời như vậy.

51. - Như vậy này Citta, trong khi có thô phù ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc thô phù ngã chấp. Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc ý sở thành ngã chấp. Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã

chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp.

52. Này Citta, ví như từ bò cái sanh ra sữa, từ sữa sinh ra lạc, từ lạc sanh ra sanh tô, từ sanh tô sanh ra thục tô, từ thục tô sanh ra đề hồ. **Khi thành sữa thời sữa ấy không thuộc lạc, không thuộc sanh tô**, không thuộc thục tô, không thuộc đề hồ, chính khi ấy thuộc sữa; khi thành lạc... khi thành sanh tô... khi thành thục tô... khi thành đề hồ thời đề hồ không thuộc sữa, không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thục tô, chính khi ấy thuộc đề hồ.

53. Như vậy này Citta trong khi có thô phù ngã chấp... Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp... Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp. Này Citta, chúng chỉ là danh tự thế gian, ngôn ngữ thế gian, danh xưng thế gian, ký pháp thế gian. **Như Lai dùng chúng nhưng không chấp trước chúng.**

54. Được nghe nói vậy du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng lại những gì bị

quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

55. Và Citta Hatthisàriputta cũng bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tăng. Mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, mong cho con thọ đại giới.

56. Citta Hatthisàriputta được xuất gia với Thế Tôn và được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Đại đức Citta Hatthisàriputta ở một mình, an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao

lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú: sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa. Đại đức Citta Hatthisàriputta hiểu biết như vậy.

Và đại đức Citta Hatthisàriputta trở thành một vị A-la-hán nữa.

62 PUNNIYA - Tăng IV, 445

PUNNIYA – *Tăng* IV, 445

1. Rồi Tôn giả Punniya đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Punniya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, có khi Thế Tôn thuyết pháp, có khi Thế Tôn không thuyết pháp?

2.- Này Punniya:

1. Tỷ-kheo có lòng tin, không đi đến yết kiến, Như Lai không có thuyết pháp. Khi nào, này Punniya, Tỷ-kheo có lòng, đi đến yết kiến, như vậy Thế Tôn thuyết pháp.
2. Và này Punniya, Tỷ-kheo có lòng tin, có đi đến yết kiến, nhưng không có hầu hạ...
3. …có hầu hạ nhưng không hỏi..
4. …có hỏi nhưng không có lóng tai nghe pháp...
5. …có lóng tai nghe pháp, nhưng sau khi nghe, không thọ trì pháp...
6. …sau khi nghe, có thọ trì pháp, nhưng không suy nghĩ ý nghĩa các pháp đã được thọ trì...

7. …suy nghĩ ý nghĩa các pháp đã được thọ trì, nhưng không có sau khi biết ý nghĩa, sau khi biết pháp, không thực hành pháp đúng pháp...
8. …sau khi biết ý nghĩa, sau khi biết pháp, có thực hành pháp đúng pháp, nhưng không nói thiện, phát ngôn thiện, thành tựu các lời tao nhã, nói lên ý nghĩa phân biệt rõ ràng...
9. …khéo nói, khéo phát ngôn, thành tựu các lời tao nhả, nói lên ý nghĩa phân biệt rõ ràng, nhưng không có thuyết trình, không có khích lệ, không có làm cho phấn chấn, không có làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh, cho đến như vậy, Như lai không thuyết pháp.

3. Và này Punniya,

1. Tỷ-kheo có lòng tin,
2. Có đi đến yết kiến,
3. Có hầu hạ,
4. Có hỏi,
5. Có lóng tai nghe;
6. Sau khi nghe, có thọ trì pháp,
7. Có suy nghĩ ý nghĩa các pháp đã được thọ trì;
8. Sau khi biết ý nghĩa, sau khi biết pháp, có thực hành pháp đúng pháp,
9. Khéo nói, khéo phát ngôn, thành tựu các lời tao nhã, nói lên ý nghĩa phân biệt rõ ràng;

10. Và có thuyết trình, có khích lệ, có làm cho phấn chấn, có làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh, cho đến như vậy Như Lai có thuyết pháp.

Thành tựu mười pháp này, này Punniya, **Như Lai thế nào cũng thuyết pháp.**

63 Paccanìka - Tương I, 393

Paccanìka – *Tương* I, 393

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ Bà-la-môn tên là Paccanìkasàta ở tại Sàvatthi.

3) Rồi Bà-la-môn Paccanìkasàta suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến Sa-môn Gotama, và Sa-môn Gotama có nói điều gì, ta sẽ nói lời phản ngược lại".

4) Lúc bấy giờ Thế Tôn đang đi kinh hành ngoài trời.

5) Rồi Ba-la-môn Paccanìkasàta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn đang đi kinh hành:

- Này Sa-môn, hãy thuyết pháp.

(Thế Tôn):

6) Không thuyết pháp với ông,
Này Paccanìka!
Tâm ông thật ô uế,
Và đầy những thù hận,
Làm sao biết tốt đẹp,
Làm sao nói tốt đẹp!

Ai nhiếp phục thù hận,
Nhiếp phục tâm chống đối,
Từ bỏ mọi sân tâm,
Vị ấy biết tốt đẹp,
Vị ấy nói tốt đẹp.

7) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Paccanìkasàta bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

64 Pancasikha - KINH ĐẠI ĐIỂN TÔN - 19 Trường II, 81

KINH ĐẠI ĐIỂN TÔN
(MAHÀ GOVINDA SUTTANTA)
– Bài kinh số 19 – Trường II, 81

I

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Vương Xá, núi Linh Thứu. Khi đêm đã gần mãn, Pancasikha (Ngũ Kế), thuộc giòng họ Càn-thát-bà (Gandhabba), với dung mạo đoan chánh, chói sáng toàn vùng núi Linh Thứu, đến tại chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Pancasikha, thuộc giòng họ Càn-thát-bà bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, những điều con đã tự thân nghe và chấp nhận trước mặt chư Thiên ở Tam thập tam thiên, bạch Thế Tôn con muốn bạch lại Thế Tôn.

- Này Pancasikha, hãy nói cho ta nghe! - Thế Tôn nói như vậy.

2. - Bạch Thế Tôn, trong những ngày xưa, những ngày xa xưa, nhân **đêm trăng rằm Bố-tát (Uposatha), trong tháng nhập cư mùa mưa,** toàn thể chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, xung quanh có Đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía; tại bốn phương hướng có bốn vị đại vương ngồi.

- Đại vương Dhatarattha (Trì Quốc Thiên vương), vua ở phương Đông, ngồi xây mặt hướng Tây, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương Virũlhaka (Tăng Trưởng thiên vương), vua ở phương Nam, ngồi xây mặt hướng Bắc, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương Virũpakkha (Quảng Mục Thiên vương), vua ở phương Tây, ngồi xây mặt hướng Đông, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương Vessavana (Tỳ-sa-môn Thiên vương), vua ở phương Bắc, ngồi xây mặt hướng Nam, trước mặt Thiên chúng.

Bạch Thế Tôn, khi nào toàn thể chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, xung quanh có Đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía và tại bốn phương hướng có bốn vị đại vương ngồi, như vậy là thứ tự các chỗ ngồi của các vị này, rồi đến

chỗ ngồi của chúng con.

Bạch Thế Tôn, chư Thiên nào trước sống phạm hạnh theo Thế Tôn và nay mới sanh lên cõi Tam thập tam thiên, những vị này thắng xa chư Thiên khác về thân sắc và danh tiếng. Bạch Thế Tôn, chư Thiên ở Tam thập tam thiên đẹp lòng, thoải mái, hoan hỷ sanh: "*Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn A-tu-la giới bị hoại diệt.*"

3. Bạch Thế Tôn, lại bây giờ **Thiên chủ Đế-thích (Sakka)** thấy chư Thiên ở Tam thập tam thiên hoan hỷ bèn tùy hỷ nói lên bài kệ như sau:

Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.

Thấy Thiên chúng tân sanh,
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống phạm hạnh,
Nay sanh tại cõi này.

Họ thắng về quang sắc,
Thọ mạng và danh xưng.
Đệ tử bậc Đại Tuệ,

Thù thắng sanh cõi này.

Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Và Chánh pháp vi diệu.

Bạch Thế Tôn, chư Thiên ở Tam thập tam thiên lại càng đẹp lòng thoải mái hoan hỷ hơn nữa và nói:

" - Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn A-tu-la giới bị hoại diệt ".

4. Bạch Thế Tôn, **Thiên chủ Đế-thích** biết được chư Thiên ở Tam thập tham thiên hoan hỷ, liền nói với Chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

" - Các vị có muốn nghe Tám pháp như thật của Thế Tôn không?

" - Chúng tôi muốn nghe tám pháp Như thật của Thế Tôn".

Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Đế-thích ở Tam thập tam thiên giải thích về tám pháp Như thật của Thế Tôn như sau:

5. " - Này chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên các

vị nghĩ thế nào? Như Lai dấn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc vì an lạc cho loài Trời và lời Người. Một vị Đại sư dấn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc vì an lạc cho loài Trời và loài Người như vậy, một vị Đại sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

6. " Chánh pháp được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, một Chánh pháp thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, luôn luôn hướng thượng, chỉ người có trí tự mình giác hiểu. Một vị Giảng sư thuyết pháp hướng thượng như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

7. "Đây là thiện", "đây là bất thiện" đã được Thế Tôn khéo giải thích. "Đây có tội", "đây không tội", "đây cần phải tuân theo", "đây cần phải né tránh", "đây là hạ liệt", "đây là cao thượng", "đây là đen trắng đồng đẳng", được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích các pháp thiện, bất thiện, có tội, không có tội, cần phải thuận theo, cần phải né tránh, hạ liệt, cao thượng, đen trắng đồng đẳng, một vị Đại sư đầy

đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

8. "Con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, **Niết-bàn và con đường phối hợp thành một**, đã được Thế Tôn khéo giải thích như nước sông Hằng phối hợp và cùng chảy với nước sông Yamuna (Diệm-mâu-na). Cũng vậy con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đường phối hợp thành một đã được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích con đường hướng đến Niết-bàn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

9. "Thế Tôn cũng đã đào tạo được chúng thiện hữu Hữu học đang đi trên nẻo đạo và các vị Lậu tận đã hoàn tất Thánh đạo. Ngài không di tản chúng nhưng sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú. Một vị sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú, một Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

10. - "Lợi dưỡng cúng dường cho Thế Tôn đã được an bài chắc chắn, danh tiếng cũng đã được an bài chắc chắn, và con nghĩ rằng các vị Sát-đế-ly

(Khattiyà) sống với gương mặt rất quý mến Ngài. Nhưng Thế Tôn **sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn**. Một vị sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

11. "Thế Tôn nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy. Một vị nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy, thành tựu các pháp và tùy pháp như vậy. Một vị đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

12. "Thế Tôn đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự, mọi suy tư được thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ phạm hạnh. Một vị đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự, mọi suy tư được thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ Phạm hạnh, một bậc Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

13. "Bạch Thế Tôn, rồi một số chư Thiên nói như sau:

"- Chư Thiện hữu, nếu có được bốn vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, diễn giảng Chánh pháp như Thế Tôn. Như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng

sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho loài Người và lời Trời".

"Một số chư Thiên khác lại nói như sau:

"- Chư Thiện hữu, cần gì có bốn vị Chánh Đẳng Giác. Chư Thiện hữu, nếu có được ba vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, diễn giảng Chánh pháp như Thế Tôn. Như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho loài Người và loài Trời.

"Một số chư Thiên khác lại nói như sau:

"- Chư Thiện hữu, cần gì có ba vị Chánh Đẳng Giác. Chư Thiện hữu, nếu có được hai vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, diễn giảng chánh pháp như Thế Tôn. Như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho loài Người và loài Trời.

14. "Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, **Thiên chủ Đế-thích** nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

"- Chư Thiện hữu, không một chỗ nào, không một thời gian nào cùng chung một thế giới mà có **hai vị**

Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác đồng thời ra đời, không ra trước, không ra sau, **không bao giờ sự kiện như vậy có thể xảy ra.** Chư Thiện hữu, một bậc Thế Tôn như vậy, không có tật bệnh, không có đau khổ, sống như vậy trong khoảng thời gian rất dài. Như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho loài Người và loài Trời.

"Bạch Thế Tôn, rồi với mục đích gì chư Thiên ở Tam thập tam thiên ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, các vị này suy tư, thảo luận về mục đích ấy. Và tùy thuộc về mục đích ấy, bốn vị đại vương được thuyết giảng: Theo mục dích ấy, bốn vị đại vương được khuyến giáo, bốn vị này đều đứng một bên chỗ ngồi của mình.

Các đại vương chấp nhận,
Lời giảng dạy khuyết giáo,
Thanh thoát và an tịnh,
Đứng bên chỗ mình ngồi.

15. "Bạch Thế Tôn, rồi từ phương Bắc, một ánh sáng vi diệu khởi lên, một hào quang hiện ra thắng xa oai lực của chư Thiên. Bạch Thế Tôn, rồi Thiên chủ Sakka, nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

"- Này các Thiện hữu, theo các hiện tượng được thấy, ánh sáng khởi lên, hào quang hiện ra. Như vậy là báo hiệu Phạm thiên sẽ xuất hiện. Vì hiện tượng báo hiệu Phạm thiên xuất hiện là ánh sáng khởi lên và hào quang hiện ra.

Theo hiện tượng được thấy,
Phạm thiên sẽ xuất hiện,
Hiện tượng bậc Phạm thiên,
Là hào quang vi diệu.

"Bạch Thế Tôn, rồi chư Thiên ở Tam thập tam thiên, ngồi xuống trên ghế ngồi của mình và nói rằng:

"- Chúng tôi sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy.

Cũng vậy bốn vị đại vương ngồi xuống trên ghế của mình và nói rằng:

"- Chúng tôi sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy.

"Sau khi nghe vậy, chư Thiên ở Tam thập tam thiên đều đồng một lòng một ý: "Chúng ta sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào, sau khi đã được

biết, chúng ta sẽ gặp vị ấy".

16. "Bạch Thế Tôn, khi **Phạm thiên Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên)** xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, ngài xuất hiện với một hóa tướng thô xấu.

Bạch Thế Tôn, vì khi Phạm thiên tự nhiên hiện hóa, các tướng không đủ thù thắng để chư Thiên ở Tam thập tam thiên khâm phục.

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên vị này thắng xa chư Thiên khác về sắc tướng và danh tiếng.

Bạch Thế Tôn, **như một hình tượng bằng vàng chói sáng hơn thân hình con người**, cũng vậy bạch Thế Tôn khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, vị này thắng xa chư Thiên khác về sắc tướng và danh tiếng.

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, không một vị Thiên trong chúng này đảnh lễ hoặc đứng dậy mời Phạm thiên ngồi. Tất cả đều yên lặng, chắp tay, không ngồi trên chỗ ngồi của mình và nghĩ rằng: "Nếu nay Phạm thiên Sanamkumàra muốn gì với vị Thiên nào, thì hãy ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên ấy

sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, như vị vua Sát-đế-lỵ vừa mới làm lễ quán đảnh và lên vương vị, vị ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên nào, vị Thiên ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ.

17. "Bạch Thế Tôn, rồi Phạm thiên Sanamkumàra biết được sự thoải mái hoan hỷ của chư Thiên ở Tam thập tam thiên liền ẩn hình tùy hỷ nói lên bài kệ sau đây:

Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Và Chánh pháp vi diệu.

Thấy Thiên chúng tân sanh,
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống phạm hạnh,
Nay sanh tại cõi này.

Thắng xa về quang sắc,
Thọ mạng và danh xưng,
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.

Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế Thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Và Chánh pháp vi diệu.

18. "Bạch Thế Tôn, đó là nội dung lời nói của Phạm Thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn tiếng nói của Phạm Thiên Sanamkumàra có **tám đặc điểm sau đây: Lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động**. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói không vượt ra khỏi đại chúng. Bạch Thế Tôn một tiếng nói có tám đặc điểm như vậy được gọi là **Phạm âm**.

19. "Bạch Thế Tôn, chư Thiên ở Tam thập tam thiên nói với Phạm thiên Sanamkumàra như sau:

"- Này Phạm thiên, chúng tôi thật sự hoan hỷ với những điều chúng tôi đã được chú ý. Hơn nữa Thiên chủ Sakka đã nói đến Tám pháp như thật của Thế Tôn; và chúng tôi hoan hỷ với tám pháp này.

"Bạch Thế Tôn, rồi Phạm thiên Sanamkumàra nói với Thiên chủ Đế-thích:

"- Thật lành thay, Thiên chủ, nếu chúng tôi được nghe tám pháp như thật của Thế Tôn.

"- Vâng, Đại Phạm thiên.

Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Đế-thích, giải thích tám pháp như thật của Thế Tôn cho Phạm thiên Sanamkumàra:

20. "- Này Thiện hữu Đại Phạm thiên, Ngài nghĩ thế nào? Như Lai dấn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời, loài Người. Một vị Đạo sư dấn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời, loài Người như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy chúng ta khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

21. "- Chánh pháp được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, một Chánh pháp thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, luôn luôn hướng thiện, chỉ người có trí tự mình giác hiểu. Một vị Giảng sư thuyết pháp hướng thượng như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

22. "Đây là thiện", "đây là bất thiện", đã được Thế Tôn khéo giải thích. "Đây là có tội", "đây là không tội", "Đây cần phải tuân theo", "đây cần phải né tránh", "đây là hạ liệt", "đây là cao thượng", "đây là đen trắng đồng đẳng", đã được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích các pháp thiện, bất thiện, có tội, không có tội, cần phải thuận theo, cần phải né tránh, hạ liệt, cao thượng, đen trắng đồng đẳng, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

23. "Con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đường phối hợp thành một, đã được Thế Tôn khéo léo giải thích. Như nước sông Hằng phối hợp và cùng chảy với nước sông Yamunà, cũng vậy con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đường phối hợp thành một đã được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích con đường hướng đến Niết-bàn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

24. "Thế Tôn cũng đã đào tạo được chúng thiện hữu Hữu học đang đi trên nẻo đạo và các vị Lậu tận đã hoàn tất Thánh đạo. Ngài không di tản chúng, nhưng sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú. Một vị

sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú, một Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

25. "Lợi dưỡng cúng dường cho thế Tôn đã được an bài chắc chắn, danh tiếng cũng đã được an bài chắc chắn, và con nghĩ rằng các vị Sát-đế-lỵ sống với diện mạo rất quý mến Ngài. Nhưng Thế Tôn sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn. Một vị sống thọ hưởng các lợi đường với tâm không kiêu mạn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

26. "Thế Tôn nói gì thì làm vậy, làm gì thời nói vậy, một vị nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy, thành tựu các pháp và tùy pháp như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

27. "Thế Tôn đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự, mọi suy tư hoặc thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ phạm hạnh. Một vị đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự, mọi suy tư được thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ phạm hạnh, một bậc Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ,

cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

- "Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Sakka giải thích tám pháp như thật của Thế Tôn cho chư Thiên ở Tam thập tam thiên. Bạch Thế Tôn, chư Thiên ở Tam thập tam thiên lại càng hoan hỷ, lại càng thích thú, hỷ duyệt sung mãn khi được nghe tám pháp như thật của Thế Tôn.

28. "Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện với hình tướng thô xấu, hiện thành một đồng tử tên là Pancasikha (Ngũ Kế) trước mặt chư Thiên ở Tam thập tam thiên, bay bổng lên trời, vị này, ngồi kiết-già giữa hư không. Bạch Thế Tôn, như một vị lực sĩ ngồi kiết-già trên một chỗ ngồi được trải bằng phẳng trên một mặt đất thăng bằng, cũng vậy bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra bay bổng trên trời, ngồi kiết-già trên hư không và nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

29. ***"- Chư thiện hữu ở Tam thập tam thiên nghĩ thế nào? Thế Tôn đã được đại trí tuệ bao lâu rồi?***

"Chư Thiện hữu, thuở xưa có vị vua tên là Disampati (Thành Chủ). Vua Disampati có vị quốc sư tên Govinda (Điển Tôn), và có vị hoàng tử tên là Renu (Lê-nô). Bà-la-môn Govinda có người con trai tên là **Jotipàla (Hộ Minh đồng tử)**. Hoàng tử Renu, đồng

tử Jotipàla cùng sáu người Sát-đế-lỵ nữa, tám người này là thân hữu.

Sau một thời gian, Bà-la-môn Govinda mệnh chung. Khi nghe Bà-la-môn Govinda mệnh chung, vua Disampati than khóc như sau:

"- Tiếc thay, khi chúng ta giao mọi công việc cho Bà-la-môn Govinda để chúng ta có thể được đầy đủ và thọ hưởng năm món dục tăng thịnh chính khi ấy Bà-la-môn lại mệnh chung.

"Nghe nói vậy, hoàng tử Renu tâu với vua Disampati:

"- Tâu Đại vương, chớ có quá sầu khổ than khóc vì Bà-la-môn Govinda từ trần. Tâu Đại vương, con của Bà-la-môn Govinda, thanh niên Jotipàla còn sáng suốt hơn phụ thân, còn biết kế hoạch sinh lợi hơn phụ thân. Những trách nhiệm gì Đại vương giao cho phụ thân, nay hãy giao cho thanh niên Jotipàla.

"- Như vậy là phải, Hoàng tử.

"- Xin vâng, tâu Đại vương.

30. "Rồi vua Disampati cho gọi một người và bảo:

"- Khanh hãy đi đến thanh niên Jotipàla, và nói như sau: "Mong rằng mọi tốt lành hãy đến với thanh niên Jotipàla! Vua Disampati có cho gọi thanh niên Jotipàla! Vua Disampati muốn được gặp thanh niên Jotipàla!".

"- Tâu Đại vương, xin vâng!

"Người ấy vâng lệnh vua Disampati, đến chỗ thanh niên Jotipàla ở, khi đến xong liền nói với thanh niên Jotipàla:

"- Mong rằng mọi tốt lành hãy đến với thanh niên Jotipàla! Vua Disampati cho gọi thanh niên Jotipàla! Vua Disampati muốn được gặp thanh nhiên Jotipàla!

"- Xin vâng, này Thiện hữu!

"Thanh nhiên Jotipàla vâng theo lời người ấy, đi đến chỗ vua Disampati ở, khi đến xong liền nói lên những lời viếng thăm, và những lời khen tặng xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Vua Disampati nói với thanh niên Jotipàla đang ngồi bên như sau:

"- Này thanh niên Jotipàla! Nay ta muốn khanh chấp chánh! Thanh niên Jotipàla, chớ có từ chối chấp chánh! Ta sẽ đặt Khanh trong đại vị của phụ thân. Ta sẽ phong cho Khanh chức chưởng của Govinda!

"- Tâu Đại vương, xin vâng!

"Thanh niên Jotipàla vâng theo lời dạy của vua Disampati.

31. "Rồi vua Disampati phong cho thanh niên Jotipàla chức chưởng của Govinda và đặt vào địa vị của phụ thân. Thanh niên Jotipàla được phong chức như vậy, được đặc vào địa vị của phụ thân Govinda như vậy, những phần việc gì phụ thân điều hành, những phần việc ấy thanh niên Jotipàla điều hành, những phần việc gì phụ thân không điều hành, những phần việc ấy thanh niên Jotipàla không điều hành. Những công tác gì phụ thân thực hiện, những công tác ấy thanh niên Jotipàla thực hiện; những công tác gì phụ thân không thực hiện, những công tác ấy thanh niên Jotipàla không thực hiện. Do vậy, dân chúng nói về Jotipàla:

"- Vị Bà-la-môn thật sự là Govinda! Vị Bà-la-môn thật sự là Mahà Govinda và được danh tiếng là Mahà Govinda!

32. "Rồi Mahà Govinda đến tại chỗ sáu vị Sát đế lỵ ở, khi đến xong, liền nói với sáu vị đế lỵ như sau:

"-Vua Disampati nay đã già, trọng tuổi, lớn tuổi, đã đến thời, đã đến hạn cuối cuộc đời. Này Thiện Hữu,

ai có thể biết được thọ mạng của vua? Sự việc này có thể xảy ra, nếu vua Disampati mệnh chung, thời những vị có trách nhiệm phong vua, hãy phong hoàng tử Renu lên vương vị. Chư Thiện hữu, quí vị hãy đến chỗ hoàng tử Renu an trú, khi đến xong hãy thưa với hoàng tử Renu:

"- Chúng tôi là những bạn hữu thân tình, thân ái, tâm đầu ý hiệp với Thiện hữu Renu! Chúng tôi sung sướng khi thiện hữu sung sướng, chúng tôi đau khổ khi Thiện hữu đau khổ. Nay vua Disampati đã già, trọng tuổi, lớn tuổi, đã đến thời, đã đến hạn cuối cuộc đời. Này Thiện hữu, ai có thể biết thọ mạng của vua. Sự việc này có thể xảy ra. Nếu vua Disampati mệnh chung, thời những vị có trách nhiệm phong vua, hãy phong hoàng tử Renu lên vương vị. **Nếu Thiện hữu Renu lên vương vị, hãy chia xẻ vương vị với chúng tôi!**

33. "-Xin vâng, Thiện hữu!

"Sáu vị Sát đế lỵ này, vâng theo lời của Bà la môn Mahà Govinda, đến tại chỗ của hoàng tử Renu, khi đến xong liền thưa với hoàng tử Renu:

- Chúng tôi là những bạn hữu thân tình, thân ái, tâm đầu ý hợp với Thiện hữu Renu, chúng tôi sung sướng khi Thiện hữu sung sướng, chúng tôi đau khổ khi

thiện hữu đau khổ. Nay vua Disampati đã già, trọng tuổi, lớn tuổi, đã đến thời, đã đến hạn cuối cuộc đời. Này Thiện hữu, ai có thể biết được thọ mạng của vua. Sự việc này có thể xảy ra. Nếu vua Disampati mệnh chung, thời những vị có trách nhiệm phong vua, hãy phong hoàng tử Renu lên vương vị. Nếu Thiện hữu Renu lên vương vị, hãy chia vương vị với chúng tôi!

- Chư Thiện hữu, có ai khác có quyền hưởng an lạc trong quốc độ của tôi, ngoài Quý vị? Nếu tôi được lên vương vị, tôi sẽ chia xẻ vương vị cho Quý vị.

34. "Chư Thiện hữu, sau một thời gian vua Disampati mệnh chung. Khi vua Disampati mệnh chung, những vị có trách nhiệm phong vua, liền phong hoàng tử Renu lên vương vị. Khi được phong vương vị, hoàng tử Renu sống đầy đủ và thọ hưởng năm pháp dục tăng thịnh. Khi ấy Bà la môn Mahà Govinda đi đến chỗ sáu vị Sát đế lỵ ở, khi đến xong liền nói rằng:

"- Chư Thiện hữu, vua Disampati đã mệnh chung. Thiện hữu Renu được phong vương vị lại sống đầy đủ và thọ hưởng năm pháp dục tăng thịnh. Chư Thiện hữu, ai có thể biết được? Dục vọng khiến con người si loạn. Chư Thiện hữu, hãy đi đến chỗ vua Renu ở, khi đến xong, hãy nói với vua Renu như sau: "- Thiện

hữu, vua Disampati đã mệnh chung. Thiện hữu Renu được phong vương vị. Thiện hữu có nhớ lời hứa của mình không?"

"- Xin vâng, này Thiện hữu.

"Sáu vị Sát đế lỵ này vâng theo lời của Bà la môn Mahà Govinda đi đến chỗ vua Renu ở, khi đến xong, liền tâu vua Renu như sau:

"- Thiện hữu, vua Disampati đã mệnh chung, Thiện hữu Renu đã được phong vương vị. Thiện hữu có nhớ lời hứa của mình không?

"- Chư Thiện hữu, tôi có nhớ lời hứa của tôi. Chư Thiện hữu, ai có thể khéo phân chia đại địa này thành bảy phần đồng đều. Đại địa này, phía Bắc thì rộng, phía Nam như bộ phận trước của cổ xe?

"- Này Thiện hữu, ai có thể làm được, ngoại trừ Bà la môn Mahà Govinda?

35. "Rồi vua Renu cho gọi một người và nói:

"- Này Khanh, Khanh hãy đi đến chỗ Bà la môn Mahà Govinda, khi đến xong hãy nói với Bà la môn Govinda: "Này Thiện hữu, vua Renu cho gọi Thiện hữu."

"- Xin vâng, tâu đại vương!

" Người ấy vâng theo lời của vua Renu, đến tại chỗ của Bà la môn Mahà Govinda ở, khi đến xong liền nói với Bà la môn Mahà Govinda:"- Thiện hữu, vua Renu cho gọi Thiện hữu.

"- Xin vâng, Thiện hữu!

"Bà-la-môn Mahà Govinda vâng theo lời nói của người ấy, đến tại chỗ vua Renu ở, khi đến xong liền nói lên những lời thăm viếng và những lời khen tặng xã giao với vua Renu rồi ngồi xuống một bên. Và vua Renu nói với Bà-la-môn Govinda đang ngồi xuống một bên như sau:

"- Này Thiện hữu Govinda, hãy đến và phân chia đại địa này thành bảy phần đồng đều, đại địa này phía Bắc thời rộng, phía Nam như bộ phận trước của cỗ xe.

“ – X in vâng, Thiện hữu!

"Bà-la-môn Mahà Govinda vâng theo lời nói của vua Renu phân chia đại địa này thành bảy phần đồng đều, đại địa này phía Bắc rộng, phía Nam như bộ phận trước của cỗ xe, tất cả phần như hình phần trước của cỗ xe.

36. "Và vua Ruenu giữ phần quốc độ trung ương.

- "Dantapura (Nại-đa-bố-la) cho dân Kàlingà (Ca-lăng-giới) và Potana (Bao-tĩnh-noa) cho dân Assaka (Ma-thấp-na-ka).
- "Mahissati (ma-hê-sa-ma) cho dân Avanti (Ương-đế-na)
- và Roruka (Lao-lỗ-ca) cho dân Sovira (Tô-vĩ-la).
- "Mithilà (Di-thế-la) cho dân Videhà (Vi-đề-hê)
- và Campà (Thiềm-ba) được tạo ra cho dân Anga (Ương-già),
- "Bàrànasì (Ba-la-nại) cho dân Kàsi (Ca-thi).

"Tất cả đều do Govinda tạo lập.

"Và sáu vị Sát-đế-lỵ này đều hoan hỷ về khu phần của mình được và sự thành tựu của điều mong ước:

"- Những điều gì chúng tôi muốn, những điều gì chúng tôi ao ước, những điều gì chúng tôi nhắm đến, những điều gì chúng tôi hy vọng, chúng tôi đều được hết.

"Sattabhù (Phá Oan vương) và Brahmadatta (Phạm Thọ vương), Vessabhũ (Thắng Tôn vương) và

Bharata (Minh Ái vương), Renu (Lê-nô vương) và hai Dhataratthà (Trì Quốc vương). Tất cả là bảy vị Bharata (Bà-la-đa vương).

37. "Rồi sáu vị Sát-đế-lỵ ấy đến tại chỗ Bà-la-môn Màhà Govinda ở, khi đến xong liền nói với Bà-la-môn Mahà Govinda (Đại Điển Tôn)

"- Như thiện hữu Govinda là bạn hữu thân tình, thân ái, tâm đầu ý hiệp với vua Renu, cũng vậy Thiện hữu Mahà Govinda và bạn hữu thân tình, thân ái, tâm đầu ý hiệp với chúng tôi. Thiện hữu Govinda hãy giáo hóa chúng tôi, Thiện hữu Govinda chớ có từ chối giáo hóa.

"- Xin vâng, chư Thiện hữu.

"Thiện hữu Mahà Govinda trả lời cho sáu vị Sát-đế-lỵ này. Rồi Thiện hữu Mahà Govinda giáo hóa về vương chánh cho bảy vị Sát-đế-lỵ đã được phong vua, và Mahà Govinda dạy các chú thuật cho bảy vị triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh.

38. "Sau một thời gian, danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về Bà-la-môn Mahà Govinda:

"- Bà-la-môn Mahà Govinda tự thân thấy Phạm thiên; Bà-la-môn Maha Govinda tự thân nói chuyện

thảo luận, luận nghị với Phạm thiên.

"Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda suy nghĩ: *"Danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về ta: Bà-la-môn Maha Govinda tự thân thấy Phạm thiên; Bà-la-môn Maha Govinda tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên. Nhưng ta không thấy Phạm thiên, ta không nói chuyện với Phạm thiên, không thảo luận với Phạm thiên, không nghị luận với Phạm thiên. Ta có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ, và đệ tử nói rằng: Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm, người ấy sẽ thấy Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và nghị luận với Phạm thiên. Vậy ta hãy sống tịnh cư trong bốn tháng mưa và tu tập thiền định về bi tâm".*

39. "Rồi Thiện hữu Bà-la-môn Mahà Govinda đi đến vua Renu, khi đến xong liền tâu với vua Renu:

"Danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về ta: "Bà-la-môn Mahà Govinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên". Nhưng ta không thấy được Phạm thiên, ta không nói chuyện được với Phạm thiên, không thảo luận được với Phạm thiên, không luận nghị được với Phạm thiên. Ta có nghe các vị Bà-la-môn

trưởng thượng, lớn tuổi cả giáo thọ với đệ tử đều nói rằng: « Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên". Nay Thần muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, và tu tập thiền định về bi tâm. Không một ai được đến gặp thần, trừ chỉ một người đem đồ ăn.

"- Này Thiện hữu Govinda, hãy làm những gì Khanh nghĩ là hợp thời.

40. "Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda đến tại chỗ sáu vị Sát-đế-ly ở, khi đến xong liền nói với sáu vị Sát-đế-ly:

"- Danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về tôi: "Bà-la-môn Mahà Govinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên". Tôi không được thấy Phạm thiên, không nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm Thiên. Nhưng tôi có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi cả giáo thọ và đệ tử nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và nghị luận với Phạm thiên". Nay tôi muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm. Không một ai được đến gặp tôi,

chỉ trừ một người đem đồ ăn.

"- Này Thiện hữu Govinda, hãy làm những gì Thiện hữu nghĩ là hợp thời.

41. "Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda đi đến chỗ bảy vị triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh ở, khi đến xong liền nói với các vị này như sau:

"- Chư Thiện hữu, danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về tôi: "Bà-la-môn Mahà Govinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên". Nhưng tôi không thấy được Phạm thiên, không nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên. Tôi có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên". Nay tôi muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm, không một ai được đến gặp tôi, chỉ trừ một người đem đồ ăn.

"- Này Thiện hữu Govinda, hãy làm những gì Thiện hữu nghĩ là hợp thời.

42. "Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda đi đến bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng của mình, khi đến xong liền

nói với bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng như sau:

"- Chư Thiện hữu, danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về tôi: "Bà-la-môn Mahà Govinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên". Nhưng tôi không được thấy Phạm thiên, tôi không nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên. Tôi có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên". Nay tôi muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm, không một ai được đến gặp tôi, chỉ trừ một người đem đồ ăn.

"- Này Thiện hữu Govinda, hãy làm những gì thiện hữu nghĩ là hợp thời.

43. "Rồi Thiện hữu Mahà Govinda cho làm một hội đường mới về phương Đông kinh thành, tịnh cư trong bốn tháng mưa và tu tập thiền định về bi tâm, không một ai đến gặp, trừ người đem đồ ăn.

Sau bốn tháng, sự thất vọng và sợ hãi sau đây khởi lên cho Bà-la-môn Mahà Govinda: "Ta có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ và

đệ tử đều nói rằng: Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và nghị luận với Phạm thiên. Nhưng nay ta không thấy Phạm thiên, không nói chuyện với Phạm thiên, không thảo luận với Phạm thiên, không luận nghị với Phạm thiên".

44. "Rồi Phạm thiên Sanamkumàra với tâm của mình biết được tâm của Bà-la-môn Mahà Govinda, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Bà-la-môn Mahà Govinda.

Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda hoảng hốt, run sợ, lông tóc dựng ngược, thốt lên bài kệ sau đây với Phạm thiên Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên):

Ôi đoan tướng quang vinh,
Thiện hữu thật là ai?
Không biết nên hỏi Ngài.
Để chúng tôi biết Ngài!

Phạm thiên giới biết ta,
Là Đồng tử thường hằng!

Ta là bậc thiên vương,
Hãy biết ta là vậy,
Hãy đem đến sàng tọa,
Nước rửa chân, thục mật.
Hiền giả muốn nhận gì,
Hãy cho chúng tôi biết!
Ta chấp nhận cúng vật,
Mà Ngươi vừa đề cập.
Vì hạnh phúc hiện tại,
Vì an lạc tương lai,
Dịp may nay đã đến,
Hãy hỏi điều Ngươi muốn.

45. "Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda suy nghĩ: "Đây là dịp may Phạm thiên Sanamkumàra dành cho ta. Ta nay hỏi Phạm thiên Sanamkumàra điều gì đã được ích lợi cho hiện tại và tương lai? ".

"Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda suy nghĩ: "Ta rất giỏi về những lợi ích hiện tại. Chính người khác cũng hỏi ta về những lợi ích hiện tại. Vậy ta hãy hỏi Phạm thiên Sanamkumàra lợi ích tương lai".

"Rồi Ba-la-môn Mahà nói bài kệ sau đây với Phạm thiên Sanmakumàra:

Nay ta hỏi Phạm thiên,

Sanamkumàra!
Ta hỏi điều nghi ngờ,
Người khác đều muốn biết!
An trú tại chỗ nào,
Tu tập tại chỗ nào,
Để chứng quả bất tử?

Chính tại Phạm thiên giới:
Này Ngươi Bà-la-môn.
Ai bỏ ngã, ngã sở,
Tâm chuyên chú nhứt cảnh,
Tu tập đại bi tâm,
Thoát ly mọi xú uế,
Lánh xa mọi tà dục,
An trú ở nơi đây!
Để chứng quả bất tử,
Chính tại Phạm thiên giới.

46. "- ***Từ bỏ ngã và ngã sở hữu, thưa Tôn giả, câu ấy tôi hiểu***. Trong đời có người từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, từ bỏ vòng quyến thuộc nhỏ hay vòng quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thưa Tôn giả, như vậy ta hiểu nghĩ từ bỏ ngã và ngã sở hữu.

"***Tâm chuyên nhất cảnh, thưa Tôn giả, câu ấy tôi***

hiểu. Trong đời có người lựa một chỗ an trú thanh vắng, một khu rừng, một gốc cây, một ngọn núi, một hang cốc, một bãi tha ma, một sơn lâm, giữa trời không, một đống rơm. Thưa, Tôn giả, như vậy tôi hiểu nghĩa tâm chuyên nhất cảnh.

"***Tu tập bi tâm, thưa Tôn giả, câu ấy tôi hiểu***. Trong đời có người an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thư tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với bi quảng đại vô biên, không hận, không sân. Thưa Tôn giả, như vậy tôi hiểu nghĩa tu tập bi tâm.

"Thưa Tôn giả, riêng câu nói về xú uế, tôi không được hiểu. *"Này Phạm thiên, trong loài người cái gì là xú uế?"* Đó là điều ở nơi đây tôi không hiểu. Tôn giả hãy nói đi!

Loài người bị gì che,
Bị trói buộc cái gì?
Phải chịu sanh đọa xứ,
Bị đóng cửa Phạm thiên.

Phẫn nộ và vọng ngữ,

Gian manh và lừa đảo,
Hà tiện và quá mạn,
Tật đố và dục cầu,
Nghi ngờ và hại người,
Tham, sân, si kiêu mạn.
Những tánh này trói buộc,
Khiến con người xú uế,
Phải chịu sanh đọa xứ,
Bị đóng cửa Phạm thiên.

" - Như tôi hiểu lời Tôn giả giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì mà được điều phục, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

"- Hiền giả Govinda, hãy làm gì Hiền giả xem là hợp thời.

47. " Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda đi đến chỗ vua Renu ở, khi đến xong liền tâu với vua Renu:

"- Này Tôn giả, hãy tìm một phụ tá khác, vị này sẽ điều khiển quốc sự cho Tôn giả. Tôi muốn xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích các xú uế, chúng tôi dễ gì mà được điều phục, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

- Vua Renu quốc chủ,
Thần xin tâu Ngài rõ.
Hãy biết quốc độ Ngài,
Thần không thiết chức vụ.

- Nếu Khanh thiếu dục lạc,
Ta cho Khanh đầy đủ!
Nếu có ai hại Khanh,
Quốc chủ, ta ngăn chận.
Khanh là cha, ta con,
Khanh chớ bỏ rơi ta.

- Thần không thiếu dục lạc
Không có ai hại thần.
Vì nghe bậc phi nhân,
Thần không thiết gia đình.

- Phi nhân ấy là ai,
Vị ấy đã nói gì,
Khanh nghe, bỏ gia đình,
Bỏ ta, bỏ tất cả?

- Trước kia ở nơi đây,
Lòng thần chỉ nguyện cầu
Lo đốt nén lửa thiêng,
Và rải cỏ cát tường.
Nay Phạm thiên hiện ra,

Hiện từ Phạm thiên giới,
Trả lời câu hỏi thần,
Nghe xong thần bỏ nhà.

- Này Khanh Govinda,
Ta tin lời Khanh nói!
Được nghe bậc phi nhân,
Làm sao làm khác được?
Ta sẽ theo gương Khanh,
Bậc thầy của chúng ta.
Như hòn ngọc lưu ly,
Không tỳ vết, cấu uế,
Thật trong sạch như vậy,
Ta theo giáo lý Người!

" - Nếu Thiện hữu Govinda xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thời tôi cũng xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

48. " Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda đi đến chỗ sáu vị Sát-đế-ly ở, khi đến xong liền nói với sáu vị ấy như sau:

"- Chư Hiền giả, hãy tìm một vị phụ tá khác. Vị này sẽ điều khiển quốc sự cho quý vị Hiền giả. Tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi

được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì được điều phục, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

"Rồi sáu vị Sát-đế-lỵ đi qua một bên và thảo luận như sau:

"- Những người Bà-la-môn này rất tham tài sản. Chúng ta hãy lấy tài sản để dụ dỗ Bà-la-môn này.

"Các vị này đến tại chỗ của Bà-la-môn Mahà Govinda và nói:

"- Thiện hữu, tài sản trong bảy quốc độ này rất là phong phú, Thiện hữu muốn bao nhiêu, Thiện hữu cứ lấy bấy nhiêu.

"- Thôi thôi, chư Thiện hữu! Tài sản của tôi rất là phong phú, nhờ sự giúp đỡ của quý vị. Nay tôi đã bỏ mọi danh lợi ấy để xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì được điều phục, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

49. "Rồi sáu vị Sát-đế-lỵ, đi qua một bên và thảo luận như sau:

"Những người Bà-la-môn này rất tham đàn bà. Chúng tôi hãy lấy đàn bà để dụ dỗ Bà-la-môn này.

"Các vị này đến tại chỗ của Bà-la-môn Mahà Govinda và nói:

"- Thiện hữu, đàn bà trong bảy quốc độ này rất nhiều. Thiện hữu muốn bao nhiêu, Thiện hữu cứ lấy bấy nhiêu.

"- Thôi thôi, chư Thiện hữu, tôi có đến bốn mươi vị phu nhân, thảy đều đồng đẳng. Tôi nay muốn từ bỏ tất cả các vị ấy để xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì được điều phục, nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

50. "- Nếu Thiện hữu Govinda sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thì chúng tôi cũng sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

Nếu từ bỏ dục vọng,
Mà kẻ phàm say đắm.
Tinh cần và cương quyết,
Vững chắc trong nhẫn lực,
Đó là con đường chánh,

Con đường hướng vô thượng,
Được Thiện nhân hộ trì,
Sanh lên cõi Phạm thiên.

51. " Do vậy, Thiện hữu Govinda hãy chờ bảy năm nữa, sau bảy băm chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi đi.

" - Chư Thiện hữu, bảy năm quá lâu dài. Tôi không thể chờ các Hiền giả đến bảy năm. Ai có thể biết được về mạng sống? Chúng ta phải bước đi, hướng về tương lai. Chúng ta phải học nhờ tuệ tri. Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không gì được điều phục nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

52. " - Vậy Thiện hữu Govinda, hãy chờ trong sáu năm nữa... hãy chờ trong năm năm nữ... hãy chờ trong bốn năm nữa... hãy chờ trong ba năm nữa... hãy chờ trong hai năm nữa... hãy chờ trong một năm nữa. Sau một năm chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

53. " - Chư Thiện hữu, một năm quá lâu dài. Tôi không thể chờ các Hiền giả đến một năm. Ai có thể biết được về mạng sống? Chúng ta phải bước đi hướng về tương lai. Chúng ta phải học nhờ tuệ tri. Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh, chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì mà được điều phục, nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

" - Vậy Thiện hữu Govinda, hãy chờ trong bảy tháng nữa. Sau bảy tháng chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

54. " - Chư Thiện hữu, bảy tháng quá lâu dài. Tôi không thể chờ các Hiền giả đến bảy tháng. Ai có thể biết được về mạng sống? Chúng ta phải bước đi, hướng về tương lai. Chúng ta phải học nhờ tuệ tri. Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì mà điều phục, nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

" - Vậy Thiện hữu Govinda, hãy chờ sáu tháng nữa... hãy chờ năm tháng nữa... hãy chờ bốn tháng nữa... hãy chờ ba tháng nữa... hãy chờ hai tháng nữa... hãy chờ một tháng nữa... hãy chờ nửa tháng nữa. Sau nửa tháng, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỗ nào Thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

55. " - Chư Thiện hữu, nửa tháng quá lâu dài, tôi không thể chờ các Hiền giả đến nửa tháng. Ai có thể biết được về mạng sống? Chúng ta phải bước đi, hướng về tương lai. Chúng ta phải học nhờ tuệ tri. Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì mà điều phục, nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

" - Vậy Thiện hữu Govinda, hãy chờ cho bảy ngày cho đến khi chúng tôi giao quốc độ cho các người con và người anh của chúng tôi. Sau bảy ngày, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

" - Chư Thiện hữu, bảy ngày không lâu gì. Tôi sẽ chờ chư Thiện hữu cho đến bảy ngày.

56. " Rồi Bà-la-môn Maha Govinda đi đến chỗ bảy triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh ở, khi đến xong liền nói với bảy vị triệu phúc Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh như sau:

" - Này các Thiện hữu, hãy tìm một vị giáo thọ khác, vị ấy sẽ dạy các thần chú cho chư Thiện hữu, nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì mà điều phục, nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

" - Thiện hữu Bà-la-môn Govinda, chớ có xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này Thiện hữu, xuất gia ít có quyền thế, và ít có lợi dưỡng. Làm người Bà-la-môn có nhiều quyền thế và có nhiều lợi dưỡng.

" - Chư Thiện hữu chớ có nói như vậy: " Xuất gia ít có quyền thế và ít có lợi dưỡng. Làm người Bà-la-môn có nhiều quyền thế và có nhiều lợi dưỡng ". Chư Thiện hữu, có ai nhiều quyền thế và nhiều lợi dưỡng hơn tôi. Tôi nay là vua các vị vua, là Phạm thiên cho các vị Bà-la-môn, và là vị Trời cho các Gia chủ, và tất cả điều này, tôi muốn vất bỏ, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm

thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì mà điều phục nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

" - Nếu Thiện hữu Govinda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chúng tôi cũng sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

57. " Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda đi đến bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng, khi đến xong liền nói với bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng như sau:

" - Các phu nhân, nếu muốn hãy trở về gia đình của mình hay gia đình quyến thuộc và tìm một người chồng khác. Tôi nay muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì mà được điều phục, nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

" - Ngài là người quyến thuộc của chúng tôi, người quyến thuộc mà chúng tôi ao ước. Ngài là chồng của chúng tôi, người chồng mà chúng tôi ao ước. Nếu Tôn giả Govinda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chúng tôi cũng sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Tôn giả đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

58. " Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda, sau bảy ngày liền cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi Bà-la-môn Mahà Govinda xuất gia, bảy vị Sát-đế-lỵ được làm lễ quán đảnh lên vương vị, bảy vị Bà-la-môn triệu phú, bảy trăm vị tịnh hạnh, bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng, vài ngàn vị Sát-đế-lỵ, vài ngàn vị Bà-la-môn, vài ngàn cư sĩ, và một số thiếu phụ trẻ từ các cư xá thiếu phụ, những vị này đều cạo bỏ râu tóc, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình theo Bà-la-môn Mahà Govinda.

Và được bao vây bởi hội chúng như vậy, Bà-la-môn Mahà Govinda du hành đi qua làng, qua quận, qua các đô thị. Và đến tại làng nào, hay quận nào, hay đô thị nào, Bà-la-môn Mahà Govinda được xem là vua các vị vua, là Phạm thiên cho các Bà-la-môn, là vị Trời cho các cư sĩ. Trong thời gian ấy nếu có người nào nhảy mũi hay trượt chân, người ấy liền nói: " Đảnh lễ Bà-la-môn Mahà Govinda! Đảnh lễ vị phụ tá bảy quốc độ! ".

59. "Bà-la-môn Mahà Govinda **an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư**. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp

vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Bà-la-môn Mahà Govinda, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Và vị ấy dạy cho các đệ tử **con đường đưa đến sự thân hữu với Phạm thiên giới.**

60. " Và tất cả những vị nào, trong thời ấy là đệ tử của Bà-la-môn Mahà Govinda đều hiểu được toàn diện giáo lý của Bà-la-môn Mahà Govinda. Những vị này, khi thân hoại, **mạng chung đều được sanh lên thiện thú, Phạm thiên giới.**

Những vị nào không hiểu một cách toàn diện tất cả giáo lý, sau khi thân hoại, mạng chung, một số được sanh làm thân hữu với **chư Thiên ở Tha Hóa Tự tại thiên**, một số được sanh làm thân hữu với chư Thiên ở Hóa Lạc thiên, một số được sanh làm thân hữu với chư Thiên ở Dạ-ma thiên, một số được sanh làm thân hữu với chư Thiên ở Tam thập tam thiên, một số được sanh làm thân hữu với Tứ Thiên vương thiên. Cho đến những vị phải thành tựu các thân thấp kém

nhất, cũng được thành tựu thân Càn-thát-bà.

Như vậy tất cả những thiện nam tử đã xuất gia không phải vô hiệu, không phải trống không, trái lại thật sự có hiệu quả, có tiến bộ.

61. ***Thế Tôn có nhớ không?***

- Này Pancasikha, Ta có nhớ. Ta thuở ấy là Mahà Govinda. Ta dạy cho các đệ tử của Ta con đường đưa đến sự thân hữu ở Phạm thiên quốc. Nhưng này Pancasikha, con đường phạm hạnh ấy không đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Con đường ấy chỉ đưa sanh lên cõi Phạm thiên.

Này Pancasikha, con đường phạm hạnh của Ta hoàn toàn đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Đó là con đường **Thánh đạo tám ngành** tức là Chánh Tri kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. **Này Pancasikha, con đường phạm hạnh này hoàn toàn đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn.**

62. Này Pancasikha, những vị đệ tử nào đã hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, những vị ấy trừ diệt

các lậu hoặc, vô lậu, tự mình hiện chứng thắng trí giác ngộ, sống an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

- Trong những vị không hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, trong số những vị ấy, diệt trừ năm hạ phần kiết sử, được **hóa sanh** và ở tại chỗ ấy được nhập Niết-bàn, không phải sanh lại thế giới này.

- Trong những vị không hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, một trong những vị ấy diệt trừ ba kiết sử, làm nhẹ bớt tham, sân, si, thành **bậc Nhất lai**, chỉ phải sanh vào thế giới này một lần nữa rồi diệt tận khổ đau.

- Trong những vị này không hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, một số những vị ấy từ diệt ba kiết sử, thành **bậc Dự lưu**, không còn phải sanh vào đọa xứ, nhất định chứng quả Bồ-đề.

Này Pancasikha, như vậy tất cả những thiện nam tử đã xuất gia, **không phải vô hiệu, không phải trống không, trái lại thật sự có hiệu quả, có tiến bộ.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Pancasikha, con của Càn-thát-bà, sung sướng, hoan hỷ nghe lời dạy của Thế Tôn, đảnh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài

và biến mất tại chỗ.

65 Pancàlacanda - Tương I, 111

Pancàlacanda – *Tương* I, 111

1) Đứng một bên, Thiên tử Pancàlacanda nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Dầu giữa những chướng ngại,
Bậc Đại trí Chánh giác,
Vẫn tìm được lối thoát,
Vượt qua mọi chướng ngại.
Bậc trí hiểu Thiền định,
Biết từ bỏ, tối thắng,
Bậc Mâu-ni, ẩn sĩ,

2) Thế Tôn lên tiếng:

Pancàlacanda,
Dầu giữa những chướng ngại,
Họ tìm được lối thoát,
Họ tìm được Chánh pháp
Đưa đến quả Niết-bàn.
Những vị đạt chánh niệm,
Kiên trì không dao động,
Họ là bậc chơn chánh,
Tâm điều phục, định tĩnh.

66 Parinibhàna BÁT NIẾT BÀN - Tương I, 346

Parinibhàna BÁT NIẾT BÀN – *Tương* I, 346

1) Một thời Thế Tôn ở Kusinàrà, tại Upavattana, trong rừng cây ta-la, giữa dân chúng Mallà, giữa hai cây ta-la song thọ trong khi Ngài nhập Niết-bàn.

2) Rồi Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên các Ông, hãy tinh tấn, chớ phóng dật. Các pháp hữu vi là vô thường. Đây là những lời cuối cùng của Như Lai.

3)

1. *Rồi Thế Tôn vào định sơ Thiền.*
2. *Ra sơ Thiền, Ngài vào Thiền thứ hai.*
3. *Ra Thiền thứ hai, Ngài vào Thiền thứ ba.*
4. *Ra Thiền thứ ba, Ngài vào Thiền thứ thư.*
5. *Ra Thiền thứ tư, Ngài vào Không vô biên xứ.*
6. *Ra Không vô biên xứ, Ngài vào Thức vô biên xứ.*
7. *Ra Thức vô biên xứ, Ngài vào Vô sở hữu xứ.*
8. *Ra Vô sở hữu xứ, Ngài vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ.*

4)

1. *Ra Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài vào Vô sở hữu xứ.*
2. *Ra Vô sở hữu xứ, Ngài vào Thức vô biên xứ.*
3. *Ra Thức vô biên xứ, Ngài vào Không vô biên xứ.*
4. *Ra Không vô biên xứ, Ngài vào Thiền thứ tư.*
5. *Ra Thiền thứ tư, Ngài vào Thiền thứ ba.*
6. *Ra Thiền thứ ba, Ngài vào Thiền thứ hai.*
7. *Ra Thiền thứ hai, Ngài vào sơ Thiền.*

- *Ra sơ Thiền, Ngài vào Thiền thứ hai.*
- *Ra Thiền thứ hai, Ngài vào Thiền thứ ba.*
- *Ra Thiền thứ ba, Ngài vào Thiền thứ tư.*
- *Ra Thiền thứ tư, Thế Tôn liền nhập diệt.*

5) Khi Thế Tôn diệt độ, nhân sự diệt độ này, Phạm thiên Brahmà nói lên bài kệ:

Mọi sinh vật ở đời,
Tử bỏ thân năm uẩn,
Bậc Đạo Sư cũng vậy,
Đấng Tuyệt Luân trên đời,
Như Lai, đấng Hùng Lực,
Bậc Giác Ngộ nhập diệt.

6) Khi Thế Tôn diệt độ, nhân sự diệt độ này, Thiên chủ Sakha nói lên bài kệ:

Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Tịnh chỉ chúng, an lạc.

7) Khi Thế Tôn diệt độ, nhân sự diệt độ này, Tôn giả Anada nói lên bài kệ:

Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật lông tóc dựng ngược,
Bậc Thắng Tướng đầy đủ,
Bậc Giác Ngộ nhập diệt.

8) Khi Thế Tôn diệt độ, nhân sự diệt độ này Tôn giả Anumddha nói lên bài kệ:

Không thở ra, thở vào,
Tâm trú vào chánh định,
Không tham ái, tịch tịnh,
Bậc Biến Nhãn diệt độ.
Với tâm an, bất động,
Ngài cảm thọ lâm chung,
Như đèn sáng chợt tắt,
Tâm giải thoát Niết-bàn.

67 Phi Như Lý - Tương V, 134

Phi Như Lý – *Tương* V, 134 (Ayoniso)

1) ...

2)-- Do **phi như lý tác ý**, này các Tỷ-kheo, dục tham (kàmacchanda) chưa sanh **được** sanh khởi; và dục tham đã sanh khởi đi đến tăng trưởng, quảng đại.

3) ... sân chưa sanh được sanh khởi; và sân đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

4) ... hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

5) ... trạo hối chưa sanh được sanh khởi; và trạo hối đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

6) ... nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

7) ... và niệm giác chi chưa sanh **không** sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh bị đoạn diệt... xả giác chi chưa sanh không sanh khởi; và xả giác chi đã sanh bị đoạn diệt.

8) ... Và này các Tỷ-kheo, nếu **như lý tác ý**, dục tham chưa sanh không thể sanh khởi; và dục tham đã sanh bị đoạn tận.

9) ... sân chưa sanh không thể sanh khởi; và sân đã sanh bị đoạn tận.

10) ... hôn trầm thụy miên chưa sanh không thể sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh bị đoạn tận.

11) ... trạo hối chưa sanh không thể sanh khởi; và trạo hối đã sanh bị đoạn tận.

12) ... nghi hoặc chưa sanh không thể sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh bị đoạn tận.

13) ... Do như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn... xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; và xả giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

68 Phi Thời - Tương V, 180

Phi Thời – *Tương* V, 180

13)-- Trong khi tâm thụ động, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, *không phải thời là tu tập **khinh** an giác chi, không phải thời là tu tập **định** giác chi, không phải thời là tu tập **xả** giác chi.* Vì sao? Khi tâm thụ động, này các Tỷ-kheo, thật khó làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

14) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người muốn đốt lên một ngọn lửa nhỏ, người ấy ném vào đấy cỏ ướt, phân bò ướt, củi ướt, để ngọn lửa ấy giữa mưa, gió và rắc bụi lên trên; người ấy có thể nhen đỏ ngọn lửa nhỏ ấy không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, *không phải thời là tu tập khinh an giác chi, không phải thời là tu tập định giác chi, không phải thời là tu tập xả giác chi*. Vì sao? Vì rằng, khi tâm thụ động, thật khó làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

Phải Thời – 181tu5

15) -- Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, *phải thời là tu tập **trạch pháp** giác chi, phải thời là tu tập **tinh tấn** giác chi, phải thời là tu tập **hỷ** giác chi.* Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, khi tâm thụ động, thật dễ làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

16) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người muốn đốt lên một ngọn lửa nhỏ, người ấy ném vào đấy cỏ khô, phân bò khô, củi khô, dùng miệng thổi, không có rắc bụi lên trên; người ấy có thể nhen đỏ ngọn lửa ấy không?*

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, khi tâm thụ động, thật dễ làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

Không Phải Thời – 182tu5

17) -- Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, *không phải thời là tu tập **trạch pháp** giác chi, không phải thời là tu tập **tinh tấn** giác chi, không phải thời là tu tập **hỷ** giác chi.* Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tâm dao động, thật khó được tịnh chỉ do những pháp ấy.

18) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người muốn dập tắt một đống lửa lớn. Ở đây, người ấy ném vào cỏ khô, phân bò khô và củi khô, lấy miệng thổi, và không rắc bụi lên trên. Người ấy có thể dập tắt đống lửa lớn ấy không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, không phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, không phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, không phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, tâm dao động, thật không dễ được tịnh chỉ nhờ những pháp ấy.

Phải Thời – 182tu5

19) -- Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, *phải thời là tu tập **khinh an** giác chi,*

*phải thời là tu tập **định** giác chi, phải thời là tu tập **xả** giác chi*. Vì sao? Vì rằng, tâm dao động thật dễ được tịnh chỉ nhờ những pháp này.

20) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người muốn dập tắt một đống lửa lớn. Ở đây, người ấy ném vào cỏ ướt, ném vào phân bò ướt, ném vào củi ướt, để giữa gió và mưa, và rắc bụi lên trên. Người ấy có thể dập tắt ngọn lửa lớn ấy không?*

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, phải thời là tu tập khinh an giác chi, phải thời là tu tập định giác chi, phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, tâm dao động, thật dễ được tịnh chỉ nhờ các pháp này.

21) **Nhưng đối với niệm, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lợi ích trong mọi trường hợp.**

69 Phi Thời - Tương V, 679

Phi Thời – *Tương* V, 679

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ ăn phi thời. Còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ ăn phi thời. Vì sao?

5) Này các Tỷ-kheo, vì không thấy **bốn Thánh đế**.

Thế nào là bốn?

- Thánh đế về Khổ,
- Thánh đế về Khổ tập,
- Thánh đế về Khổ diệt,
- Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

70 Phi Tưởng - Tương IV, 427

Phi Tưởng – *Tương* IV, 427

1-2). ..

3) -- *"**Phi tưởng phi phi tưởng xứ**, Phi tưởng phi phi tưởng xứ", như vậy được nói đến. Thế nào là Phi tưởng phi phi tưởng xứ?*

4) Rồi này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỷ-kheo vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ". Đây gọi là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

5) Rồi này chư Hiền, tôi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này chư Hiền, *do tôi trú với an trú này, các **tưởng** câu hữu với **Vô sở hữu xứ** được tác ý và hiện hành.*

6) Rồi này chư Hiền, Thế Tôn với thần thông đi đến tôi và nói như sau: "*Này Moggalàna, này Moggalàna, chớ có phóng dật Phi tưởng phi phi tưởng xứ! Này Moggalàna, hãy đặt tâm vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ! Hãy nhứt tâm vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ! Hãy định tâm vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ!"*

7) Rồi này chư Hiền, sau một thời gian, tôi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

8) Này chư Hiền, nếu ai nói một cách chơn chánh: *"Vị đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí"*, người ấy sẽ nói về tôi như sau: *"Mahà Moggahàna là người đệ tử được bậc Đạo Sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí".*

71 Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ - Tương III, 386

Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ – *Tương* III, 386

1-5) Một thời Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi...

6) Tôn giả Ananda thấy Tôn giả Sàriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sàriputta:

*-- Hiền giả Sàriputta, các **căn** của Hiền giả lắng dịu, sắc **mặt** được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay Hiền giả an trú với sự an trú nào?*

7-8) -- Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Vô sở hữu xứ, tôi chứng đạt và an trú **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**. Tôi **không** có khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ", hay "Tôi đã chứng nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ", hay "Tôi đã ra khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ".

8) Như vậy chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài, đã khéo nhổ tận gốc các tùy miên ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sàriputta không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ", hay "Tôi đã chứng nhập Phi tưởng phi

phi tưởng xứ", hay "Tôi đã ra khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ".

72 Phi Đạo - Tương I, 86

Phi Đạo – *Tương* I, 85

(Vị Thiên):

-- Cái gì gọi phi đạo?
Cái gì diệt ngày đêm?
Cái gì uế Phạm hạnh?
Cái gì tắm không nước?

(Thế Tôn):

-- Tham dục gọi phi đạo,
Tuổi tác diệt ngày đêm,
Nữ nhân uế Phạm hạnh,
Khiến loài Người hệ lụy,
Khổ hạnh và Phạm hạnh,
Là tắm không cần nước.

73 Phiến Đá - Tương I, 245

Phiến Đá – *Tương* I, 245

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Maddakucchi, vườn Nai (Migadaya).

2) Lúc bấy giờ, chân Thế Tôn bị phiến đá gây thương tích. Thế Tôn cảm xúc khốc liệt, toàn thân đau đớn, nhói đau, đau nhức mãnh liệt, không thích thú, không vừa ý. Và Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu không để tâm tư buồn nản.

3) Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này với Thế Tôn:

Sao Ngài uể oải nằm,
Hay tìm thơ, tìm vận,
Phải chăng việc sai biệt,
Không chờ đợi Ngài làm,
Phải một mình cô độc,
Trên ghế giường nằm, ngồi,
Với gương mặt ngái ngủ,
Sao Ngài ngủ như vậy?

(Thế Tôn):

Ta không uể oải nằm,
Không tìm thơ, tìm vận,
Mục đích Ta đã đạt,
Đâu có sầu muộn gì!
Ta nằm ngồi một mình,
Trên ghế giường vắng lặng,
Yên tĩnh Ta nằm nghỉ,
Tâm từ, thương chúng sanh.

Những kẻ, ngực bị đâm,
Hổn hển tim dồn dập,
Vẫn tìm được giấc ngủ,
Dầu bị thương tích nặng.

Sao Ta lại không ngủ,
Khi không bị thương tích,
Khi thức không âu lo,
Khi ngủ chẳng sợ hãi,
Ngày đêm không khởi lên,
Phiền não bận lòng Ta?
Ta không thấy tai hại,
Một chỗ nào trên đời,
Do vậy, Ta nằm nghỉ,
Tâm từ, thương chúng sanh.

5) Rồi Ác ma biết được: " Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", buồn khổ, thất vọng liền biến mất tại chỗ ấy.

74 Phiền luỵ - Kinh HỆ LỤY - Tăng III, 352

HỆ LỤY – *Tăng* III, 352

1. - Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Thầy **pháp môn về hệ lụy, và ly hệ lụy**, hãy lắng nghe...

❖ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn về hệ luỵ?*

2. Một nữ nhân, này các Tỷ-kheo, tác ý nội nữ căn, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức, thời nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy.

⇨ Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên tác ý đến nam căn ở ngoài, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy.

⇨ Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên nữ nhân ấy ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài.

⇨ Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc, hỷ nên nữ nhân ấy ước muốn lạc hỷ ấy.

⇨ *Này các Tỷ-kheo, do thích thú trong nữ tánh của mình, các loài hữu tình đi đến hệ luy với những người đàn ông.*

⇨ *Như vậy, này các Tỷ-kheo, nữ nhân không có thoát được nữ tánh của mình.*

3. Một nam nhân, này các Tỷ-kheo, tác ý nội nam căn, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy.

⇨ Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên tác ý đến nữ căn ở ngoài, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức mà nam nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy.

⇨ Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên nam nhân ấy ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài.

⇨ Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nam nhân ấy ước muốn lạc hỷ ấy.

⇨ *Này các Tỷ-kheo, do thích thú trong nam tánh của mình, các loài hữu tình đi đến hệ lụy với những người đàn bà.*

⇨ *Như vậy, này các Tỷ-kheo,* ***nam nhân không thoát khỏi nam tánh của mình***. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hệ lụy.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là không hệ lụy?*

4. Một nữ nhân, này các Tỷ-kheo, không tác ý nội nữ căn, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh,

nữ trang sức thời nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy.

→ Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy nên không tác ý đến nam căn ở ngoài, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy.

→ Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy nữ nhân ấy không muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên hệ lụy ấy, khởi lên lạc, hỷ, nữ nhân ấy không ước muốn lạc, hỷ ấy.

→ *Này các Tỷ-kheo, do không thích thú trong nữ tánh của mình, các loài hữu tình không đi đến hệ lụy với những người đàn ông.*

→ *Như vậy, này các Tỷ-kheo,* ***nữ nhân thoát được nữ tánh của mình****.*

5. Một nam nhân, này các Tỷ-kheo, <u>không tác ý</u> đến nội nam căn, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy.

→ Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy nên không tác ý đến nữ căn ở ngoài, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức mà nam nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy.

→ Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy nên nam nhân ấy không ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc, hỷ nên nam nhân ấy ước muốn lạc, hỷ ấy.

→ *Này các Tỷ-kheo, do không thích thú trong nam tánh của mình, các loài hữu tình không đi đến hệ lụy với những nữ nhân.*

→ *Như vậy, này các Tỷ-kheo**, nam nhân thoát được nam tánh của mình**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hệ lụy.*

Này các Tỷ-kheo, đây là pháp môn hệ lụy và ly hệ lụy.

75 Pháp - Tương II, 418

Pháp – *Tương* II, 418

1) Sàvatthi.

2) - **Khổ lụy**, này các Tỷ-kheo, là *lợi đắc, cung kính, danh vọng*, thật là đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chứng đạt vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách.

3) **Bị** lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối, **tâm** bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo, **thiện** pháp của Devadatta bị cắt đứt.

4) Như vậy khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng...

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

76 Pháp Bất Thiện - Tương V, 34

Pháp Bất Thiện – *Tương* V, 34

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi.

Thế Tôn nói như sau:

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về **bất thiện pháp và thiện pháp**. Hãy lắng nghe.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **bất thiện pháp**?* Tức là tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bất thiện pháp.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **thiện pháp**?* Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây gọi là thiện pháp.

77 Pháp Môn - Tương V, 173

Pháp Môn – *Tương* V, 173 (Pariyàya)

1) ...

2) Rồi một số đông Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, mang y bát đi vào Sàvatthi để khất thực.

3) Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi vào Sàvatthi khất thực, vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo".

4) Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

5) -- *Này chư Hiền, Sa-môn Gotama có thuyết pháp như sau cho các đệ tử:"Hãy đến, này các Tỷ-kheo, sau khi đoạn tận năm triền cái là những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, hãy như thật tu tập bảy giác chi".*

Này chư Hiền, chúng tôi cũng thuyết pháp như vậy cho các đệ tử: "Hãy đến, này chư Hiền, sau khi đoạn

tận năm triền cái là những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, hãy như thật tu tập bảy giác chi".

6) *Ở đây, này chư Hiền, cái gì là đặc thù (viseso), cái gì là thù thắng (abhippayo),* ***cái gì là sai biệt giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi****, tức là về thuyết pháp hay về giáo giới?*

7) Rồi các Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ, không bác bỏ lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ, không bác bỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy họ ra đi với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ được biết ý nghĩa lời nói này từ nơi Thế Tôn".

8) Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi đi khất thực ở Sàvatthi, sau buổi ăn, trên con đường đi khất thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, họ đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9) Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát và đi vào Sàvatthi để khất thực. Bạch Thế Tôn, rồi chúng con suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi vào Sàvatthi khất thực. Vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo". Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo những

lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Rồi bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với chúng con đang ngồi một bên: "Này chư Hiền, Sa-môn Gotama thuyết pháp như sau... tức là về thuyết pháp hay về giáo giới?"

10) Rồi, bạch Thế Tôn, chúng con không tán thán, không bác bỏ lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ, không bác bỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy chúng con ra đi với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ được hiểu lời nói này từ Thế Tôn".

11) -- Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải trả lời với các du sĩ ngoại đạo như sau: *"Này chư Hiền, **có pháp môn nào,** do pháp môn ấy, Năm triền cái được trở thành mười, Bảy giác chi được trở thành mười bốn?"* Được đáp như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo sẽ không thể cắt nghĩa được, sẽ rơi vào khó khăn.

12) Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, vấn đề này vượt ngoài giới vức của họ. Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai ở Thiên giới, thế giới này, ở Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người có thể làm thỏa mãn tâm với câu trả lời cho những câu hỏi này, ngoại

trừ Như Lai, hay đệ tử Như Lai, hay những ai được nghe từ hai vị ấy.

Năm Trở Thành Mười – 176tu5

13) -- *Và này các Tỷ-kheo, pháp môn nào, do y cứ pháp môn ấy,* ***năm triền cái trở thành mười?***

14) Cái gì thuộc nội dục tham, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại dục tham, cái ấy là triền cái. Gọi là dục tham triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

15) Cái gì thuộc về nội sân, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại sân, cái ấy là triền cái. Gọi là sân triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

16) Cái gì thuộc về nội hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại hôn trầm thụy miên, cái ấy là triền cái. Gọi là hôn trầm thụy miên là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

17) Cái gì thuộc nội trạo hối, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại trạo hối, cái ấy là

triền cái. Gọi là trạo hối triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

18) Cái gì thuộc về nội nghi hoặc, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại nghi hoặc, cái ấy là triền cái. Gọi là nghi hoặc triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

19) Này các Tỷ-kheo, chính là pháp môn này, do pháp môn này, năm triền cái trở thành mười.

Bảy Trở Thành Mười Bốn – 177tu5

20) --*Và này các Tỷ-kheo, pháp môn nào, do y cứ pháp môn ấy, **Bảy giác chi trở thành mười bốn**?*

21) Này các Tỷ-kheo,

- Cái gì là ***niệm*** *đối với nội pháp*, cái ấy là niệm giác chi.
- Cái gì là ***niệm*** *đối với ngoại pháp*, cái ấy là niệm giác chi.

Gọi là niệm giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

22) Này các Tỷ-kheo,

- Cái gì là ***quyết trạch***, *tư sát, quán sát với trí tuệ đối với các nội pháp*, cái ấy là trạch pháp giác chi.
- Cái gì là ***quyết trạch***, *tư sát, quán sát đối với các ngoại pháp*, cái ấy là trạch pháp giác chi.

Gọi là trạch pháp giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

23) Này các Tỷ-kheo,

- Cái gì là ***thân*** *tinh tấn*, cái ấy là tinh tấn giác chi.
- Cái gì là ***tâm*** *tinh tấn*, cái ấy là tinh tấn giác chi.

Gọi là tinh tấn giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

24) Này các Tỷ-kheo,

- Cái gì là ***hỷ*** *có tầm, có tứ*, cái ấy là hỷ giác chi.
- Cái gì là ***hỷ*** *không tầm, không tứ*, cái ấy là hỷ giác chi.

Gọi là hỷ giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

25) Này các Tỷ-kheo,

- Cái gì là ***thân*** *khinh an*, cái ấy là khinh an giác chi.
- Cái gì là ***tâm*** *khinh an*, cái ấy là khinh an giác chi.

Gọi là khinh an giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

26) Này các Tỷ-kheo,

- Cái gì là ***định*** *có tầm, có tứ,* cái ấy là định giác chi.
- Cái gì là ***định*** *không tầm, không tứ*, cái ấy là định giác chi.

Gọi là định giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

27) Này các Tỷ-kheo,

- Cái gì là ***xả*** *đối với các nội pháp*, cái ấy là xả giác chi.
- Cái gì là ***xả*** *đối với các ngoại pháp*, cái ấy là xả giác chi.

Gọi là xả giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai.

28) Này các Tỷ-kheo, chính là pháp môn này, y cứ pháp môn này, bảy giác chi trở thành mười bốn.

78 Phân Biệt - Tương II, 11

Phân Biệt – *Tương* II, 11

1) Trú ở Sàvatthi (Xá-vệ).

2) Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết và phân tích cho các Ông về **lý Duyên khởi**. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

-Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, thế nào là **lý Duyên khởi**?

Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên sanh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **già chết**?

Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại

chúng sanh khác, bị già, yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi, các căn chín muồi. Đây gọi là già.

Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, sự từ bỏ, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại, thân thể vứt bỏ. Đây gọi là chết. Như vậy đây là già, đây là chết. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là già chết.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **sanh**?

Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự thành tựu các xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sanh.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **hữu**?

Này các Tỷ-kheo, có ba hữu này: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **thủ**?

- Này các Tỷ-kheo, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Này các Tỷ- kheo, đây gọi là thủ.

8) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **ái**?

- Này các Tỷ-kheo, có sáu ái thân này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Này các Tỷ- kheo, đây gọi là ái.

9) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **thọ**?

- Này các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: thọ do nhãn xúc sanh; thọ do nhĩ xúc sanh; thọ do tỷ xúc sanh; thọ do thiệt xúc sanh; thọ do thân xúc sanh; thọ do ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ.

10) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **xúc**?

- Này các Tỷ-kheo, có sáu xúc thân này: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là xúc.

11) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **sáu xứ**?

- Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sáu xứ.

12) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **danh sắc**?

- Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh.
- Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc.

Như vậy đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc.

13) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **thức**?

- Này các Tỷ-kheo, có sáu thức thân này: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thức.

14) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **hành**?

- Này các Tỷ-kheo, có ba hành này: thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hành.

15) Này các Tỷ-kheo, thế nào là **vô minh**?

- Này các Tỷ-kheo, không rõ biết **Khổ**, không rõ biết **Khổ tập**, không rõ biết **Khổ diệt**, không rõ biết **Con đường đưa đến Khổ diệt.** Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh.

16) Như vậy này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Nhưng **do sự ly tham, đoạn diệt vô minh** một cách hoàn toàn, nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt.

Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

79 Phân Biệt - Tương V, 285

Phân Biệt – *Tương* V, 285

1)...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về **niệm xứ, tu tập bốn niệm xứ** và **đạo lộ đưa đến tu tập bốn niệm xứ.** Hãy lắng nghe.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm xứ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm xứ.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tu tập bốn niệm xứ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán tánh tập khởi trên **thân**; trú, quán tánh đoạn diệt trên thân; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các cảm **thọ**; trú, quán tánh đoạn diệt trên các cảm thọ; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các cảm thọ... trú, quán tánh tập khởi trên **tâm**... trú, quán tánh tập khởi trên các **pháp**; trú, quán tánh đoạn diệt trên các pháp; trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tu tập bốn niệm xứ.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo lộ đưa đến sự tu tập bốn niệm xứ?

Đây là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo lộ đưa đến tu tập bốn niệm xứ.

80 Phân Biệt - Tương V, 307

Phân Biệt – *Tương* V, 307

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn.

*3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **tín** căn?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: *"Đây là Như Lai, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".* Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tín căn.

*4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **tấn** căn?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần, tinh tấn đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, với nỗ lực kiên trì, tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng các thiện pháp (anikkhittadhuro). Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn căn.

*5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **niệm** căn?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử chánh niệm, thành tựu niệm tuệ, tối thắng (satinepakkena), ức niệm, tùy niệm các việc làm từ lâu, các lời nói từ lâu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm căn.

*6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **định** căn?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhứt tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định căn.

*7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **tuệ** căn?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt các pháp, trí tuệ các bậc Thánh thể nhập (các pháp), đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ căn.

81 Phân Bò - Tương III, 257

Phân Bò – *Tương* III, 257

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3-4) Sau khi ngồi, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

*- Bạch Thế Tôn, có thể có **sắc** nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?*

5-8) *Bạch Thế Tôn, có thể có **thọ** nào... có thể có tưởng nào... có thể có các hành nào... có thể có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy?*

9) Này Tỷ-kheo, không có sắc nào, sắc ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

10-13) - Này Tỷ-kheo, không có thọ nào... không có tưởng nào... không có các hành nào... không có thức nào, thức ấy là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú như vậy.

14) Rồi Thế Tôn lấy tay cầm lên một miếng phân bò và nói với Tỷ-kheo ấy:

15) - Này Tỷ-kheo, cho đến được một ngã thể nhỏ như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú.

16) Nếu được một ngã thể nhỏ như thế này, này Tỷ-kheo, là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú, thời đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau không thể trình bày.

Vì này Tỷ-kheo, cho đến được một ngã thể nhỏ bé như thế này cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, vĩnh viễn thường hằng, vĩnh trú; **do vậy đời sống Phạm hạnh để chơn chánh đoạn tận khổ đau có thể trình bày.**

17) **Thuở xưa**, này Tỷ-kheo, Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh. Khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 đô thị, và đô thị Kusàvatì là bậc nhất.

18) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ, đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 cung điện, và cung điện Dhamma là bậc nhất.

19) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 trùng các, và là trùng các Mahàvyùha là bậc nhất.

20) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 sàng tọa làm bằng ngà, làm bằng lõi cây, làm bằng vàng, làm bằng bạc, trải bằng nệm len có lông dài, trải bằng chăn len trắng, trải bằng chăn len thêu bông, trải nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, có lầu che phía trên và có gối chân màu đỏ cả hai đầu.

21) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 con voi với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng, và voi chúa Uposatha là bậc nhất.

22) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 con ngựa với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc với những lưới bằng vàng, và ngựa chúa Valàhaka là bậc nhất.

23) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 cỗ xe, với những trang sức bằng vàng, với những cờ xí bằng vàng, bao bọc

với những lưới bằng vàng, và cỗ xe Vejayanta là bậc nhất.

24) Này Tỷ-kheo, khi Ta là vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, Ta có 84.000 châu báu, và Ma-ni châu là bậc nhất.

25) Này Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 phụ nữ, và hoàng hậu Subhaddà là bậc nhất.

26) Này Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 chư hầu Sát-đế-lỵ, và Binh chủ báu là bậc nhất.

27) Này Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 con bò cái, với những dây thừng bằng vải đay mịn màng, và chậu sữa bằng bạc.

28) Này Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 áo bằng vải gai tinh tế, bằng vải lụa tinh tế, bằng vải len tinh tế, bằng vải bông tinh tế.

29) Này các Tỷ-kheo, khi Ta là... Ta có 84.000 dĩa bàn, và trên ấy các cơm sáng và cơm chiều được dọn lên.

30) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 đô thị ấy, đô thị Ta trú thời ấy là kinh đô Kusàvatì.

31) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 cung điện ấy, cung điện Ta trú thời ấy là cung điện Dhamma.

32) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 trùng các ấy, trùng các Ta trú là trùng các Mahàvyùha.

33) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 sàng tọa ấy, sàng tọa Ta thọ dùng thời ấy là sàng tọa bằng ngà, hay bằng lõi cây, hay bằng vàng, hay bằng bạc.

34) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 con voi ấy, con voi Ta cưỡi thời ấy là voi chúa Uposatha.

35) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 con ngựa ấy, con ngựa Ta cưỡi thời ấy là ngựa chúa Valàhaka.

36) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 cỗ xe ấy, cỗ xe Ta cưỡi thời ấy là cỗ xe Vejayanta.

37) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 phụ nữ ấy, phụ nữ hầu hạ Ta thời ấy là Khattiyàni hay Velàmikà.

38) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 áo mặc ấy, đôi áo Ta mặc thời ấy, hoặc bằng vải gai tinh tế, hay bằng lụa tinh tế, hay bằng len tinh tế, hay bằng vải bông tinh tế.

39) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong 84.000 dĩa bàn ấy, một dĩa bàn Ta dùng để ăn một phần (nàlika) cơm, còn dĩa bàn thứ hai, Ta dùng để ăn đồ ăn tương đương.

40) *Như vậy, này các Tỷ-kheo,* ***tất cả các hành ấy là thuộc quá khứ, đoạn diệt, biến hoại.***

41) *Như vậy* ***vô thường****, này các Tỷ-kheo, là các hành. Như vậy* ***không thường hằng****, này các Tỷ-kheo, là các hành. Như vậy* ***không thường trú****, này các Tỷ-kheo, là các hành.*

42) ***Cho đến như vậy,*** *này các Tỷ-kheo,* ***là vừa đủ để nhàm chán đối với tất cả hành, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát.***

82 Phân Tích - Tương V, 19

Phân Tích – *Tương* V, 19

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) -- Này các Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng và phân tích Thánh đạo Tám ngành này.** Hãy lắng nghe và khéo tác ý. Ta sẽ giảng.

-- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

3) -- *Này các Tỷ-kheo, thế nào là **con đường Thánh đạo Tám ngành**?* Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **chánh tri kiến**?* Này các Tỷ-kheo, chính là trí về khổ, trí về khổ tập, trí về khổ diệt, trí về con đường đưa đến khổ diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tri kiến.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **chánh tư duy**?* Này các Tỷ-kheo, chính là xuất ly tư duy, vô sân tư

duy, vô hại tư duy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tư duy.

6) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **chánh ngữ**?* Này các Tỷ-kheo, chính là từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh ngữ.

7) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **chánh nghiệp**?* Này các Tỷ-kheo, chính là từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ phi Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh nghiệp.

8) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **chánh mạng**?* Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đoạn trừ tà mạng, nuôi sống với chánh mạng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh mạng.

9) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **chánh tinh tấn**?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm;
- với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm;

- với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay được sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm;
- với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có lu mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tinh tấn.

10) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **chánh niệm**?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích điều phục tham ưu ở đời;
- Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời;
- Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời;
- Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh niệm.

11) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **chánh định**?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.
- Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh, nhất tâm.
- Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.
- Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh định.

83 Phân Tích - Tương V, 308

Phân Tích – *Tương* V, 308

1) Tại Savatthi, ... Thế Tôn thuyết

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này.

Thế nào là năm? **Tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn.

*3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **tín** căn?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, đặt lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: *"Đây là Như Lai, Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".* Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là tín căn.

*4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **tấn** căn?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần, tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, với nỗ lực kiên trì, tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.

- Vị ấy đối với các pháp bất thiện chưa sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho không sanh khởi;
- Đối với các pháp bất thiện đã sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho đoạn tận;
- Đối với các thiện pháp chưa sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho sanh khởi;
- Đối với các thiện pháp đã sanh, phát khởi lòng ước muốn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng làm cho an trú, không có mê ám, được tăng trưởng, quảng đại, được tu tập, được làm cho viên mãn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn căn.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **niệm** căn?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử chánh niệm, thành tựu niệm tuệ, tối thắng, ức niệm, tùy niệm các việc làm từ lâu, và lời nói từ lâu. Vị ấy trú, quán ***thân*** trên thân... quán ***thọ*** trên các cảm thọ... quán ***tâm*** trên tâm... quán ***pháp*** trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm căn.

6) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **định** căn?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhứt tâm. Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú ***Thiền thứ nhất***, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ... an trú ***Thiền thứ hai***... an trú ***Thiền thứ ba***... từ bỏ lạc, từ bỏ khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú ***Thiền thứ tư***, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định căn.

7) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **tuệ** căn?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, đầy đủ trí tuệ về sự sanh diệt các pháp, trí tuệ thuộc bậc Thánh thể nhập (các pháp), đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Vị ấy như thật rõ biết đây là khổ, như thật rõ biết đây là khổ tập khởi, như thật rõ biết đây là khổ đoạn diệt, như thật rõ biết đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ căn.

8) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

84 Phân Tích - Tương V, 425

Phân Tích – *Tương* V, 425

I

1) ...

2) -- Có **bốn như ý túc** này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn.

Tu tập như thế nào làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, bốn như ý túc này có quả lớn, có lợi ích lớn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập **như ý túc** câu hữu với **dục** định tinh cần hành (nghĩ rằng): *"Như vậy, **dục của ta** sẽ không quá thụ động, sẽ không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tưởng trước sau đồng đẳng. Trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy. Dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào thời dưới như vậy. Ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy".* Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy **tu tập tâm**.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập **như ý túc** câu hữu với **tinh tấn** định... **tâm** định... **tư duy** định tinh cần hành với ý nghĩ: *"Như vậy, **tư duy của ta** sẽ không quá thụ động và cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với **tưởng** trước sau đồng đẳng. Trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy. Dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào, thời dưới như vậy. Ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy".* Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy **tu tập tâm**.

II

4) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là **dục** quá thụ động?*

Này các Tỷ-kheo, dục nào đi đôi với biếng nhác, tương ưng với biếng nhác, đây gọi là dục quá thụ động.

5) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là **dục** quá hăng say?*

Này các Tỷ-kheo, dục nào đi đôi với trạo cử, tương ưng với dao động, đây gọi là dục quá hăng say.

6) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là **dục** bị co rút phía trong?*

Này các Tỷ-kheo, lòng dục nào đi đôi với hôn trầm thụy miên, tương ưng với hôn trầm thụy miên, đây gọi là dục bị co rút phía trong.

7) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là **dục** bị phân tán phía ngoài?*

Này các Tỷ-kheo, lòng dục nào hướng về phía ngoài, duyên năm dục công đức, bị phân tán, bị phân ly, đây gọi là dục bị phân tán phía ngoài.

8) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo trú với **tưởng** trước sau đồng đẳng, trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, tưởng trước sau của Tỷ-kheo được khéo nắm lấy, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập với trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, trú với tưởng trước sau đồng đẳng, trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy.

9) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo trú **dưới** thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào thời dưới như vậy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán thân này, từ bàn chân trở lên, từ đầu tóc trở xuống, bao bọc bởi da, đều đầy những vật bất tịnh; thân này có tóc, lông,

móng, răng, da, thịt, dây gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào, thời dưới như vậy.

10) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo trú ban **ngày** thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ban ngày tu tập như ý túc câu hữu với **dục** định tinh cần hành, với hành tướng, đặc tướng, nhân tướng gì, thời ban đêm vị ấy tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành, với hành tướng, đặc tướng, nhân tướng ấy (yehi àkàrehi yehi lingehi yehi nimittehi). Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo trú ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy.

11) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo với **tâm** rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, quang tưởng (alokasannà) của Tỷ-kheo, được khéo nắm lấy, tưởng ban ngày

được khéo an trú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

III.12-19; IV. 20-27; V.28-35. -

(Giống như kinh 20 từ đoạn số 3 đến đoạn số 11. Chỉ khác là trước nói đến ***dục*** định, nay nói đến ***tinh tấn*** định, ***tâm*** định và ***tư duy*** định).

36) -- Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, **bốn như ý túc** này có quả lớn, có lợi ích lớn.

Này các Tỷ-kheo, tu tập bốn như ý túc như vậy, làm cho sung mãn như vậy, Tỷ-kheo thực hiện nhiều loại thần thông. Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

37) Tu tập như vậy, làm cho sung mãn bốn như ý túc như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

85 Phân Tích 1 - Tương V, 328

Phân Tích 1 – *Tương* V, 328

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Lạc** căn, **khổ** căn, **hỷ** căn, **ưu** căn, **xả** căn.

*3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **lạc** căn?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì lạc thuộc về **thân**, cái gì thích thú thuộc về thân, cái gì lạc do thân xúc sanh, cái gì thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là lạc căn.

*4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **khổ** căn?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về **thân**, cái gì không thích thú thuộc về thân, cái gì khổ do thân xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là khổ căn.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **hỷ** căn (somanassa)?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì lạc thuộc về **tâm**, cái gì thích thú thuộc về tâm, cái gì lạc do ý xúc sanh, cái gì thích

thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hỷ căn.

6) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **ưu** căn?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về **tâm**, cái gì không thích thú thuộc về tâm, cái gì khổ do ý xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là ưu căn.

7) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **xả** căn?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì không thích thú và không không thích thú thuộc về thân hay thuộc về **tâm** được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là xả căn.

8) Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Phân Tích 2 – *Tương* V, 330

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Lạc** căn, **khổ** căn, **hỷ** căn, **ưu** căn, **xả** căn.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc căn?... (Như số 3, kinh trước).

4-7). .. (Như số 4 đến 7 của kinh trước) ...

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- *Cái gì thuộc **lạc** căn và cái gì thuộc **hỷ** căn, cần phải xem là **lạc thọ**.*
- *Cái gì thuộc về **khổ** căn, và cái gì thuộc **ưu** căn, cần phải xem là **khổ thọ**.*
- *Cái gì thuộc **xả** căn, cần phải xem là **bất khổ bất lạc thọ**.*

9) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

Phân Tích 3 – *Tương* V, 330

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Lạc** căn, **khổ** căn, **hỷ** căn, **ưu** căn, **xả** căn.

*3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **lạc** căn?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì lạc thuộc về **thân**, cái gì thích thú thuộc về thân, cái gì lạc do thân xúc sanh, cái gì thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là lạc căn.

*4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **khổ** căn?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về **thân**, cái gì không thích thú thuộc về thân, cái gì khổ do thân xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là khổ căn.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **hỷ** căn (somanassa)?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì lạc thuộc về **tâm**, cái gì thích thú thuộc về tâm, cái gì lạc do ý xúc sanh, cái gì thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hỷ căn.

6) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **ưu** căn?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về **tâm**, cái gì không thích thú thuộc về tâm, cái gì khổ do ý xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là ưu căn.

7) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **xả** căn?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì không thích thú và không không thích thú thuộc về thân hay thuộc về **tâm** được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là xả căn.

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- *Cái gì thuộc **lạc** căn và cái gì thuộc **hỷ** căn, cần phải xem là **lạc thọ**.*
- *Cái gì thuộc về **khổ** căn, và cái gì thuộc **ưu** căn, cần phải xem là **khổ thọ**.*
- *Cái gì thuộc **xả** căn, cần phải xem là **bất khổ bất lạc thọ**.*

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các căn này, trước **năm** sau trở thành **ba**, trước **ba** sau trở thành **năm**, tùy theo pháp môn.

86 Phân Tích 2 - Tương V, 330

Phân Tích 2 – *Tương* V, 330

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Lạc** căn, **khổ** căn, **hỷ** căn, **ưu** căn, **xả** căn.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lạc căn?... (Như số 3, kinh trước).

4-7). .. (Như số 4 đến 7 của kinh trước) ...

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- *Cái gì thuộc **lạc** căn và cái gì thuộc **hỷ** căn, cần phải xem là **lạc thọ**.*
- *Cái gì thuộc về **khổ** căn, và cái gì thuộc **ưu** căn, cần phải xem là **khổ thọ**.*
- *Cái gì thuộc **xả** căn, cần phải xem là **bất khổ bất lạc thọ**.*

9) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm căn.

87 Phân Tích 3 - Tương V, 330

Phân Tích 3 – *Tương* V, 330

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Lạc** căn, **khổ** căn, **hỷ** căn, **ưu** căn, **xả** căn.

*3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **lạc** căn?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì lạc thuộc về **thân**, cái gì thích thú thuộc về thân, cái gì lạc do thân xúc sanh, cái gì thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là lạc căn.

*4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **khổ** căn?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về **thân**, cái gì không thích thú thuộc về thân, cái gì khổ do thân xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là khổ căn.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **hỷ** căn (somanassa)?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì lạc thuộc về **tâm**, cái gì thích thú thuộc về tâm, cái gì lạc do ý xúc sanh, cái gì thích

thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hỷ căn.

6) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **ưu** căn?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì khổ thuộc về **tâm**, cái gì không thích thú thuộc về tâm, cái gì khổ do ý xúc sanh, cái gì không thích thú được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là ưu căn.

7) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **xả** căn?*

Này các Tỷ-kheo, cái gì không thích thú và không không thích thú thuộc về thân hay thuộc về **tâm** được cảm thọ; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là xả căn.

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- *Cái gì thuộc **lạc** căn và cái gì thuộc **hỷ** căn, cần phải xem là **lạc thọ**.*
- *Cái gì thuộc về **khổ** căn, và cái gì thuộc **ưu** căn, cần phải xem là **khổ thọ**.*
- *Cái gì thuộc **xả** căn, cần phải xem là **bất khổ bất lạc thọ**.*

9) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các căn này, trước **năm** sau trở thành **ba**, trước **ba** sau trở thành **năm**, tùy theo pháp môn.

88 Phóng Dật - Tương I, 322

Phóng Dật – *Tương* I, 322

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang Thiền tịnh độc cư vào buổi trưa.

3) Rồi ***hai Bích-chi Phạm thiên Subrahmà và Suddhavàsa*** đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, họ đứng mỗi người dựa vào một cột cửa.

4) Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmà nói với Bích-chi Phạm thiên Suddhavàsa:

-- Này Tôn giả, nay không phải thời để hầu thăm Thế Tôn, Thế Tôn đang Thiền tịnh vào buổi trưa. Và có một Phạm thiên giới phồn vinh và thịnh vượng, tại đấy có Phạm thiên an trú, sống phóng dật. Này Tôn giả, hãy đi đến Phạm thiên giới ấy; sau khi đến hãy làm cho Phạm thiên ấy dao động.

5) -- Thưa vâng, Thân hữu.

Bích-chi Phạm thiên Suddhavàsa vâng đáp Bích-chi Phạm thiên Subrahmà.

6) Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmà và Bích-chi Phạm thiên Suddhavàsa, như một lực sĩ...,... cũng vậy, các vị này biến mất trước mặt Thế Tôn và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy.

7) Phạm thiên này thấy các Phạm thiên kia từ xa đi đến, thấy vậy, liền nói với các vị Phạm thiên kia:

-- Này chư Tôn giả, chư Tôn giả từ đâu đến?

8) -- Này Tôn giả, chúng tôi đến, sau khi được diện kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Này Tôn giả, Tôn giả nên đi đến hầu thăm Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

9) Khi được nói vậy, Phạm thiên này không để ý đến lời nói ấy, *tự mình biến hình thành một ngàn thân,* rồi nói với Bích-chi Phạm thiên Subrahmà:

-- Này Tôn giả, Tôn giả có thấy thần lực, uy đức của ta như vậy không?

10) -- Này Tôn giả, ta có thấy thần lực, uy đức của Tôn giả như vậy.

11) -- Này Tôn giả, thần lực và uy đức của ta như vậy, thời ta còn phải đi hầu thăm một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác để làm gì?

12) Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmà *tự thân biến hình thành hai ngàn thân* rồi nói với Phạm thiên kia:

-- Này Tôn giả, Tôn giả có thấy thần lực, uy đức của ta như vậy không?

13) -- Này Tôn giả, tôi có thấy thần lực, uy đức của Tôn giả như vậy.

14) -- Này Tôn giả, Thế Tôn có đại thần lực và đại uy đức thắng hơn Ông và ta nữa. Này Tôn giả, Tôn giả hãy đi đến hầu thăm Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác.

15) Rồi Phạm thiên kia nói lên bài kệ với Bích-chi Phạm thiên Subrahmà:

Ba hàng kim sí điểu,
Và bốn hàng thiên nga,
Năm hàng trăm hổ cái
Rực rỡ và sáng chói,
Cung điện này chiếu diệu,
Bừng sáng cả Bắc phương.

(Bích-chi Phạm thiên Subrahmà):

16) Dầu cho cung điện Ông,
Rực rỡ và chói sáng,
Chiếu diệu cả vòm trời,

Bừng sáng cả Bắc phương.
Bậc Thiện Thệ sáng suốt,
*Thấy nguy hiểm trong **sắc**,*
Luôn luôn phải biến hoại,
Nên không ái lạc sắc.

17) Rồi Bích-chi Phạm thiên Subrahmà và Bích-chi Phạm thiên Suddhavàsa; sau khi làm vị Phạm thiên ấy dao động, liền biến mất tại chỗ ấy.

18) Và Phạm thiên ấy, sau một thời gian đi đến hầu thăm Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác.

89 Phương Đông 1 - Tương V, 61

Phương Đông 1 – *Tương* V, 61

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về hướng Đông, hướng về hướng Đông, xuôi về hướng Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, **liên hệ đến** ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

90 Phạm Hạnh 1 - Tương V, 46

Phạm Hạnh 1 – *Tương* V, 46

1-2) Tại Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về **Phạm hạnh** và **quả** Phạm hạnh. Hãy lắng nghe.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Phạm hạnh?* Chính là **Thánh đạo Tám ngành** này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Phạm hạnh.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là quả Phạm hạnh?* **Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả, A-la-hán quả.** Này các Tỷ-kheo, đây gọi là quả Phạm hạnh.

Phạm Hạnh 2 – 46tu5

1-2) Ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về **Phạm hạnh** và **mục đích** Phạm hạnh. Hãy lắng nghe.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Phạm hạnh?* Chính là **Thánh đạo Tám ngành** này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Phạm hạnh.

5) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là mục đích Phạm hạnh?* Này các Tỷ-kheo, **đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si**. Đây gọi là mục đích Phạm hạnh (sàmannattho).

91 Phạm Thiên - Tương I, 309

Phạm Thiên – *Tương* I, 309

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ con một nữ Bà-la-môn, tên là Brahmadeva đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn.

3) Rồi Tôn giả Brahmadeva sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, chính là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh. Vị ấy ngay hiện tại với thắng trí tự mình chứng đắc, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Và Tôn giả Brahmadeva trở thành một vị A-la-hán.

4) Rồi Tôn giả Brahmadeva vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khất thực. Trong khi bộ hành thứ lớp khất thực ở Sàvatthi, Tôn giả Brahmadeva đi đến nhà người mẹ của mình.

5) Lúc bấy giờ, nữ Bà-la-môn mẹ Tôn giả Brahmadeva, thường làm lễ cúng dường Phạm thiên.

6) Rồi Phạm thiên Sahampati suy nghĩ: "Nữ Bà-la-môn mẹ Tôn giả Brahmadeva này, thường làm lễ cúng dường Phạm thiên. Vậy ta hãy đến bà ấy và làm cho bà chấn động ".

7) Rồi Phạm thiên Sahampati, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trong nhà mẹ Tôn giả Brahmadeva.

8) Rồi Phạm thiên Sahampati đứng giữa hư không, nói lên bài kệ này với nữ Bà-la-môn mẹ Tôn giả Brahmadeva:

Ôi! Nữ Bà-la-môn,
Phạm thiên giới rất xa,
Chính Bà thường cúng dường,
Cho chính Phạm thiên ấy,
Món cúng dường như vậy,
Không món ăn Phạm thiên.

Người bập bẹ làm gì,
Chưa biết Phạm thiên đạo.
Này nữ Bà-la-môn,
Brahmadeva này

Là con trai của bà,
Ngài đoạn mọi sanh y,
Chứng pháp siêu Thiên giới,
Khất sĩ, không sở hữu,
Không nuôi dưỡng một ai.

Vị ấy nay đã đến,
Nhà Bà để khất thực,
Xứng đáng được cúng dường,
Thâm hiểu các Thánh điển,
Các căn khéo tu tập,
Nhơn, Thiên xứng cúng dường.

Vất ngoài mọi tà ác,
Thoát ly mọi nhiễm ô.
Ngài đi, tìm độ thực,
Lắng dịu mọi ưu phiền,
Về sau ngài không có,
Về trước, ngài cũng không.
Vắng lặng, không mù quáng,
Não phiền, không đắm say.
Ngài bỏ rơi gậy gộc,
Đối kẻ yếu, người mạnh.

Mong ngài được thọ hưởng,
Món thượng vị Bà dâng,
Không bị ác quân phá,
Tâm tư thuần lắng dịu.
Như voi thuần, ngài đi,

Thoát ly mọi ái dục.

Vị Tỷ-kheo trì giới,
Tâm tư khéo giải thoát,
Hãy mời ngài thọ hưởng
Thượng vị Bà cúng dường.
Bà hãy dâng cúng dường.
Lên ngài, Bà tin tưởng,
Với lòng tin bất động,
Xứng đáng Bà cúng dường.

Hãy làm điều phước đức,
Dành an lạc đời sau.
Này nữ Bà-la-môn,
Nay Bà đã thấy Ngài.
Bậc Thánh nhân ẩn sĩ,
Bậc vượt khỏi bộc lưu.

9) Bà hãy dâng cúng dường
Lên ngài, Bà tin tưởng,
Với lòng tin bất động,
Xứng đáng Bà cúng dường.
Bà đã làm công đức,
Dành an lạc đời sau,
Này Nữ Bà-la-môn,
Nay bà đã thấy ngài,
Bậc Thánh nhân ẩn sĩ,
Bậc vượt khỏi bộc lưu.

92 Phạm Thiên - Tương V, 261

Phạm Thiên – *Tương* V, 261

1) Một thời Thế Tôn trú ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, tại cây bàng ajapàla, sau khi mới giác ngộ.

2) *Trong khi Thế Tôn độc cư Thiền tịnh,* ***tâm niệm tư tưởng như sau được khởi lên****: "Đây là* ***con đường độc nhất*** *đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ đau, chứng đạt chánh lý (nàya), chứng ngộ Niết-bàn. Tức là* ***Bốn niệm xứ****".* Thế nào là bốn?

3) -- Này Tỷ-kheo, hãy trú, **quán thân** trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán **thọ** trên các thọ... trú, quán **tâm** trên tâm... trú, quán **pháp** trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ở đời. Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Tức là bốn niệm xứ.

4) Rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm ý Thế Tôn, ví như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, vị ấy biến mất ở Phạm thiên giới, hiện ra trước

mặt Thế Tôn. Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

5) -- Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Tức là **bốn niệm xứ**. Thế nào là bốn? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Tỷ-kheo trú, quán thọ trên các cảm thọ... Tỷ-kheo trú, quán tâm trên tâm... Tỷ-kheo trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Bạch Thế Tôn, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho các chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Tức là bốn niệm xứ.

6) Phạm thiên Sahampati thuyết như vậy. Nói như vậy xong, Phạm thiên Sahampati lại nói thêm:

*Thấy **con đường độc nhất**,*
Đưa đến đoạn tận sanh.
Bậc lân mẫn chúng sanh,
Biết được con đường ấy.
Chính với con đường này,

Trước đã từng vượt qua,
Tương lai sẽ vượt qua,
Nay vượt khỏi bộc lưu.

93 Phạm Thiên - Tương V, 361

Phạm Thiên – *Tương* V, 361

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Uruvela, trên bờ sông Neranjara, dưới cây bàng Ajapàla, khi vừa mới giác ngộ.

2) Rồi Thế Tôn trong khi độc cư Thiền định, tâm tư suy tưởng sau đây được khởi lên: *"**Năm căn** được tu tập, được làm sung mãn, **thể nhập vào bất tử**, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là năm? **Tín** căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. **Tấn** căn... **Niệm** căn... **Định** căn... **Tuệ** căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Năm căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh"*.

3) Rồi Phạm thiên Sahampati với tâm của mình biết được tâm tư suy tưởng của Thế Tôn, ví như người lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay

đang duỗi ra, cũng vậy, Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thế Tôn.

4) Rồi Phạm thiên Sahampati, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

-- Thưa vậy là phải, bạch Thế Tôn. Thưa vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Năm căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là năm? Tín căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... Tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh.

5) *Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con sống Phạm hạnh trong thời ngài Kassapa Chánh đẳng Chánh giác. Tại đấy mọi người biết con là: "Tỷ-kheo Sahaka, Tỷ-kheo Sahaka".* **Và con**, bạch Thế Tôn, **nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn năm căn này**, sau khi từ bỏ dục tham đối với các dục, sau khi thân hoại mạng chung, con được sanh lên thiện thú, Phạm thiên giới. Tại đấy, họ gọi con là: "Phạm thiên Sahampati, Phạm thiên Sahampati".

6) Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Con biết như sau, con thấy như sau:

*"**Năm căn** này được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào **bất tử**, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh".*

94 Phạm Thiên Baka - Tương I, 313

Phạm Thiên Baka – *Tương* I, 313

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, Phạm thiên Baka khởi lên ác tà kiến như sau: *"Đây là thường. Đây là thường hằng. Đây là thường trú. Đây là viên mãn. Đây là bất động. Đây là không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi. Và ở ngoài đây ra, không có một sự giải thoát nào khác".*

3) Rồi Thế Tôn, với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Phạm thiên Baka. Như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất ở Jetavana (Thắng Lâm) và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy.

4) Phạm Thiên Baka thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền bạch Thế Tôn:

-- Hãy đến đây, Tôn giả! Đón chào mừng Tôn giả! Thưa Tôn giả, đã từ lâu Tôn giả tạo ra cơ hội này, tức là đến đây. Thưa Tôn giả, đây là thường. Đây là

thường hằng. Đây là thường trú. Đây là viên mãn. Đây là bất động. Đây là không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi. Ngoài đây ra, không có một pháp giải thoát nào khác hơn.

5) Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Phạm thiên Baka:

-- Ông thật là vô minh, này Phạm thiên Baka! Ông thật là vô minh, này Phạm thiên Baka! Ở đây, cái vô thường lại nói là thường. Cái không thường hằng lại nói là thường hằng. Cái không thường trú lại nói là thường trú. Cái không viên mãn lại nói là viên mãn. Cái không bất động lại nói là bất động. Và ở đây có sanh, có già, có chết, có diệt, có khởi, lại nói ở đây không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi. Và có pháp giải thoát khác nữa lại nói là không có pháp giải thoát nào khác.

(Baka):

6) Này Ngài Gotama,
Bảy hai công đức nghiệp,
Chúng ta ngự thế giới,
Chinh phục sanh và già,
Đây đời sống cuối cùng,
Thâm hiểu Thánh Vệ-đà,
Đạt được Phạm thiên vị,

Nhiều người lễ bái ta.

(Thế Tôn):

7) Ngắn thay đời sống này,
Thọ mạng đâu có dài,
Chỉ có Ông, Baka,
Nghĩ rằng thọ mạng dài,
Ta biết thọ mạng Ông,
Này Brahma như vậy,
Khoảng trăm ngàn năm dư,
(Nirabbudànam).

(Baka):

8) Nếu Ngài là Thế Tôn,
Thấy được sự bất tận,
Ngài vượt qua, chinh phục,
Sanh già và sầu muộn,
Giới hạnh thuở xưa ấy,
Nào ích gì cho con,
Hãy nói lên cho con,
Để con biết rõ ràng.

(Thế Tôn):

9) Có khá đông nhiều người,
Khát nước và nhiệt não,
Quá khứ Ông cho uống,
Và cứu độ nhiều người.

Chính giới ấy, hạnh ấy
Của Ông trong thời xưa,
Như kẻ ngủ được thức
Ta có nhớ như vậy.

- Tại bờ sông Sơn Dương,
Khi quần chúng bị bắt,
Ông giải thoát cho họ,
Ông dắt trốn kẻ tù.
Chính giới ấy, hạnh ấy,
Của Ông trong thời xưa,
Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.

- Khi giữa dòng sông Hằng,
Có thuyền bị công hãm,
Bởi loại rắn bạo ngược
Muốn nuốt sống loài Người,
Với sức mạnh thần lực,
Ông chinh phục, giải cứu,
Chính giới ấy, hạnh ấy,
Của ông trong thời xưa,
Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.

- Ta với tên Kappa,
Một thời đệ tử Ông,

Ta được Ông xác nhận,
Bậc thông minh trí tuệ,
Chính giới ấy, hạnh ấy,
Của Ông trong thời xưa,
Như kẻ ngủ được thức,
Ta có nhớ như vậy.

(Baka):

10) Chắc chắn Ngài được biết,
Thọ sanh con như vậy,
Ngài cũng biết người khác,
Vì Ngài, bậc Giác Ngộ.
Như vậy oai đức Ngài,
Chói sáng là như vậy,
Hào quang Ngài sáng chói,
An trú Phạm thiên giới.

95 Phải Gọi Là Gì - Tương IV, 312

Phải Gọi Là Gì – *Tương* IV, 312 (Kimsukà)

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến một Tỷ-kheo khác, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo ấy:

-- Cho đến như thế nào, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?

*-- Này Hiền giả, Tỷ-kheo khi nào như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của **sáu xúc xứ**; cho đến như vậy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.*

3) Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia, liền đi đến một Tỷ-kheo khác và nói:

-- Này Hiền giả, cho đến như thế nào, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?

*-- Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của **năm thủ uẩn**; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.*

4) Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời của Tỷ-kheo kia, liền đi đến một Tỷ-kheo khác nữa và nói:

-- Này Hiền giả, cho đến như thế nào, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?

-- *Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của **bốn đại chủng**; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.*

5) Rồi Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn...

-- *Này Hiền giả, khi nào Tỷ-kheo như thật rõ biết rằng, **phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều phải đoạn diệt**; khi ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh.*

6) Rồi Tỷ-kheo ấy không thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi đến một Tỷ-kheo và nói với Tỷ-kheo ấy: *"Cho đến như thế nào, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?"* Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy nói với con: "Khi nào như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của sáu xúc xứ; khi

ấy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh". Bạch Thế Tôn, con không thỏa mãn câu trả lời của Tỷ-kheo kia nên đi đến một Tỷ-kheo khác; sau khi đến, con nói với Tỷ-kheo ấy: "Cho đến như thế nào, này Hiền giả, sự thấy của một Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?" Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy nói với con: "Khi nào, này Hiền giả, Tỷ-kheo như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của năm thủ uẩn... như thật tuệ tri sự tập khởi và sự chấm dứt của bốn đại chủng... như thật tuệ tri rằng, phàm có pháp gì được tập khởi, tất cả pháp ấy bị đoạn diệt, cho đến như vậy, này Hiền giả, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh ".

Bạch Thế Tôn, con không thỏa mãn câu trả lời câu hỏi của Tỷ-kheo kia nên con đi đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn: "Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, sự thấy của Tỷ-kheo khéo thanh tịnh?"

7) -- *Ví như, này Tỷ-kheo, một người chưa từng thấy cây kimsuka, người ấy đi đến một người khác đã thấy cây kimsuka và nói: "Này Bạn, cây kimsuka là thế nào?". Người ấy đáp như sau: "Này Bạn, cây kimsuma màu đen, như một khúc cây bị cháy". Như vậy, này Tỷ-kheo,* ***trong thời gian ấy, cây kimsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy.***

Rồi, này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, liền đi đến một người khác đã thấy cây kimsuka, sau khi đến, hỏi người ấy: "Này Bạn, cây kimsuka là thế nào?" Người kia trả lời: "Này Bạn, cây kimsuka màu đỏ, giống như một đống thịt". Và này Tỷ-kheo, như vậy trong thời gian ấy, cây kimsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy.

Rồi, này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, đi đến một người khác đã thấy cây kimsuka, sau khi đến nói với người ấy: "Này Bạn, cây kimsuka là thế nào?" Người kia trả lời: "Này Bạn, cây kimsuka bị lột vỏ, vỏ bị nứt nẻ ra như cây keo (sirìso)". Này Tỷ-kheo, trong thời gian ấy, cây kimsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy.

Rồi, này Tỷ-kheo, người ấy không thỏa mãn với câu trả lời của người kia, liền đi đến một người khác đã thấy cây kimsuka, sau khi đến, nói với người ấy: "Này Bạn, cây kimsuka là thế nào?" Người kia nói như sau: "Này Bạn, cây kimsuka có lá rậm rạp, bóng của nó dày và rậm, như cây bàng". Như vậy, này Tỷ-kheo, trong thời gian ấy, cây kimsuka đối với người ấy là giống như người kia đã thấy.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, tùy theo sự thấy của Chân nhân ấy khéo thanh tịnh, ***tùy thuộc theo đấy, họ đã trả lời.***

8) *Ví như, này Tỷ-kheo, có ngôi thành của vua ở biên giới được xây dựng với pháo đài kiên cố, với tường và tháp canh kiên cố và có đến sáu cửa thành. Tại đấy có người giữ cửa thành, là bậc thông minh, có kinh nghiệm và có trí, ngăn chận những người không quen biết, cho vào những người quen biết. Từ phương Đông, hai người sứ giả cấp tốc đi đến, và nói với người giữ cửa thành: "Này Bạn,* ***vị chủ thành trì này ở đâu****?" Người giữa cửa thành ấy nói: "Thưa các Tôn giả, vị ấy đang ngồi giữa ngã tư đường". Hai người sứ giả ấy cấp tốc tuyên bố lời như thật ngữ cho vị chủ ngôi thành, rồi tiếp tục đi theo con đường họ đến. Từ phương Tây, lại hai người sứ giả cấp tốc đi đến... từ phương Bắc, lại hai người sứ giả cấp tốc đi đến, và nói với người giữ cửa thành: "Này Bạn, vị chủ thành trì này ở đâu?" Người giữ cửa thành ấy nói: "Thưa các Tôn giả, vị ấy đang ngồi giữa ngã tư đường". Rồi hai người sứ giả ấy cấp tốc tuyên bố lời như thật ngữ cho vị chủ ngôi thành, rồi tiếp tục theo con đường họ đến.*

9) Này Tỷ-kheo, Ta nói ví dụ để giải thích ý nghĩa, và đây là ý nghĩa:

- Ngôi thành, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **thân** do bốn đại chủng tạo thành này, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, tiêu mòn, tiêu hao, hủy hoại, hủy diệt.
- Sáu cửa, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **sáu nội xứ**.
- Người giữ cửa, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **niệm**.
- Hai vị sứ giả cấp tốc, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **chỉ và quán**.
- Người chủ ngôi thành là đồng nghĩa với **thức**.
- Ở giữa tại ngã tư đường là đồng nghĩa với **bốn đại chủng**: địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới.
- Lời như thật ngữ, này Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **Niết-bàn**.
- Theo con đường họ đến là đồng nghĩa với con đường **Thánh đạo Tám ngành**. Như chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

96 Phải Thời - Tương V, 181

Phải Thời – *Tương* V, 181

15) -- Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, *phải thời là tu tập **trạch pháp** giác chi, phải thời là tu tập **tinh tấn** giác chi, phải thời là tu tập **hỷ** giác chi.* Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, khi tâm thụ động, thật dễ làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

16) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người muốn đốt lên một ngọn lửa nhỏ, người ấy ném vào đấy cỏ khô, phân bò khô, củi khô, dùng miệng thổi, không có rắc bụi lên trên; người ấy có thể nhen đỏ ngọn lửa ấy không?*

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, khi tâm thụ động, thật dễ làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

Phi Thời – 180tu5

13)-- Trong khi tâm thụ động, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, *không phải thời là tu tập **khinh** an giác chi, không phải thời là tu tập **định** giác chi, không phải thời là tu tập **xả** giác chi*. Vì sao? Khi tâm thụ động, này các Tỷ-kheo, thật khó làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

14) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người muốn đốt lên một ngọn lửa nhỏ, người ấy ném vào đấy cỏ ướt, phân bò ướt, củi ướt, để ngọn lửa ấy giữa mưa, gió và rắc bụi lên trên; người ấy có thể nhen đỏ ngọn lửa nhỏ ấy không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, *không phải thời là tu tập khinh an giác chi, không phải thời là tu tập định giác chi, không phải thời là tu tập xả giác chi*. Vì sao? Vì rằng, khi tâm thụ động, thật khó làm tâm phát khởi nhờ những pháp này.

Không Phải Thời – 182tu5

17) -- Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, *không phải thời là tu tập **trạch pháp** giác chi, không phải thời là tu tập **tinh tấn** giác chi, không phải thời là tu tập **hỷ** giác chi.* Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tâm dao động, thật khó được tịnh chỉ do những pháp ấy.

18) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người muốn dập tắt một đống lửa lớn. Ở đây, người ấy ném vào cỏ khô, phân bò khô và củi khô, lấy miệng thổi, và không rắc bụi lên trên. Người ấy có thể dập tắt đống lửa lớn ấy không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, không phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, không phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, không phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, tâm dao động, thật không dễ được tịnh chỉ nhờ những pháp ấy.

Phải Thời – 182tu5

19) -- Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, *phải thời là tu tập **khinh an** giác chi,*

*phải thời là tu tập **định** giác chi, phải thời là tu tập **xả** giác chi*. Vì sao? Vì rằng, tâm dao động thật dễ được tịnh chỉ nhờ những pháp này.

20) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người muốn dập tắt một đống lửa lớn. Ở đây, người ấy ném vào cỏ ướt, ném vào phân bò ướt, ném vào củi ướt, để giữa gió và mưa, và rắc bụi lên trên. Người ấy có thể dập tắt ngọn lửa lớn ấy không?*

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, phải thời là tu tập khinh an giác chi, phải thời là tu tập định giác chi, phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, tâm dao động, thật dễ được tịnh chỉ nhờ các pháp này.

21) **Nhưng đối với niệm, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lợi ích trong mọi trường hợp.**

97 Phần - Tương V, 587

Phần – *Tương* V, 587

1) ...

2) -- Có **bốn Dự lưu phần** này, này các Tỷ-kheo.

3) Thế nào là bốn?

- Thân cận bậc Chân nhân,
- Nghe diệu pháp,
- Như lý tác ý,
- Thực hành pháp và tùy pháp.

4) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn Dự lưu phần.

98 Phẩm Sông Hằng Rộng Thuyết - Tương V, 377

Phẩm Sông Hằng Rộng Thuyết – *Tương* V, 377

1-2) Tại Sàvatthi. Tại đấy, Thế Tôn nói như sau:

-- Này các Tỷ-kheo, có **bốn chánh cần** này. Thế nào là bốn?

3-6) Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các ác, **bất** thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.
- Đối với các ác, **bất** thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn đoan tận, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.
- Đối với các **thiện** pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.
- Đối với các **thiện** pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất (asammosàya), làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

7) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn chánh cần.

8) *Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập **bốn chánh cần**, làm cho sung mãn bốn chánh cần, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, bốn chánh cần tu tập làm cho sung mãn như thế nào, lại thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn?

9) Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các ác, **bất** thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.
- Đối với các ác, **bất** thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn đoan tận, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.
- Đối với các **thiện** pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.
- Đối với các **thiện** pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất (asammosàya), làm cho tăng trưởng, làm cho

quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập **bốn chánh cần**, làm cho sung mãn bốn chánh cần, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

99 Phẩm Tầm Cầu - Tương V, 380

Phẩm Tầm Cầu – *Tương* V, 380

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có **ba tầm cầu** này. Thế nào là ba? Dục tầm cầu, hữu tầm cầu, Phạm hạnh tầm cầu. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tầm cầu.

3) Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba tầm cầu này, này các Tỷ-kheo, **bốn chánh cần** này cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

4-7) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh...; đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho sung mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

8) Để thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba tầm cầu này, bốn chánh cần này cần phải tu tập.

100 Phẩm Việc Làm Cần Sức Mạnh - Tương V, 379

Phẩm Việc Làm Cần Sức Mạnh – *Tương* V, 379

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những việc làm cần dùng đến sức mạnh mà làm tất cả công việc ấy, được làm y cứ vào **đất**, an trú vào đất.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào **giới**, an trú vào giới, tu tập **bốn chánh cần**, làm cho sung mãn bốn chánh cần.

3) *Như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần?*

4-7) Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo đối với các ác, **bất** thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.
- Đối với các ác, **bất** thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn đoạn tận, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

- Đối với các **thiện** pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.
- Đối với các **thiện** pháp đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất (asammosàya), làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

8) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bốn chánh cần, làm cho sung mãn bốn chánh cần.

101 Phẫn Nộ - Tương IV, 387

Phẫn Nộ – *Tương* IV, 387

1) ...

2) Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, con thấy người đàn bà, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Bạch Thế Tôn, ***nữ nhân, do đầy đủ những pháp gì, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?***

4) -- Đầy đủ năm pháp, này Anuruddha, người đàn bà, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là năm?

5) Đó là bất tín, là vô tàm, là vô quý, là phẫn nộ, là ác tuệ.

6) Đầy đủ năm pháp này, này Anuruddha, người đàn bà, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Có Hận (Upanàhi) – 387tu4

...(như kinh trên, chỉ thế có hận vào pháp thứ tư) ...

Tật Đố (Issukii) – 387tu4

...(như kinh trên, chỉ thế có tật đố vào pháp thứ tư) ...

Do Xan Tham (Macharena) – 388tu4

...(như kinh trên, chỉ thế xan tham vào pháp thứ tư) ...

Phạm Dâm (Aticari) – 388tu4

...(như kinh trên, chỉ thế phạm dâm vào pháp thứ tư) ...

Ác Giới – 388tu4

...(như kinh trên, chỉ thế ác giới vào pháp thứ tư) ...

Ít Nghe – 388tu4

...(như kinh trên, chỉ thế ít nghe vào pháp thứ tư) ...

Biếng Nhác (Kusìta) – 388tu4

...(như kinh trên, chỉ thế biếng nhác vào pháp thứ tư) ...

Thất Niệm (Mutthassati) – 388tu4

...(như kinh trên, chỉ thế thất niệm vào pháp thứ tư) ...

Năm Cấm – 388tu4 (Pancaveram)

1-2-3) ...

4) -- Đầy đủ năm pháp, này Anuruddha, người đàn bà, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là năm?

5) Đó là sát sanh, là lấy của không cho, là tà hạnh trong các dục, là nói láo, là say đắm rượu men, rượu nấu.

6) Đầy đủ năm pháp này, này Anuruddha, người đàn bà sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

102 Phật hay AlaHán - Tương V, 397

Phật hay AlaHán – *Tương* V, 397

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn như ý túc này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo tu tập như ý túc, câu hữu với **dục** định tinh cần hành;
- Tu tập như ý túc, câu hữu với **tinh tấn** định tinh cần hành;
- Tu tập như ý túc, câu hữu với **tâm** định tinh cần hành;
- Tu tập như ý túc, câu hữu với **tư duy** định tinh cần hành.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là bốn như ý túc.

3) Do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn như ý túc** này**, Như Lai được gọi là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.**

103 Phỉ Báng - Tương I, 352

Phỉ Báng – *Tương* I, 352

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Bà-la-môn Akkosaka Bhàradvàja được nghe Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvàja đã xuất gia với Thế Tôn, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

3) Ông phẫn nộ, không hoan hỷ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói những lời nói không tốt đẹp, ác ngữ, phỉ báng và nhiếc mắng Thế Tôn.

4) Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Akkosaka Bhàradvàja:

- Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Các thân hữu bà con huyết thống, các khách có đến viếng thăm Ông không?

5) Thưa Tôn giả Gotama, thỉnh thoảng, các thân hữu, bà con huyết thống, các khách có đến viếng thăm tôi.

6) *Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ông có sửa soạn cho họ các món ăn loại cứng, loại mềm và các loại đồ nếm không?*

7) Thưa Tôn giả Gotama, thỉnh thoảng tôi sửa soạn cho họ các món ăn loại cứng, loại mềm, các loại đồ nếm.

8*) Nhưng này Bà-la-môn,* ***nếu họ không thâu nhận, thời các món ăn ấy về ai****?*

9) Thưa Tôn giả Gotama, nếu họ không thâu nhận, thời các món ăn ấy về lại chúng tôi.

10) Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu Ông phỉ báng chúng tôi là người không phỉ báng; nhiếc mắng chúng tôi là người không nhiếc mắng; gây lộn với chúng tôi là người không gây lộn; chúng tôi không thâu nhận sự việc ấy từ Ông, thời này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại Ông. Này Bà-la-môn, sự việc ấy chỉ về lại Ông.

Này Bà-la-môn, ai phỉ báng lại khi bị phỉ báng, nhiếc mắng lại khi bị nhiếc mắng, gây lộn lại khi bị gây lộn, thời như vậy, này Bà-la-môn, người ấy được xem là đã hưởng thọ, đã san sẻ với Ông. Còn chúng tôi không cùng hưởng thọ sự việc ấy với Ông, không cùng san sẻ sự việc ấy với Ông, thời này Bà-la-môn,

sự việc ấy về lại Ông! Này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại Ông!

11) Nhà vua và vương cung, vương thần nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama là vị A-la-hán". Tuy vậy Tôn giả Gotama nay đã phẫn nộ.

(Thế Tôn):

12) Với vị không phẫn nộ,
Phẫn nộ từ đâu đến?
Sống chế ngự, chánh mạng,
Giải thoát, nhờ chánh trí.
Vị ấy sống như vậy,
Đời sống được tịch tịnh.

Những ai bị phỉ báng,
Trở lại phỉ báng người,
Kẻ ấy làm ác mình,
Lại làm ác cho người.

Những ai bị phỉ báng,
Không phỉ báng chống lại,
Người ấy đủ thắng trận,
Thắng cho mình, cho người.

Vị ấy tìm lợi ích,
Cho cả mình và người.
Và kẻ đã phỉ báng,

Tự hiểu, lắng nguội dần.

Bậc Y sư cả hai,
Chữa mình, chữa cho người,
Quần chúng nghĩ là ngu,
Vì không hiểu Chánh pháp.

13) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Akkosaka Bhàradvàja bạch Thế Tôn:

- Thật là vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama cho con được xuất gia tu học với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

14) Bà-la-môn Akkosaka Bhàradvàja được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

15) Được thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Akkosaka Bhàrahvàja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến: Đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại với thắng trí, tự mình giác ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: " Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa ".

16) Và Tôn giả Akkosaka Bhàradvàkja trở thành một vị A-la-hán nữa.

104 Phụ Nữ - Tương II, 407

Phụ Nữ – *Tương* II, 407

1) Sàvatthi.

2) - **Khổ lụy**, này các Tỷ-kheo, là *lợi đắc, cung kính, danh vọng*, thật là đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chứng đạt vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách.

3) Với ai, này các Tỷ-kheo, tâm bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chinh phục và ngự trị, thời không một nữ nhân nào, với tâm của mình chinh phục và ngự trị tâm của người ấy.

4) Như vậy khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng, thật là đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chứng đạt vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

Mỹ Nhân – 408tu2

... không một mỹ nhân nào...

105 Pindolo - Tương V, 349

Pindolo – *Tương* V, 349 (Kẻ tìm tòi các đống rác)

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Pindolabhàradvàja tuyên bố với chánh trí như sau: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa. Ta rõ biết như vậy".

3) Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- *Tôn giả Pindolabhàradvàja đã tuyên bố với chánh trí như sau: "Ta rõ biết rằng: Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa". Do thấy lý do gì (althavasam), bạch Thế Tôn, Tôn giả Pindolabhàradvàja lại tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?*

4) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn ba căn, này các Tỷ-kheo, khiến Tỷ-kheo Pindolabhàradvàja tuyên bố

với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa". Ba căn ấy là gì?

5) *Niệm căn, định căn, tuệ căn.*

6) Chính do tu tập, do làm cho sung mãn ba căn này, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo Pindolabhàradvàja đã tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

7) ***Và này các Tỷ-kheo,***

*Ba căn này, **chúng đi đến tận cùng ở đâu?** – Tận cùng đi đến **đoạn diệt.***

*Đi đến **đoạn diệt cái gì?** Đi đến **đoạn diệt gì?** – **Sanh, già** và **chết.***

Vì thấy sanh già và chết đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, nên Tỷ-kheo Pindolabhàradvàja đã tuyên bố với chánh trí rằng: "Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

106 Piyankara - Tương I, 462

Piyankara – *Tương* I, 462

1) Một thời Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Anuruddha thức dậy khi đêm vừa mới sáng, đang **tụng đọc pháp cú.**

3) Một nữ Dạ-xoa, mẹ của Piyankara dỗ cho con nín như sau:

Này Piyankara,
Chớ có sanh tiếng động,
Vị Tỷ-kheo đang tụng,
*Những lời về **pháp cú.***
Nếu chúng ta biết được,
Học được pháp cú này,
Rồi như pháp hành trì,
Chúng ta được lợi ích.

Không sát hại sanh vật,
Không cố ý nói láo,
*Tự học tập **giới** luật,*
Chúng ta thoát ngạ quỷ.

107 Pubbakotthaka - Tương V, 344

Pubbakotthaka – *Tương* V, 344 (Ngôi nhà phía Đông)

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Pubbakotthaka.

2) Tại đấy, Thế Tôn bảo Tôn giả Sàriputta:

3) -- *Ông có tin không, này Sàriputta, **tín** căn được tu tập, được làm cho sung mãn, **thể nhập vào bất tử**, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh...? Ông có tin không, này Sàriputta, **tuệ** căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh?*

4) -- Ở đây, bạch Thế Tôn, con không đi với lòng tin của Thế Tôn, rằng **tín** căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh... **tuệ** căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh. Với những ai, bạch Thế Tôn, không chứng trí, không thấy, không hiểu, không chứng ngộ, không đạt tới với trí tuệ; họ cần đi với lòng tin của kẻ khác (tin rằng): "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn,

thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh".

Còn với những ai, bạch Thế Tôn, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; những người ấy, ở đây, không có nghi ngờ, không có phân vân (tin rằng): "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh". **Còn con, bạch Thế Tôn, đã chứng tri**, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; con ở đây, không có nghi ngờ, không có phân vân (tin rằng): "**Tín** căn... **tuệ** căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh".

5) -- Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Với những ai, này Sàriputta, không chứng tri, không thấy, không hiểu, không chứng ngộ, không đạt tới với trí tuệ; ở đây, họ cần đi với lòng tin của kẻ khác (tin rằng): "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh". Và còn với những ai, này Sàriputta, đã chứng tri, đã thấy, đã hiểu, đã chứng ngộ, đã đạt tới với trí tuệ; những người ấy, ở đây không có nghi ngờ, không có phân vân (tin rằng): "Tín căn... tuệ căn được tu tập, được làm cho sung

mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm mục đích, lấy bất tử làm cứu cánh".

108 Punabbasu - Tương I, 463

Punabbasu – *Tương* I, 463

1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo về vấn đề liên hệ đến Niết-bàn, tuyên thuyết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung mọi tâm tư, lóng tai nghe pháp.

3) Rồi một nữ Dạ-xoa, mẹ Punabbasu dỗ con nín như sau:

Hãy gìn giữ im lặng,
Này Uttarika!
Hãy gìn giữ im lặng,
Này Punabbasu!
Để mẹ được nghe pháp.
Đạo Sư, tối thượng Phật,
Thế Tôn giảng Niết-bàn,
Thoát ly mọi triền phược,
Mẹ đối với pháp ấy,
Thật cực kỳ ái lạc.
Đời ái lạc con mình,

Đời ái lạc chồng mình,
Nhưng đối với đạo pháp,
Mẹ ái lạc nhiều hơn.
Con hay chồng dầu thân,
Không cứu ta thoát khổ,
Không như nghe diệu pháp,
Chúng sanh được thoát khổ.

Trong đau khổ đời sau,
Dính liền già và chết,
Chánh pháp Ngài giác ngộ,
Giải thoát khỏi già chết.
Mẹ muốn nghe pháp ấy
Hãy nín đi con ơi!
Này Punabbasu.

(Punabbasu):

4) Thưa mẹ, con không nói,
Uttarà nín lặng.
Mẹ hãy lắng nghe pháp,
Nghe pháp được an lạc.
Vì không biết diệu pháp,
Chúng ta trôi sanh tử.
Giữa Nhân, Thiên mù quáng,
Ngài đem cho ánh sáng,
Giác ngộ, thân tối hậu,
Bậc Pháp nhãn thuyết pháp.

(Bà mẹ):

5) Hữu trí thay, con ta!
Con ta sanh ẵm ngực.
Nay con ta ái lạc,
Tịnh pháp Vô thượng Phật.
Này Punabbasu!
Hãy sống chơn an lạc,
Nay ta được sống lại,
Thấy được chơn ***Thánh đế****,*
Này con Uttara!
Hãy nghe theo lời ta.

109 Punna - Tương IV, 106

Punna – *Tương* IV, 106

1) ...

2) Rồi Tôn giả Punna đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Punna bạch Thế Tôn:

*-- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn **vắn tắt thuyết pháp** cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4) -- Này Punna, có những **sắc** do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, an trú luyến trước; do vị ấy hoan hỷ sắc ấy, tán dương, an trú luyến trước, hỷ (nandì) sanh. Này Punna, Ta nói rằng: "**Do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi**".

Này Punna, có những **tiếng** do tai nhận thức... Có những **hương** do mũi nhận thức... Có những **vị** do lưỡi nhận thức.. Có những **xúc** do thân nhận thức... Này Punna, có những **pháp** do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu

Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, an trú luyến trước; do vị ấy hoan hỷ pháp ấy, tán dương, an trú luyến trước nên hỷ sanh. Này Punna, Ta nói rằng: "Do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi".

5) Này Punna, có những **sắc** do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không an trú luyến trước; do vị ấy không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không an trú luyến trước nên hỷ đoạn diệt. Này Punna, Ta nói rằng: "**Do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt**"

... Này Punna, có những **pháp** do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không an trú luyến trước; do vị ấy không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không an trú luyến trước nên hỷ đoạn diệt. Này Punna, Ta nói rằng: "Do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt".

6) *Này Punna, sau khi được nghe giáo giới với lời giáo giới vắn tắt này của Ta, Ông sẽ **trú tại quốc độ nào**?*

-- Bạch Thế Tôn, có một quốc độ tên là Sunàparanta, tại đấy con sẽ ở.

7) -- ***Thô bạo***, *này Punna, là người xứ Sunàparanta.* ***Độc ác***, *này Punna, là người xứ Sunàparanta. Nếu người xứ Sunàparanta, này Punna, chửi bới, nhiếc mắng Ông, thời này Punna, ở đây, Ông nghĩ thế nào?*

-- Nếu người xứ Sunàparanta, bạch Thế Tôn, chửi bới, nhiếc mắng con, ở đây, con sẽ nghĩ: "**Thật là hiền thiện**, người xứ Sunàparanta này! Thật là khéo hiền thiện, người xứ Sunàparanta này! **Vì những người này không** lấy tay đánh đập ta". Như vậy, ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Như vậy, ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

8) -- *Nếu người xứ Sunàparanta, này Punna, sẽ đánh đập Ông bằng tay, thời ở đây, này Punna, Ông sẽ nghĩ thế nào?*

-- Nếu người xứ Sunàparanta, bạch Thế Tôn, đánh đập con bằng tay, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng cục đất". Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

9) -- *Nhưng nếu người xứ Sunàparanta, này Punna, đánh đập Ông bằng cục đất, thời ở đây, này Punna, Ông nghĩ thế nào?*

-- Nếu những người xứ Sunàparanta, bạch Thế Tôn, đánh đập con bằng cục đất, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng gậy". Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

10) -- *Nhưng nếu những người xứ Sunàparanta, này Punna, sẽ đánh đập Ông với gậy, thời ở đây, này Punna, Ông nghĩ thế nào?*

-- Nếu những người xứ Sunàparanta này, bạch Thế Tôn, sẽ đánh đập con với gậy, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng kiếm". Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

11) -- *Nhưng nếu những người xứ Sunàparanta, này Punna, lại đánh đập Ông bằng kiếm, thời ở đây, này Punna, Ông sẽ nghĩ thế nào?*

-- Nếu những người xứ Sunàparanta, bạch Thế Tôn, đánh đập con với cây kiếm, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunàparanta này! Vì những người này không đoạn mạng ta với cây kiếm sắc bén". Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

12) -- *Nhưng nếu những người xứ Sunàparanta, này Punna, sẽ đoạn mạng Ông với lưỡi kiếm sắc bén, thời ở đây, này Punna, Ông sẽ nghĩ như thế nào?*

-- Nếu những người xứ Sunàparanta, bạch Thế Tôn, sẽ đoạn mạng con với lưỡi kiếm sắc bén, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Có những đệ tử của Thế Tôn, khi phiền não, tủi hổ và ghê tởm bởi thân và sinh mạng đã sử dụng đến con dao. Nay dầu không tìm đến ta vẫn được sử dụng con dao". Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

13) -- Lành thay, lành thay, này Punna! **Đầy đủ với sự an tịnh tự điều** này, Ông có thể sống tại quốc độ

Sunàparanta. Này Punna, nay Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

14) Rồi Tôn giả Punna hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, rồi bộ hành đi đến xứ Sunàparanta. Ngài tuần tự bộ hành và đến xứ Sunàparanta. Tại đây, Tôn giả Punna trú tại xứ Sunàparanta.

15) Và trong mùa mưa ấy, Tôn giả Punna độ cho khoảng 500 cư sĩ. Cũng trong mùa mưa ấy, Tôn giả chứng được **ba minh**. Và cũng trong mùa mưa ấy Tôn giả Punna viên tịch.

16) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

17) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, thiện gia nam tử Punna, sau khi được Thế Tôn giáo giới một cách vắn tắt, đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Đời sau của vị ấy thế nào?

-- Bậc Hiền trí, này các Tỷ-kheo, là thiện nam tử Punna. Sở hành là đúng pháp và thuận pháp. Vị ấy không làm phiền não Ta với những kiện tụng về

pháp. Hoàn toàn tịch diệt, này các Tỷ-kheo, là thiện nam tử Punna.

110 Puta - Tương IV, 481

Puta – *Tương* IV, 481

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Talaputa, nhà vũ kịch sư (natagàmani), đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, vũ kịch sư Talaputa bạch Thế Tôn:

-- Con được nghe, bạch Thế Tôn, các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các nhà vũ kịch, nói rằng: "Ai là nhà vũ kịch, trên sân khấu giữa kịch trường, với các ***điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười****, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cọng trú với chư Thiên hay cười (pahàsadeve)". Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào?*

-- Thôi vừa rồi, này Thôn trưởng. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này.

4) Lần thứ hai, vũ kịch sư Talaputa bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, con có nghe các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các nhà vũ kịch, nói rằng: "Ai là nhà

vũ kịch, trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cọng trú với chư Thiên hay cười". Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào?

-- Thôi vừa rồi, này Thôn trưởng. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này.

5) Lần thứ ba, vũ kịch sư Talaputa bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, con có nghe các vị Đạo sư, các vị Tổ sư thuở xưa nói về các nhà vũ kịch, nói rằng: "Ai là nhà vũ kịch, trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cộng trú với chư Thiên hay cười". Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào?

-- Thật sự, Ta đã không chấp nhận và nói rằng: "Thôi vừa rồi, này Thôn trưởng. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này". Tuy vậy, Ta sẽ trả lời cho Ông.

6) Này Thôn trưởng, đối với những loài hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng **tham**, còn bị lòng tham trói buộc, nếu nhà vũ kịch trên sân khấu hay trong kịch trường, tập trung những pháp hấp dẫn, thời khiến lòng **tham** của họ ***càng tăng thịnh***.

Này Thôn trưởng, đối với những loại hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng **sân**, còn bị lòng sân trói buộc, nếu nhà vũ kịch trên sân khấu hay trong kịch trường tập trung những pháp liên hệ đến sân, thời khiến cho lòng **sân** của họ ***càng*** *tăng thịnh*.

Này Thôn trưởng, đối với loài hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng **si**, còn bị lòng si trói buộc, nếu nhà vũ kịch trên sân khấu hay trong kịch trường tập trung những pháp liên hệ đến si, thời khiến cho lòng **si** của họ ***càng*** *tăng thịnh*.

7) Người ấy tự mình đắm say, phóng dật, làm người khác đắm say và phóng dật, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh trong **địa ngục Hý tiếu** (Pahàso). Nếu người ấy có (tà) kiến như sau: "Người vũ kịch nào, trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cộng trú với chư Thiên hay cười". Như vậy là tà kiến. Ai rơi vào tà kiến, này Thôn trưởng, Ta nói rằng người ấy chỉ có một trong hai sanh thú: một là địa ngục, hai là súc sanh.

8) Khi được nói vậy, vũ kịch sư Talaputa phát khóc và rơi nước mắt.

-- Chính vì vậy, này Thôn trưởng, Ta đã không chấp nhận và nói: "Thôi vừa rồi, này Thôn trưởng. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này".

-- Bạch Thế Tôn, con khóc ***không*** phải vì Thế Tôn đã nói như vậy. Nhưng, bạch Thế Tôn, vì con đã bị các Đạo sư, các Tổ sư vũ kịch thời trước đã lâu ngày lừa dối con, dối trá con, dắt dẫn lầm lạc con rằng: "Người vũ kịch nào trên sân khấu hay giữa kịch trường, với các điệu bộ giả sự thật, làm quần chúng vui cười, thích thú; người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên hay cười".

9) Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con nay xin quy y Phật, Pháp và chúng Tăng. Mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới!

10) Vũ kịch sư Talaputa được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới.

11) Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Talaputa... trở thành một vị A-la-hán nữa.

111 Pàrileyya - Tương III, 174

Pàrileyya – *Tương* III, 174

1) Một thời Thế Tôn ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

2) Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kosambi để khất thực. Khất thực xong, sau buổi ăn, trên con đường khất thực trở về, Ngài dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.

3) Rồi một Tỷ-kheo, khi Thế Tôn đi chưa bao lâu, liền đi đến Tôn giả Ànanda; sau khi đến, nói với Tôn giả Ananda:

- Này Hiền giả Ananda, Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.

4) - Này Hiền giả, trong khi Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành; trong khi ấy, Thế Tôn ưa sống một mình; trong khi ấy, Thế Tôn không muốn ai đi theo Ngài.

5) Rồi Thế Tôn tuần tự du hành, đi đến Pàlileyyaka. Tại đây, Thế Tôn trú ở Pàlileyyaka, dưới gốc cây bhaddasàla.

6) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

7) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ananda:

- Đã lâu lắm, này Hiền giả Ananda, chúng tôi chưa được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Chúng tôi muốn, này Hiền giả Ananda, được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp.

8) Rồi Tôn giả Ananda cùng với các Tỷ-kheo ấy đi đến Pàlileyyaka, gốc cây bhaddasàla, chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9) Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỷ-kheo ấy, giảng giải, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

10) *Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo sanh khởi suy nghĩ như sau:* ***"Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"***

11) Thế Tôn với tâm của mình biết được suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, **pháp đã được giải thích, thuyết giảng**. ***Bốn niệm xứ*** đã được giải thích, thuyết giảng. ***Bốn chánh cần*** đã được giải thích, thuyết giảng. ***Bốn như ý túc*** đã được giải thích, thuyết giảng. ***Năm căn*** đã được giải thích, thuyết giảng. ***Năm lực*** đã được giải thích, thuyết giảng. ***Bảy bồ-đề phần*** đã được giải thích, thuyết giảng. ***Thánh đạo Tám ngành*** đã được giải thích, thuyết giảng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, pháp được Ta giải thích, thuyết giảng.

12) Dầu cho, này các Tỷ-kheo, các pháp được Ta giải thích, thuyết giảng như vậy, nhưng ở đây có Tỷ-kheo khởi lên suy nghĩ sau đây: *"Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"*

13-16) *Này các Tỷ-kheo,* ***biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?***

Ở đây, này các Tỷ-kheo, **kẻ vô văn phàm phu** không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các

bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, *quán **sắc** như là tự ngã*, **sự quán như vầy là hành.**

Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu?

Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, **cảm xúc** bởi **thọ** sanh ra do **xúc chạm** với **vô minh**, **khát ái** sanh. Từ khát ái ấy, **hành** ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, **hành** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Khát ái** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Thọ** ấy... **xúc** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Vô minh** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Do biết vậy, do thấy vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.**

17) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể *quán tự ngã như là có sắc*. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô

thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

18) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán tự ngã như là có sắc, nhưng có thể *quán sắc ở trong tự ngã*. Quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

19) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, nhưng có thể *quán tự ngã ở trong sắc*. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy,

thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

20-21) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, có thể không quán tự ngã ở trong sắc. Nhưng có thể *quán **thọ** như là tự ngã, và có thể quán tự ngã như là có thọ, có thể quán thọ ở trong tự ngã, và có thể quán tự ngã ở trong thọ*.

22-23). .. *có thể quán **tưởng**... có thể quán các **hành**...*

24). .. *có thể quán **thức** như là tự ngã, có thể quán tự ngã như là có thức; có thể quán thức ở trong tự ngã; và có thể quán tự ngã ở trong thức*. **Sự quán ấy,** này các Tỷ-kheo, **là hành**. *Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu?* Đối với kẻ vô văn phàm phu, do **cảm xúc** bởi **thọ** sanh ra do **xúc chạm** với **vô minh**, khát **ái** sanh. Do khát ái ấy, **hành** ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, **hành** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Khát ái** ấy... **thọ** ấy... **xúc** ấy... **vô minh** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được **đoạn tận lập tức.**

25) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; có thể không quán thọ như là tự ngã; có thể không quán

tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã. *Nhưng có thể có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"*. Nhưng **thường kiến** ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi... Do biết như vậy, thấy như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

26) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức là tự ngã; có thể không có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại ". Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến như sau: *"Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta"*.

27) **Đoạn kiến** ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Nhưng hành ấy, lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh khởi, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên

sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

28) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã... không quán tự ngã ở trong thức; không có (tà) kiến như sau: *"Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"*; có thể không có (tà) kiến như sau: "*Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta"*. Nhưng vị ấy có thể nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này.

29) Nhưng này các Tỷ-kheo, **sự nghi hoặc, do dự,** không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này là **hành**. ***Hành ấy lấy gì làm nhân****, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu?* Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, **hành** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Khát ái** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Thọ** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Xúc** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Vô minh** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh.

30) Này các Tỷ-kheo, **do biết như vậy, thấy như vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.**

112 Pàtali - Tương IV, 536

Pàtali – *Tương* IV, 536 (Khả ý)

1) Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Koliya, tại thị trấn của dân chúng Koliya tên là Uttara.

2) Rồi thôn trưởng Pàtaliya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi một bên, thôn trưởng Pàtaliya bạch Thế Tôn:

-- Con được nghe rằng, bạch Thế Tôn, Sa-môn Gotama biết huyễn thuật. Bạch Thế Tôn, những ai nói rằng Sa-môn Gotama biết huyễn thuật; những người ấy, bạch Thế Tôn, có nói đúng với lời Thế Tôn hay không? Họ không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, họ trả lời đúng pháp, tùy pháp? Và những ai nói lời tương ứng đúng pháp không có lý do gì để chỉ trích? Bạch Thế Tôn, chúng con không muốn chống báng Thế Tôn (abbhakkhàti).

3) -- Những ai nói rằng, này Thôn trưởng, Sa-môn Gotama biết huyễn thuật, những người ấy nói đúng lời nói của Ta. Họ không xuyên tạc Ta với điều không thật. Họ nói lời đúng pháp, tùy pháp. Và những ai nói lời tương ứng đúng pháp không có lý do để chỉ trích.

4) -- *Như vậy là đúng sự thật, bạch Thế Tôn tuy rằng con không tin các vị Sa-môn, Bà-La-Môn ấy, nói rằng Sa-môn Gotama biết huyễn thuật. Như vậy, bạch Thế Tôn, cuối cùng Sa-môn Gotama là người sống theo huyễn thuật.*

-- Ai nói rằng: "Như Lai biết huyễn thuật", người ấy có nói rằng Như Lai là người sống theo huyễn thuật, nói rằng như vậy là Thế Tôn, như vậy là Thiện Thệ? Vậy này Thôn trưởng, về vấn đề này Ta sẽ hỏi Ông. Nếu có thể kham nhẫn, Ông có thể trả lời.

I

I.(i)

5)-- *Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? **Ông có biết**, này Thôn trưởng, các người làm thuê của dân chúng Kosala có búi tóc thòng xuống?*

-- Con có biết, bạch Thế Tôn, các người làm thuê của dân chúng Kosala có búi tóc thòng xuống.

6) -- *Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Dùng vào mục đích gì mà những người làm thuê của dân chúng Kosala có búi tóc thòng xuống?*

-- Những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala được dùng để chế ngự các người

ăn trộm và để mang đi các tin tức cho dân chúng Kosala. Được dùng vào mục đích ấy, bạch Thế Tôn, là những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala.

7) -- *Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ông có biết những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là những người trì giới hay là những người ác giới?*

-- Con được biết, bạch Thế Tôn, những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là những người ác giới, theo ác pháp. Nếu có những người theo ác giới, theo ác pháp ở đời, chính là những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala, không có ai khác.

8) -- Này Thôn trưởng, nếu có ai nói rằng: "Thôn trưởng Pàlaliya biết được các người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là người ác giới, theo ác pháp, thời thôn trưởng Pàtaliya cũng là người theo ác giới, theo ác pháp", *người nói như vậy có nói một cách chân chánh không?*

-- Thưa không, bạch Thế Tôn. Những người làm thuê có búi tóc thòng xuống của các dân chúng Kosala là khác. Còn con là khác. Tự tánh của những người làm

thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là khác. Tự tánh của con là khác.

9) -- Này Thôn trưởng, Ông sẽ được tiếng như sau: *"Thôn trưởng Pataliya biết rằng, các người làm thuê có búi tóc thòng xuống của dân chúng Kosala là những người ác giới, theo ác pháp. Nhưng thôn trưởng Pataliya không phải là người có ác giới, theo ác pháp".* **Như vậy, tại sao Như Lai lại không được tiếng rằng Như Lai là người biết huyễn thuật, nhưng Như Lai không phải là người sống theo huyễn thuật?**

Này Thôn trưởng, **Ta rõ biết** huyễn thuật và quả dị thục của huyễn thuật. Và thực hành như thế nào mà một người làm huyễn thuật, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ta rõ biết như vậy.

II.(ii)

10) Này Thôn trưởng, Ta rõ biết sát sanh và quả dị thục của sát sanh. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người sát sanh, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

11) Này Thôn trưởng, Ta rõ biết lấy của không cho và quả dị thục của lấy của không cho. Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người lấy của không cho, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

12) Này Thôn trưởng, Ta rõ biết sự sống tà hạnh trong các dục và quả dị thục của sự sống theo tà hạnh trong các dục. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người sống tà hạnh trong các dục, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

13) Này Thôn trưởng, Ta rõ biết nói láo và quả dị thục của nói láo. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói láo, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

14) Này Thôn trưởng, Ta rõ biết nói hai lưỡi và quả dị thục của nói hai lưỡi. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói hai lưỡi sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

15) Này Thôn trưởng, Ta rõ biết nói lời độc ác và quả dị thục của nói lời độc ác. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói lời độc ác,

sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

16) Này Thôn trưởng, Ta rõ biết nói lời phù phiếm và quả dị thục của nói lời phù phiếm. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người nói lời phù phiếm, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

17) Này Thôn trưởng, Ta rõ biết lòng tham dục và quả dị thục của lòng tham dục. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người có lòng tham dục, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

18) Này Thôn trưởng, Ta rõ biết lòng sân hận và quả dị thục của lòng sân hận. Và Ta cũng rõ biết sự thực hành như thế nào mà một người có lòng sân hận, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, đọa ngục.

19) Này Thôn trưởng, Ta rõ biết tà kiến và quả dị thục của tà kiến. Và Ta cũng rõ biết một người có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

20) Này Thôn trưởng, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói như sau, thấy như sau:

- *"Ai sát hại sanh mạng, **tất cả,** ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu.*
- *Ai lấy của không cho, **tất cả**, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu.*
- *Ai sống tà hạnh trong các dục, **tất cả**, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu.*
- *Ai nói láo, **tất cả**, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu".*

II.(i)

21) Nhưng này Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai, khéo tắm, khéo thoa dầu sáp, tóc râu chải chuốt, được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua. Về người này, họ hỏi:

-- *"Này Bạn, người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai, được khéo tắm, tóc râu chải chuốt, được nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?"*

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

-- *"Này Bạn, người này đã đập tan kẻ thù nghịch của vua và đoạt mạng sống của kẻ đó. Nhà vua hoan hỷ đối với người ấy, nên đã thưởng cho người ấy. Do vậy, người này được đeo vòng hoa, được đeo bông*

tai, được khéo tắm, râu tóc chải chuốt, được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua".

II.(ii)

22) Nhưng này Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt ra đằng sau bởi một sợi dây thật chắc, đầu cạo trọc, với tiếng trống chát tai, được dẫn đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác, rồi được dắt ra khỏi cửa thành phía Nam, và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. Về người này, họ hỏi:

"-- Này Bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau bởi một sợi dây thật chắc, đầu cạo trọc, với tiếng trống chát tai, được dẫn đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác, rồi được dắt ra khỏi cửa thành phía Nam, và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

"-- Này Bạn, người này là kẻ thù của vua. Người này đã đoạt mạng sống một người đàn bà hay một người đàn ông. Do vậy, người của vua bắt người này và đối xử như vậy với người này".

23) *Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chăng?*

-- Bạch Thế Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai.

24) -- *Ở đây, này Thôn trưởng, những người Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Ai sát hại sanh mạng, **tất cả**, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu". Họ nói đúng sự thật hay nói láo?*

-- Bạch Thế Tôn, họ nói láo.

-- Và những người nói lời hư ngụy, nói láo, họ là người trì giới hay ác giới?

-- Là người ác giới, bạch Thế Tôn.

-- Những người ác giới, theo ác pháp là tà hạnh hay chánh hạnh?

-- Là tà hạnh, bạch Thế Tôn.

-- Những người tà hạnh là những người có tà kiến hay có chánh kiến?

-- Là những người có tà kiến, bạch Thế Tôn.

-- Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

II.(iii)

25) -- Nhưng này Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua. Về người này, họ hỏi:

"-- Người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

"--Này Bạn, người này đã đập tan kẻ thù nghịch của vua và đem về châu báu. Nhà vua hoan hỷ với người ấy nên đã thưởng người ấy. Do vậy, người này được đeo vòng hoa, được đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua".

II.(iv)

26) Nhưng này Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt ra đằng sau... và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. Về người này, họ hỏi:

"-- Này Bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau... tại cửa thành phía Nam?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

"-- Này Bạn, người này đã từ làng hay từ ngôi rừng lấy những vật không cho, được gọi là ăn trộm. Do vậy, những người của nhà vua bắt người này và đối xử như vậy với người này".

27) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chăng?

-- Bạch Thế Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai.

28)-- Ở đây, này Thôn trưởng, những người Sa-môn, hay Bà-la-môn nào nói như vậy, thấy như sau: "Ai lấy của không cho; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu". Họ nói đúng sự thật hay họ nói láo?... (như trên số 24)... Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

II.(v)

29) -- Nhưng này Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ

nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua. Về người này, họ nói:

-- "Người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

--"Này Bạn, người này có tà hạnh với những người vợ của kẻ thù nghịch của vua. Nhà vua hoan hỷ với người ấy nên đã thưởng người ấy. Do vậy, người ấy được đeo vòng hoa, được đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua".

II.(vi)

30)-- Nhưng này Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt... và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. Về người này, họ nói:

--"Này Bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đằng sau... tại cửa thành phía Nam?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

--"Này Bạn, người ấy đã phạm tà hạnh với các phụ nữ và các con gái các gia đình. Do vậy, các người

của nhà vua bắt người ấy và đối xử như vậy với người ấy".

31) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chăng?

-- Bạch Thế Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai.

32) -- Ở đây, này Thôn trưởng, những người Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như sau, thấy như sau: "Ai có tà hạnh trong các dục; tất cả, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu" Họ nói đúng sự thật hay họ nói láo?... (như trên số 24)... Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

33) -- Nhưng ở đây, này Thôn trưởng, chúng ta thấy có người đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua. Về người ấy, họ nỏi:

--"Người này đã làm gì mà được đeo vòng hoa, đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

--"Này Bạn, người này làm cho vua cười với lời nói láo. Nhà vua hoan hỷ với người ấy nên đã thưởng người ấy. Do vậy, người ấy được đeo vòng hoa, được đeo bông tai... được các nữ nhân phục vụ các dục chẳng khác vị vua".

II.(viii)

34) -- Nhưng này Thôn trưởng, ở đây, chúng ta thấy có người hai tay bị trói chặt... và bị chặt đầu tại cửa thành phía Nam. Về người này, họ hỏi:

--"Này Bạn, người này đã làm gì mà hai tay bị trói chặt ra đàng sau... tại cửa thành phía Nam?"

Các Ông trả lời về người ấy như sau:

--"Này Bạn, người ấy do nói láo, đã phá hại tài sản của người gia chủ hay con của người gia chủ. Do vậy, các người của nhà vua bắt người ấy và đối xử như vậy với người ấy".

35) Này Thôn trưởng, Ông nghĩ thế nào? Ông có bao giờ thấy hay nghe một người như vậy chăng?

-- Bạch Thế Tôn, con từng thấy và nghe một người như vậy, và sẽ được nghe trong tương lai.

36) -- *Ở đây, này Thôn trưởng, những người Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Ai nói láo, **tất cả**, ngay trong hiện tại, cảm thọ khổ ưu". Họ nói đúng sự thật hay nói láo?*

-- Bạch Thế Tôn, họ nói láo.

-- Và những người nói lời hư ngụy, nói láo, họ là người trì giới hay ác giới?

-- Là người ác giới, bạch Thế Tôn.

-- Những người ác giới, theo ác pháp là tà hạnh hay chánh hạnh?

-- Là tà hạnh, bạch Thế Tôn.

-- Những người tà hạnh là những người có tà kiến hay có chánh kiến?

-- Là những người có tà kiến, bạch Thế Tôn.

-- Và những người có tà kiến, có hợp lý chăng khi đặt tin tưởng vào họ?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

III

37) Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Con có một ngôi nhà nghỉ mát, tại đấy có những giường, có những chỗ ngồi, có những đèn dầu. Có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến trú ngụ tại đấy, tùy theo khả năng, tùy theo sức lực, con chia sẻ với các vị ấy. Thuở trước, bạch Thế Tôn, có bốn vị Đạo sư có quan điểm khác nhau, có kham nhẫn khác nhau, có sở thích khác nhau đến trú ngụ tại ngôi nhà nghĩ mát ấy.

III.(i)

38) Một vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: *"Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có cha, không có mẹ, không có loại hóa sanh; ở đời, không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này đời khác, và truyền dạy lại".*

III.(ii)

39) Một vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: *"Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thục các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có cha, có mẹ, có loại hóa sanh; ở đời, có những vị Sa-môn, Bà-la-môn*

chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này đời khác, và truyền dạy lại".

III.(iii)

40) Một vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: *"Tự làm, hay khiến người làm, chém giết, hay tự mình chém giết, đốt nấu, hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn, hay khiến người gây phiền muộn, gây ảo não, hay khiến người gây ảo não, tự mình gây sợ hãi, hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chận đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo. Do duyên như vậy, không có tội ác, không có đi đến tội ác. Nếu lấy một bánh xe sắc bén, giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng thịt; do duyên ấy, cũng không có tội ác, không đi đến tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu; do duyên ấy cũng không có tội ác, không đi đến tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ; do duyên ấy, không có công đức, không đi đến công đức".*

III.(iv)

41) Một vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: *"Tự mình làm hay khiến người làm, chém giết, hay tự mình chém giết, đốt nấu, hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn, hay khiến người gây phiền muộn, gây ảo não, hay khiến người gây ảo não, tự mình gây sợ hãi, hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chận đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo. Hành động như vậy có tội ác, có đi đến tội ác. Nếu lấy một bánh xe sắc bén, giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng thịt; vì vậy có tội ác, có đi đến tội ác. Nếu có người đi đến bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, có tội ác; do duyên như vậy, có đi đến tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ; do duyên như vậy, có công đức, có đi đến công đức".*

III.(v)

42) -- *Về vấn đề này, bạch Thế Tôn, con có phân vân, con có nghi ngờ. Giữa những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này, ai là người nói sự thật, ai là người nói láo?*

-- Thôi vừa rồi, này Thôn trưởng, là sự phân vân của Ông. Thôi vừa rồi, là sự nghi ngờ của Ông. Chính do ở điểm phân vân mà nghi ngờ khởi lên.

-- Bạch Thế Tôn, nhưng con có lòng tín thành như vậy đối với Thế Tôn. Thế Tôn có thể thuyết pháp cho con để sự phân vân này có thể đoạn diệt.

IV

43)-- *Này Thôn trưởng, có* ***pháp Thiền định*** *(Dhammasamàdhi). Ở đây, nếu Ông chứng được tâm định (cittasamàdhi), thời Ông có thể đoạn diệt sự phân vân này của Ông. Và này Thôn trưởng, thế nào là pháp Thiền định?*

IV.(i)

44) Ở đây, này Thôn trưởng, vị Thánh đệ tử sau khi đoạn tận sát sanh, sống từ bỏ sát sanh. Sau khi đoạn tận lấy của không cho, vị ấy sống từ bỏ lấy của không cho. Sau khi đoạn tận tà hạnh trong các dục, vị ấy sống từ bỏ tà hạnh trong các dục. Sau khi đoạn tận nói láo, vị ấy sống từ bỏ nói láo. Sau khi đoạn tận nói hai lưỡi, vị ấy sống từ bỏ nói hai lưỡi. Sau khi đoạn tận nói lời độc ác, vị ấy sống từ bỏ nói lời độc ác. Sau khi đoạn tận nói lời phù phiếm, vị ấy sống từ bỏ nói lời phù phiếm. Sau khi đoạn tận tham dục, vị ấy

sống từ bỏ lòng tham. Sau khi đoạn tận lòng sân, vị ấy sống từ bỏ lòng sân. Sau khi từ bỏ tà kiến, vị ấy sống theo chánh kiến.

Vị Thánh đệ tử ấy, này Thôn trưởng, với lòng tham từ bỏ như vậy, với lòng sân từ bỏ như vậy, không có lòng si, tỉnh giác, chánh niệm, sống biến mãn một phương với tâm câu hữu với **từ**; cũng vậy, phương từ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư; như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Vị ấy suy tư như sau: *"Vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có cha, không có mẹ, không có loại hóa sanh. Ở đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này, đời khác, và truyền dạy lại".* Nếu vị Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự thật, ta cũng không có tội lỗi gì. Vì ta không có hại một ai, kẻ yếu hay kẻ mạnh, **ở đây cả hai phương diện, ta là kẻ gieo quẻ gặp may.** Thân ta được hộ trì, lời nói được hộ trì, ý được hộ trì. Và sau khi thân hoại mạng chung, **ta sẽ được sanh thiện**

thú, Thiên giới, cõi đời này". Với vị ấy, hân hoan sanh khởi; do hân hoan, hỷ sanh khởi; do hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ được cảm giác; với người cảm giác lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Này Thôn trưởng, đây là ***pháp Thiền định***. Ở đây, nếu Ông được ***tâm định*** như vậy, sự phân vân của Ông được đoạn diệt.

IV.(ii)

45) Vị Thánh đệ tử ấy, này Thôn trưởng, với lòng tham được từ bỏ như vậy, với lòng sân được từ bỏ như vậy, không có lòng si, sống tỉnh giác, chánh niệm, biến mãn một phương với tâm câu hữu với **từ**; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư; như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

Vị ấy suy tư như sau: "Vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: *'Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thục các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có cha, có mẹ, có các loại hóa sanh. Ở đời, có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này, đời khác và truyền dạy lại"*. Nếu vị Tôn giả Đạo sư này nói đúng

sự thật, ta cũng không có tội lỗi gì. Vì ta không có hại một ai, kẻ yếu hay kẻ mạnh, **ở đây cả hai phương diện, ta là kẻ gieo quẻ gặp may**. Thân ta được hộ trì, lời nói được hộ trì, ý được hộ trì. Và sau khi thân hoại mạng chung, **ta sẽ được sanh thiện thú,** Thiên giới, cõi đời này". *Với vị ấy, hân hoan sanh khởi; do hân hoan, hỷ sanh khởi; do hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ được cảm giác; với người cảm giác lạc thọ, tâm được định tĩnh.*

Này Thôn trưởng, đây là ***pháp Thiền định***. Ở đây, nếu Ông được ***tâm định*** như vậy, sự phân vân của Ông được đoạn diệt.

IV.(iii)

46) Vị Thánh đệ tử, này Thôn trưởng, với lòng tham được từ bỏ như vậy... biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ... không hận, không sân.

Vị ấy suy tư như sau: "*Vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Tự làm hay khiến người làm... (như trên, số 40)... hành động như vậy không có tội ác gì'*. Nếu vị Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự thật, ta cũng không có tội lỗi gì..". (như trên, số 44)... như vậy, sự phân vân của Ông được đoạn diệt.

IV.(iv)

47) Vị Thánh đệ tử, này Thôn trưởng, với lòng tham được từ bỏ như vậy... biến mãn một phương tâm câu hữu với từ... không hận, không sân.

Vi ấy suy tư như sau: *"Vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: 'Tự làm hay khiến người khác làm... (như trên, số 41)... do duyên ấy, có tội ác, có đi đến tội ác... do nhân duyên ấy, có công đức, có đi đến công đức"*. Nếu vị Tôn giả Đạo sư này nói đúng sự thật, ta cũng không có tội lỗi gì. Vì ta không có hại một ai, kẻ yếu hay kẻ mạnh, **ở đây cả hai phương diện, ta là kẻ gieo quẻ gặp may**. Thân ta được hộ trì, lời nói được hộ trì, ý được hộ trì. Và sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Với vị ấy, hân hoan sanh khởi; do hân hoan, hỷ sanh khởi; do hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ được cảm giác; với người cảm giác lạc thọ, **tâm được định tĩnh.**

Này Thôn trưởng, đây là ***pháp Thiền định***. Ở đây, nếu Ông được ***tâm định*** như vậy, sự phân vân của Ông được đoạn diệt.

V.(i)

48) Vị Thánh đệ tử, này Thôn trưởng... (hoàn toàn giống như đoạn (i) số 44, chỉ khác, trước là tâm câu hữu với từ, nay là tâm câu hữu với **bi**. .. tâm câu hữu với **hỷ**. .. tâm câu hữu với **xả**).

V.(ii)

49)... (giống như đoạn (ii) số 45, chỉ khác, đây với tâm câu hữu với bi. .. tâm câu hữu với hỷ... tâm câu hữu với xả).

V.(iii)

50)... (giống như đoạn (iii) số 46, chỉ khác, đây với tâm câu hữu với bi... tâm câu hữu với hỷ... tâm câu hữu với xả).

V.(iv)

51)... (giống như đoạn (iv) số 47, chỉ khác, ở đây với tâm câu hữu với bi... tâm câu hữu với hỷ... tâm câu hữu với xả).

52) Khi được nói vậy, thôn trưởng Pàtaliya bạch Thế Tôn:

-- Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn, thật là vi diệu, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

113 Pàtimokkha - Tương V, 291

Pàtimokkha – *Tương* V, 291

1)...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

3) -- *Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

-- *Vậy này Tỷ-kheo,* ***hãy làm cho thanh tịnh căn bản trong các thiện pháp.***

Thế nào là căn bản trong các thiện pháp?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, *hãy sống hộ trì với sự hộ trì của* ***Giới*** *bổn* (Pàtimokkha), đầy đủ uy nghi chánh hạnh (àcàragocarasampanno), thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và thực hành các học giới.

Này Tỷ-kheo, sau khi sống, hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và thực

hành các học giới rồi, này Tỷ-kheo, *y cứ trên giới, an trú trên **giới**, hãy tu tập **Bốn niệm xứ**.*

Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hãy trú, quán thân trên thân... Hãy trú, quán thọ trên các cảm thọ... Hãy trú, quán tâm trên tâm... Hãy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

6) *Khi nào, này Tỷ-kheo, Ông **y cứ trên giới, an trú trên giới, tu tập bốn niệm xứ**; khi ấy, này Tỷ-kheo, hoặc là đêm hay ngày, hãy chờ đợi ở nơi Ông sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải sự tổn giảm.*

7) Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn thuyết...

8) Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình...

9) Rồi Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

114Ở ĐỜI NÀY - Tăng III, 644

Ở ĐỜI NÀY – *Tăng* III, 644

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvavatthì, tại Đông viên, lâu đài mẹ của Migàrà. Rồi Visàkhà, mẹ của Migàrà đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visàkhà, mẹ của Migàrà đang ngồi một bên:

2. *- Này Visàkhà,* ***đầy đủ bốn pháp, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời này.***

Thế nào là bốn?

3. Ở đây, này Visàkhà:

- *Nữ nhân có khả năng khéo làm các công việc.*
- *Biết thâu nhiếp các người phục vụ.*
- *Sở hành vừa ý chồng.*
- *Biết giữ gìn tài sản cất chứa.*

Này Visàkhà, thế nào là nữ nhân có khả năng khéo làm các công việc?

4. Ở đây, này Visàkhà, nữ nhân phàm có những việc trong nhà, thuộc về len hay vải bông, ở đây, nữ nhân ấy thông thạo, không biếng nhác, tự tìm phương

pháp làm, vừa đủ để tự mình làm, vừa đủ để sắp đặt người làm. Như vậy, này Visàkhà, là nữ nhân khéo làm những công việc.

Và này Visàkhà, thế nào là nữ nhân biết thâu nhiếp các người phục vụ?

5. Ở đây, này Visàkhà, trong nhà người chồng, phàm có nô tỳ nào, hay người đưa tin, hay người công thợ, nữ nhân biết công việc của họ với công việc đã làm, biết sự thiếu xót của họ với công việc không làm; biết sức mạnh hay sức không mạnh của những người đau bệnh; biết chia các đồ ăn, loại cứng và loại mềm, mỗi người tùy theo từng phần của mình. Như vậy, này Visàkhà, là nữ nhân biết thâu nhiếp những người phục vụ.

Và này Visàkhà, thế nào là nữ nhân sở hành vừa ý chồng?

6. Ở đây, này Visàkhà, nữ nhân, những gì người chồng không vừa ý, dầu cho có vì sanh mạng, nàng cũng không làm. Như vậy, này Visàkhà, là nữ nhân sở hành vừa ý chồng.

Và này Visàkhà, thế nào là nữ nhân biết giữ gìn tài sản thâu hoạch được?

7. Ở đây, này Visàkhà, Phàm có tiền bạc, lúa gạo, bạc và vàng người chồng đem về, nữ nhân, phòng hộ, bảo vệ chúng, giữ gìn để khỏi bọn ăn trộm, ăn cắp, kẻ uống rượu, kẻ phá hoại. Như vậy, là nữ nhân biết giữ gìn tài sản thâu hoạch được.

Thành tựu bốn pháp này, này Visàkhà, nữ nhân thành tựu với sự chiến thắng ở đời. Đời nay rơi vào trong tầm tay của nàng.

8. Này Visàkhà, ***đầy đủ bốn pháp, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời sau. Đời sau rơi vào tầm tay của nàng.***

Thế nào là bốn?

9. Ở đây, này Visàkhà, nữ nhân có:

- *Đầy đủ lòng tin.*
- *Đầy đủ giới đức.*
- *Đầy đủ bố thí.*
- *Đầy đủ trí tuệ.*

Và này Visàkhà, thế nào là nữ nhân đầy đủ lòng tin?

10. Ở đây, này Visàkhà, nữ nhân có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc,

Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn ". Như vậy, này Visàkhà, là nữ nhân đầy đủ lòng tin.

Và này Visàkhà, thế nào là nữ nhân đầy đủ giới đức?

11. Ở đây, này Visàkhà, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Như vậy, này Visàkhà, là nữ nhân đầy đủ giới đức.

Và này Visàkhà, thế nào là nữ nhân đầy đủ bố thí?

12. Ở đây, này Visàkhà, nữ nhân sống ở gia đình với tâm tư từ bỏ uế của xan tham, bố thí rộng rãi, với bàn tay cởi mở, vui thích từ bỏ, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu, vui thích chia xẻ các vật dụng bố thí. Như vậy, này Visàkhà, là nữ nhân đầy đủ bố thí.

Và này Visàkhà, thế nào là nữ nhân đầy đủ trí tuệ?

13. Ở đây, này Visàkhà, nữ nhân có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với Thánh thể nhập đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Như vậy, này Visàkhà, là nữ nhân đầy đủ trí tuệ.

Thành tựu bốn pháp này, này Visàkhà, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời sau. Đời sau rơi vào trong tầm tay của nàng.

Khéo làm các công việc
Thâu nhiếp người phục vụ
Sở hành vừa ý chồng
Giữ gìn của cất chứa
Đầy đủ tín và giới
Bố thí, không xan tham
Rửa sạch đường thượng đạo
Đến đời sau an lành
Như vậy là tám pháp
Nữ nhân có đầy đủ
Được gọi bậc có giới
Trú pháp, nói chân thật
Đủ mười sáu hành tướng
Thành tựu tám chi phần
Nữ cư sĩ như vậy
Với giới hạnh đầy đủ
Sanh làm vị Thiên nữ
Với thân thật khả ái.